

LÊ - KIM - NGÂN

# SỬ - ĐỊA

ĐỀ - NHẤT

A. B. C. D

\* SỬ VIỆT - NAM  
\* SỬ THẾ - GIỚI  
\* ĐỊA - LÝ

VĂN - Hào  
SAIGON



# LÊ - KIM - NGÂN

---

## SỬ - ĐỊA CÁC LỚP

SỬ - ĐỊA TỨ  
SỬ - ĐỊA TAM  
SỬ - ĐỊA NHỊ  
SỬ - ĐỊA NHẤT

---

## CÔNG-DÂN CÁC-LỚP

CÔNG - DÂN THẤT  
CÔNG - DÂN LỤC  
CÔNG - DÂN NGŨ  
CÔNG - DÂN TỨ  
CÔNG - DÂN TAM  
CÔNG - DÂN NHỊ

---

## LUYỆN THI VĂN - VẤN. SỬ-ĐỊA, CÔNG-DÂN

TRẮC NGHIỆM SỬ ĐỊA NHỊ  
TRẮC NGHIỆM SỬ ĐỊA NHẤT  
TRẮC NGHIỆM CÔNG DÂN TỨ  
TRẮC NGHIỆM CÔNG DÂN NHỊ

NGHỊ LUẬN VĂN - LÝ (tập 1) } Lê Kim Ngân  
LUẬN VĂN CHƯƠNG (tập 2) } Võ Thị Bình  
NGHỊ LUẬN VĂN - HỌC } Phạm Xuân Khu  
GIẢNG VĂN ĐỆ TAM } Đỗ Văn Tú

---

Giấy phép số 3050 BTT/NHK/Phnt 25-7-69

200\$



Võ Trường Toàn  
12 B3

LÊ - KIM NGÂN  
Cao - Học Tiến - Sĩ Sĩ  
Cao - Học Tiến - Sĩ Luật

*Emy*  
72 - 73

# SỬ - KỸ \* ĐỊA - LÝ

## Đệ Nhất A.B.C.D.

SOẠN THEO CHƯƠNG - TRÌNH MỚI

VĂN - HÀO  
112 Công - Quỳnh 112  
— SAIGON —

- GỒM VIỆT-SỬ, THẾ-GIỚI-SỬ VÀ ĐỊA-LÝ
- DÀN BÀI MẠCH LẠC, HỢP LÝ, DỄ HỌC, NHỚ LÂU
- ĐẦY ĐỦ CHI TIẾT MÀ VẺ NGẮN GỌN, THÍCH HỢP VỚI LỐI THI TRẮC-NGHIỆM



## Chương - Trình

# VIỆT - SỬ

## TỪ 1884 ĐẾN NAY

- Cách thi-hành hòa-ước 1884.
- Chính-sách của Pháp ở Việt-Nam : tổ-chức chính-trị, hành-chánh, kinh-tế, quân-sự, giáo-dục.
- Những cuộc tranh-đấu chống Pháp :
  - Phong-trào Cần-Vương.
  - Phong-trào Văn-Thân (Phan-đình-Phùng, Nguyễn-thiện-Thuật, Hoàng-Hoa-Thám).
  - Phong-trào Duy-Tân và Đông-du (Phan-Bội-Châu, Phan-Chu-Trình, Đông-Kinh Nghĩa-Thực)
  - Những cuộc bạo-động và khởi-nghĩa sau khi Đông-Kinh Nghĩa-Thực tan rã.
  - Nguyễn-Thái-Học và Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng.
  - Xã-hội Việt-Nam trong thời Pháp thuộc.
  - Việt-Nam trong thời đại-chiến thứ hai 1939 - 1945 : Nhật lập căn cứ ở Đông-Dương. Cuộc đảo-chính 9-3-1945.
  - Cao-trào tranh-thủ độc-lập và thống-nhất. Những cuộc thương-thuyết Việt - Pháp. Các hiệp-định.



PHẦN THỨ NHẤT



^ }  
**VIỆT-SƯ**  
|



---

*Việt-Nam*  
*dưới ách độ hộ của Pháp*



- CÁCH THI - HÀNH  
HÒA - ƯỚC 1884
- CHÍNH - SÁCH CỦA  
PHÁP Ở VIỆT-NAM

# 1

## CÁCH THI-HÀNH HÒA-ƯỚC 1884

- NỘI-DUNG HÒA-ƯỚC 1884
  - PHÁP VI-PHẠM HÒA-ƯỚC 1884
- 

### I. — NỘI-DUNG HÒA-ƯỚC 1884

Hòa-ước Giáp-Thân 1884 (còn gọi là hòa-ước Patenôtre) sửa đổi lại hòa-ước Quý-Mùi (1883), gồm 19 khoản, có mấy điểm chính cần ghi nhớ sau :

#### A — ĐỐI-NỘI :

1) **Chính-trị** : Nước Nam phải nhận nước Pháp bảo-hộ (khoản 1) :

● Ở **TRUNG**, (Bình-Thuận tới Thanh-Hóa) Pháp đặt một viên khâm-sứ được quyền tự-do ra vào yết-kiến nhà vua. Viên khâm-sứ này có lính hộ-vệ, có nhiệm-vụ lo cho việc thi-hành hiệp-ước được đứng đắn, mà không được dự gì tới việc cai-trị cả (khoản 5). Các tỉnh do các quan lại Việt-Nam cai-trị.

● Ở **BẮC**, mỗi tỉnh nước Pháp đều đặt một viên Công-sứ để kiểm-soát những công việc của các quan-lại Việt-Nam, nhưng không dự vào việc cai-trị trong hạt. Tuy nhiên, nếu Pháp xin cách chức viên quan Việt-Nam nào thì triều-đình Huế phải cách chức viên đó (khoản 7).

Các viên công-sứ này đều trực thuộc viên khâm-sứ ở Huế.



## 2) Kinh-tế và tài-chánh :

— Về việc buôn bán thì, trong toàn quốc, người Pháp được quyền trông coi nhà Thương-chính và các ngành cần có sự chủ-trương duy nhất và cần kỹ-sư người Âu (khoản 3).

— Về việc thu thuế thì (khoản 11) :

● Ở TRUNG-KỲ, quan Bộ-chính thu-thuế. Người Pháp không có quyền kiểm-soát.

● Ở BẮC-KỲ, quan Bộ-chính cùng quan công-sứ người Pháp trông nom việc thu thuế và chi tiêu. Số thuế còn thừa nộp lại triều-đình Huế.

Ngành quan-thuế trong toàn-quốc phải đặt dưới quyền người Pháp (khoản 12).

### B — ĐỐI NGOẠI :

— Nước Nam phải theo đường lối ngoại-giao của Pháp (khoản 1)

— Người ngoại-quốc muốn chuyển-dịch trong nước Nam phải do viên khâm-sứ ở Huế hoặc do viên Thống-đốc Nam-kỳ cấp giấy thông-hành rồi trình quan-lại Việt-Nam phê-chiếu.

## II.— PHÁP VI-PHẠM HÒA-UỚC 1884

Khi nền móng cai-trị đã vững mạnh, người Pháp bèn tìm cách lần dần triều đình Huế, khiến cho hòa-uớc 1884 mất cả ý-nghĩa: thực quyền về tay chính-phủ Bảo-hộ cả, triều-đình Huế chỉ còn giữ hư-vị mà thôi.

Nhưng hành-động vi-phạm trắng trợn hòa-uớc 1884 là :

### A — CÁI TỒ HỆ-CẤP HÀNH-CHÁNH ĐẦU NÃO :

#### 1) Lập Tòa Thống-sứ :

— Trước kia (do sắc-lệnh 1-9-1884), các công-sứ (còn gọi chánh-sứ, trú-sứ) Bắc-kỳ đều phải trực-thuộc vị khâm-sứ ở Huế, theo hiệp-uớc 1884 đã qui-định.

— Nhưng sau thấy như vậy bất tiện, người Pháp bèn đặt ra hai vị Thống-sứ Bắc và Trung-kỳ. Cả hai vị này đều đặt dưới quyền vị khâm-sứ ở Huế. Vị khâm-sứ đầu tiên theo tổ-chức mới này là ông Paul Bert (27-1-1886).

#### 2) Lập Phủ Toàn-quyền 1887 :

Đề tập-trung quyền-hành, Pháp theo đề nghị của ông Paul Bert, quyết-định lập liên-bang Đông-Dương (Union Indochinoise)

chánh-sứ, trú-sứ) Bắc-kỳ đều phải trực-thuộc vị khâm-sứ ở Huế theo hiệp-ước 1884 đã qui-định.

— Nhưng sau thấy như vậy bất tiện, người Pháp bèn đặt ra hai vị Thống-sứ Bắc và Trung-kỳ. Cả hai vị này đều đặt dưới quyền vị khâm-sứ ở Huế. Vị khâm-sứ đầu tiên theo tổ-chức mới này là ông Paul Bert (27.1-1886).

## 2) Lập Phủ Toàn-quyền 1887 :

Đề tập-trung quyền-hành, Pháp theo đề nghị của ông Paul Bert, quyết-định lập liên-bang Đông-Dương (Union Indochinoise) gồm các xứ Bắc-kỳ, Trung-kỳ, Nam-kỳ và Cao-miền (17-10-1887) (đến năm 1900 lại thêm vương-quốc Ai-lao và nhượng-địa Quảng-châu-loan), đặt dưới quyền chỉ-huy của viên Toàn-quyền Đông-dương.

Người Pháp giữ chức toàn-quyền đầu tiên là Constans (1887 — 1888), rồi tiếp đến các ông Richaud, Piquet, Lanessan, Rousseau, Paul Doumer...

### Toàn quyền

Thống-sứ  
Bắc-kỳ

Khâm-sứ  
Trung-kỳ

Thống-đốc  
Nam-kỳ

Chức Thống-sứ Trung-kỳ bị bãi bỏ. Tất cả các quan Thống Sứ Bắc-kỳ, Khâm-sứ Trung-kỳ, Thống-đốc Nam-kỳ... đều ngang quyền nhau và cùng trực-thuộc viên Toàn-quyền.

## B. PHÁP LẤN QUYỀN TRIỀU-ĐÌNH HUẾ :

### 1) Pháp can-thiệp vào việc phế-lập các vua Việt-Nam :

— Khi triều-đình Huế tôn vua Hàm-Nghi lên ngôi, Pháp buộc triều đình phải làm đơn xin phép.

— Sau đó, mỗi khi tôn-lập một vị vua nào, triều đình Huế đều phải hỏi ý-kiến của viên Khâm-sứ người Pháp.

— Hơn nữa, người Pháp còn tự-y truất-phê vua Thành-Thái và Duy-Tân khi thấy hai vị vua này có ý chống đối lại họ.



## 2) Pháp tách rời Bắc-kỳ khỏi ảnh-hưởng triều đình Huế :

— Pháp ép vua Đồng-Khánh phải ký dụ *lập Nha kinh-lược* Bắc kỳ, dưới quyền viên kinh-lược-sứ Việt-Nam. Viên kinh-lược-sứ này có toàn quyền quyết-định mọi việc ở đất Bắc, mỗi năm chỉ phải về Huế hai lần để trình bày các việc đã thi-hành và giải quyết xong rồi (1886).

— Sau đó, lần thêm bước nữa, Pháp lại buộc vua Thành Thái ký dụ *bãi bỏ Nha Kinh-lược*, trao tất cả quyền lại cho viên *Thông sứ Bắc-kỳ* (1897).

Từ đây tất cả quyền hành ngoài Bắc thuộc về tay người Pháp triều đình Huế không còn quyền gì trên đất Bắc nữa.

## 3) Pháp «xâm nhập» triều-đình Huế và đất Trung-kỳ :

### a) Về hành-chánh và chánh-trị :

— Tại trung-vương, Pháp buộc triều-đình Huế phải bãi bỏ cơ-mật-viện mà thay bằng Hội-đồng Nội-các do viên khâm-sứ Trung-kỳ chủ-tọa. Tất cả các dự thảo dự phải được viên khâm sứ này chấp-thuận, rồi mới dâng lên vua phê chuẩn (1897).

Ở mỗi Bộ, Pháp đều đặt những viên cố-vấn người Pháp để giạt giậy các vị Thượng-thư.

— Tại địa-phương, các tỉnh đều có viên công-sứ Pháp trực tiếp điều-khiển nền hành-chánh trong tỉnh. Các quan Việt-Nam chỉ ngồi làm bù-nhìn.

### b) Về tài-chánh :

Vua Thành-Thái phải ký đạo dụ trao quyền thu thuế và chi-tiêu cho Tòa khâm-sứ (1898). Số tiền thừa sẽ nộp lại triều-đình Huế. Nhưng về sau, Pháp lại ấn-định luôn cả số tiền tiêu hàng năm cho nhà vua.

### c) Tư-pháp :

Đến năm 1925, Hội-đồng Phụ-chính lại phải ký đạo Dụ trao nốt tất cả quyền hành-chánh còn lại và quyền tư-pháp mà vua Việt Nam còn giữ cho viên khâm-sứ Pháp.

Kể từ đó, vua Việt-Nam hoàn toàn chỉ giữ hư-vị.

## CHÍNH-SÁCH CỦA PHÁP Ở VIỆT-NAM

- TỒ-CHỨC CHÍNH-TRỊ
- TỒ-CHỨC HÀNH-CHÁNH
- KINH-TẾ
- TỒ-CHỨC TÀI-CHÁNH
- TỒ-CHỨC GIÁO-DỤC

### I.— TỒ-CHỨC CHÍNH-TRỊ

#### A— THÀNH-LẬP LIÊN-BANG ĐÔNG-DƯƠNG :

Đề thống nhất đường lối chính-trị cho các thuộc địa vùng Đông Nam-Á, người Pháp thành-lập liên-bang Đông-dương gồm các xứ Bắc-kỳ, Trung-kỳ, Nam-kỳ, Cao-miên, Ai-lao và Quảng-châu-loan, đặt dưới quyền vị Toàn-quyền Đông-dương.

#### B— THÀNH LẬP CÁC HỘI-ĐỒNG :

Người Pháp còn lập các Hội-đồng để giúp vị toàn-quyền những ý-kiến về các vấn-đề chuyên môn. Đó là các Hội-đồng :

##### 1) Hội đồng Chánh-phủ :

— Có nhiệm-vụ tư vấn : giúp ý-kiến về mọi vấn-đề quan-trọng khi vị toàn-quyền hỏi tới, soạn thảo ngân-sách cho toàn cõi Đông-dương và các địa-phương.

— Thành phần gồm có :

- Toàn quyền.
- Tổng-thư-ký toàn quyền,
- Tổng tư lệnh quân đội...



## 2) Hội đồng kinh tế và Tài-chánh (1928) :

— *Nhiệm-vụ* : quyết-định về các thứ thuế gián-thu và bàn luận về các vấn-đề kinh-tài.

— *Thành-phần* : gồm 28 người Pháp và 23 người địa-phương.

## 3) Hội-đồng Quốc-phòng :

*Nhiệm-vụ* : trông coi mọi vấn đề liên-hệ tới an-ninh và phòng-thủ Đông-dương.

## 4) Thượng Hội-Đông Vệ-sinh :

— *Nhiệm-vụ* : trông coi về vấn-đề y-tế.

## C— ĐƯỜNG LỐI CHÍNH-TRỊ CỦA PHÁP : CHIA ĐỀ TRỊ :

Nhìn tổng-quát đường lối chính-trị của Pháp, ta thấy rõ người Pháp đã áp-dụng chính-sách chia đề trị :

### 1) Chia Việt-nam làm ba khu-vực hành-chánh khác biệt :

Ba xứ Bắc, Trung, Nam kỳ có những nền hành-chánh khác nhau. Dân xứ này sang xứ khác phải xin thẻ căn-cước do công-an Pháp cấp.

### 2) Chia rẽ dân kinh và dân thượng :

— Ở Bắc, Pháp đề Thờ-quan cai-trị những miền thượng-du có đồng-bào thiểu-số, rồi, đến sau thế chiến, lại lập xứ Thái bao gồm những tỉnh Thượng-du Bắc-kỳ.

— Ở Cao-Nguyên Nam Trung-kỳ, Pháp cấm đồng-bào Thượng không được nói tiếng Việt, mà phải học tiếng Pháp. Rồi, sau thế chiến II, Pháp còn lập xứ Tây-kỳ tách rời khỏi nước Việt-Nam.

### 3) Chia rẽ tôn-giáo :

— Ở Bắc, Pháp cố tình nâng đỡ Phật-giáo để làm cán cân chống đối với Thiên chúa giáo.

— Ở Nam Pháp nuôi dưỡng nhiều tôn giáo và đảng phái để họ tranh chấp nhau.

#### 4) Chia rẽ giữa giai-tầng thống-trị và bị-trị :

Pháp lập trường Hậu-bổ cốt ý đào tạo những tham quan ô lại Việt-Nam, lại nâng đỡ bọn cường hào ác bá ở chốn thôn quê để gây thêm lòng căm phẫn giữa người Việt với người Việt.

## II.— TỒ-CHỨC HÀNH-CHÁNH

Đứng đầu liên-bang Đông-dương theo hệ-thống Hành-chánh của chính-quyền Bảo-hộ là *Vị Toàn-quyền*. Bên cạnh vị Toàn-quyền này có một *Văn phòng* giúp việc tổng-quát và những *cơ-quan trung-ương* giúp việc về các vấn-đề chuyên-môn. Đó là hệ thống tổ-chức hành chánh ở cấp trung-ương.

Còn ở địa-phương, mỗi một «*kỳ*» có tổ-chức khác biệt nhau.

### A — TỒ-CHỨC HÀNH-CHÁNH TRUNG-ƯƠNG :

#### 1) Vị toàn-quyền :

Theo sắc lệnh 1891 và 1911, Tổng-thống Pháp trao cho vị Toàn-quyền Đông-dương những quyền thật lớn về hành-pháp, lập pháp và tư-pháp.

Vị Toàn-quyền này trực thuộc Bộ thuộc địa của chính quốc.

#### 2) Văn-phòng Phủ Toàn-quyền :

— Vị Toàn-quyền có một *Phó toàn-quyền* (hay *Tổng-thư-ký*) giúp việc và thay thế khi vị Toàn-quyền vắng mặt.

— Trong Văn-phòng có phòng *Bí-thư* trong coi về việc chuyên-đề giấy tờ gửi lên vị Toàn-quyền.

— Ngoài ra văn phòng còn 4 bàn giấy trông coi về mấy vấn-đề chuyên môn là : Chính-trị, Hành-chính, Quân-sự và Nhân-viên,

#### 3) Hội-đồng Tư-vấn :

Bên cạnh vị Toàn-quyền còn có 4 hội-đồng tư-vấn giúp ý-kiến cho vị Toàn-quyền về các vấn-đề chuyên-môn là :

— Hội-đồng chính-phủ.



- Hội-đồng kinh-tế và Tài-chính.
- Hội-đồng Quốc-phòng.
- Thượng Hội-đồng Vệ-sinh.

#### 4) Những cơ-quan trung-ương :

Dưới quyền vị Toàn-quyền và trực-thuộc văn-phòng phủ toàn quyền là các nha-sở do các vị Giám-đốc và Tổng-giám-đốc trông coi.

- Tổng Giám-đốc Ngân-kho.
- Giám-đốc Tài-chính.
- Giám-đốc Giáo-dục.
- Giám-đốc Quan-thuế.
- Giám-đốc Kinh-tế-vụ.
- Giám-đốc Bru-điện.
- Giám-đốc Tư-pháp Hành-chính.
- Tổng Thanh-tra công-chính.
- Tổng Thanh-tra Y-tế.
- Tổng Thanh-tra Nông-lâm-mục.

#### TOÀN QUYỀN

Văn-phòng Phủ toàn-quyền

- Phó Toàn quyền
- Phòng Bí thư
- 4 bàn giấy chuyên môn :
- CT, HC, QS, NV

Cơ-quan tư-vấn

- HĐ chính-phủ
- HĐKT và TC
- HĐQP
- Thượng HĐVS

Cơ-quan trung-ương chuyên-môn :

Ngân-kho, Tài-chính, Giáo-dục, Quan-thuế, Kinh-tế-vụ, Bru-điện. Tư-pháp HC, Công-chính, Y-tế, Nông-lâm-mục.

## B— TỒ-CHỨC HÀNH-CHÁNH TẠI BA KỶ :

### 1) Nam-kỳ :

Nam-kỳ là đất nhượng-địa, do Pháp trực tiếp bảo hộ.

#### a) Tại trung-ương.

— Viên *Thống-đốc Nam kỳ* chịu trách-nhiệm cai-trị xứ Nam-kỳ, cầm đầu *Phủ Thống-đốc* đặt tại Saigon.

— Giúp việc viên này có một *Văn phòng Thống-đốc* gồm phó *Thống đốc* và các *giám-đốc chuyên-môn*.

— Bên cạnh viên này có hai *Hội-đồng tư-vấn* là *Hội-đồng Tư mật* và *Hội-đồng Quân-hạt*.

Nam kỳ được bầu 1 nghị-sĩ vào Hạ-nghị-viện Ba-lê.

#### b) Tại địa-phương.

— Nam.kỳ chia làm 20 tỉnh và Đô-thành Saigon-Chợ lớn. Đứng đầu tỉnh có viên *Tham-biện Pháp* và Phó *Tham-biện* giúp việc. Đô thành Saigon-Chợ lớn có một viên *Xã-trưởng Pháp* do nhân viên *Hội-đồng Đô-thành* bầu lên đề cai-trị.

— Mỗi tỉnh lại chia làm nhiều *quận* do *Quận-trưởng* người Pháp cai-trị. Những *quận* không quan trọng thì trao cho *Đốc-phủ-sứ* người Việt đảm-trách.

— *Quận* gồm có nhiều *Tổng*, có *Cai Tổng* đứng đầu, do *Thống đốc Nam-kỳ* bổ.

— *Tổng* gồm nhiều *Xã* (hay làng) do ban *Hội tề quản-lý* (*Hội tề* gồm 12 *kỳ-hào*, đứng đầu có *hương-cả*, rồi tới *hương-chủ*, *hương-trưởng*, *hương sư*..)

### 2) Bắc kỳ : Theo hiệp-ước 1884, Bắc kỳ là xứ bảo-hộ.

#### a) Trung ương.

— Đứng đầu toàn cõi Bắc là *Viên Thống-sứ Bắc-kỳ* dưới quyền vị *Toàn quyền Đông-dương*.

— Giúp việc viên *Thống sứ* có viên *Đông-lý sự-vụ* (còn gọi *Phó Thống-sứ*) và *Giám-đốc các sở chuyên-môn*.

— Bên cạnh viên Thống-đốc có ba *Hội-đồng tư-vấn* là *Hội-đồng Bảo-hộ* (khi cần có thể biến thành *Tòa-án Hành-chánh*), *Hội-đồng quyền-lợi kinh-tế Pháp* và *Viện Dân-biểu*.

*b) Địa phương.*

— Tại mỗi tỉnh đều có viên công-sứ người Pháp, tiếng là cố-vấn cho các *Tổng-đốc*, *Tuần-phủ Việt-nam*, nhưng thực ra họ nắm toàn-quyền cai-trị tỉnh,

— Tỉnh chia làm nhiều *phủ*, có viên *Tri-phủ Việt* cai-trị. *Tỉnh & Thượng-du* chia làm *Châu* do *Tri-châu* cai quản.

— *Phủ* có nhiều *huyện* do viên *Tri-huyện Việt* cai-trị.

— *Huyện* gồm có nhiều *Tổng* do chánh, Phó *Tổng điều-khiển*.

— *Tổng* lại chia làm nhiều *làng* có lý-trưởng và *Hội đồng ký mục* trông coi mọi việc trong làng.

Người Pháp càng ngày càng lấn quyền các quan-lại V.N, đề biến dần Bắc kỳ thành xứ *bán-thuộc-địa*.

### 3) Trung kỳ :

Theo hiệp ước 1884, *Trung-kỳ* là xứ *bảo-hộ*, đặt dưới quyền cai-trị của vua quan VN. Người Pháp chỉ đóng vai cố-vấn. Nhưng sau người Pháp lấn dần, khiến cho vua quan VN không còn quyền gì nữa.

*a) Trung-wong*

— Viên *Khâm-sứ Trung-kỳ* đặt bên cạnh vua VN chỉ phối toàn xứ *Trung-kỳ*. Viên này giữ luôn chức *Chủ-tịch Hội-đồng Nội-các* của triều đình Huế, nên đã nắm trong tay toàn quyền hành-động ở *Trung-kỳ*.

— Giúp việc viên *khâm-sứ* có *Phó khâm sứ* và *Giám-đốc* các sở chuyên-môn.

— Bên cạnh viên *khâm-sứ*, cũng như ở Bắc, *Trung-kỳ* cũng có một *Hội-đồng Bảo-hộ*.

*b) Địa phương :* Tổ-chức giống ở Bắc.

TOÀN QUYỀN

- ↗ Cơ-quan tư-vấn
- HĐ chính-phủ
- HĐKT và TC
- HDQP
- Thương HĐVS

- Văn-phòng Phủ toàn-quyền
- Phó Toàn quyền
- Phòng Bì thư
- 4 bàn giấy chuyên môn :
- CT, HC, QS, NV

↖ Cơ-quan trung-ương chuyên-môn :

Ngân-kho, Tài-chính, Giáo-dục, Qu.thuế, Kinh-tế-vụ, Bưu-điện, Tư-pháp HC, Công-chính, Y-tế, N.L.mục

1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

TRUNG-KỲ

NAM-KỲ

- BẮC-KỲ
- Thống-sứ = Cơ-quan tư-vấn
- HĐ bảo hộ
- Phủ thống-sứ
- Phó thống-sứ
- Các GD chuyên môn
- Viện dân biểu

- Thống-độc = Cơ-quan tư-vấn
- HĐ tư mật
- Phủ thống-độc
- Phó thống-độc
- Các GD chuyên môn

Tỉnh { (Tống đốc (lớn) VN  
{ Tuần phủ (nhỏ) VN

Công sứ Pháp

Tỉnh — Tham biện Pháp

Phủ Phủ { Tri phủ VN

{ Tri châu (Thượng du)

↗ Quận

↗ QT Pháp  
↗ ĐP sứ Việt (quận)  
(kém qua trọng)

như Bắc-Kỳ

Huyện Huyện Huyện = Tri huyện Việt

Tổng Tổng Tổng = Chánh tổng

↗ Tổng Tổng Tổng = Cai tổng

Làng Làng Làng Làng Làng { Lý trưởng  
{ (HĐ kỳ mục

Xã Xã Xã Xã Xã = Hương cả

Trung ương

Trung ương



### III.— KINH TẾ :

#### A.— TỒ-CHỨC KINH-TẾ CỦA NGƯỜI PHÁP TẠI VIỆT NAM :

Mục-dịch chính của người Pháp thiết lập nên đô-hộ tại Việt-Nam là mục-dịch kinh-tế : tìm thị-trường tiêu-thụ hàng hóa của chính quốc và khai thác tài-nguyên của thuộc quốc để cung cấp nguyên-liệu cho chính-quốc.

Vì thế, ngay từ năm 1862, người Pháp đã tìm cách khai phá các tài nguyên thiên-nhiên tại xứ này. Sự khai-thác kinh-tế của người Pháp tại Việt-Nam bao gồm ba giai-đoạn.

#### 1) Giai-đoạn 1 (1862 — 1918) giai đoạn dò-đường :

Trong giai-đoạn này, người Pháp bắt đầu khai phá dần dần và chỉ bỏ ít tư-bản để đầu-tư.

— Ở Bắc-kỳ người Pháp chú-trọng tới việc khai thác mỏ : một Công-ty khai-thác mỏ Bắc-kỳ được thành-lập vào năm 1888 :

- Trước hết Công-ty khai thác mỏ than Hòn gai Đông-triều làm ăn rất phát-đạt.

- Sau đó, nhiều người Pháp đã đi tìm mỏ và khai thác được nhiều mỏ kim-khí ở Bắc-kỳ như mỏ kẽm, mỏ thiếc, mỏ đồng, mỏ chì, mỏ sắt, mỏ Wolfiam, mỏ phốt-phát...

Ngoài ra, tại Bắc-kỳ, người Pháp còn lập nhiều nhà máy để cung-ứng cho nhu-cầu bản-xứ, như : nhà máy xi-măng ở Hải-phòng (1899), nhà máy sợi ở Nam-định (1907), nhà máy giấy ở Bắc-ninh, Đáp-cầu, nhà máy làm diêm (hộp quẹt) chế thuốc hút, làm gạch, ngói, nhà máy điện, nhà máy làm đường v.v...

— Tại Nam-kỳ, người Pháp đề ý tới việc khẩn-hoang đất đai để tăng gia diện-tích trồng-trọt. Họ đã cho đào các kinh rạch, và thí-nghiệm trồng cao-su, cà-phê. Năm 1905, cây cao-su được đem trồng ở đây trong những đồn-điền bát ngát. Sau đó, nhiều đồn điền cà-phê, trà cũng bắt-đầu xuất-hiện.

Ngoài ra, ở Nam-kỳ, người Pháp cũng cho lập nhiều nhà máy về thực-phẩm như nhà máy gạo, nhà máy nấu rượu ở Chợ-lớn...

## 2) Giai-đoạn 2 (1919 — 1930) / giai-đoạn phát-triển :

Sau thế chiến thứ nhất (1914 — 1918), người Pháp bỏ thêm nhiều tư-bản đầu-tư tại Việt-Nam, đề kinh-doanh trong ngành khai mỏ và trồng cao-su. Vì đó

— *Về nông-nghiệp* :

● Mức sản xuất cao-su tăng lên gấp bốn (năm 1915 : 298 tấn ; năm 1929 : 10.309 tấn).

● Diện-tích ruộng lúa tăng gấp đôi.

— *Về mỏ* : sự khai-thác mỏ than phát-triển rất mạnh ; năm 1913 số lượng than khai thác được là 501.000 tấn ; năm 1929, số lượng này tăng lên tới 1.972.000 tấn (gấp 4 lần).

Nói chung giá-trị sản xuất về ngành mỏ năm 1929 tăng gấp chín lần năm 1900.

— *Về ngoại-thương* : Việt-nam xuất cảng ba sản-phẩm chính là gạo, than đá và cao-su ; và nhiều sản-phẩm phụ, như bắp, quế, cá khô, trâu bò, chì, kẽm, xi-măng...

Việt-nam nhập cảng những chế-tạo phẩm như vải, đồ sắt, máy móc, xe hơi, xe đạp...

Trong giai-đoạn này nền ngoại-thương của Việt-nam rất khả quan, ta thử lấy trị-giá hàng hóa xuất nhập của 2 năm 1920 và 1929 :

	<i>nhập-cảng</i>	<i>xuất-cảng</i>
1920	138.000.000đ	180.000.000đ
1929	227.000.000đ	228.000.000đ

## 3) Giai-đoạn 3 (1931 — 1939) khủng-hoảng kinh-tế :

Cuộc khủng-hoảng kinh-tế thế-giới 1929 gây ảnh-hưởng mãnh liệt tới Việt-nam.

— Vì hàng-hóa ứ-dọng trên thị-trường thế-giới, nên nguyên-liệu và nông-sản của Việt-Nam phải bán ra với giá rất rẻ. Nhưng, để bảo vệ hàng-hóa chính-quốc, chính-quyền Bảo-hộ Pháp lại đánh thuế rất cao hàng-hóa ngoại-quốc nhập cảng Việt-Nam. Thành thử dân ta phải mua đắt, bán rẻ, nên nhiều địa-chủ đã phá-sản !

— Ở tỉnh thành, số thợ thất nghiệp rất đông, nên lương thợ tụt xuống rất thấp. Do đó đời sống công-nhân trong thời này cũng lâm cảnh khốn khó.

### A— CHÍNH SÁCH KINH-TẾ CỦA PHÁP TẠI VIỆT-NAM :

Người Pháp chiếm Việt-Nam làm thị trường tiêu thụ hàng hóa của họ và đồng thời là nơi cung-cấp nguyên-liệu cho nền kỹ nghệ Pháp-quốc.

Hướng vào mục-đích đó, người Pháp đã thực hiện *chính sách kinh-tế thực-dân* trên đất nước Việt.

#### 1) Du-nhập kỹ-nghệ tân-tiến vào Việt-Nam để khai thác nguyên-liệu và nông-phẩm :

— Như ta đã biết, người Pháp cho thiết lập nhiều nhà máy ở Việt-nam để khai thác các nguyên-liệu như nhà máy xi-măng Hải phòng nhà máy giấy ở Đập-cầu..

— Vì vậy trong thời Pháp-thuộc, nước ta có hai lối sản-xuất trái ngược nhau.

- Một lối sản-xuất cổ-truyền bằng thủ-công-nghệ do người Việt áp dụng.

- Một lối sản-xuất theo phương-pháp tân-tiến (kỹ-nghệ) do người Pháp khai thác.

#### 2) Dành các ưu-quyền kinh-tế cho người Pháp, đầu tư tại Việt-Nam :

Chính-phủ bảo-hộ Pháp dành mọi sự dễ dàng cho các công-ty người Pháp bỏ vốn đầu-tư tại Việt-Nam và, hơn nữa, còn làm nơ cho các công-ty này bóc lột sức lao-động của các công-nhân Việt-nam làm cho họ :

— Tại Bắc-kỳ, chẳng hạn, ở Hòn-gay, chính-phủ Pháp đã để cho Công-ty than củi hầu-tước De Carabas chiếm giữ tất cả đất đai của vùng này. Công ty than đã trả lương rất rẻ cho các thợ người Việt làm cho công-ty, đối xử rất tàn tệ với họ và còn tìm mọi cách để giam giữ họ lại, nếu không dám công-nhân này sẽ bỏ trốn hết,

Một tác-giả người Pháp, ông Roland Dorgelès, đã tả lại ưu-quyền của công-ty than này như sau :

« Công ty làm chủ tất cả rừng, ruộng, nhà, đường đến cả lòng đất... Một làng nào nằm trong kế-hoạch làm đường của Công-ty cũng bị cào cả đi, bắt chấp !.. »

«... Hễ có vài đồng trong túi là người dân Bắc-kỳ bỏ về quê. Vào dịp tết, hay gần tới ngày mùa, tất cả đều muốn về làng và bây giờ là hàng nghìn người bỏ trốn... » (Sur la Route mandarine, p 93).

— Tại Trung và Nam kỳ, những đồn-diền cao-su, trà cam... do người Pháp lập nên bằng xương máu của nhân-công Việt. Trong các đồn điền này, nhân công Việt-nam bị đánh đập, bỏ đói, ốm đau không được săn sóc, ở chui rúc trong các túp lều... Một người phu đã từng ở đồn-diền này viết thư cho báo «Echo Annamite» (số ngày 17-9-1928) tả cảnh khốn khổ của nhóm nhân công này đại khái như sau.

«Trước 5 giờ, còn tối mịt, chúng tôi phải xếp hàng đi làm. Những người còn đến chậm hay còn ngái ngủ bị đánh đập bằng những cú ba toong thật mạnh.. Chúng tôi bị dồn vào những lều tranh. Chỗ nào cũng thấy nước chảy. Suốt đêm chúng tôi phải ngồi xôm, không đèn đóm gì cả và ướt lạnh thấu xương... Sau một tuần lễ sống ở địa ngục này, tôi tìm cách trốn đi. Nhưng hôm sau bọn mọi bắt tôi lại, đánh đập lột quần áo đem nộp cho chủ đồn điền để lãnh tiền thưởng.. »

Chính quyền Bảo-hộ không phải không biết tới những bóc-lột đàn áp trên. Nhưng họ đã làm lơ. Chính toàn-quyền Pasquier trong bài diễn văn đọc trước Hội-đồng Kinh-tài Đông-dương (ngày 22.10.1929) đã bình vực bọn tư-bản Pháp bằng lập-luận sau. «Sự làm việc ở Đông-dương, trên những công-trường cũng như trong những xí-nghiệp tư, đều hoàn toàn tự-do: người thợ cũng như người chủ đều có thể qui-định và đánh giá những điều-kiện của sự làm việc trên».

#### IV.— TỒ-CHỨC TÀI-CHÁNH

##### A— CƠ-CẤU TỒ-CHỨC: CÁC CƠ-QUAN TÀI-CHÁNH :

Có ba cơ-quan tài-chánh lớn ở Đông-dương là :



### 1) Ngân-khố (kho bạc) :

— *Tổng Nha Ngân khố* đặt tại Saigon đứng đầu tất cả các Ngân-khố trong toàn cõi Đông-dương, do một ông *Tổng-chí* (còn gọi *Tổng Giám-đốc*) điều-khiển.

— Tại mỗi xứ (*Bắc-kỳ, Trung-kỳ, Cao-miên...*) có một ông *Phó-chí* trông coi Ngân-khố của xứ.

— Tại mỗi tỉnh có viên *Chánh-thâu-ngân* trông coi kho bạc của tỉnh.

Ngân-khố có nhiệm-vụ chính là giữ tiền của chính-phủ.

### 2) Nha Thương-chính :

Ở mỗi xứ đều có lập *Nha Thương-chính*, trông coi việc thu thuế gián-thu.

### 3) Đông-dương ngân-hàng :

— Ngân-hàng Đông-dương được thành-lập năm 1862, có tất cả 21 chi-nhánh tại Đông-dương và tại nhiều nơi khác trên thế-giới Ấn-độ, Pháp, Thái-lan, Hương-cảng...

— Ngân-hàng Đông-dương được độc-quyền phát-hành tiền tệ toàn cõi Đông-dương.

## B— CHINH-SÁCH TẠI CHÁNH CỦA PHÁP :

### 1) Tiền-tệ :

— Mới đầu Pháp cho lưu hành tiền bằng bạc ở Đông dương : một đồng bạc Đông-dương nặng 27g bạc, chuẩn-độ 0,900. Đến năm 1930. Pháp phá giá đồng bạc này, hạ xuống chỉ còn nặng 20g, chuẩn-độ 0,900 và ra hạn cho dân chúng trong vòng 15 ngày để đổi tiền cũ lấy tiền mới. Sau đó, đồng bạc cũ bị đánh sứt giá xuống 0,80. Nhiều người đã bị phá sản về vụ này.

— Dần dần Pháp lại thu hồi hết tiền bằng bạc thay bằng giấy và, cứ mỗi ngày nạn lạm phát một giá tăng để dài thọ cho những chi-phí về quân-sự và hành-chánh của chính-phủ Bảo-hộ.

## 2) Thuế-má :

Pháp đặt ra nhiều thứ thuế vô-lý và bất công buộc dân Việt phải nộp, làm cho dân nghèo càng nghèo thêm.

Có 2 thứ thuế chính là :

a) *Thuế trực thu* ; là thuế đánh trực-tiếp vào lợi tức của người dân ; người thụ-hưởng phải đóng góp.

Thời Pháp-thuộc, thuế trực thu gồm có :

— *Thuế thân* : đánh vào tất cả các nam công-dân từ 18 đến 60 tuổi.

— Thuế môn bài, thuế chợ, thuế thuyền bè, thuế kiểm-lâm v.v...

b) *Thuế gián thu* : là thuế đánh trên sản vật, người tiêu-thụ phải chịu.

Trong thời Pháp thuộc, các loại thuế gián thu như :

— Thuế thương-chính, thuế trước bạ văn khế, thuế bảo-hiêm...

— Ngoài ra còn loại thuế chuyên-mãi (thuế muối, thuế thuốc phiện, thuế rượu) là loại thuế dân ta uất-ức nhất.

## V— TỒ-CHỨC QUÂN-SỰ

### A— VIỆC «BÁT LÍNH» :

Khi cần tuyển lính, chính-quyền Bảo-hộ buộc mỗi làng phải nộp một số tráng-dinh (từ 22 tuổi trở lên) do chính-quyền ấn-định. Ông lý-tưởng phải lo nộp cho đủ số. Thành thử những nhà giàu có thề thuê tiền để những người nghèo đi thế cho mình.

Chính quyền bảo-hộ miễn trừ cho khỏi phải đi lính những người sau :

— Là con trai độc nhất trong gia-đình.

— Có bằng Trung-học Đệ Nhất cấp trở lên.

— Những nhân-viên giúp việc cho các thương-gia và kỹ-nghệ-gia Pháp...

## B— LỰC-LƯỢNG QUÂN-SỰ CỦA PHÁP TẠI VIỆT-NAM:

— Pháp có 3 binh-chủng tại VN là :

● *Bộ-binh* : có chừng 30.000 lính Pháp và chừng 22.000 lính khổ đỏ, khổ xanh.

● *Không-quân* : có 2 phi-đội, mỗi phi-đội gồm chừng 30 phi-cơ cũ.

● *Hải-quân* : Hải-quân Pháp có tại VN lúc đó có 3 tuần-dương-hạm nhỏ, 2 pháo-hạm, một phân-đội thủy-phi-cơ và một phân-đội tiềm-thủy-dinh.

— Với một thực lực như vậy, người Pháp chỉ đủ sức để duy trì an-ninh trật tự nội-địa, chứ không thể bảo bảo-vệ xứ Đông dương chống với quân nước khác muốn nhòm ngó xứ này. Thành thử khi Nhật đặt chân lên đất nước này, người Pháp cứ phải nhượng bộ mãi, để rồi chỉ qua một cuộc đảo-chính rất mau lẹ, toàn thể xứ Đông dương đã rơi vào tay quân Nhật (1945).

## VI.— TỒ-CHỨC GIÁO-DỤC

### A— HỆ THỐNG TỒ-CHỨC GIÁO-DỤC TẠI VIỆT-NAM DƯỚI THỜI PHÁP THUỘC:

Việc cải-tổ giáo-dục của người Pháp tại Việt-Nam chuyển biến qua ba giai-đoạn.

#### 1) Giai-đoạn 1 : Từ ngày Pháp đặt-nền đô-hộ tới năm 1914 :

Ta có thể gọi đây là *thời-kỳ chuyển tiếp* : để khỏi xáo trộn và gây bất-mãn cho người Việt, người Pháp vẫn giữ lối học cũ, nhưng bắt đầu cải-tổ theo chiều hướng mới như đặt thêm chữ Pháp, chữ quốc-ngữ vào chương-trình học bên cạnh chữ Hán.

— *Tại Nam-kỳ*, ngay khi đất này trở thành thuộc-địa, người Pháp đã bỏ Hán-học, thay bằng những trường dạy chữ Pháp và Quốc-ngữ.

— *Tại Bắc và Trung*, người Pháp cho thiết lập Hội-đồng cải-cách Học-vụ (năm 1908). Hội-đồng này qui-định chương-trình giáo-dục gồm 3 bậc như sau :

- *Ấu-học* : lập ở làng, học tại trường làng, dạy chữ Hán và Quốc-ngữ, khi tốt nghiệp, học sinh phải thi bằng *Tuyên sinh*.

- *Tiêu-học* : Lập ở phủ-ly, huyện-ly, học tại các trường Giáo thụ, Huấn-đạo, dạy các tuyên-sinh chữ Hán và Quốc-ngữ, Pháp văn là môn nhiệm-ý. Khi tốt-nghiệp, tuyên-sinh phải thi bằng *khóa sinh*.

- *Trung-học* : lập tại các tỉnh-ly, học tại các trường Đốc-học, dạy các khóa-sinh chữ Hán, Quốc-ngữ và Pháp-ngữ. Cứ 3 năm, trước khi có kỳ thi hương, trường Đốc-học lại mở một kỳ thi khảo-học, ai đỗ thì gọi là *Thi-sinh* được đi thi Hương...

— Tại các tỉnh-ly còn có trường Pháp-Việt dành cho những người không muốn theo chương-trình nặng về Hán học trên. Các trường này dạy nhiều chữ Pháp. Học-sinh tốt nghiệp các trường Pháp-Việt ở tỉnh-ly sẽ được vào học trường Quốc-học tại Huế nếu ở Trung-kỳ hoặc trường Bảo-hộ ở Hà-nội nếu ở Bắc-kỳ.

## 2) Giai-đoạn 2 : trong trận đại-chiến thứ nhất (1914-1918) : giai-đoạn chấm dứt nền giáo-dục cổ truyền tại Việt-Nam :

— *Hủy bỏ chế độ khoa-cử cũ* : Chính-phủ Bảo-hộ ra lệnh bãi bỏ thi Hương ở Bắc kể từ năm 1915 và ở Trung từ năm 1918. Từ đó kể như Hán-học đã cáo chung tại Việt-Nam.

— *Áp-dụng chương-trình giáo-dục mới* : Năm 1917, Nha Tổng Giám-đốc Học-chánh Đông-dương đưa ra chương-trình mới để áp dụng trên toàn cõi Đông-dương, và đồng-thời tuyên bố hủy-bỏ chương-trình giáo-dục năm 1908. Chương-trình mới này cũng gồm có ba bậc :

- *Bậc Tiêu-học* : gồm 5 lớp, dùng tiếng Pháp làm chuyên-ngữ.

- *Bậc Trung-học*, học 4 năm.



● *Bực Đại-học* : trường Đại-học được thiết lập từ thời toàn quyền Paul Bert do sự yêu cầu của các lãnh-tụ phong-trào Duy-Tân nhưng sau vì ít người học nên phải bãi bỏ.

Tới năm 1918, Toàn quyền Albert Sarraut cho thiết lập lại : trước hết có trường Đại-học Y-Dược, rồi đến các trường Sư-phạm, Công-chánh v.v...

**3) Thời-kỳ 3** : sau đại-chiến thứ nhất (từ 1918 trở về sau) : giai đoạn phát-triển nền giáo dục Pháp :

Đề cản-trở bước tiến của thanh-niên Việt Nam trong việc học và, cũng đề áp dụng chính sách ngu-dân, toàn quyền Merlin đã chủ trương mở-mang nền giáo-dục theo chiều ngang (plan horizontal), qui-định chương-trình học mới với thật nhiều kỳ thi.

Hệ-thống giáo-dục này được ấn-định như sau :

— *Bực tiểu-học* : chia làm 2 cấp.

● *Cấp 1 (sơ lược)* : 3 năm, dạy tiếng Việt. Học xong lớp ba, thi bằng sơ-học yếu-lược.

● *Cấp II (Tiểu-học)* : 3 năm, dạy tiếng Pháp, Học xong lớp Nhất, thi bằng Tiểu-học.

— *Bực trung-học* : cũng chia làm 2 cấp.

● *Cấp 1 (Cao-đẳng Tiểu học)* : Đủ xong bằng Tiểu học, học sinh lên bậc Trung-học, học 4 năm, xong thi bằng Cao đẳng Tiểu học.

● *Cấp II (Trung-học bản xứ)* : đủ xong Cao-đẳng Tiểu-học học sinh phải học thêm 2 năm nữa, mới được thi bằng Tú-tài 1 bản xứ ; đủ Tú-tài 1 rồi, năm sau thi nốt Tú-tài 11 bản xứ thì mới học xong ban Trung-học và được lên bậc Đại-học.

— *Bực Đại-học* : Người Pháp lập trường Đại-học cốt để đào tạo những công-chức chuyên-viên để phụ-tá cho người Pháp trong các công-sở. Vào thời này có các trường Đại-học Luật-khoa, Y-khoa, Dược-khoa, Nông-lâm, Công-chánh, Khoa-học, Cao-đẳng Sư-phạm, Thương-mại.

## B. — CHÍNH SÁCH GIÁO-DỤC PHÁP TẠI VIỆT-NAM :

Nền giáo-dục của Pháp tại Việt-nam chỉ nhằm mục-đích đào tạo những người bản-xứ giúp việc đặc-lực cho chính-quyền Bảo-hộ. Vì thế chính sách giáo dục của Pháp tại nước ta, là chính-sách ngu-dân, đào tạo chuyên viên và truyền-bá văn-hóa chính-quốc.

### 1) Chính-sách ngu-dân :

— Về hệ thống giáo-dục, người Pháp đã đặt ra thật nhiều kỳ thi để cản-trở bước tiến của thanh-niên nước nhà trên đường học-vấn.

— Đã thế chương-trình học lại rất nặng-nề, qui-luật thi-cử lại hết sức khó khăn khiến cho chỉ một số rất ít người mới lọt qua khỏi các kỳ thi mà lên tới bậc Đại-học.

— Trong suốt thời Pháp-thuộc, số dân Việt-nam mù chữ lên tới 80%.

### 2) Chính-sách đào-tạo chuyên-viên phụ tá cho người Pháp :

Lên tới bậc Đại-học, sinh-viên Việt-Nam chỉ được theo một số ít ngành tùy theo nhu-cầu của chính-quyền bảo-hộ. Những người này được chính quyền Bảo-hộ ưu-đãi và thường trở thành công-chức giúp việc cho những người Pháp trong các công-sở.

— Còn nếu không được may mắn lọt qua các kỳ thi để lên tới bậc Cao-đẳng, các học-sinh Việt-nam cũng có thể trở thành những công-chức hành-shánh rành tiếng Pháp giúp việc cho chính-phủ Bảo-hộ.

### 3) Truyền-bá văn-hóa Pháp :

— Ngay từ bậc tiểu-học, học-sinh Việt-nam đã phải học chữ Pháp, viết bằng tiếng Pháp. Học-sinh Việt-nam lại phải học thật kỹ sử-ký, địa-lý, văn-chương Pháp trong khi các môn sử, địa và văn-chương Việt chỉ được học rất sơ-lược.

— Vậy rõ ràng chính-quyền Bảo-hộ đã muốn đào tạo ra một số thanh-niên vong-bản, hiểu rõ chính-quốc hơn chính nước mẹ đẻ, tôn quý nền văn-hóa Pháp và khinh rẻ nền văn-hóa nước nhà !

## NIÊN - HIỆU GHI NHỚ

### CHÍNH TRỊ, HÀNH CHÁNH :

1884 : Hòa ước Giáp Thân (19 khoản)

27-1-1886 : Ông Paul Bert làm khâm-sứ đầu tiên theo tờ chức hành chánh mới (nắm quyền điều khiển có Thống-sứ Bắc và Trung-kỳ).

1886 : Lập Nha Kinh-lược-sứ (bãi bỏ năm 1897).

1887 : — Lập Phủ Toàn quyền.

— Thiết lập Liên-bang Đông-dương (Bắc, Trung, Nam-kỳ và Cao-mên)

— Toàn quyền đầu tiên : Ông Constans.

1897 : — Bỏ Nha kinh-lược.

— Bỏ Cơ-mật-viện thay bằng Hội-đồng Nội-các.

1907 : Vua Thành-Thái bị đày.

### KINH TẾ :

1862-1918 : Giai đoạn dò đường.

1919-1930 : Giai đoạn phát triển.

1931-1939 : Khủng hoảng kinh tế.

### GIÁO DỤC :

1862-1914 : Giai đoạn I của nền giáo-dục bảo hộ.

— 1908 : Lập Hội-đồng cải-cách học vụ.

1914-1918 : Giai đoạn chót nền giáo dục cổ truyền tại V.N.

— 1915 : Bỏ thi Hương ở Bắc.

— 1917 : Lập chương trình học mới thay chương trình 1908.

— 1918 ★ Bỏ thi Hương ở Trung.

✦ Albert Sarraut tổ chức Đại-học.

1918 về sau : Giai đoạn phát triển nền giáo dục Pháp.

1938 : Lập thêm 2 trường Đại học Nông-lâm và Công-chánh.

### NHỮNG TOÀN QUYỀN PHÁP TẠI ĐÔNG-DƯƠNG :

1886.1887 : Paul Bert, Tổng Trú-sứ đầu tiên.

1887-1888 : Constant, Toàn quyền đầu tiên.

1888.1889 : Richaud.

1889 : Piquet.

1891 : Bideau.

1891-1894 : Lanesson, Chavasleux, Rodier.

1895.1896 : Rousseau.

1897-1902 : Paul Doumer.

1902-1908 : Paul Beau.  
1908-1911 : Klobukowski.  
1911-1914 : Albert Sauraut (lần thứ nhất).  
1914-1915 : Van Vallenhoven.  
1915-1916 : Ernest Roume.  
1916-1920 : Albert Sauraut (lần thứ nhì).  
1919-1923 : Maurice Long.  
1923-1925 : Martial Merlin.  
1925-1928 : Alexandre Varenne.  
1928-1934 : Pasquier.  
1934-1936 : Robin.  
1936-1939 : Brévié.  
1939-1940 : Decoux.

**NHỮNG VUA VIỆT-NAM THỜI PHÁP THUỘC :**

1886-1888 : Đồng-Khánh  
1889-1907 : Thành-Thái  
1907-1916 : Duy-Tân  
1916-1925 : Khải-Định  
1926-1945 : Bảo-Đại.



PHẢN ỨNG CỦA NHÂN DÂN V.N TRƯỚC ÁCH NÔ LỆ CỦA PHÁP

*Các cuộc tranh đấu chống Pháp*

★

- PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG VÀ PHONG TRÀO VĂN-THÂN
- PHONG TRÀO DUY-TÂN VÀ ĐÔNG-DU
- NHỮNG CUỘC BẠO-ĐỘNG VÀ KHỞI-NGHĨA SAU KHI ĐÔNG-BINH NGHĨA THỰC TÀN RÃ
- NGUYỄN THÁI HỌC VÀ VIỆT - NAM QUỐC DÂN ĐẢNG.

Trong khoảng từ năm 1884 đến 1945, nghĩa là trong khoảng thời gian nước Việt Nam đặt dưới quyền thống trị của người Pháp, nhân-dân Việt-Nam đã anh dũng liên tiếp đứng lên tranh đấu chống quân ngoại-xâm để giành quyền tự chủ cho nước nhà. Tùy theo thời gian, đối tượng của các cuộc tranh đấu có thay đổi cho hợp với ý nguyện toàn dân, nhưng mục đích chung vẫn chỉ là một : **CHIẾN ĐẤU CHO NỀN ĐỘC-LẬP CỦA TÒ-QUỐC VIỆT-NAM.**

Dựa trên đối tượng của các cuộc tranh đấu, ta có thể chia chúng ra làm 3 thời kỳ :

— *Thời kỳ 1* : đối tượng tranh đấu là *ủng-hộ để quyền* của nhà Nguyễn. Do đó có **phong-trào Cần-Vương**.

Khi vua Hàm-nghi, lãnh-tụ của phong-trào Cần-vương, bị bắt, một số những nhà cách-mạng Việt-nam vẫn tiếp-tục công cuộc chiến đấu chống Pháp của họ. Bấy giờ phong-trào Cần-vương chuyển thành **phong-trào Văn-Thân**.

— *Thời kỳ 2* : đối tượng tranh đấu là *canh-tân đất nước* cho kịp đà tiến-triển của văn-minh cơ-khí thế-giới ngõ hầu đủ sức mạnh đuổi người Pháp ra khỏi nước ta. Do đó **phong-trào Duy-tân** phát sinh.

— *Thời-kỳ 3* : đối tượng tranh-đấu là *độc-lập và dân-chủ*, dùng sức mạnh của quần-chúng để lật đổ chính-quyền Bảo-hộ. Đó là phương sách của các cuộc khởi-nghĩa chống Pháp sau khi Đông kinh Nghĩa thực tan rã và điển hình nhất là cuộc khởi-nghĩa của Việt-Nam Quốc-dân-đảng với nhà lãnh-tụ Nguyễn-thái-Học.



## PHONG-TRÀO CẦN VƯƠNG VÀ VĂN-THÂN

- NGUYÊN-NHÂN CỦA PHONG-TRÀO CẦN-VƯƠNG VÀ VĂN-THÂN
- CÁC GIAI-ĐOẠN CỦA PHONG-TRÀO CẦN-VƯƠNG
- PHONG-TRÀO VĂN-THÂN
- NHỮNG NGUYÊN-NHÂN THẤT-BẠI CỦA PHONG-TRÀO CẦN-VƯƠNG VÀ VĂN-THÂN

Bất bình trước cảnh nước nhà bị ngoại xâm dấy xéo và nhất là đau lòng thấy vua nhà Nguyễn bị binh-lực Pháp áp chế, phải ký hòa-ước bảo-hộ 1884, rồi lại phải long-đong trên đường bôn-tàu kháng chiến, các sĩ phu Việt-Nam liền đứng dậy gây một phong trào kháng chiến lan-tràn mãnh-liệt suốt từ Trung ra Bắc. Đó là **Phong trào Cần-Vương** (cần : hết sức, khó nhọc, vương : vua — Cần-vương : hết sức cứu giúp vua).

Khi vua Hàm-nghi bị bắt, đối-tượng của phong trào Cần-vương coi như đã mất, các sĩ-phu và thân-hào vẫn cương quyết duy-trì cuộc chiến đấu chống Pháp của họ, chuyển phong trào Cần-vương thành phong trào Văn-thân.

Vì vậy trong tiết này ta sẽ xét :

— Nguyên-nhân của phong-trào Cần-vương và Văn-thân.

- Các giai-đoạn của phong-trào Cần-vương.
- Phong trào Văn-thân với Phan-đình-Phùng, Nguyễn Thiện Thuật, Hoàng Hoa Thám.
- Nguyên-nhân thất bại của phong-trào Cần-vương và Văn-thân.

## ĐOẠN 1 : NGUYÊN NHÂN CỦA PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG

Từ khi người Pháp đặt chân lên đất Việt, ngoài các cuộc kháng-cự của quân triều đình Huế, nhân dân Việt-Nam khắp nơi nổi dậy chống nhau với quân thù để hỗ trợ cho các cuộc chiến đấu của triều-đình. Sự nổi dậy của nhân dân để giúp vua này là do mấy nguyên nhân sau :

### I.— NGUYÊN-NHÂN SÂU-XA

#### A— NHÂN-DÂN VIỆT-NAM BẤT MÃN VÌ CÁC HÒA-ƯỚC NHỤC-NHÃ KÝ VỚI PHÁP :

Thực thế, trước quân-lực hùng hậu và vũ khí tối tân của Pháp triều-đình Huế đã phải đặt bút ký các hòa-ước bán nước nhục nhã như :

- Hòa-ước 1862 nhường cho Pháp ba tỉnh miền Đông Nam-kỳ.
- Hòa-ước 1874 nhường nốt cho Pháp ba tỉnh miền Tây Nam-kỳ.
- Hòa-ước 1884 nhận quyền bảo-hộ của Pháp trên toàn thể xứ Trung và Bắc-kỳ.

Cảm thấy đó là một điều nhục-nhã cho toàn dân, cho nên, mặc dầu sau này có chiếu-chỉ của bọn vua tôi bù nhìn ở Huế ra lệnh ngưng chiến, mà nhân-dân Việt-Nam vẫn hiên ngang chiến đấu chống quân thù với tất cả tấm lòng nhiệt-thành ái-quốc.

#### B— CÁC SĨ-PHU VIỆT-NAM MUỐN TỎ LÒNG TÔN-PHỤ NGUYỄN-TRIỆU :

Là những nho-sĩ, các sĩ-phu Việt-Nam hiểu hơn ai hết câu «bầy tôi trung không thờ hai chúa» và «nước mất, nhà tan, kẻ thất phu



cũng phải chịu trách-nhiệm». Vì đó, họ đã đứng lên, lãnh đạo quần chúng đang sôi sục vì cái nhục mất nước, chống nhau với quân thù để hỗ trợ cho quân-sĩ của triều-đình.

## II.— NGUYÊN-NHÂN GẦN

### A— SỰ ỨNG-HỘ NGẤM-NGĂM CỦA TRIỀU-ĐÌNH HUẾ :

Sau những hòa-ước 1862 và 1874, toàn thể đất Nam-kỳ thuộc Pháp. Nhân-dân miền Nam quyết không chịu nhận ách đô hộ của ngoại bang, bèn phất cờ khởi nghĩa. Thấy vậy vua Tự-Đức lúc đó đã ngấm ngấm giúp võ khí và cho sứ giả mang ấn-tín phong quan tước cho các vị anh-hùng nổi lên chống Pháp. Vì thế các cuộc khởi nghĩa đã được dân chúng ủng hộ mãnh liệt.

### B— DE COURCY LÀM NHỤC TRIỀU-ĐÌNH HUẾ :

Sau khi vua Tự-Đức mất (1883), triều-đình Huế rất lúng túng. Hai ông phụ-chính Nguyễn văn Tường và Tôn thất Thuyết chuyên quyền, nay phế vua này, mai lập vua nọ làm cho tình hình càng rối nát thêm. Khởi đầu, hai ông không tuân di-chiếu của vua Tự-Đức, phế bỏ ông Dục-Đức là con nuôi trưởng của vua Tự-Đức mà lập vua Hiệp-Hòa, ít lâu sau hai ông giết vua Hiệp-Hòa, lập vua Kiến-Phúc lên thay. Vua Kiến-Phúc làm vua được 6 tháng thì phải bệnh mất. Hai ông Tường và Thuyết bèn lập em ông Chánh-Mông mới có 12 tuổi là Ưng-Lịch lên ngôi, tức vua Hàm-Nghi (ông Chánh-Mông là con nuôi thứ hai của vua Tự-Đức).

Năm 1885, Thống-đốc quân-vụ kiêm Toàn-quyền Trung-Bắc-kỳ De Courcy vào Huế, tò thái độ hống-hách, không coi triều đình nhà Nguyễn ra gì. De Courcy đến tòa khâm sứ, cho đòi hai quan Phụ chính là Nguyễn văn Tường và Tôn-thất Thuyết phải sang đó thương-nghị. Ông Thuyết tức giận thác bệnh không đến. De Courcy muốn vào điện yết-kiến vua Hàm-Nghi, nhưng buộc triều-đình phải mở cửa chính để cho không những quan nước Pháp mà cả quân lính cũng đi vào bằng cửa ấy nữa ; và khi vào bệ-kiến, vua Hàm-Nghi phải xuống ngai vàng để đón tiếp. Cho đó là một cái nhục, triều đình Huế xin điều đình lại. De Courcy không chịu. Vì đó, Tôn

thất Thuyết đã ra lệnh đánh úp quân Pháp tại đồn Mang-cá. Thất bại, cả triều-đình Huế phải lưu-vong, rồi ban hịch Cần vương. ●

Trước cử chỉ hống-hách của người Pháp như vậy, trước cảnh nhục-nhã của nhà vua như vậy, các sĩ-phu đã từng thẩm-nhuần giáo-lý Khổng-Mạnh, lại được hưởng ân-sủng quá nhiều của triều-đình, không lẽ lại quên được câu «vua nhục, bầy tôi phải chết». Vì đó, khi hịch Cần-vương ban hành họ đã nhiệt-liệt hưởng-ứng, nổi lên khắp mọi nơi đề quyết một mất một còn với người Pháp.

## ĐOẠN 2 : CÁC GIAI ĐOẠN CỦA PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG

### I:— GIAI-ĐOẠN 1 : GIAI-ĐOẠN KHỞI-ĐẦU CỦA PHONG-TRÀO CẦN-VƯƠNG (1862 — 1885)

Giai-đoạn khởi đầu của phong-trào Cần-Vương có thể xác-định trong khoảng từ 1862 đến 1885, tức là từ khi triều-đình Huế phải ký hiệp-trước nhường cho Pháp ba tỉnh miền Đông cho đến cuộc binh biến ở Huế, vua Hàm-Nghi chính thức ban hịch Cần-Vương.

Giai đoạn này là giai đoạn khởi đầu, do nhân dân tự tổ-chức với sự giúp đỡ ngầm ngấm của triều-đình. Ta có thể kể các cuộc khởi-nghĩa đáng chú-ý sau :

#### A — CÁC CUỘC KHỞI NGHĨA Ở TRONG NAM :

##### 1) Nguyễn-trung-Trực (1861) :

Nguyễn-Trung-Trực chiêu mộ quân sĩ, tổ chức đánh phá và hoạt động ở vùng Tân-an, Rach-giá.

Tháng 11 năm Tân-dậu (1861) ông đem quân đốt chiến thuyền Espérance của Pháp đậu ở Vàm-tào (Đền-lức). Trận này làm Pháp thiệt hại nặng và làm uy danh của Nguyễn Trung Trực tăng lên rất nhiều. ●

Năm 1868, Nguyễn Trung Trực đem quân chiếm đồn Rach-giá giết 30 quân giữ đồn. Quân Pháp từ Vinh-Long sang lấy lại đồn

Nguyễn-Trung-Trực thua chạy ra Phú-quốc, nhưng bị Pháp đuổi theo và bắt giết đi.

## 2) Cuộc khởi nghĩa của Trương Định (1863 — 1864) :

Trương Định trước làm chức quản-cơ tỉnh Gia-định. Vì chiến đấu anh dũng trong trận Pháp đánh đồn Kỳ-hòa, nên ông được thăng lên chức Lãnh-binh tỉnh An-giang. Nhưng sau đó Gia-định và các tỉnh miền Đông Nam-kỳ bị nhường cho Pháp. Trương Định bèn khước từ chức Lãnh-binh, tự ý ở lại vùng Chợ-lớn, Tân-an, Gò-công, chiêu-mộ quân sĩ kháng Pháp. Không bao lâu quân số của ông lên tới hàng vạn. Ông đóng quân ở Gò-công rồi tung quân đi đánh phá các đồn của Pháp gây nhiều tổn thất cho địch.

Năm 1864, Trương Định bị và Pháp bắt giết đi.

## 3) Nguyễn hữu Huân tức Thủ-khoa Huân (1864) :

Thủ.khoa Huân tồ chức kháng chiến ở Mỹ-tho Tân-an :

— Năm 1864, ông bị bắt, phải đày sang đảo Réunion, rồi ông được ân xá.

— Năm 1875 ông lại mộ nghĩa quân chống Pháp ở vùng Mỹ-tho. Sau ông bị bắt và bị giết.

## 4) Võ Duy Dương, tức Thiên-hộ-Dương (1865 - 1866) :

Thiên-hộ-Dương lập căn cứ ở Đồng-tháp-mười. Từ đó ông cho quân đi đánh các đồn Pháp rồi lại rút về căn cứ.

Sau quân Pháp tấn công Đồng-tháp. Ông bị thương, phải rút quân đi, rồi ông mắc bệnh mất.

## 5) Phan-Liêm, Phan-Tôn (1867) :

Hai ông này là con của Phan-Thanh-Giản, hai ông tồ chức đánh nhau với Pháp ở Vinh-long, Trà-vinh, Bến-tre. Sau vì thất bại luôn các ông bỏ ra Bắc theo Nguyễn-tri-Phương.

Các cuộc khởi nghĩa trên đều bị Pháp đàn áp mãnh liệt và bị lần lần tan rã hết : một phần là vì khí giới quá thô sơ, một phần là vì các tổ chức quá lẻ tẻ, rời rạc, lại thiếu kinh-nghiệm về chiến tranh du-kích.

## B— CÁC CUỘC KHỞI NGHĨA Ở TRUNG-KỲ :

Ở Hà-tĩnh và Nghệ-an có hai ông Tú-tài là Trần Tấn và Đặng Như Mai tập hợp văn-thân trong hạt rồi truyền hịch «Bình Tây sát Tả» chủ-trương của nhóm này là «đẹp yên người Tây-phương và chém giết người theo đạo Thiên-chúa-giáo» vì họ buộc tội người theo Thiên-chúa-giáo làm nội ứng cho Tây. Rồi họ kéo nhau đi đốt phá, đánh giết hầu khắp các làng Thiên-chúa-Giáo trong vùng.

Tổng-Đốc Nghệ-an cố tình làm ngơ trước những hành-động có tính-cách phân-ly và đáng tiếc này. Được thề, họ lại càng làm dữ. Sau triều-đình Huế, vì áp-lực của người ngoại-quốc, phải cử quân lính ra dẹp mãi mới yên (1874).

## C— CÁC CUỘC KHỞI NGHĨA Ở BẮC-KY :

Phong-trào Cần-vương từ Nghệ-tĩnh lan ra Bắc.

Thoạt đầu, các cuộc khởi nghĩa chống Pháp đều do những quan-chức không chịu tuân chiểu-chỉ định-chiến của triều-đình Huế đứng ra đảm lãnh, như :

— Hoàng-Kế-Viêm ở Sơn-tây.

— Trương-Quang-Đàn ở Bắc-Ninh.

— Tạ-Hiền và Nguyễn-thiện-Thuật ở Hải-Dương...

Họ thường hay dựa vào lực-lượng của quân Cờ Đen để chống Pháp.

## II.— GIAI-ĐOẠN 2 : SỰ BẬT-KHỞI CỦA PHONG-TRÀO CẦN-VƯƠNG : CUỘC BINH-BIẾN Ở KINH-THÀNH HUẾ (1885)

Đây là giai-đoạn sôi nổi nhất của phong-trào Cần-Vương. Thực thế, bấy giờ phong-trào Cần-Vương đã được vua Hàm-Nghi chính-thức phát-động và lãnh đạo : cho nên, hầu hết các sĩ-phu trong nước đều nhất loạt nổi lên hưởng ứng lời kêu gọi của nhà vua. Nhưng sau khi vua bị bắt (1888), phong trào này mất đối tượng tranh đấu nên đã đi lần tới chỗ tan rã,



## A — CUỘC BINH-BIỂN ĐÊM 4-7-1885 TẠI KINH - THÀNH HUẾ :

Trước thái-độ hống-hách của viên Thống-Tướng Pháp De Courcy, Tôn-thất-Thuyết quyết định đánh úp quân Pháp :

— Quân ta tấn-công :

Khoảng 1 giờ khuya đêm 3-7-1885, quân ta bắt-đầu khai hỏa, tấn công tòa Khâm-sứ và đồn quân Pháp đóng ở Mang-cá. Thoạt đầu quân Pháp rối loạn, bị bắn chết và bị thương khá nhiều. Các trại quân Pháp bị tiêu hủy, thiệt hại nặng.

— Quân Pháp phản-công :

Nhưng sau, quân Pháp chỉnh đốn lại hàng ngũ, cố thủ suốt đêm, đến tảng sáng thì bắt đầu phản-công, chiếm đánh Hoàng-thành. Quân ta phải rút lui.

— Vua Hàm-Nghi bôn-tàu : Vua Hàm-Nghi cùng Bà Từ-Dụ Thái-Hậu và các phi tần đều bỏ kinh-thành Huế, lên Trường-thị xã La-Chữ tạm trú.

## B — PHÁT ĐỘNG PHONG-TRÀO CĂN-VƯƠNG :

### 1) Ban-hành hịch Căn-Vương :

Đến Quảng-Bình, Tôn-thất-Thuyết thừa mệnh vua Hàm-Nghi làm hịch Căn-Vương ban-bố khắp trong nước, kể lại tình hình chiến-đấu, lý-do nhà vua phải bôn-tàu và hô-hào toàn dân nổi dậy chống xâm lăng.

### 2) Các sĩ-phu khắp nơi hưởng-ứng :

Tờ hịch truyền đi khắp nơi và được các sĩ-phu từ Bình-Thuận trở ra Bắc nổi lên hưởng-ứng nhiệt-liệt. Một mặt họ công phá các đồn của Pháp, một mặt họ kéo nhau đi đốt phá các làng Thiên-chúa-Giáo. Trong vòng 2 tháng đầu, có tới trên 20 ngàn người giáo-sĩ và giáo-dân bị giết :

1) Ở Bình-Thuận : thân hào và dân chúng họp nhau đến phá phủ Ninh-Thuận, chiếm tỉnh thành. Các quan lại phải bỏ trốn.

2) Ở Phú-yên và Bình-Định : Mai Xuân-Thường nổi lên chiếm tỉnh thành, nhưng sau bị Pháp đem binh thuyền đến đánh, bắt được và đem chém (1886).

Riêng tại Bình-Định, hàng ngàn sĩ-tử đương thi, khi nghe tin vua Hàm-Nghi bỏ kinh-thành đi trốn, họ bèn rủ nhau đốt phá trường thi, bỏ về không thi nữa.

3) Ở Quảng-Nam, Quảng-Nghĩa, Quảng-trị, Quảng-Bình, Hà-tĩnh, Nghệ-An : các thân hào nhân sĩ đều nổi lên hưởng ứng lời kêu gọi của vua Hàm-Nghi.

4) Ở Thanh-Hóa :

Án-sát Phạm Bành cầm đầu, cùng với các ông Hoàng Bật Đạt Đình Công Tráng, Trần Xuân Soạn mộ quân chống Pháp. Đặc biệt ở tỉnh này có đồn Ba-Đình ở phủ Nga-Sơn do Đình-Công-Tráng chỉ huy đã nhiều lần làm quân Pháp điên đảo :

— Nguyên chiến-lũy Ba-đình nằm trên đường tiếp tế từ Bắc vào Trung, nên người Pháp cần phải khai-thông Nghĩa quân chỉ có chừng 600 quân trấn giữ với khí giới thô sơ mà quân Pháp đã có lần phải huy động tới 4.000 quân hợp với 4 chiến hạm cũng không đánh nổi. Pháp quân tổn-thất vì chiến-lũy này rất nhiều.

— Suốt 3 năm trời trấn giữ, mãi đến năm 1887, Ba-Đình mới bị thất thủ. Và vị anh-hùng Ba-đình là Đình-công-Tráng phải rút quân về Mã-Cao rồi sau bị trúng đạn tử-trận ở Nghệ-an !

5) Ở Bắc.kỳ :

— Chiến khu Bãi Sậy (Hải-dương) : Đề-đốc Tạ Hiền, Tân-tương quân-vụ Nguyễn-thiện-Tauật lập chiến-khu ở Bãi-Sậy (Hải-dương) rồi chia quân đi đánh phá các đồn quân Pháp trong vùng đó. (ta sẽ xét kỹ cuộc khởi-nghĩa này ở phần nói về phong-trào Văn-Thân).

— Các nơi khác : ở Đông-triều có Đốc Tit, Hưng-hóa có Đề Kiêu, Phú-lạng-thương và Yên-thế có Đốc Ngử, Cai Kinh... cùng nhóm nghĩa quân khởi lên, đáp tiếng gọi Cần-Vương của vua Hàm-Nghi, chống nhau với quân thù xâm lăng.

### C— VUA HÀM-NGHI BỊ BẮT :

— Sau cuộc binh-biến ở kinh thành năm 1885, vua Hàm-Nghi lúc đó mới 12 tuổi, phải xuất-bôn. Từ đó, nhà vua lần lút trong miền rừng núi Quảng-bình, Hà-tĩnh, là người tượng-trưng và khích lệ cho các cuộc kháng chiến của nhân-dân.

— Biết rõ yếu-tố tâm-lý đó, người Pháp một mặt dụ hàng, một mặt thiết lập nhiều đồn kiên-cố để bực vây nhà vua.

— Sau cùng, viên đại-úy Monteaux đã mua chuộc được tên Trương-quang-Ngọc. Tên này vào nửa đêm 1-11-1888, đã giết được Tôn-Thất-Thiếp, con Tôn-thất-Thuyết và là người cận vệ của nhà vua, rồi bắt vua Hàm-Nghi đem trao cho quân Pháp.

— Nhà vua bị Pháp đày sang Algérie (1889) và rồi mất ở Pháp (1944).

### D— KẾT-QUẢ :

— Phong trào Cần-Vương do vua Hàm-Nghi lãnh đạo đã gây sôi-dộng trong đất nước và khích-lệ cho các cuộc chiến đấu chống Pháp của nhân-dân Việt-Nam thêm mãnh liệt.

— Nhưng sau khi nhà vua bị bắt, đối-tượng «Cần-Vương» bị mất nên phong-trào này bị suy yếu và đi tới chỗ tan rã.

## ĐOẠN 3 : PHONG-TRÀO VĂN-THÂN

Trước kia vì tấm lòng trung quân hòa hợp với tình ái-quốc, mà các sĩ-phu và nhân-dân Việt-Nam cùng đứng lên chiến-đấu chống quân ngoại-xâm. Nhưng từ khi vua Hàm-Nghi bị bắt, đối tượng Cần-vương thể hiện qua tấm lòng trung quân không còn nữa, thì dân Việt-Nam lại vì tình yêu nước nồng nàn mà đánh giặc. Phong-trào Cần-Vương chuyển thành phong-trào Văn-Thân,

Ở đây, ta sẽ xét :

— Tình-hình chung ở Bắc và Trung-kỳ sau khi vua Hàm-Nghi bị bắt,

— Các nhóm kháng-chiến quan-trọng của phong trào Văn thân : Phan đình Phùng, Nguyễn thiện Thuật, Hoàng hoa Thám.

## I. — TÌNH HÌNH CHUNG Ở BẮC VÀ TRUNG-KỲ

### A — TRUNG-KỲ:

Sau khi Ba-dinh thất-thủ (1887) và vua Hàm-Nghi bị bắt (1888) phong trào Văn-Thân ở miền Trung sôi-nổi lên một lúc, rồi giảm sút hẳn các hoạt-động.

— Ngoài Phan đình Phùng (sẽ nói sau) trong khoảng thời-gian này, ta có thể kể tới cuộc kháng Pháp của Tổng Duy-Tân và Cao Điền ở vùng Nông-Cống, (Thanh-hóa), đã gây cho Pháp nhiều tổn-thất. Đến năm 1892 thấy tình thế nguy-cấp, Tổng Duy-Tân phải giải tán bớt nghĩa quân, nhưng rồi ông cũng bị bắt và bị chém. Còn Cao Điền chạy ra Bắc lên nương náu ở Yên-thế.

### B — BẮC-KỲ :

Ngược với miền Trung, trong khoảng thời-gian này, các nhóm nghĩa-quân Cần-Vương lại hoạt động mạnh mẽ và sôi nổi ở đất Bắc hơn. Ta có thể kể mấy nhóm đáng chú-ý sau :

#### 1) Vùng Hưng-hóa :

Vùng Hưng-Hóa có Ngô-Quang-Bích chỉ-huy lực-lượng nghĩa-quân chống Pháp, sau lại có Nguyễn văn Giáp ở Lâm-thao, Đê Kiều và Vương văn Doãn đem quân tới hiệp lực đánh vào Phú thọ và chặn các cuộc tiến của quân Pháp lên miền Thượng-du.

Nhưng rồi nghĩa quân cũng phải rút về Yên-lập. Đến năm 1887, Nguyễn văn Giáp mất và đến 1890 Ngô quang Bích cũng mất.

Còn lại Đê Kiều cùng Đốc Ngừ hoạt-động. Nhưng rồi Đốc-Ngừ bị ám-sát, (1893) và, vì cô thế, Đê Kiều phải ra hàng (1893).

2) Ở Chợ Chu : Thái-Nguyên có Lương Tam Kỳ, là dư đảng của Cờ Đen hoạt động trong khoảng 1886 — 1889. Sau Lương tam Kỳ ra hàng Pháp.

3) Ở Hải-Dương có Tán Thuật (tức Nguyễn-thiện-Thuật), Đốc Tít, Đội Văn hợp binh với nhau, công phá các đồn Pháp từ Hải-dương cho đến Thái-bình : Đến năm 1889 Đốc Tít bị Cao Xuân Dục, Hoàng-cao-Khải vây bắt được, rồi tới lượt Đội Văn cũng bị bắt và xử-tử. Tán-Thuật phải bỏ trốn sang Tàu.

## II.— CÁC NHÓM-KHỞI NGHĨA QUAN-TRỌNG

Trong giai đoạn suy tàn của phong trào Cần-Vương này, ta có thể kể tới ba cuộc khởi-nghĩa quan-trọng : một do Phan Đình Phùng lãnh đạo, một do Nguyễn thiện Thuật chỉ-huy và một do Hoàng Hoa Thám cầm đầu.

### A— CÔNG CUỘC KHÁNG PHÁP CỦA PHAN-ĐÌNH-PHÙNG (1885 — 1895) :

#### 1) Tiểu-sử Phan-dình-Phùng (1847 — 1895) :

Phan-dình-Phùng người làng Đông-thái, huyện La-son, tỉnh Nghệ-tĩnh đỗ Đình-nguyên, làm quan đến chức Ngự-sử (đời vua Tự-Đức). Vì phản-đối việc bất tuân di-chiếu của hai quan Phụ-chính Tôn-thất-Thuyết và Nguyễn văn Tường về việc lập ông Dục Đức làm vua, Phan đình Phùng bị hai ông này cách chức đuổi về.

#### 2) Sự-nghiệp kháng Pháp :

##### a) Phạm-vi hoạt động và lực-lượng quân sự.

— Năm 1885, Phan-dình-Phùng đứng ra tổ-chức Văn-Thân chống Pháp phạm vi hoạt động của ông suốt từ Quảng-bình ra tới Thanh-hóa ; còn đại-đồn do ông trấn đóng lập ở trên núi Vũ-quang ở Hương-khê, khu Ngàn-trươi. Đây là một địa-điểm chiến-lược rất quan-trọng : một mặt thông với núi Đại-hàm hiểm-trở, một mặt lại nhìn về phía Hà-tĩnh ; hơn nữa nó nằm trên đường giao thông giữa ta với Lào.

— Dưới quyền điều khiển của Phan đình Phùng có rất nhiều tướng tài như Cao Thắng, Nguyễn Chánh, Cao Nữu, Cầm Bá Thước và một quân-đội tổ-chức rất chu đáo.

##### b) Công-cuộc tranh-đấu :

— Chế-tạo súng giết giặc : khởi đầu lực-lượng quân.sự còn yếu, nghĩa quân không thu được thắng lợi nào đáng kể. Vì đó Phan đình Phùng phải ra Bắc liên-lạc với các nhóm văn-thân khác làm hậu thuẫn. Trong khi ông ở Bắc thì Cao Thắng đã tổ-chức được một trận đánh úp đồn Pháp, cướp được nhiều súng kiêu 1874 của Pháp.



Cao-Thắng bèn huy-động các thợ rèn, rập mẫu súng đó, làm ra thật nhiều súng để đánh quân thù.

— *Xử tử tên phản quốc Trương Quang Ngọc* : khi Phan đình Phùng trở về (1889), lực-lượng nghĩa quân đã mạnh. Ông bèn ra lệnh cho quân-lính lên thượng-du Quảng-bình, xử tử tên Trương-quang-Ngọc, người đã bắt vua Hàm-Nghi trao cho Pháp.

— *Chiến công oanh-liệt : Trận tấn-công tỉnh lỵ Hà-tĩnh* : Năm 1892 quân của Phan-đình-Phùng đã chia làm hai cánh công phá trại lính khổ-xanh, chiếm nhà tù, giải thoát được 70 nghĩa quân ở tỉnh lỵ Hà-tĩnh.

— *Cao Thắng đi vào lịch sử* : Thấy lực lượng đã mạnh, Cao Thắng xin Phan đình Phùng đem quân tiến đánh Nghệ-an để phổ-trương thanh thế và gây sức động tâm-lý trong quần chúng. Nhưng trên đường tiến đến Nghệ-an, trong một cuộc công đồn, Cao Thắng bị tử trận (1893) lúc đó mới 29 tuổi.

— *Chỉ khí cương-cường của nhà ái quốc họ Phan* : bác bỏ lời dụ hàng của Hoàng cao Khải : Thấy vất vả mãi mà không diệt được Phan đình Phùng, Toàn-quyền Lanessan sai Hoàng Cao Khải lấy tình bạn cũ, dụ Phan đình Phùng về hàng để hưởng giàu sang phú quý. Nhưng Phan đình Phùng đã viết thư trả lời, bác bỏ lời dụ hàng, trong có đoạn sau đã nói lên được tấm lòng tha thiết yêu nước của ông : *Tôi có một ngôi mộ rất to nên giữ là đất nước Việt-Nam. Tôi có một ông anh rất to đang bị nguy vong là cả mấy mươi triệu đồng bào. Nếu về mà sửa sang phần mộ của mình thì ngôi mộ cả nước kia ai giữ ? Về để cứu vớt ông anh của mình thì bao nhiêu anh em trong nước ai cứu ?*.

c) *Kết cuộc* :

— Sau ngày Cao Thắng tử trận, lực-lượng nghĩa-quân lần lần suy giảm Phan đình Phùng phải di-chuyển căn cứ luôn, từ Vũ-Quang qua núi Quạt, lại đến núi Đại hàm thọ 49 tuổi.

— Năm 1896 Phan đình Phùng mắc bệnh lỵ, mất trên núi Quạt, thọ 49 tuổi.

— Các tướng của họ Phan, sau đó, người thì ra hàng, người thì chạy ra Bắc hợp với các cánh quân kháng chiến khác, tan rã hết cả.

## B— CHIẾN KHU BÃI SẬY CỦA NGUYỄN THIỆN THUẬT :

### 1) Tiểu-sử Nguyễn Thiện Thuật :

Nguyễn Thiện Thuật sinh năm 1841, người làng Xuân-dục, tỉnh Hưng-Yên, đầu cử-nhân năm 1876. Nguyễn thiện Thuật là một võ tướng dũng-mãnh, được phong tới chức Tán-trương Quân-vụ (vì thế người đời thường gọi ông là Tán Thuật), và cũng là văn-quan tài ba, từng được cử giữ chức Tổng đốc Hải-yên (Hải-phòng, Hải-dương và Quảng-yên),

Khi quân Pháp đánh Bắc-kỳ lần thứ nhì (1882), Nguyễn thiện Thuật phải rút quân vào rặng núi Đông-triều, sau đó kéo ra vây đánh thành Hải-dương (1883). Nhưng vì viện-binh Pháp từ Bắc-ninh tới, nên quân Nguyễn thiện Thuật đành rút lui về Hưng-yên, đóng quân tại Bãi sậy.

Năm sau (1884), Nguyễn Thiện Thuật lại đem quân vây đánh thành Tuyên-Quang, nhưng thất bại nặng, ông phải bỏ trốn sang Tàu.

Ở Trung-Hoa được tin vua Hàm-Nghi phải bỏ kinh-thành xuất bôn và ban hịch Cần-Vương, Nguyễn Thiện Thuật bèn về nước, tổ-chức chiến-khu Bãi Sậy, cùng với Đề-dốc Tạ-Hiền lãnh-đạo cuộc khởi nghĩa chống Pháp (1887).

Đến năm 1897, khi sức cùng lực kiệt, Nguyễn Thiện Thuật mới chịu bỏ chiến khu Bãi Sậy, chạy trốn qua Trung-Hoa.

Trong thời gian lưu vong ở Trung-Hoa, Nguyễn Thiện Thuật vẫn tiếp-tục sự-nghiệp kháng Pháp của mình. Ông cùng một số đồng-chí lập đảng «Việt-Nam Duy-tân Hội» qui-tụ những nhà cách-mạng hải-ngoại đồng chí-hướng óm mộng đuổi quân xâm-lược Pháp ra khỏi đất Việt.

Ông mất tại Trung-Hoa.

### 2) Chiến-khu Bãi Sậy :

a) Phạm-vi hoạt-động và lực-lượng quân-sự :

— Kể từ năm 1887, Nguyễn Thiện Thuật mới thực-sự tổ-chức chiến-khu Bãi Sậy đề kháng Pháp.

— Bãi Sậy là vùng đất hiểm-trở, đầy lan sậy và bùn lầy thuộc tỉnh Hải-dương. Từ căn-cứ-địa này, Nguyễn Thiện Thuật cho quân đi đánh công phá các đồn của Pháp ở tỉnh Hải-dương, Quảng-yên, Hải-phong... gây cho Pháp nhiều thiệt-hại nặng.

*b) Công-cuộc chiến-đấu :*

— Thấy quân Bãi Sậy mỗi ngày một tung-hoành, quân Pháp bèn sai Tổng-đốc Hoàng cao Khải đem đại binh tới đánh. Nhưng họ Hoàng không sao phá vỡ được Bãi Sậy và lại còn bị quân của Nguyễn Thiện Thuật đánh cho nhiều trận thất điên bát đảo.

— Năm 1888, tin vua Hàm-Nghi bị bắt tung ra Bắc, một số lớn cựu-thần nhà Nguyễn chiến đấu trong chiến-khu Bãi Sậy ngã lòng ; người bỏ trốn về quê ẩn-dật, kẻ ra qui hàng Tân triều. Vì thế lực-lượng nghĩa quân tại đây suy yếu hẳn.

— Biết rõ tình-hình này, năm 1889, Pháp bèn điều-động 5 đạo binh, hợp cùng với lính Hoàng Cao Khải, Lê Hoan tiến đánh Bãi Sậy, dùng hỏa-công phá vỡ được căn-cứ của Nguyễn-Thiện-Thuật.

— Tuy bị công phá dữ-dội, Nguyễn Thiện Thuật cũng vẫn kiên-trì tổ-chức lại chiến-khu và tiếp tục sự-nghiệp kháng Pháp cho mãi tới năm 1897 mới chịu rời bỏ Bãi Sậy, chạy trốn qua Tàu.

**C— SỰ NGHIỆP CHIẾN-ĐẤU CHỐNG XÂM-LĂNG CỦA HOÀNG HOA THÁM (1888-1913) :**

**1) Tiểu-sử Hoàng-Hoa-Thám :**

Hoàng-Hoa-Thám, còn gọi là Đề-Thám, tên thật là Trương Văn Thám, người phủ Yên-thế, tỉnh Bắc-giang. Ông đã từng chiến đấu dưới quyền Cai Kinh.

Sau khi Phan đình Phùng mất, trong đám Văn-Thân Cần-Vương còn lại, kiệt kiệt nhất là Đề-Thám, một tay nhiều mưu-lược lại kiên-trì chiến đấu.

**2) Sự nghiệp kháng Pháp :**

*a) Phạm-vi hoạt-động và lực-lượng quân-sự :*

— Năm 1888, Đề Thám trấn binh ở Yên-thế, rồi cho quân đi hoạt-động ở các vùng lân cận như Bắc ninh, Sơn-tây, Hưng-hóa,

Vịnh-yên, Bắc-giang, Thái-nguyên. Tại đại-bản-doanh ở Yên-thế, Đê Thám cho thiết-lập nhiều đồn lũy rất kiên cố. Đã nhiều lần Pháp đem quân đánh phá, bị tổn thất nặng, lại phải rút về. Quân của ông khi ẩn, khi hiện, công phá các đồn của Pháp ở vùng kế cận, làm quân Pháp nhiều phen lúng-túng.

— Dưới trướng của Đê Thám có các tùy-tướng lừng danh như Thống-Luận, Bang-Kinh, Tông-Trụ đã từng làm quân Pháp nhiều phen điên-đảo.

b) Công cuộc tranh-đấu.

— *Giang sơn một cõi, lừng danh hùm thiêng Yên-thế* : Thấy đánh dẹp mãi không nổi, năm 1894, Pháp muốn điều đình, Đê-Thám buộc quân Pháp phải rút khỏi các đồn ở Yên-Thế, để ông toàn quyền cai-quản và thu thuế 4 tổng Nhã-nam, Mạc-sơn, Yên-lễ và Hữu-thượng trong 3 năm. Pháp chấp thuận. Từ đó Đê-Thám dưỡng quân, chiêu mộ nhân-tài, sửa soạn ngày tái chiến với quân thù.

— *Trận chiến tái diễn* : Cuối năm 1895, phần vì thấy thanh-thế của Đê Thám mỗi ngày một lớn, phần vì nghi cho Đê Thám chủ mưu trong mấy vụ bắt cóc, quân Pháp do Đại-tá Galliéri cầm đầu, kéo lên Yên-Thế buộc Đê-Thám phải hàng không điều kiện. Đê-Thám bèn rút quân vào rừng tiếp tục hoạt-động kháng chiến.

— *Giảng hòa để bảo-toàn chủ-lực* : Năm 1897, thấy lực-lượng của mình giảm sút quá nhiều, Đê Thám phải xin hòa. Toàn-quyền Doumer bằng lòng cho Đê Thám được đem quân về làm ruộng ở đồn-diễn Phồn-xương (Nhã-nam).

— *Liên-lạc với các nhóm cách-mạng trong nước và đầu độc sĩ quan Pháp ở Hà-nội* : Tuy bề ngoài Đê-Thám tỏ ra chăm chỉ trông coi công việc khai thác đồn-diễn nhưng bên trong ông ngầm ngầm liên lạc với các nhóm cách-mạnh trong nước, bàn mưu tính kế tìm phương-cách giải phóng dân tộc thoát ách nô-vong. Ông đứng chủ mưu nhiều cuộc bạo động, đáng kể nhất là việc đầu độc sĩ-quan Pháp ở Hà-nội vào năm 1908.

— *Lại rút quân vào rừng, tiếp tục chiến đấu* : Thấy Đê Thám vẫn có ý chống đối và gây nhiều rắc rối cho chính-quyền Bảo-hộ, năm 1909, quân Pháp mở cuộc đại tấn-công vào các đồn-lũy của Đê.

Thám. Sau nhiều cuộc đụng độ lớn và bị thiệt hại nặng, quân Pháp và khâm-sai Lê Hoan mới phá được các chiến-lũy của vị anh hùng «hùm thiêng Yên-thế». Đờ Thám lại rút quân vào rừng tiếp tục chiến đấu.

c) *Kết cuộc.*

— Đánh mãi không được Đờ Thám, Pháp bèn dùng kế nội-ứng bỏ tiền mua chuộc con nuôi Đờ Thám là Lương Tam Kỳ. Lừa dịp ông ngủ, bọn Kỳ hạ sát được ông, đem đầu đến nộp cho quân Pháp ở đồn Nhã-nam.

— Cái chết Đờ Thám đã chấm hết một thời kỳ võ-trang tranh đấu giành độc lập của dân-tộc Việt là phong trào Cần-Vương.

## **ĐOẠN 4 : NHỮNG NGUYÊN-NHÂN THẤT BẠI CỦA PHONG TRÀO CẦN-VƯƠNG**

Mặc dầu có giàu lòng ái-quốc, thừa can-đảm và ý-chí kiên-trì chiến đấu trong gian-khổ, các chiến-sĩ Việt-Nam trong phong trào Cần-vương vẫn bị thất bại và phải đi đến kết cuộc tan rã. Sự tan rã này là do những khuyết điểm sau :

1) *Về danh-nghĩa chiến-đấu* : Phong-trào này chủ-trương Cần-vương, nghĩa là giúp Vua để lấy lại sơn-hà. Vì thế, khi chính vua Hàm-Nghi đứng ra lãnh-đạo phong-trào thì dân-chúng và nhất là các sĩ-phu hưởng-ứng nhiệt-liệt. Nhưng sau khi nhà vua bị bắt, đối tượng của cuộc tranh-đấu không còn : *cuộc kháng-chiến trở nên thiếu đối-tượng, không có chủ-trương*. Do đó, phong-trào này không lời cuốn được đại đa số quần-chúng nữa.

2) *Về việc tổ-chức chiến-đấu* : Sự tổ chức chiến-đấu không được thống nhất, có tích-cách địa-phương. Các lãnh-tụ kháng-chiến, mỗi người đứng đầu một địa phương và chiến đấu hoàn-toàn với sáng-kiến riêng của mình, chứ không chịu chung một mệnh-lệnh nào. Vì thế người Pháp đã dễ-dàng tiêu-diệt dần dần từng khu-vực một.

3) *Về kỹ-thuật chiến-đấu* : Kỹ-thuật chiến đấu của nghĩa quân rất kém. Họ đa số là những nông-dân, vì lòng sôi nổi yêu nước mà đầu quân giết giặc, chứ chưa hề được huấn-luyện về kỹ thuật tác-



chiến. Hơn nữa, khí giới của họ lại quá thô-sơ, toàn bằng giáo mác cung tên, họ không thể nào chiến thắng được.

4) *Về yếu-tố tâm lý của các cuộc chiến đấu* : Với kỹ thuật non kém, với tổ-chức không thống nhất, nghĩa-quân chỉ còn trông ở một yếu-tố có thể kháng chiến với quân địch : *được lòng dân để có thể hoạt-động du-kích chiến*. Nhưng trong hàng ngũ nghĩa quân lại có nhiều người Trung-hoa thiếu tinh thần kỷ-luật, vụ-lợi, hay đi cướp phá của dân. Vì thế nhân dân oán ghét, không tích cực ủng-hộ cuộc chiến-đấu nữa.

## KẾT-LUẬN

Với những khiếm khuyết lớn lao trên, ta thấy ngay phong trào Cần vương không thể nào thành công được. Tuy nhiên, phong trào này cũng đã gây được một xúc động tâm-lý mạnh trong quần chúng và tỏ cho người Pháp thấy rõ tinh thần bất-khuất, ý chí quật cường của dân-tộc ta. Tinh-thần đó, ý-chí đó đã được các nhà ái-quốc sau này tiếp-tục noi theo, viết lên những trang sử đấu-tranh liên-tiếp trong suốt thời gian người Pháp đô hộ trên đất nước nay.

## PHONG-TRÀO DUY-TÂN VÀ ĐÔNG-DU

- NGUYỄN-NHÂN PHÁT-SINH  
PHONG-TRÀO DUY-TÂN
  - PHONG-TRÀO ĐÔNG-DU —  
PHAN-BỘI-CHÂU
- 

Tình thế mới đòi hỏi những phương sách mới. Rút kinh-nghiệm về những thất-bại của phong-trào Cần-vương, biết rõ mình và người hơn, sau bao lần đụng độ với quân Pháp, các nhà ái-quốc Việt-Nam đã phải chuyển hướng tranh-đấu giành độc-lập cho xứ sở sang một thể-trạng mới với đối-tượng mới: do đó, PHONG-TRÀO DUY-TÂN được khai-sinh.

Khác với đối-tượng tranh-đấu của phong-trào Cần-vương là giúp vua phục-hồi địa-vị cũ, phong-trào Duy-tân lấy đối-tượng là DÂN-TỘC, với mục-dịch là giải-phóng dân Việt thoát vòng nô lệ của người Pháp. Nhưng để đạt tới mục-dịch này, trước hết là phải giáo-hóa quần-chúng cho họ ý-thức được nhiệm-vụ đấu-tranh và phải đào luyện cán-bộ ngõ hầu có nhân-viên mà thực-thi việc canh-tân xứ sở.

Cùng mục-dịch, cùng chủ-trương nhưng các nhà lãnh-đạo đấu-tranh lại khác nhau ở thể-cách thực-hiện :

— Người thì muốn, đồng-thời khuyến-kích thanh-niên du-học để làm cán-bộ canh-tân xứ-sở, đồng thời dùng phương-cách bạo-động để giải-phóng dân-tộc. Đó là đường lối tranh-đấu của nhà cách-mạng Phan Bội Châu với phong-trào Đông Du do cụ xướng xuất.

— Người lại muốn giáo.hóa quần chúng trước, bằng phương-sách ôn-hòa, rồi khi dân-chúng đã tỉnh ngộ thì việc giải-phóng tất nhiên sẽ dễ dàng. Đó là đường lối tranh đấu của Phan Chu Trinh với phong-trào Duy-tân do cụ lãnh-đạo với một cơ-sở hoạt-động Đông-kinh Nghĩa-thực.

Ở đây, ta sẽ xét :

— Nguyên-nhân sự chuyển hướng cuộc đấu-tranh của phong-trào Duy-tân.

— Duy-tân bạo-động : Phan Bội Châu với phong-trào Đông-du.

— Duy-tân ôn-hòa : Phan Chu Trinh với phong-trào Đông-kinh Nghĩa-thực.

## **ĐOẠN 1 : NGUYÊN-NHÂN PHÁT-SINH PHONG-TRÀO DUY-TÂN**

### **I. — NGUYÊN-NHÂN THỨ NHẤT : ẢNH-HƯỞNG CỦA CÁC TƯ-TƯỞNG MỚI VỀ TỰ-DO DÂN-CHỦ**

Các tư-tưởng mới về tự-do dân-chủ của Trung-hoa và Âu-Châu đã xâm-nhập vào Việt-Nam khiến cho các sĩ-phu Việt-Nam biết được những chính thể tiến-bộ, dân-chủ khác hơn là chính thể quân-chủ và những tư-tưởng cách-mạng giải-phóng con người ra khỏi những nề-nếp suy-tư khuôn mẫu lỗi thời.

#### **A — ẢNH-HƯỞNG TRUNG-HOA :**

Trước những cuộc xâm-lấn của liệt-cường, nhà Thanh ở Trung-hoa phải hạ bút ký biết bao hòa-ước nhục nhã khiến dân Trung-hoa phẫn-nộ, biết rõ tình-trạng suy-nhược của nước mình là do triều-đình nhà Thanh không chịu cải-cách đề theo kịp đà tiến-triển của nhân-loại, hai nhà cách-mạng Trung-hoa là Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu đã viết sách báo cổ động một phong-trào Duy-tân đất nước. Các sách báo này truyền sang Việt-Nam, được các nho sĩ đọc và tán-thưởng.

## B— ẢNH-HƯỞNG ÂU-CHÂU :

Các tư-tưởng cách-mạng tiến-bộ của Âu-Châu lại truyền sang Việt-Nam qua những sách bằng chữ Hán do người Trung-hoa dịch. Lúc đó, các sĩ-phu Việt-Nam đã tìm đọc những tư-tưởng dân-chủ của Lư-Thoa (J.J. Rousseau), Mạnh-đức-tư-khưu (Montesquieu) Phúc-lộc-đắc (Voltaire)... và những tư-tưởng triết-lý của các triết-gia Anh, Pháp.

Nhờ những tư-tưởng trên, các nhà lãnh-đạo tinh-thần quần chúng Việt-Nam mới giác ngộ, thấy muốn cho nước mình có đủ lực đuổi người Pháp ra khỏi đất nước thì trước hết phải giáo hóa quần-chúng về tinh-thần cũng như về quân-sự, phải canh-cải xã-hội theo hướng của nền văn-minh cơ-khí. Vì thế họ mới đề ra phong-trào Duy-tân, rập theo hướng đi của hai nhà cách-mạng Khang-Hữu-Vi và Lương-khải-Siêu vậy.

## II.— NGUYÊN NHÂN 2 : ẢNH HƯỞNG SỰ CƯỜNG-THỊNH CỦA NHẬT-BẢN.

Cũng là một nước Á-đông với tình trạng kém mở mang, thoái hóa như Trung-hoa và Việt-Nam, nhưng Nhật-bản đã sớm giác-ngộ, vua Minh-Trị đã hết lòng cõ-võ, khuyến-khích việc canh-tân nước Nhật, cải-tiến xã-hội Nhật. Chẳng bao lâu nước Nhật đã trở thành một đại-cường quốc, có một quân-đội hùng mạnh, khí giới tối tân, có thể đương đầu với bất cứ một cường quốc Tây-phương nào. Một bằng chứng cụ thể và làm xúc động toàn thể các nước Á-châu là việc Nhật-bản đại thắng quân Nga vào năm 1905.

Sự kiện này đã là tiếng chuông cảnh tỉnh các nước Á-châu khác khiến họ phải xét lại chính sách cõ hủ lỗi thời xưa. Sự kiện này cũng đã làm phấn chấn tinh thần của các sĩ-phu Việt-Nam khiến họ hướng về nước Nhật, coi Nhật như là một cứu-tinh của mình, một bậc đàn anh có thể diu dắt mình trong tương lai. Vì đó, các nhà ái-quốc Việt-Nam mới đề ra phong-trào Đông-du cầu-học, mục-dích gởi thanh-niên sang Nhật học hỏi để rồi về nước áp-dụng cho xứ-sở.

## ĐOẠN 2 : PHONG-TRÀO ĐÔNG-DU — PHAN BỘI CHÂU

Khởi xướng, cò động và tổ-chức đề gây thành phong-trào Đông-du là Phan-Bội-Châu. Vì thế ở đây ta cần biết qua về tiểu sử cũng như cuộc đời cách-mạng của họ Phan.

### I.— PHAN-BỘI-CHÂU (1867-1940)

#### A— TIÊU-SỬ :

Phan-Bội-Châu, sinh năm 1867 tại làng Đan-Nhiệm, huyện Nam-dân, tỉnh Nghệ-an, tự là Hải-Thu, hiệu Sào-Nam. Năm 1900, ông đậu Giải-nguyên, nhưng không chịu ra làm quan, ở nhà kết nạp nhân-tài đề chống Pháp.

#### B— HOẠT-ĐỘNG CÁCH-MẠNG :

— *Ngay từ thuở thiếu thời*, Phan-Bội-Châu đã hưởng-ứng lệnh Cần-Vương, cùng các bạn lập «Học sinh nghĩa dũng-đội», dùng gươm đao giáo mác đánh Pháp.

— *Tôn Kỳ-ngoại-hầu Cường-Đề làm Hội-chủ* : Năm 1902, Phan Bội-Châu kết hợp với một số văn thân trong phong-trào Cần-vương tôn Kỳ-ngoại-hầu Cường-Đề là dòng chính của vua Gia-Long, làm hội-chủ đề có chính-nghĩa kháng Pháp.

— *Vận-động tuyên-truyền* : Sau đó, ông đi suốt từ Nam ra Bắc đề vận-động tuyên-truyền dân chúng hưởng-ứng công cuộc «diệt Pháp phủ Nguyễn» của ông. Ông lên cả Yên-Thế gặp Đề Thám và, sau lại viết cuốn «*Lưu cầu huyết lệ tâm thư*» tả nỗi tủi-nhục của người dân vong quốc đề kích thích quần chúng.

— *Kết nạp đồng chí và khởi xướng phong-trào Đông-Du* : Nhờ cuốn «*Lưu cầu huyết lệ tâm thư*» và các hoạt-động tích cực của ông, Phan Bội Châu đã quen biết với nhiều nhà ái-quốc đương thời như Phan Chu Trinh, Nguyễn Thượng Hiền, Lương ngọc Can, Huỳnh Thúc Kháng,.. Tất cả đều nguyện đem hết tâm huyết ra giúp nước và cùng chủ-trương phải canh-tân xứ-sở, lập một đạo quân tối-tân, nhờ ngoại-quốc giúp đỡ đề giải phóng xứ-sở.



Năm 1905, Nhật đại thắng Nga ở trận Đối-mã làm cả thế-giới xúc-động, nhất là các nước Á-châu. Cùng một giống da vàng, cùng chịu ảnh-hưởng văn-minh như nhau, cũng chịu sự đe-dọa trước các cường quốc Đê-quốc Âu-châu như nhau, các nước Á-châu đã hãnh-diện chung với Nhật về cuộc chiến thắng vẻ vang quân đội Nga của Nhật và họ cùng hướng về Nhật, coi như là bậc cứu tinh có thể giúp họ giải ách thống-trị của người da-trắng. Vì đó, cũng năm 1905, Phan-Bội-Châu đã cùng Tăng Bạt-Hồ, Đặng Tử-Kính bí mật xuất dương qua Hương-Cảng, rồi tới Đông-kinh.

Từ đó, phong-trào Đông-du bắt đầu được khai-sinh.

## II. PHONG-TRÀO ĐÔNG-DU

### A — KHỞI ĐẦU CỦA PHONG-TRÀO PHONG-DU :

Ở Nhật, Phan Bội Châu gặp nhà cách-mạng Trung-hoa lưu vong là Lương Khải Siêu và được Lương giới-thiệu với các chính-khách có thế lực của các Nhật như Khuyền Dưỡng Nghị (Inukai), Đại-Ôi (Okuma)... Theo lời khuyên của chính khách này, năm 1906, Phan Bội Châu trở về nước đón Kỳ-ngoại-hầu Cường-Đề sang Nhật với hy-vọng nước Nhật sẽ giúp đỡ Việt-Nam phương-tiện để thực hiện chương-trình phục-quốc.

Về tới nước, Phan-Bội-Châu cùng Đặng Tử-Kính tích-cực tuyên-truyền chống Pháp, hô-hào dân chúng sớm tỉnh ngộ nổi lên làm cách-mạng để canh-tân đất nước như Nhật-Bản và khuyến-khích thanh niên xuất dương sang Nhật cầu học.

Bị mật thám Pháp ráo-riết truy tìm, Phan Bội Châu phải vội vã ra đi. Sau Đặng Tử-Kính đã đưa được Cường-Đề sang Nhật lập chính-phủ lưu vong.

### B — CHỦ-TRƯỞNG CỦA PHONG-TRÀO ĐÔNG-DU :

Ở Nhật, các lãnh-tự mới chính thức lập «Việt-Nam Duy-Tân hội», hoạt-động công-khai, do Kỳ-ngoại-hầu Cường-Đề làm Hội-chủ.

Chủ-trương của hội này có thể tóm tắt trong mấy điểm chính sau :

### 1) Mục-dịch :

- Giải-phóng đất nước thoát vòng đô hộ của Pháp.
- Phục hồi nền quân-chủ tại Việt-Nam và sẽ ban-bố hiến-pháp khâm-định giống như Nhật-Bản.

### 2) Phương-tiện :

- Khuyến-khích thanh-niên Việt-Nam xuất-dương học về võ-bị để có thể tồ-chức quân-đội tối-tân ngõ hầu đánh đuổi người Pháp.
- Nhờ người Nhật huấn-luyện các thanh-niên du-học Việt-Nam về quân sự, chính-trị, khoa-học.

## C - HOẠT-ĐỘNG CỦA PHONG-TRÀO ĐÔNG-DU :

### 1) Xếp nơi ăn chốn học cho du-học-sinh :

Tại Nhật, các nhà cách-mạng Việt-Nam đã phân-phối công-tác như sau :

— Phan Bội Châu giữ nhiệm-vụ ngoại-giao với các chính khách Nhật để trợ giúp, viết sách báo tuyên-truyền và lo nơi ăn chốn ở cho du-học-sinh. Bài «*Khuyến thanh-niên du-học*» và «*Hải ngoại huyết thư*» là do Phan Bội Châu viết trong khoản thời-gian này.

— Tăng Bạt Hồ giữ nhiệm-vụ tuyên-truyền lôi cuốn thanh-niên xuất ngoại.

— Nguyễn Hải Thần lo kiếm tiền, đài thọ các khoản phí-tồn cò-động du-học-sinh.

Nhờ đó, Phong-trào Đông-du được thanh-niên Việt-Nam đương thời hưởng-ứng nhiệt-liệt. Rất nhiều người đã trốn sang Nhật thời đó. Lương Ngọc-Quyến là người đầu tiên xuất dương cầu học. Năm 1906 Phan Chu-Trình sang Nhật gặp Phan Bội-Châu, nhưng vì chủ-trương khác nhau nên Phan Chu-Trình lại trở về nước hoạt-động.

## 2) Lập «Việt-Nam Thương đoàn công-hội» để tuyên truyền chính-trị và gây tài-chánh :

Phan Bội-Châu đem khí giới về giúp ĐỀ.Thám, rồi lại trở qua Hương-Cảng lập ra «Việt-Nam Thương đoàn Công-hội» để làm cơ-quan tuyên-truyền chính-trị và kiếm tài-chánh nhưng hội này mới hoạt-động được một năm thì chính-phủ Bảo-hộ Pháp yêu-cầu nhà chức-trách Trung-Hoa giải tán.

## 3) Lập «Đông-Á đồng-minh» (1908) :

Đề cuộc tranh-đấu cho dân tộc có hậu thuẫn quốc-tế. Phan Bội-Châu bèn liên-kết với các nhà cách-mạng Nhật-bản Trung-hoa, Cao-ly, Phi-luật-tân lập «Đông Á đồng-minh».

## 4) Phân-tán :

Năm 1910, Nhật vì giao-thiệp với Pháp để phục-hồi kinh-tế, trang trải các phí-tồn chiến tranh nên đã nhận chịu điều kiện của Pháp; trục-xuất Cường-Đề và Phan Bội Châu, giải-tán sinh-viên Việt-Nam ở Nhật. Bấy giờ các nhà cách-mạng Việt-Nam phải luân lạc mỗi người một nơi. Phan Bội Châu cùng một số đồng-chí ở Xiêm tám tháng làm ruộng sinh nhai.

## 5) Lập «Việt-Nam Quốc phục-hội» thay thế Duy-tân-hội :

Khi cuộc cách-mạng Tân-hội (1911) ở Trung-hoa bùng nổ, Phan Bội-Châu bèn qua Hương-cảng, Thượng-hải. Thấy chủ-trương tôn quân không còn hợp thời nữa, năm 1912 cùng các đồng-chí giải-tán Duy-tân-hội để lập «Việt-Nam Quang-phục hội» với chủ-trương cộng-hòa dân-chủ, và vẫn do Cường-Đề làm Hội-chủ; Phan Bội-Châu làm phó.

## D— PHẢN-ỨNG CỦA PHÁP : ĐÀN ÁP PHONG-TRÀO ĐÔNG-DU

### 1) Đối nội : Khủng-bổ các lãnh tụ trong nước :

Nhờ các sách vở báo chí do Phan Bội-Châu gửi về nước

tuyên-truyền, phong-trào Đông-du gây được tiếng vang mạnh trong quần chúng, kích-thích lòng ái-quốc của toàn dân :

— Ở Bắc, xảy ra vụ đầu độc sĩ quan, vụ hạ sát 2 võ-quan Pháp bằng bom tại Hà-nội.

— Ở Trung có vụ biểu-tình chống thuế

— Ở Nam Gilbert Chiếu khởi nghĩa

Thấy vậy chính-phủ bảo hộ Pháp bèn ra lệnh bắt giam gần hết các sĩ-phu trong Duy-tân-hội và đày ra Côn-đảo, đóng cửa các cơ-quan kinh-tế làm tiền cho Hội ở trong nước, và kết án tử-hình vắng mặt Cường-Đề và Phan Bội Châu,

## 2) Đối ngoại : dùng phương-tiện ngoại-giao để chặn đứng hoạt-động của nhà cách-mạng Việt-Nam ở ngoại-quốc.

— Với Nhật, chính phủ Pháp ký hiệp ước với Nhật chịu nhường nhiều quyền-lợi cho Nhật ở Đông-đương với điều-kiện Nhật phải bắt các du học-sinh Việt-Nam cư-ngụ trên đất Nhật trao cho Pháp. Vì đó, Nhật đã trục xuất tất cả du-học-sinh Việt-Nam trên đất Nhật kể cả Phan Bội-Châu và Cường-Đề.

Với Trung-hoa, Toàn-quyền Albert Sarrant đích thân sang Quảng-Châu điều-định với Long Tế Quang, nếu chịu bắt giam các nhà ái quốc Việt-Nam thì Pháp bằng lòng cho mượn đường xe-hỏa Vân-Nam để đánh nhau với Quốc-dân-đảng. Vì thế Phan Bội-Châu đã bị Long Tế Quang bắt cầm tù (1913) và định bán cho Pháp. Việc mua bán chưa ngã ngũ thì xảy ra đại-chiến 1914-1917 nên phải ngưng. Tới năm 1917, khi Tôn Dật-Tiên nắm quyền, Phan Bội-Châu mới được phe Quốc dân-đảng trả tự-do.

## 3) Kết-quả : các hoạt-động của phong-trào Đông-du vẫn tiếp-tục :

Mặc dầu bị Pháp đàn-áp, phong-trào Đông-du vẫn được các nhà cách mạng Việt-Nam nuôi dưỡng và tích-cực hoạt-động cho phong-trào này. Thực thể, sau khi được trả tự-do, Phan Bội-Châu lại tiếp tục qua các nước Nhật, Trung-hoa, Xiêm để cõ-động cho phong-trào Đông-du cầu học ngõ hầu «hâm nóng» tinh thần ái-quốc

dân-tộc. Vì đó mà năm 1924, một nhà cách mạng trẻ tuổi Việt-Nam là Phạm-Hồng-Thái đã hy-sinh tinh mạng ôm bom ám sát toàn quyền Merlin ở Trung-hoa. Việc bất thành, Phạm Hồng-Thái đã nhảy xuống sông Châu-giang tự-tử. Việc này làm sôi nổi dư-luận trong và ngoài nước.

## E—NGÀY TÀN CỦA PHONG-TRÀO ĐÔNG-DU :

### 1) Phan-Bội-Châu bị bắt (1925) :

Năm 1925, Phan-bội-Châu đang ở Hàng-châu định xuống Quảng-đông liên-lạc với các nhà cách-mạng khác thì bị lừa vào tô-giới Pháp ở Thượng-hải và bị Pháp bắt giải về nước đưa ra trước Hội-đồng Đề-Hình ở Hà-Nội.

— Ông bị kết án tử-hình, song nhờ dân-chúng phản-nộ phản-đối, nên được toàn-quyền Varenne đổi sang án đầy chung-thân rồi đưa về an-trí ở Huế.

— Ngày 29.10-1940, Phan-bội-Châu mất tại Bến-ngự (Huế).

### 2) Phong-trào Đông-Du tan rã :

— Phan-bội-Châu thật là linh-hồn của phong-trào Đông-Du. Cho nên từ khi ông bị bắt thì phong-trào này kém hẳn hoạt-động và đi dần đến chỗ tan rã.

— Các đồng-chí của Phan-bội-Châu tuy vẫn ở rải rác khắp đất Trung-hoa và Nhật-bản và vẫn hăng-hái hoạt-động cho nền độc-lập của nước nhà, nhưng vẫn không lấy lại được uy-thế cũ, như khi còn ông cùng hoạt-động.

— Về sau, Kỳ-ngoại-hầu Cường-Đề mất tại Đông-kinh ngày 6-4-1951.

## F—NGUYÊN-NHÂN THẤT-BAI CỦA PHONG-TRÀO ĐÔNG-DU:

Phong-trào Đông-du tan rã vì những nguyên nhân chính sau :

### 1) Về chủ trương : chủ trương không hợp ý nguyện toàn dân :

Chủ-trương của phong-trào Đông-du là bảo-tồn chế-độ quân-chủ. Chủ-trương này không còn hợp ý-nguyện của toàn thể dân-tộc



Việt-Nam lúc đó đã quá chán ghét Nguyễn-triều cùng với chế-độ quân-chủ lỗi thời đã đưa dân-tộc tới thảm họa vong-quốc. Vì thế phong-trào này chỉ được một số ít thanh-niên chịu nhiều ảnh-hưởng nho-giáo hưởng-ứng.

## 2) Về đối tượng : chính-phủ Nhật trực xuất du-học Sinh Việt-Nam :

Đối tượng chính của phong-trào Đông-du là lôi cuốn học sinh sang Nhật học tập và nhờ nước Nhật trợ giúp để hoàn thành việc cứu quốc. Nhưng sau chính phủ Nhật lại đi đôi với thực dân Pháp, quay lại ngược đãi và trực xuất du học-sinh Việt-Nam. Do đấy, đối tượng của phong-trào không còn nữa, tất nhiên phong-trào không còn lý do để tồn tại.

## 3) Về vị lãnh-tụ : lãnh-tụ của phong-trào bị bắt :

Phan-bội-Châu không những là vị lãnh-tụ mà lại là linh-hồn của phong-trào Đông-du nữa. Nhờ những hoạt-động tích-cực của ông, nhờ uy-tín đối với quốc-nội cũng như quốc-ngoại của ông mà phong-trào được phát-triển. Nhưng từ khi ông bị bắt, không ai có thể thay thế ông hướng dẫn phong-trào này. Đây cũng là một trong những nguyên-nhân chính yếu gây thất bại cho phong-trào Đông-du.

# ĐOẠN 3 : PHONG TRÀO DUY-TÂN VỚI PHAN-CHU-TRINH VÀ ĐÔNG-KINH NGHĨA-THỰC

Phát-động phong trào Duy-tân trong nước chính là Phan-Chu-Trinh. Suốt cuộc đời, Phan-chu-Trinh đã sả thân hoạt-động cốt để tìm cách cải-tiến xã-hội, nâng cao dân-trí ngõ hầu đạt được mục-tiêu cuối cùng là tiến tới nền độc-lập và dân chủ tại nước nhà.

## I.— PHAN-CHU-TRINH (1872 — 1926)

### A — TIỂU-SỬ :

Phan-chu-Trinh, tên chữ là Tử-Can, hiệu Tây-Hồ, biệt hiệu

Hy-Mã, sinh năm 1872 tại làng Tiên-Phước, phủ Tam-kỳ, tỉnh Quảng-Nam. Cha ông làm quan võ. Mẹ mất sớm.

Ngay từ thuở nhỏ ông đã có tư-tưởng mới: muốn bỏ lối học từ chương. Năm 13 tuổi ông bỏ chữ nho, quay sang học võ.

Năm 1887, thân phụ ông bị hại. Ông quay lại học chữ Hán, quyết tìm lối tiến thân bằng khoa-cử. Năm 1900 ông đỗ Cử-nhân, năm sau đỗ Phó-bảng.

## B — SỰ-NGHIỆP :

### 1) Hoạn-lộ :

Năm 1902 ông được hậu bổ ở Huế. Năm sau lại được bổ Thừa-biên bộ Lễ.

Năm 1905 ông từ quan, về nhà nghiên-cứu sách vở và giao-du với các nhà cách-mạng.

### 2) Cách-mạng :

#### a) Du-thuyết và tìm đồng-chí :

Năm 1905 Phan-chu-Trình cùng mấy bạn là Huỳnh-Thúc-Kháng, Trần-Quý-Cáp chu-du mấy tỉnh miền Nam và Trung, rồi ra Bắc kết-nạp anh-hùng hào-kiệt mong giải-phóng dân-tộc. Đến tỉnh Bình-định, gặp kỳ thi, đề ra « Chí thành thông thánh » (thơ) và « Danh sơn lương ngọc » (phú), các ông bèn mạo danh, nạp quyền làm thơ tuyên-truyền cảnh-tình đồng-bào.

#### b) Xuất ngoại lần thứ nhất :

Năm 1906 ông trốn sang Tàu, rồi sang Nhật, gặp Phan-bội-Châu. Hai ông bàn về đường lối cách-mạng, song ý-kiến bất đồng, Phan-chu-Trình bèn đi quan-sát trong 10 tháng tình hình ở Nhật, rồi mới trở về nước hoạt động.

#### c) Hồi hương : trao kiến- nghị cho toàn-quyền Pháp :

Về tới nước nhà, Phan-chu-Trình bèn cùng các đồng-chí phát động phong-trào Duy-tân. Và năm 1906, ông trao cho toàn quyền Beau một bức thơ dài 12 trang, lời lẽ kịch-thiết, nêu lên những tệ-đoan của các quan-lại, sự lầm-lẫn của người Pháp và những đề-nghị sửa đổi của ông.

e) *Đẩy Côn-đảo.*

Vì bức thư trên, Phan-Chu-Trinh bị Nam-triều xử «trảm quyết» (chém ngay), nhưng nhờ hội Nhân-quyền ở Pháp can-thiệp nên án được đổi là «Côn-lôn ngộ xá bất nguyên» (đẩy ra Côn-lôn, dù gặp dịp ân-xá cũng không được tha về).

Năm 1908 ông bị đưa ra Côn-đảo.

f) *Được phóng-thích và xuất-ngoại lần thứ nhì (sang Pháp).*

Nhờ sự vận-động của báo Ernest Babut, Thủ-tướng Pháp Poincaré ký giấy ân-xá cho ông. Năm 1911 ông cùng con là Phan Dật theo Toàn quyền Klobukowsky sang Pháp.

Năm 1922 nhân khi vua Khải-Định sang Pháp dự đấu xảo quốc-tế, ông gửi vua một bức thư «thất-diều» đàn-hạch vua về 7 tội :

- Tôn bậy quân-quyền.
- Lạm hành thường-phạt.
- Thích chuộng những sự quì lạy.
- Xa-xỉ quá độ.
- Ăn-bận không phải lối.
- Chơi bời vô-độ.
- Chuyển đi Tây này có sự ám-muội.

g) *Hồi-hương :*

Năm 1925 Phan-chu-Trinh về nước. Từ đó ông luôn luôn diễn-thuyết đề cảnh-tình đồng bào và tỏ rõ chính kiến của mình.

Đêm 24-3-1926 ông mất tại Saigon. Cả nước đã biểu-tình đề tang ông ; các trường học bãi-khóa đề tỏ cảm tình với nhà cách-mạng đã suốt đời hy-sinh vì dân-tộc.

## II.— PHONG TRÀO DUY-TÂN

### A— KHỞI ĐẦU CỦA PHONG-TRÀO DUY-TÂN :

— Năm 1909 Phan-chu-Trinh trốn sang Nhật gặp Phan-bội Châu, nhưng hai người bất-đồng chính-kiến nên sau khi quan-sát tình-hình nước Nhật, Phan-chu-Trinh lại bỏ về nước hoạt-động

và phát động Phong-trào Duy-tân.

— Phong-trào này được các nhà ái-quốc Việt-Nam thời ấy như Trần-quý-Cáp, Huỳnh-thúc-Kháng, Lương-văn-Can ủng-hộ nhiệt-liệt.

### B— CHŨ-TRƯỞNG CỦA PHONG-TRÀO DUY-TÂN :

— Nếu phong-trào Đông-du với Phan-bội-Châu chủ-trương cần phải bạo-động để giải-phóng dân-tộc, rồi lập nên quân-chủ giống như Nhật-bản đã rồi mới bàn đến vấn-đề khác, thì phong-trào Duy-tân với Phan-chu-Trinh lại chủ-trương hoạt-động ôn-hòa, trước hết phải giáo-dục quần-chúng cải-tiến xã-hội đã, rồi lúc đó quần-chúng sẽ tự-động giành lại nền độc-lập sau.

— Chủ-trương của phong-trào Duy-tân tóm lại, có thể quy vào mấy điểm sau :

- Trước hết phải cõ-động quần-chúng theo tân-học, khuyến-khích việc mở mang kinh-tế, phổ-biến kiến-thức chính-trị, cải-tiến xã-hội...

- Sau đó, khi nước nhà đã độc-lập thì thiết-lập chế-độ dân-chủ.

### C— HOẠT-ĐỘNG CỦA PHONG-TRÀO DUY-TÂN :

#### 1) Về văn-hóa : Mở trường để giáo-dục quần-chúng Đông-kinh Nghĩa-thục :

##### a) Lý do thiết lập Đông-Kinh Nghĩa-Thục :

Ở Nhật về, Phan Chu-Trinh tới Hà-nội, họp các đồng-chí bàn kế-hoạch hoạt-động gây phong-trào Duy-Tân. Ông đề nghị mở một trường giống như trường «Khánh-ứng nghĩa-thục» của Nhật-bản đã đạo-tạo các lãnh-tự cho nước Nhật. Tất cả đều đồng ý. Do đó Đông-kinh Nghĩa-Thục đã được khai-sinh.

##### b) Tồn-chức của Đông-kinh Nghĩa-thục :

— Năm 1907 trường được mở ra tại phố Hàng-Đào (Hà-Nội).

— Trường do Lương văn Can làm Thực-trưởng, Nguyễn Quyền làm giám-học và cùng các ông Dương Bá-Trạc, Ngô Đức-Kế,

Đào Nguyên-Phổ điều-kiện. Các ông dự-tính đầu hãy mở 1 trường tại Hà-nội; sau sẽ phát-triển thêm bằng cách lập các chi-nhánh ở khắp nơi trong nước.

c) Mục-đích :

— Văn-hóa : Trước hết trường có mục-đích mở mang dân-trí, gạt bỏ lối học từ-chương, chuyên-chú về văn-hóa dân-tộc, về khoa-học thực nghiệm và về chính-trị.

— Chính-trị : Ngoài ra, trường còn dùng làm nơi liên-lạc giữa các chiến-sĩ trong phong-trào đề hoạt-động cách-mạng.

d) Hoại-động :

— Mở các lớp học : Trường mở các lớp học dạy cả ba thứ tiếng Việt. Hán và Pháp :

● Về Hán-văn thì các ông Dương Bá-Trạc, Hoàng Tăng B phụ-trách.

● Về Việt và Pháp văn thì có các nhà tân-học như Phạm Duy-Tồn, Nguyễn văn Vinh... đảm-nhiệm.

— Soạn và dịch sách : Trường có ban ấn-loát để in những sách do ban tu-thư dịch và soạn. Trường đã ấn hành nhiều sách của Phan.Bội-Châu gửi về, những bài ca kêu gọi lòng ái-quốc, những bài về khuyến khích mở mang kinh-tế. Những ấn-phẩm này đều in ra phát không cho các học-sinh và gửi đi các nơi.

— Tổ-chức diễn-thuyết : Mỗi tháng nhà trường cũng tổ-chức diễn-thuyết nhiều lần ở Hà-nội và các vùng lân-cận. Phan Chu-Trình có tới diễn-thuyết hai lần.

e) Kết-quả :

— Dân chúng hưởng-ứng : Dân chúng đã nhiệt-liệt hưởng-ứng chủ-trương và các hoạt-động của Đông-kinh Nghĩa-thực. Cho nên trường mới mở ra, chỉ trong vài tuần lễ mà đã có hàng ngàn nam, nữ học-viên đến xin nhập học.

Nhiều nơi trong nước muốn theo tổ-chức của Đông-kinh Nghĩa-thực đề hoạt-động. Và dân chúng nhiều miền đã hưởng-ứng lời kêu gọi của nhà trường bằng cách cắt tóc ngắn, bỏ lệ nhuộm răng đen, mặc âu-phục, dùng hàng nội-hóa.



— *Pháp đàn-áp* : Thấy Đông-kinh Nghĩa-thực gây được nhiều ảnh-hưởng trong quần-chúng, người Pháp bèn đề-ý theo dõi các hoạt-động của nhà trường. Sau người Pháp đã biết được sự liên-lạc giữa Đông-kinh Nghĩa-thực với phái bạo-động cách-mạng trong và ngoài nước.

Vì đó tháng giêng năm 1908 họ ra lệnh đóng cửa trường.

Tuy mới hoạt-động được có 9 tháng, nhưng Đông-kinh Nghĩa-thực đã gây được một tiếng vang lớn trong quần-chúng.

## 2) Về kinh-tế : Vận-động phát-triển kinh-tế :

Song song với hoạt-động văn-hóa, phong-trào Duy-tân do Phan Chu-Trinh khởi xướng còn hô-hào khuếch-trương công, thương-nghiệp để làm cho dân giàu nước mạnh :

— Ở Bắc : Đỗ Châu-Thiết hùn vốn với các bạn mở tiệm buôn tranh với người Tàu tại Hà-nội,

● Hoàng Tăng Bí lập xưởng dệt ở Hàng Gai (Hà-nội).

● Các nho-sĩ khác cũng mở các tiệm buôn ở các tỉnh Sơn-tây, Phú-thọ, Phúc-yên, khai thác đồn-điền ở Yên-lập (Yên-bái), Mỹ-đức (Hà-đông).

Các cơ sở này ngoài mục-đích gây tài-chánh, đồng thời cũng là những trụ-sở liên-lạc và tuyên-truyền cho phong-trào Duy-tân.

— Ở Trung : Phan-Chu-Trinh mở Quảng-nam Thương-hội dệt vải may âu-phục.

— Ở Nam : Gilbert Chiếu mở Minh-tân khách-sạn tại Saigon và xưởng nấu sà-bông tại Chợ-lớn.

## D — ẢNH-HƯỞNG CỦA PHONG-TRÀO DUY-TÂN :

### 1) Ảnh-hưởng vô-hình (tinh-thần) :

Nếu phong-trào Đông-du lôi cuốn thanh-niên xuất-dương cầu học thì phong-trào Duy-tân đã thổi một luồng gió mới vào tâm hồn dân chúng Việt-Nam đương-thời, nhất là trong giới trí-thức và thanh-niên. Ngọn gió này đã gặt hái được những thành-quả về tinh-thần sau :

— Gợi được lòng yêu nước của dân-chúng và kích-thích ý-chí căm thù kẻ ngoại xâm.

— Phổ biến được tư-tưởng dân-chủ tự-do trong quần-chúng.

— Tạo được lòng tin tưởng vào tiền đồ tổ-quốc, đánh tan tư tưởng bạc-nhược, chủ-bại do sự thất bại của phong-trào Cần-vương vương lại.

2) *Ảnh-hưởng cụ-thể* : Các vụ nhân dân bạo-động.

Mặc dầu Phan-Chu-Trinh, người khởi xướng phong-trào Duy-tân chủ-trương bất bạo-động, nhưng dân chúng ở nhiều nơi chịu ảnh-hưởng của phong-trào này đã tự-động nổi lên chống đối người Pháp, đáng kể có vụ «loạn đầu bèo» ở miền Trung và vụ Hà-Thành đầu độc ở miền Bắc.

### E— KẾT-QUẢ :

Phong-trào Duy-tân đã đưa tới những kết quả sau :

1) *Phân lớn các lãnh-tự bị tù đày* : Sau vụ «loạn đầu bèo», và vụ Hà-thành đầu độc, phần lớn các lãnh-tự của phong-trào Duy-tân bị kết án tù đày hoặc bị đi an-trí nơi ma thiêng nước độc.

2) *Phong-trào lớn mạnh và trở thành của toàn dân* : Khởi đầu phong-trào Duy-tân chỉ do một nhóm người chủ-trương, nhưng sau bao hoạt-động tích cực và sau bao đàn-áp dẫm máu của thực-dân, phong-trào này không những chẳng bị tan rã mà lại càng lớn mạnh và trở thành phong-trào của toàn-dân.

Các nhà tân-học sau này, hoặc được đào tạo trong nước hoặc du-học ngoại quốc trở về, đều theo gót các bậc đàn anh xưa, luôn luôn tích-cực truyền-bá học-thuật, phổ-biến văn-hóa Thái Tây, vun trồng gốc văn-hóa Á-đông, mở mang dân-trí để hướng dẫn dân Việt đi theo con đường độc-lập và dân-chủ sau này.



## NHỮNG CUỘC BẠO ĐỘNG VÀ KHỞI-NGHĨA SAU KHI ĐÔNG-KINH NGHĨA-THỰC TAN-RÃ

- NHỮNG CUỘC BIỂU-TÌNH CHỐNG THUẾ Ở TRUNG KỲ
- VỤ HÀ-THÀNH ĐẦU ĐỘC (27-6-1908)
- MƯU-ĐỊNH KHỞI NGHĨA CỦA VN QUANG-PHỤC HỘI.
- CUỘC KHỞI-NGHĨA TẠI VIỆT-NAM TRONG THỜI ĐẠI-CHIẾN THỨ NHẤT (1914—1918).

Sau khi Đông-kinh Nghĩa-thực bị nhà cầm quyền Pháp đóng cửa, những người chủ-trương Nghĩa-thực hoặc bị tù đày hoặc trốn ra ngoại quốc. Nhưng không vì thế mà công cuộc chiến đấu chống quân xâm-lược của nhân-dân Việt-Nam giảm sút và đứt-đoạn. Mới tháng giêng năm 1908, Đông-kinh Nghĩa-thực bị khủng-bố, thì tháng 3 cũng năm này, dân miền Trung đã nổi dậy chống chính-sách thuế-khóa bóc-lột của thực-dân Pháp khiến nhà cầm-quyền phải nhượng bước. Rồi tháng 6 năm này, vụ Hà-Thành đầu độc xảy ra ở đất Bắc làm chấn-động dư-luận đương thời. Tiếp đó Việt-Nam Quang-phục-hội được thành lập (1912) âm-mưu tổ-chức các cuộc khởi nghĩa lật đổ chính-quyền bảo-hộ và các vụ bạo-động gây xúc-động quần-chúng một-thời.

### I.— NHỮNG CUỘC BIỂU-TÌNH CHỐNG THUẾ Ở TRUNG.KỲ (THÁNG 3 — THÁNG 5-1908)

#### A— NGUYÊN-NHÂN :

— Nguyên-nhân sâu xa : những bài thơ khích-động tấm lòng ái-quốc của dân Việt và vạch rõ dã-tâm bóc-lột nhân-dân của thực

đân Pháp do nhóm Đông-kinh Nghĩa-thực soạn ra và phổ-biến đã làm dân quê hiểu được phần nào nguyên-nhân đời sống cơ-cực của họ là do chính sách thực dân của Pháp. Chẳng hạn đoạn dịch sau trong cuốn «*Hải-ngoại huyết thư*» của cụ Phan-bội-Châu tả lòng thâm-hiền của thực-dân Pháp do nhóm Đông-kinh Nghĩa-thực phổ-biến đã lan tràn trong dân chúng đương thời :

Nó coi mình như trâu như chó

Nó coi mình như cò như rơm

Trâu nuôi béo, cò bỏ rơm

Cò moi rẽ cò, trâu làm thịt trâu.

— *Nguyên nhân gần* : thêm vào đó, chính-phủ Bảo-hộ lại tăng thuế ruộng 5% khiến cho dân nghèo phần-uất.

Nhân dân miền Trung bèn nổi dậy, tạo thành một phong-trào chống thuế sôi nổi một thời.

## B— DIỄN-BIẾN CỦA NHỮNG CUỘC BIÊU-TÌNH CHỐNG THUẾ :

### 1) Tại Quảng-Nam :

— Khởi đầu nông dân huyện Đại-lộc kéo lên huyện-lỵ xin quan Huyện giảm thuế và ngày đi phu. Quan Huyện không xét. Dân chúng bèn kéo lên tỉnh Hội-an, vào Tòa Sứ xin viên Công-sứ xét xử việc này. Viên Công-sứ bắt giam mấy nam đại-diện. Tức thì tại các phủ, huyện khác trong tỉnh Quảng-nam, dân chúng kéo lên vây Tòa-sứ, đòi giảm thuế.

— Viên Công-sứ ra lệnh đàn-áp dã man cuộc biểu-tình : hàng nghìn người bị bắt giam, một số người bị chết, Pháp còn cho thiết lập Tòa-án để xử những người chủ-muru trong vụ kích-động quần chúng này. Kết quả : Trần-Quý-Cáp bị xử-tử, Phan-chu-Trình, Huỳnh-thúc-Kháng, Trần-cao-Vân bị án đày ra Côn-đảo.

### 2) Tại Quảng-Ngai :

— Dân chúng trong tỉnh kéo nhau lên Tòa-sứ đòi giảm thuế thân, thuế ruộng, bãi thuế muối, thuế chợ.

— Viên Công-sứ bắt giam những người đại-diện đưa thỉnh nguyện vào Tòa-sứ, rồi cho quân đàn-áp cuộc biểu-tình. Kết-quả : Pháp thiết lập Tòa-án kết án tử hình và đầy khổ sai chung thân, khổ-sai hữu hạn một số người mà họ nghi là khởi-xướng phong-trào chống thuế trong tỉnh.

### 3) Tại Bình-Định :

— Dân chúng phủ Hoài-nhân kéo lên phủ-ly xin giảm thuế. Quan Tri-phủ bỏ trốn. Dân chúng các phủ huyện khác trong tỉnh liền cùng dân phủ Hoài-nhơn thành một đám biểu-tình lớn, kéo lên tỉnh Bình-định, bao vây tỉnh thành, đòi giảm thuế.

— Quân Pháp ở tỉnh-ly phải xin quân tiếp viện ở các nơi khác kéo về đàn-áp đám biểu-tình, rồi tới tận các làng chủ-xướng khủng-bố nông dân. Tòa-án được thiết lập tại tỉnh, kết án tử hình và khổ sai chung thân và hữu hạn, tổng số lên tới hơn ngàn người.

### 4) Tại Hà-Tĩnh và Nghệ-An :

— Tháng 5 năm 1908, dân chúng tại các phủ, huyện thuộc hai tỉnh Hà-tĩnh và Nghệ-an họp thành đám biểu-tình, kéo nhau lên tỉnh xin giảm thuế và giảm «xâu».

— Pháp cho lính đàn-áp cuộc biểu-tình và kết án một số người chú-chốt.

## C— HẬU QUẢ :

— *Tai hại* một số khá đông những người biểu-tình bị giết và bị tù đầy. Nhiều sĩ-phu lãnh-đạo phong-trào chống thuế cũng bị kết án xử-tử và khổ-sai chung-thân hoặc hữu-hạn.

— *Thắng-lợi* : Đề võ yên lòng dân, song song với biện-pháp khủng-bố, chính-quyền Bảo-hộ cũng ra lệnh bãi bỏ nghị-định tăng thuế ruộng, giảm thuế thân, giảm ngày «xâu» và đem một số tham quan lại những ra trừng-trị.

Vì dân quê biểu-tình mặc áo cụt, cắt tóc ngắn, mang theo dao kéo, hễ gặp ai dọc đường, họ cũng áp lại, hớt tóc và mặc áo cụt cho rồi lôi vào nhập bọn, nên chính-quyền đương thời gọi họ là «loạn đầu bào».



## II. — VỤ HÀ-THÀNH ĐẦU ĐỘC (27-6-1908)

### A — NGUYÊN-NHÂN :

— *Nguyên-nhân sâu.sa* : Tuy Đông-kinh Nghĩa-thực vừa bị giải-tán, nhưng ảnh-hưởng thi-ca và những hoạt-động văn-hóa, chính-trị của nhóm này còn ảnh-hưởng mạnh mẽ trong quần chúng, khuyến khích những người có tâm huyết đứng lên làm cách-mạng chống chính-quyền Bảo-hộ.

— *Nguyên-nhân gần* : Một số lãnh-tụ trong nhóm Đông-kinh Nghĩa-thực đã tuyên-truyền được nhiều hạ-sĩ-quan Việt-Nam trong quân-đội Pháp chịu làm nội-ứng đánh úp Hà-Nội. Họ bèn liên-lạc với Hoàng-hoa-Thám đề mưu định «nội công ngoại kích» đánh thành Hà-Nội.

### B — DIỄN BIẾN VỤ HÀ-THÀNH ĐẦU ĐỘC :

#### 1) Chương-trình hành-động của nghĩa-quân :

Theo chương-trình dự-định thì :

— Bếp Hiến cùng một số lính khố đỏ Việt-Nam phụ-trách nấu ăn sẽ bỏ thuốc độc vào thức ăn để đầu độc sĩ-quan và lính Pháp vào chiều ngày 27-6-1908.

— Khi việc đầu độc có kết-quả, thì quân nội-ứng sẽ phục sẵn những nơi hiểm-yếu, bắn súng làm hiệu và mở cửa thành cho quân Đê-Thám tiến vào.

— Quân Đê-Thám phục sẵn ở ngoài cửa thành Hà-Nội để làm ngoại-ứng.

#### 2) Cuộc khởi-nghĩa bất thành :

— Ngay trước ngày khởi-nghĩa, vào ngày 26-6-1908, một tên lính khố đỏ trong số những nghĩa-quân đã phản-bội đồng-đảng, tố-cáo với cấp chỉ-huy mưu-định đánh thành Hà-nội của Đê-Thám, nhưng tên này không biết rõ chương-trình hành-động của nghĩa-quân, nên chính-quyền Pháp chỉ ban hành những biện-pháp đề-phòng mật.

— Chiều ngày 27-6, sau khi dùng cơm, , chừng 200 tên Pháp vira lính vira sĩ-quan, bị trúng độc, ngã ra trong phòng ăn. Lập tức, cấp chỉ-huy Pháp ra lệnh giới-nghiêm, tước hết khí-giới của lính khố đỏ, và ban hành lệnh cấm trại giữ hết quân lính lại. Đồng thời quân Pháp được phái ra các cửa ô để ngăn chặn quân tiếp-viên, Ban an-ninh quân đội và mật thám Pháp túa ra khắp thành, lục soát những nhà tình nghi.

— Đợi quá giờ ước-dịnh mà không thấy trong thành bắn súng hiệu, quân ngoại ứng của Đề-Thám ở ngoài thành biết cơ-mưu đã bại-lộ, bèn rút lui êm,

### 3) Hậu quả :

— Hội-dồng Đề-hình họp xử-tử Bếp Hiến cùng một số đồng-đảng, một số khác lớn các đồng-đảng khác bị án tử và đày ra Côn-đảo.

— Nhà cầm quyền Pháp kiểm-soát dân Việt-nam gắt gao hơn và khùng-bổ thẳng tay các đảng cách-mạng ngay từ trong trứng nước.

## III.— CÁC CUỘC KHỞI-NGHĨA CỦA CÁC NHÀ CÁCH-MẠNG VIỆT-NAM TRONG THỜI ĐẠI-CHIẾN THỨ NHẤT (1914—1918)

### A— TÌNH-HÌNH VIỆT-NAM MẤY NĂM TRƯỚC THẾ CHIẾN 1914—1918 :

#### 1) Chính sách cai-trị của người Pháp :

##### a) Về chính-trị :

Người Pháp áp-dụng chính-sách cò-diễn của thực-dân là « chia để trị » : nước Việt-Nam bị Pháp chia làm ba miền Bắc-kỳ, Trung-kỳ và Nam-kỳ, mỗi miền một thể-chế cai-trị khác nhau và không cho dân-chúng được tự-do đi lại từ miền này qua miền khác.

##### b) Về kinh-tế :

Ngoài chính-sách đế-quốc dành độc-quyền khai thác nguyên liệu và thị-trường tiêu-thụ hàng-hóa ở thuộc-địa cho chính quốc,

người Pháp còn áp-dụng nhiều chính-sách bóc-lột, hà-khắc đối với dân Việt-Nam như :

— Đặt ra nhiều thứ thuế.

— Chiếm hữu đất đai rồi bán rẻ cho người dân Pháp để họ mở mang đồn-điền bóc lột nhân-công.

## 2) Các cuộc biểu-tình chống Pháp trước thế chiến 1914-18 :

Trước chính sách hà-khắc của người Pháp, dân Việt-Nam lại càng căm-phẫn, luôn tìm cách vùng dậy. Mấy năm trước thế chiến thứ nhứt (1914-1918) ta có thể kể mấy vụ quan trọng sau :

a) *Vụ ném bom Hà-nội và Thái-bình* : Năm 1913, Việt-Nam Quang-phục đem khí giới về nước, tổ-chức được vụ ném bom ở Hà-nội giết 2 sĩ-quan Pháp tại Hanoi Hôtel và ở Thái-bình giết tuần-phủ Nguyễn Duy Hàn, mục-đích cảnh cáo thực dân Pháp.

b) *Hội Minh-tân của Gilbert Chiểu* : ở Nam-kỳ, Gilbert Chiểu lập ra hội Minh-tân với mục-đích thực-hiện cuộc cách-mạng bằng văn-hóa.

b) *Vụ phá khám lớn Saigon* : Việc phá khám lớn ở Saigon do Phan Xích Long điều khiển cũng làm sôi nổi dư-luận một thời.

## B— CÁC CUỘC KHỎI NGHĨA TRONG ĐẠI CHIẾN (1914-18) :

### 1) Tinh thần thuận-lợi cho cách-mạng Việt-Nam trong và ngoài nước :

— *Trong nước*, vào năm 1914, vì phải đánh nhau với Đức ở Âu-châu, một số lính Pháp phải rời Đông-dương rút về nước ứng-chiến. Ngoài ra Pháp còn tuyển thêm lính Việt-Nam đưa sang cung-ứng cho chiến trường ở Âu-châu. Lợi-dụng tinh thần suy-nhược của Pháp ở đây, các nhà cách mạng trong nước bèn tăng gia các hoạt-động mong lật đổ chính quyền Bảo-hộ.

— *Ngoài nước*, thấy Đức là kẻ thù của Pháp, Cường-Đề bèn sang Berlin, thủ-đô Đức đề điều đình xin giúp đỡ. Đại-sứ Đức ở Xiêm mời các lãnh tụ Việt-Nam sang Xiêm để bàn định kế-hoạch trợ giúp. Lúc đó Phan Bội Châu đang bị tù ở Quảng-châu,

không đi được, nên cử hai người đại diện đi thay là Nguyễn-Thượng-Hiền và Đặng-Tử-Kính đề xui Đức giúp đỡ vũ khí, ngõ hầu có thể kéo quân hải-ngoại về giải phóng Đông-dương. Nhưng sau việc này không đi đến đâu,

## 2) Các cuộc khởi nghĩa :

### a) Các cuộc khởi nghĩa trong khoảng 1914-1915 :

Trong khoảng 1914-1915, tại Việt-Nam có nhiều cuộc chống Pháp, quan-trọng có mấy vụ sau :

— Trương-Nhị đánh phá đồn Lục-Nam (tháng 10-1914).

— Nguyễn Hải Thần, Hoàng Trọng Mậu, đem quân từ biên-giới Trung-hoa về tấn công đồn Tà-lùng để hưởng-ứng với Việt-Nam Quang-phục hội (tháng 3-1914).

### b) Vụ ám-mur khởi-nghĩa của vua Duy-Tân 1916 :

Sau khi vua Hàm-Nghi xuất bản chống Pháp, De Courcy bèn lập ông Chánh-mông là con nuôi thứ hai của vua Tự-đức lên làm vua, tức Đồng-khánh (1885-1889). Khâm sứ Kheinaard ở Huế thấy con Đồng-khánh còn nhỏ, lại nhớ tình cũ giao-thiệp với ông Dục-đức, con nuôi trưởng của vua Tự-đức, bèn lập con ông này lên làm vua, tức Thành-thái. Sau vì thấy vua Thành-thái thường làm thơ tỏ lòng uất-ức trước cảnh nô-vong của đất nước, chính phủ Bảo-hộ bèn đẩy nhà vua sang đảo Réunion, lập con Thành-thái lên làm vua, tức vua Duy-tân (1907), lúc đó mới 6 tuổi.

### ● Ý-chí bất-khuất của vua Duy-tân :

Duy-tân là ông vua rất thông-minh, lại có lòng ái-quốc. Ông hằng ôm hoài bão giải phóng dân-tộc thoát khỏi tay người Pháp. Hành-động đào mỏ của vua Tự-đức của viên khâm sứ Mahé để kiếm vàng (1913) càng gây thêm căm-phẫn trong tâm can nhà vua trẻ tuổi, đẩy nhiệt huyết đó. Biết ý nhà vua, Việt-Nam Quang-phục-hội bèn cử hai ông Thái Phiến và Trần Cao Vân tới bí mật tiếp xúc với nhà vua đề mưu đồ khởi-nghĩa chống thực-dân. Nhà vua bằng lòng lãnh đạo cuộc khởi nghĩa.

● *Âm mưu đảo chánh :*

Thái Phiên và Trần Cao Vân mưu cùng với lính khổ xanh, khổ đỏ và chừng một ngàn lính tập định đánh úp kinh thành. Mọi việc đã xong, định đến nửa đêm ngày 4-5-1916 thì khởi sự.

● *Thất bại :*

Nhưng người Pháp đã biết âm mưu này từ hai ngày trước. Họ bèn giam những lính ta, trước khi giới trước giờ khởi sự. Vua Duy-tân ra khỏi được Hoàng-cung, định vào Quảng-nam, nhưng bị bắt ba ngày sau ở một ngôi chùa gần Nam-giao.

● *Kết-quả :*

— Sau đó, Vua Duy-tân bị đẩy ra đảo Réunion. Con Đổng-khánh là Khải-định lên thay.

— Các lãnh-tụ tổ-chức âm mưu này như Thái Phiên, Trần Cao Vân... đều bị bắt và bị xử-tử.

c) *Cuộc khởi nghĩa ở Thái-Nguyên (1917) :*

Lương-ngọc-Quyến là con của Lương-văn-Cán, một trong những nhà lãnh đạo phong-trào Duy-tân. Ông đã hưởng ứng lời hô-hào Đông-du cầu học của Phan Bội-Châu, đầu tiên trốn sang Nhật, được Phan Bội-Châu đưa vào học Chấn-võ học-hiệu tại Nhật.

— *Nguyên nhân :*

Năm 1917, khi tốt nghiệp, Lương Ngọc Quyến được Phan Bội-Châu cử về nước hoạt-động. Nhưng rồi ông bị người Anh bắt ở Hương-cảng, trao về cho Pháp, bị Pháp đem giam ở Thái-nguyên.

Tại nhà giam Thái-nguyên Lương-Ngọc-Quyến đã tuyên truyền cách mạng, thuyết-phục được các bạn tù và binh lính Việt-Nam đóng ở đó.

— *Cuộc khởi nghĩa :*

Tháng 9 năm 1917, Trịnh văn Cán tức Đội Cấn khởi lên, đánh chiếm được tỉnh Thái-nguyên, giết lính Pháp treo cờ Việt-Nam Quang-phục-hội.

Chiếm được tỉnh lỵ có 3 ngày thì quân Pháp từ Hà-nội kéo lên tấn công. Nghĩa quân phải rút vào rừng.



— *Kết quả :*

Bị bại cả hai chân vì thực-dân xiềng xích và tra trấn lúc còn ở tù, Lương-Ngọc-Quyến không theo nghĩa quân vào rừng được, đành tự vận.

Còn Đội Cẩn rút quân về Yên-thế chống cự thêm mấy tháng nữa. Sau vì thế lực suy giảm, biết thế chống không lại người Pháp, ông bèn dùng súng lục tự tử ở Phú-thọ.

## II.— HẬU QUẢ CỦA CÁC CUỘC KHỞI NGHĨA TRONG THỜI GIAN NÀY

— Vì không kết hợp với nhau, lại kém về tổ-chức, nên các cuộc khởi nghĩa lẻ-tẻ và rời rạc của các nhà cách-mạng Việt-Nam trong khoản thời-gian này (1914-18) bị pháp đàn áp thật mau chóng. Chính-quyền Bảo-hộ Pháp, mặc dầu suy yếu vì chiến-tranh Âu-châu, nhưng vẫn bền vững ngự-trị trên đất nước này.

Tuy nhiên các cuộc khởi nghĩa trên đây đã gây được những ảnh-hưởng mạnh-mẽ trong tinh thần dân chúng Việt-Nam. Hơn nữa, rút kinh-nghịệm thất bại của các cuộc khởi nghĩa trên, sau này, các chiến sĩ cách-mạng Việt-Nam lập đảng hoạt động một cách hiệu-quả và gây những vang động lớn mạnh hơn. Đó là trường hợp của các đảng chính trị hoạt-động giữa hai khoảng thế-chiến (1918-1939), nhất là Việt-Nam Quốc-dân-đảng.



## NGUYỄN-THÁI-HỌC VỚI VN QUỐC-DÂN ĐẢNG

- TÌNH-HÌNH CHUNG VỀ CÁC CHÍNH - ĐẢNG VIỆT - NAM GIỮA 2 CUỘC THẾ-CHIẾN
- VIỆT-NAM QUỐC-DÂN ĐẢNG VỚI NGUYỄN-THÁI-HỌC

### I.— TÌNH HÌNH CHUNG VỀ CÁC CHÍNH ĐẢNG VIỆT-NAM GIỮA HAI CUỘC THẾ CHIẾN (1918-1939)

Phong-trào Duy-tân đã gây được một tiếng vang lớn trong nước khiến phần lớn dân chúng Việt-Nam ý-thức được cái nhục vong-quốc đang đè nặng trên vai. Họ lại được giáo dục chính-trị để hiểu thế nào là chế độ dân chủ tự-do. Do đó họ đã hưởng-ứng tích-cực phong-trào cách mạng giải phóng dân-tộc do các đảng chính trị lập ra trong khoảng giữa hai trận thế-giới đại-chiến (1918-1939).

Các đảng chính-trị trong thời kỳ này, dù là Cộng-Sản, cũng đều lấy mục-đích tranh-đấu giải-phóng dân-tộc làm chính. Sau đây ta có thể kể tới mấy đảng hoặc nhóm chính-trị đáng được lưu-ý :

1) «*Tâm tâm xã*» do Phan Bội Châu lập tại Quảng-đông để liên-kết các nhà cách-mạng hải-ngoại.

2) «*Á-tế-áp bức nhượng tiêu dân-tộc*» do Lý-Thụỵ lập ra năm 1925. Sau tổ-chức này đổi thành «*Việt-Nam Thanh-niên Cách-mạng Đông-chí hội*», rồi sau biến thành «*Đông-dương Cộng-sản-đảng*».

3) «*Tân Việt Cách-mạng đảng*» thoát thai từ đảng «Phục-Việt» cũ, do Lê văn Huân và Nguyễn đình Kiện lãnh đạo.

4) «*Nam đồng thư xã*» do Phạm Tuấn-Tài và Nhượng-Tống thành lập năm 1927 tại Hà-Nội với mục-đích xuất bản những sách tuyên-truyền cho cách mạng và làm cơ-sở trung-gian liên-lạc các thanh-niên yêu nước.

5) «*Đảng Nguyễn An-Ninh*» do Nguyễn An-Ninh thành lập năm 1928 tại Nam-kỳ...

Nhưng, trong thời-kỳ này, chỉ có Việt-Nam Quốc-dân đảng do Nguyễn Thái Học là thu hút được quần-chúng nhiều nhất và gây được một ảnh-hưởng lớn mạnh trong cả nước.

## II.— VIỆT-NAM QUỐC-DÂN-ĐẢNG VỚI NGUYỄN-THÁI-HỌC

### A— NGUYỄN THÁI-HỌC (1902-1930)

#### 1) Tiểu-sử :

— Năm 1902 Nguyễn-Thái-Học ra đời tại làng Thờ-tang, tỉnh Vinh-yên (Bắc Việt).

— Sau khi học xong trường tỉnh Vinh-yên, Nguyễn thái Học ra Hà-nội học trường sư-phạm, rồi học trường Cao-đẳng Thương-mại.

#### 2) Hoạt-động cách-mạng :

— Năm 1926, Nguyễn-thái-Học viết thư điều trần lên Toàn-quyền Varenne đề yêu cầu cải-cách và định ra tờ báo Nam-Thanh để tuyên-truyền cổ-động cách-mạng trong dân-chúng. Năm 1927, khi «*Nam đồng thư xã*» thành lập, Nguyễn-thái-Học đã bắt liên lạc với nhóm này, hợp cùng với các nhóm chính-trị khác để lập thành một đảng cách-mạng bí-mật, lấy tên là «*Việt-Nam Quốc-dân-đảng*». Nguyễn-thái-Học được anh em bầu lên làm đảng-trưởng.

— Sau vụ khởi-nghĩa Yên-bái thất-bại, Nguyễn-thái-Học bị bắt và bị xử-tử cùng với các đồng-chí khác (1930).

## B— VIỆT-NAM QUỐC-DÂN-ĐẢNG :

### 1) Thành-lập. và tổ-chức :

— *Thành-lập* : Năm 1927, Phạm-tuấn-Tài và Nhượng-Tống thành lập « Nam-đồng thư-xã » đề xuất bản những sách tuyên-truyền cho cách-mạng. Bấy giờ có một số thanh-niên trí thức đã tới thư-xã này hội họp đề nghiên cứu các tư-tưởng mới, nhất là chủ nghĩa « Tam dân » của Tôn-dật-Tiên. Dần dần nhóm này kết nạp được thêm nhiều người, đủ mọi thành phần xã-hội. Rồi họ tổ-chức một buổi họp tại Nam-đồng thư-xã ( gần hồ Trúc-bạch Hà-Nội ), liên kết cùng các nhóm chính-trị khác, lập nên Việt-Nam Quốc-dân-đảng, bầu Nguyễn-thái-Học làm Đảng-trưởng, Nguyễn-thế-Nghiệp làm phó.

— *Tổ-chức* :

● *Ở trung-ương* : dưới quyền Đảng-trưởng và Đảng-phó, còn có các ban Tài-chánh, Tuyên-truyền, Trinh-thám, Tổ-chức, và bốn ban Binh-vụ, Ngoại-giao, Giám-sát và Âm-sát, tất cả hợp thành Tổng-bộ.

● *Ở địa-phương* : theo hệ-thống dọc, thì trên hết là Tổng-bộ, rồi đến Kỳ-bộ, Tỉnh-bộ và Chi-bộ. Mỗi bộ đều có các ban Tài-chánh, Tuyên-truyền, Trinh-thám, và Tổ-chức (chỉ có Tổng-bộ mới có thêm 4 ban Binh-vụ, Ngoại-giao, Giám-sát và Âm-sát).

● Các cấp bộ địa-Phương có quyền cử đại-biểu lên cấp trung-ương.

### 2) Chủ-trương :

Chủ-trương của Việt-Nam Quốc-dân-đảng được hoạch-định như-sau :

a) *Về mục-đích* : Mục-đích của V.N.Q.D.Đ. gồm có mấy điểm chính sau :

— Liên lạc với các phần tử cách-mạng khác, không phân biệt giai-cấp xã-hội hay khuynh-hướng tôn-giáo.

— Dùng võ-lực để giành độc-lập cho tổ-quốc.

— Thiết-lập chế-độ dân-chủ xã-hội theo chủ-nghĩa Tam-dân của Quốc-dân-đảng Trung-hoa.

b) *Về chương-trình hoạt-động* : Chương-trình hoạt-động của V.N.Q.D.Đ. chia làm 4 thời kỳ :

— Thời kỳ 1 : thời kỳ bí mật (củng cố nội bộ)

— Thời kỳ 2 : Thời kỳ dự.bị bí mật.

— Thời kỳ 3 : Thời kỳ bạo-động, nhằm đánh đổ chính quyền Bảo.hộ.

— Thời kỳ 4 : Thời kỳ kiến tạo : thành-lập chính-thê cộng-hòa.

### 3) Hoạt-động :

a) *Điều đình kết hợp với các đảng khác* :

Lúc đó có nhiều đảng chính-trị hoạt-động ở trong và ngoài nước. V.N.Q.D.Đ. muốn liên hợp với các đảng ấy để cùng hoạt-động chống Pháp cho thế-lực được mạnh mẽ. Vì thế, đảng đã cử nhiều đảng viên đi liên lạc với các đảng đó :

— Nguyễn-ngọc-Sơn, Hồ-văn-Minh và Phạm-Tiêm đi Xiêm để liên lạc với đảng Thanh-niên, nhưng không gặp.

— Đảng Tân-Việt không muốn hợp-tác vì không chấp nhận đường lối của V.N.Q.D.Đ.

— Cuộc điều đình với Nguyễn-an-Ninh ở trong Nam cũng không thu lượm được kết quả nào.

— Duy có Phan-bội-Châu nhận chức chủ-tịch danh-dự của V.N.Q.D.Đ. và hết lòng giúp đảng về phương-diện ngoại-giao.

b) *Tuyên-truyền và kết nạp đảng-viên* :

— Nhờ sự hoạt-động hăng hái của các đảng-viên, V.N.Q.D.Đ. bành-trướng rất mau : nhiều công-thương-gia, giáo-học, thư-ký, học-sinh, phụ-nữ đã xin gia nhập đảng rất đông :

● Tại Bắc-kỳ, đâu đâu cũng có các chi-bộ của đảng. Toàn thể làng Cỗ-am (Hải-Dương) và Võng-la (Phú.thọ) đều gia nhập đảng.

● Còn ở Trung-kỳ, từ Nghệ-an trở vào đảng chỉ thành-lập được một tỉnh bộ và mấy chi-bộ vì ở đây đã có những đảng khác hoạt-động từ lâu rồi.



c) *Lập cơ-quan thông-tin liên-lạc :*

— V.N.Q.D.Đ. đã cho phát-hành tờ «Hồn-cách-mạng» để làm cơ-quan thông-tin liên-lạc giữa các chi bộ, in bằng thạch.

— Ngoài ra, Tổng-bộ còn mở «khách-sạn Việt-Nam» để kiểm tài-chánh và đồng thời làm cơ-quan liên lạc cho đảng nữa.

d) *Ám-sát Bazin :*

Vì chính-sách mộ-phu đi Tân Thế-giới và đi làm đồn điền cao-su của tư-bản Thực-dân Pháp gây nên nhiều công-phần trong nhân-dân, nên đảng đã ra lệnh giết tên Bazin, chủ sở mộ-phu ở Hà-nội.

Vụ ám-sát này gây sôi nổi dư-luận đương thời. Sở mật-thám Pháp bèn ráo-riết hoạt-động, khám phá được nhiều tài liệu của V.N.Q.D.Đ và bắt đảng-viên. Các cơ sở của đảng bị nhiều tên phần đảng chỉ-điểm cho Pháp khiến V.N.Q.D.Đ. lâm tình thế rất nguy ngập.

Thấy vậy, Nguyễn-thái-Học chinh đốn lại hàng ngũ, tuyên-truyền lấy thêm đảng-viên và tích-cực hoạt-động để có thể sửa soạn khởi-nghĩa.

e) *Cuộc khởi-nghĩa Yên-bái :*● *Quyết-định và phân-công :*

— Mỗi ngày sở mật-thám Pháp một siết chặt lưới vây bắt. Nhiều cơ sở bí mật của đảng bị khám phá. Sự đề lâu bất lợi, các người lãnh-đạo V.N.Q.D.Đ. bèn quyết định cho lệnh tổng khởi-nghĩa và phân công như sau :

— Phó-đức-Chính chỉ-huy mặt trận Yên-bái.

— Nguyễn-khắc-Nhu đảm nhiệm việc đánh chiếm Hưng-hóa, Sơn-tây; Phú-thọ.

— Nguyễn-thái-Học lãnh trách-nhiệm đánh Bắc-ninh, Hải-dương.

— Đoàn-trần-Nghiệp phá Hà-nội.

● *Ngày khởi nghĩa :*

Ngày khởi-nghĩa vào 10-2-1930. Nhưng sau Tổng-bộ hoãn lại, định chờ Nguyễn-thế-Nghiệp ở Vân-nam về. Nhưng vì sự thay đổi này không được tất cả tuân theo nên có nơi đánh trước, có nơi

đánh sau khiến cho cuộc khởi-nghĩa không được đồng nhất, gây ra sự thất bại rất mau chóng.

● *Cuộc khởi nghĩa :*

— *Tại Yên-bái :* Đêm hôm mùng 9 rạng ngày 10-2-1930, vào khoảng 1 giờ sáng, hai cơ binh trại lính Yên-bái chiếm được trại, rồi tấn công lên trên núi do quân Pháp trấn đóng. Quân Pháp cố thủ, tới sáng thì phản-công. Các chiến sĩ V.N.Q.D.Đ. yếu thế, phải rút vào rừng.

— *Tại Hưng-hóa :* Cùng lúc quân cách-mạng khởi chiến ở Yên-bái thì Xứ-Nhu đem quân đánh đồn ở Hưng-hóa, nhưng không chiếm được đồn. Quân cách-mạng phải xuống Lâm-thao, chiếm được phủ-lỵ. Liên lúc đó, quân Pháp tiến lên tiếp viện, bản bị thương và bắt cầm tù Nguyễn khắc Nhu. Sau Xứ Nhu đã tự-tử trong ngục.

— *Tại Phả-lại :* Nguyễn Thái Học định tấn công Phả-lại nhưng ở đây lính Lê-dương đến tăng cường rất đông. quân-lực rất hùng-hậu, nên lại phải ra lệnh đánh chiếm các phủ-huyện lân cận. Sau cũng phải rút về Cồ-am. Thấy vậy, phi-cơ Pháp đã tới dội bom triệt hạ cả làng Cồ am.

— *Tại Hà-nội :* V.N.Q.D.Đ. gây được mấy vụ bom nổ khiến quân Pháp phải trấn đóng để giữ Hà-nội, không dám đem quân đi tiếp viện các tỉnh.

a) *Kết quả :*

Tất cả các cuộc khởi nghĩa đều bị quân Pháp dẹp tan một cách nhanh chóng.

— Sau đó, các chiến sĩ của V.N.Q.D.Đ lần lượt sa vào lưới của người Pháp : Phó Đức-Chính bị bắt ở Nam-am, rồi đến em ruột Nguyễn Thái-Học là Nguyễn văn Nho, Lương Ngọc-Tôn, Đoàn Trần-Nghiệp cũng lần lần bị bắt.

4) *Sau ngày thất bại :*

— Lưới công-an, mật thám Pháp bủa vây khắp nơi để lùng bắt cho được vị lãnh-tụ của V.N.Q.D.Đ. Nguyễn Thái-Học phải lần trốn rất vất vả. Rồi tới ngày 20-2, khi đi qua Ấp Cồ-vật (Hải-dương),

Nguyễn Thái-Học bị phu-tuần bản bị thương và bị bắt đưa về Hà-nội.

— Ngày 28 tháng 3 Hội-đồng đề hình họp tại Yên-bái, kết án tử hình 48 người, 34 án khổ sai chung-thân.

— 5 giờ sáng ngày 17-6-1930, Nguyễn Thái Học cùng với 13 đồng chí lên đoạn-đầu-đài ở Yên-bái để dền nọ nước.

### C— KẾT-LUẬN :

Trong thời kỳ tranh đấu giải-phóng dân-tộc này, ta nhận thấy mấy đặc điểm sau :

— Các tầng lớp thanh-niên trí-thức tân học thay thế lớp sĩ-phu cựu học xưa đề *lãnh đạo* phong trào giải phóng dân-tộc.

— *Đối tượng* của cuộc đấu-tranh cũng đã chuyển đổi : Các đảng chính-trị Việt-Nam đều lấy quần chúng làm đối tượng đấu-tranh chứ không vì vua mà tranh-đấu như lúc trước nữa.

— *Chủ trương* cũng thay đổi : tất cả các đảng chính-trị đương thời đều đồng chủ-trương giải phóng dân-tộc và sẽ thiết lập chế-độ dân-chủ chứ không chịu theo chế-độ quân-chủ hay quân chủ lập hiến.

— *Cách tổ chức* cũng đã được tinh-vi, tiến-bộ nhiều. Nhưng kỹ-thuật tổ-chức hãy còn kém, lại thiếu kinh-nghiệm cách-mạng nên các đảng chính trị thời này thường bị chính phủ Bảo-hộ cho người vào nội bộ, và bóp chết ngay từ trong trứng nước.

Nhưng dù sao các phong-trào cách-mạng trong thời-kỳ này đã ghi được những điểm son trong lịch-sử nước nhà. Cuộc khởi nghĩa Yên-bái của V.N.Q.D.Đ. tuy thất bại, nhưng cũng đã làm vang động trong quần chúng. Máu của các chiến-sĩ cách-mạng Việt-Nam bị đổ đã tô đậm thêm lòng yêu nước của toàn thể dân-tộc Việt và, nhờ đó, các thế-hệ sau đã nối tiếp sự-nghiệp dang dở của các bậc đàn anh mà hoàn-thành việc phá tan xiềng xích nô-lệ của thực dân, đưa nước nhà tới nền độc-lập.

## NIÊN - HIỆU GHI NHỚ

## PHONG-TRÀO CẦN-VƯƠNG VÀ VĂN-THÂN :

4-7-1885 : Binh biến tại kinh-thành Huế. Vua Hàm-Nghi phải  
bôn tâu.

1-II-1888 : Vua Hàm-Nghi bị bắt.

1895 : Phan-đình-Phùng bị bệnh mất trên núi Quạt.

1897 : Nguyễn-thiện-Thuật bỏ chiến-khu Bãi Sậy trốn qua Trung-  
Hoa.

1913 : Hoàng-Hoa-Thám bị giết.

## PHONG-TRÀO DUY-TÂN, ĐÔNG-DU VÀ CÁC CUỘC KHỞI-NGHĨA :

1907-1908 : Đông-kinh Nghĩa-thục.

1908 : — Dân Trung biểu tình chống thuế

— Vụ Hà-Thành đầu độc

1916 : Âm mưu khởi nghĩa của vua Duy-Tân

1917 : Khởi nghĩa Thái-Nguyên của Đội Cấn và Lương-  
Ngọc-Quyến.

1927-1930 : Việt-Nam Quốc-dân-đảng với Nguyễn-thái-Học.

17.6.1930 : Nguyễn-thái-Học và 13 đồng-chí lên đọan đầu đài ở  
Yên-Bái.



---

*Xã-hội V.N. dưới thời Pháp thuộc*

★

- XÃ-HỘI CHUYÊN-HƯỚNG
- BỘ MẶT MỚI CỦA XÃ-HỘI V.N.
- CÁC SINH - HOẠT XÃ HỘI.



## I.— MỘT XÃ-HỘI CHUYÊN HƯỚNG

Trước kia, từ thế kỷ thứ XIX trở về trước, xã-hội Việt-Nam như mặt nước ao tù, dù đổi thay bao nhiêu triều đại, vẫn chẳng biến cải : vẫn nếp sống cũ, tập tục xưa, từ bao đời truyền lại, cho đến các đẳng cấp xã-hội cũng bất di dịch gồm 4 hạng là sĩ, nông, công, thương và chế-độ cai-trị cũng rập theo khuôn mẫu của hàng bao thế-kỷ chồng chất lên nhau.

Nhưng khi người Pháp đặt nền đô-hộ ở đất nước này thì xã-hội Việt-Nam đảo lộn hết, nền quân chủ chuyên chế bắt đầu suy tàn, luân lý cò-truyền Á-đông xưa bị xao-động, nhiều tập-tục cổ bị loại bỏ, nhiều lớp người mới bắt đầu phát sinh.

## II.— BỘ MẶT MỚI CỦA XÃ-HỘI VIỆT-NAM DƯỚI THỜI PHÁP THUỘC

Mặc dầu thành phần xã-hội Việt-Nam xưa có chia làm bốn hạng người (sĩ, nông, công, thương), nhưng sự phân chia này không được rõ rệt và thường hay đồng-hóa : nông dân nếu có tiền ăn học cũng có thể trở thành kẻ sĩ và, đảo lại kẻ sĩ thì hổng mồi cũng thường trở về làm công việc đồng áng của nông dân ; còn giới công, thương lại không cách biệt với nông dân là mấy vì chính nông dân trong những phút rảnh rang công việc đồng nội, đều sẽ trở thành những nhà công-nghệ và thương-gia.

Sự phân cách giữa dân thành-thị với dân thôn-quê cũng không cách biệt nhiều : tất cả những dân sống ở thành-thị thường có ruộng, vườn, nhà cửa ở chốn thôn quê và vẫn thường hay trở về quê sinh sống.

Nhưng từ ngày người Pháp đặt nền bảo-hộ tại đây, chánh sách đô-hộ của người Pháp đã làm biến-cải cả bộ mặt thành-thị, tạo hẳn thành một hạng thị dân và trong đám thị-dân này, nảy sinh ra nhiều lớp người mới. Còn chốn thôn-quê, tuy bị chánh sách bóc lột của thực dân làm nghèo nàn tiêu tụy đi, nhưng ảnh-hưởng văn minh Tây-phương chưa làm xáo trộn đời sống nhân dân là mấy.

Do đó ta thấy :

— Ở thôn-quê, dân Việt-Nam hãy còn giữ lại được nhiều hình ảnh xã-hội cũ.

— Ở thành-thị ảnh-hưởng văn-minh vật-chất mới đã làm biến đổi tất cả nề nếp xưa.

## A— NƠI THÔN-QUÊ :

### 1) Nông dân sống trong cảnh khổ cùng :

Việt-Nam là xứ nông-nghiệp, dân-quê chiếm tới 94% tổng số :

— Tại Bắc và Trung-kỳ, ruộng đất bị phân chia làm nhiều mảnh nhỏ, mỗi gia-đình có một miếng đất để cấy cây sinh nhai. Còn những người nông dân nghèo thì phải linh ruộng của chủ, hàng năm phải trả địa-tô rất nặng và chịu đủ mọi thứ thuế má.

● Ngoài thuế đinh, thuế điền, nông dân còn phải chịu những thuế mà trước kia khi Việt-Nam còn độc-lập họ không phải nộp, như : *thuế chợ* đánh vào người đi chợ, *thuế môn bài* đánh vào người buôn bán, *thuế kiểm lâm* đánh vào người đốn củi...

● Ở Bắc-kỳ, về *thuế đinh*, trước năm 1938, trước mỗi người phải nộp 2đ50 chưa kể số phụ thu ; từ 1938, người không có tài-sản hoặc có lương dưới 120đ mỗi năm phải nộp 1đ, còn người có tài-sản lại phải nộp tới 50đ. Còn tại Trung-kỳ, thuế đinh trước 1939 như sau : 2đ50 chưa kể số phụ thu ; từ 1939 thì người không tài-sản nộp 0đ60, người có tài-sản nộp 1đ50 và một số tiền thuế tỷ-lệ tài-sản. Với thuế má nặng nề, thường dân quê làm việc không đủ ăn. Họ phải vay nợ trước, chịu phân-lời cao.

Đến khi cấy xong lúa, trang trải công nợ, nếu vào năm được mùa, còn dư-dã chút ít, còn gặp năm thất mùa thì đành cam chịu cảnh đói khổ khổ cùng. Đã thế họ còn bị bọn cường-hào ác bá bóc lột, chánh-sách đồ hộ hà khắc của thực dân Pháp đồ lên đầu bao nhiêu thuế-má, sai-dịch.

— Tại Nam-kỳ, tương đối phi nhiêu, ruộng đất rộng lớn hơn chứ không bị tẻ phân như ở Bắc và Trung. Nhưng đây lại là đất mới, thường được dân tìm cách khai thác và chiếm hữu, nên đa số đất đai rơi vào tay các điền chủ, phú nông, giàu tiền và nhiều thế

lực ; do đó, tuy đất tốt và phì nhiêu, mà nông dân cũng không được hưởng mấy. Họ cũng phải thuê ruộng của chủ, trả địa-tô cao. Tuy đời sống có dễ chịu hơn các nông dân miền Bắc và Trung chút ít, nhưng họ vẫn phải sống trong cảnh nợ-nần thiếu thốn, làm mướn hết mùa này sang mùa khác mới đủ ăn.

## 2) Nền-nếp cổ vẫn được gìn giữ :

Ngoài cảnh chịu sưu cao thuế nặng, nông dân Việt-Nam chẳng được hưởng chút nào văn-minh cơ-khí của Tây-phương truyền sang. Họ vẫn sống với những tập tục cũ, lấy đại gia-đình làm nền tảng xã-hội.

## B— CHỖN THỊ-THÀNH :

Thị-thành Việt-Nam có một bộ mặt khác hẳn thời xưa. Vì chánh sách tư-bản thực-dân được triệt để thi-hành, nên ở thành thị, đã phát sinh ra nhiều lớp người mới. Ta có thể chia ra làm bốn hạng sau : trí thức, tiểu tư sản, trưởng giả, và căn lao.

### 1) Giới trí thức :

#### a) Thành phần :

Thành-phần giới trí-thức thật phức tạp. Họ có thể là con cái các gia-đình trung-nông, tiểu công-chức, phú nông, quan-lại, nho sĩ cũ...

#### b) Tính cách và sinh hoạt :

— Vào khoảng đầu thế-kỷ XX, giới trí-thức bao gồm hai nhóm :

● Một nhóm thuộc giới cựu học hoặc là người lãnh-đạo các cuộc kháng-chiến chống Pháp (như Phan đình Phùng, Nguyễn thiện Thuật, Phan chu Trinh, Nguyễn thượng Hiền...) hoặc lui về quê ẩn dật đề nêu cao gương thanh-cao, tiết-nghĩa (như Nguyễn đình Chiểu, Nguyễn Khuyến...) hoặc là những người chịu ra hợp tác với Pháp để đàn áp phong-trào cứu quốc (như Trần bá Lộc, Nguyễn Thân, Hoàng cao Khải, Lê Hoan...).

● Một nhóm thuộc giới tân-học : Những người này chịu ảnh hưởng của nền giáo-dục mới của Pháp, có đầu óc tân-tiến. Trong số

này cũng có một số ít có lòng ái quốc, muốn thực tâm cải-hóa xã-hội, truyền-bá học-thuật Tây-phương trong quần chúng (như Phạm duy Tôn, Nguyễn văn Vinh...), nhưng còn đại đa số đều là những phường giá áo túi cơm, có tâm hồn vong bản, chịu ăn nhờ đê làm tay sai đắc lực của Pháp mà bóc lột, đàn áp đồng bào.

Về sau (khoảng 1920 trở đi), lớp sĩ-phu cũ không còn là bao. giới trí-thức mới thay thế lãnh đạo xã-hội Việt-Nam. Trong giai này có nhiều nhà trí-thức Việt-Nam theo tân-học khởi xướng các cuộc tranh đấu giải phóng dân-tộc và cải tiến xã-hội như Nguyễn thái Học, Nguyễn tường Tam... Tuy nhiên, cũng có nhiều người thực sự vong bản, chỉ biết bợ đỡ, luồn lọt quan thầy để giữ địa-vị ăn trên ngồi trốc, sống theo nếp sống Tây-phương, cách biệt hẳn với đám dân lành.

## 2) Giới tiểu-tư-sản (còn gọi là giới Trung-lưu):

### a) Thành-phần :

Giới tiểu-tư-sản (hay giới Trung-lưu) gồm có những thành-phần phức-tạp như tiểu-công-chức, tư-chức, trung-nông, tiểu-thương, tiểu-công-nghệ.

### b) Tính-cách và sinh-hoạt :

— *Tiểu công, tư-chức* : Công-chức là những người làm việc cho chính-phủ Bảo-hộ hoặc Nam triều, còn tư-chức là những người làm việc tại các nhà buôn, các xí-nghiệp tư.

Những người này lãnh lương ít, phải làm việc nhiều, lại bị người Pháp bạc-đãi, khinh-miệt, nên bất-mãn với chế-độ đương thời. Tuy nhiên chính họ là những người tiên phong hấp thụ nền văn-minh Tây-phương nhiều hơn cả. Ở gia-đình họ, sự sung đột « mới, cũ » đã xảy ra thật gay go.

Chính vì vốn bất mãn với chế-độ lại hấp thụ được tư-tưởng phóng-khoáng tự-do dân-chủ của Tây-phương nên giới này đã sản-xuất ra được nhiều vị lãnh-tụ chính-trị, nhiều nhà văn nhà báo có tài.

### 3) Giới trường-già :

#### a) Thành phần :

Giới trường-già gồm có những đại-diễn-chủ, các người trong hàng quan-lại, một số ít các nhà kỹ-nghệ, doanh-nghiệp, công-thương-nghiệp.

#### b) Tính-cách và sinh-hoạt :

Tương đối giới trường-già có ý thức giai cấp hơn giới tiểu-tư-sản vì họ được hưởng những đặc quyền giống nhau, lại hấp thụ chung một nền giáo-dục, và có những ao ước, tâm trạng giống nhau :

— Các đại diễn chủ có những thửa ruộng rộng mênh mông, quanh năm sống trên tinh, thỉnh thoảng mới về quê thu tiền cho mượn ruộng và tiền cho vay. Họ thường dựa thế lực người Pháp, mua rẻ những ruộng đất quanh vùng của họ, bóc lột bọn tá-diễn cho vay lãi nặng và cho thuê ruộng với địa-tô cao.

— Các nhà kỹ-nghệ, doanh-nghiệp và công-thương-nghiệp : phần vì nước ta là nước nông-nghiệp, phần lại vì chính sách đế quốc của Pháp muốn thuộc-địa phải là thị-trường tiêu thụ hàng hóa của chính quốc, nên nền đại kỹ-nghệ ở nước ta thời đó không phát-triển được. Chỉ có một ít người được Pháp đặc biệt nâng đỡ mới mở được những nhà máy điện, như xưởng dệt, như hãng xuất nhập cảng... Do đấy họ trở nên đại-phú. Vì quyền lợi của họ buộc chặt với nền thống-trị của người Pháp ở đây nên họ rất trung-thành với thực-dân Pháp. Nhiều người đã bỏ tiền chạy cho được Pháp-tịch, lấy tên Pháp và cố rập khuôn mẫu sống cho «giống Tây».

— Các quan-lại sống nhờ lương cao và nhất là tiền bạc bóc lột được của đám dân lành. Dĩ nhiên họ rất trung-thành với người Pháp để giữ vững địa-vị, và đàn áp thẳng tay những nhà ái-quốc Việt Nam để lập công với chính phủ Bảo-hộ, ngõ hầu chóng được «thăng quan tiến chức».

Tóm lại, giới trường-già là giới có nhiều tiền, đầy đủ về phương-tiện vật-chất. Họ sống trong cảnh «nhà lầu xe hơi», cổ bản



chức sống theo nếp sống Tây-phương, rất trung thành với chính-phủ Bảo-hộ. Tuy nhiên họ vẫn bị thực-dân Pháp đè nén như không cho khuếch-trương công kỹ-nghệ, không cho giữ những địa-vị quan-trọng trong nền hành-chánh và tư-pháp.

Thuộc giới này ta còn phải kể tới một số người không chịu luồn cúi người Pháp, tách ra làm nghề tự-do như y-sĩ, luật-sư, giáo-sư.

#### 4) Giới cần-lao :

##### a) Thành phần :

Giới cần-lao gồm những người làm việc bằng chân tay như nông-dân ở thôn quê, thợ và phu ở các xí-nghiệp, hầm mỏ.

##### b) Tình cách và sinh-hoạt :

Ngoài trừ nông-dân (đã xét ở phần nói về thôn-quê trên), giới cần-lao chính là con đẻ của chính-sách thực-dân :

— *Nhân số* : Tính đến đầu năm 1914 số thợ và phu ở Việt-Nam độ chừng 55.000 làm việc trong 200 xí-nghiệp. Vào hồi kinh-tế khủng-hoảng 1929 số nhân công ở Việt-Nam lên tới 211.052 người.

— *Đời sống* : chính quyền Bảo-hộ bênh vực quyền-lợi tư-bản Pháp đè bẹp này được tự-do bóc lột và đàn áp nhân-công Việt-Nam sống rất khổ sở trong những hầm mỏ, đồn điền cao-su các xí-nghiệp... Lương hạ làm việc nhiều, không được luật lao-động bảo-vệ, họ còn bị bọn cai hành-hạ đánh đập. Nhiều người đã phải bỏ xác nơi rừng thiêng nước độc.

Mãi đến năm 1927, phủ toàn quyền Đông-dương mới ra lệnh hạ số giờ làm việc xuống 10 giờ một ngày. Và tới năm 1936, Mặt trận Bình-dân Pháp lên nắm quyền, qui-chế lao-động mới được đem áp-dụng tại Việt-Nam. Nhưng đó chỉ là trên lý-thuyết. Vì đó, tháng chạp năm 1936 hơn 50 ngàn thợ thuyền các nơi đã đình công đòi tăng lương và cải thiện điều kiện làm việc. Họ đã bị thực-dân Pháp đàn áp thẳng tay.

Để biết một cách cụ-thể đời sống của các thành-phần giai-cấp trong xã-hội Việt-Nam thời Pháp thuộc, ta thử nhìn qua số tiền thu được hàng năm của họ, vào năm 1931 :

Người Âu	5.000 đồng
Người Việt giàu	6.000 đồng
Người Việt bậc trung	168 đồng
Người Việt nghèo	49 đồng

Theo ông Paul Bernard, người Việt giàu có chừng 9.000 người còn người Việt nghèo có tới 9.600.000 người !

Nhìn qua bảng lợi-tức trên, ta đủ thấy đời sống của đa số dân Việt thời này cơ-cuộc biết đường nào !

### III. — CÁC SINH-HOẠT XÃ-HỘI

#### A— CĂN-BẢN TƯ-TƯỞNG : CÁ-NHÂN CHỦ-NGHĨA PHÁT-TRIỂN :

Trước kia dân Việt-Nam chìm trong giáo-ly Khổng-Mạnh coi nhẹ thân mình mà trọng nghĩa quân thần, tình yêu thương đồng loại. Nhưng từ ngày Pháp-thuộc, người Pháp đem chủ-nghĩa cá-nhân phổ-biến sâu rộng khiến cho mọi người dân chịu ảnh-hưởng chủ-nghĩa này, chỉ biết nghĩ đến mình, gia-đình mình, mà coi nhẹ tình gia-tộc, nghĩa quốc-gia. Cũng vì thế mà cuộc xung đột «mới cũ» mới phát sinh làm sôi-nổi đư-luận, nhất là vào khoảng năm 1930 - 1945.

#### B— CĂN BẢN TINH THẦN : NHIỀU TÔN-GIÁO MỚI XUẤT HIỆN :

Trước kia, ở Việt-Nam, chỉ có ba tôn-giáo chính là Khổng, Lão và Phật. Người dân Việt nào cũng thờ cúng tổ-tiên, đi lễ chùa vào ngày rằm, mừng một.

Nhưng từ ngày Pháp-thuộc, nhiều tôn-giáo mới xuất hiện và phát-triển nhanh chóng :

— Đạo Thiên chúa phát-triển ngay từ thời vua Gia-Long và mặc dầu bị nghiêm cấm, vẫn bành-trướng mạnh. Đến thời Pháp-thuộc, đạo này càng được tru-đãi và số tín-đồ gia tăng mau.

— Ngoài ra, còn có các đạo khác như đạo Cao-đài, Hòa-hảo... cũng được dân chúng ở Nam-kỳ hưởng-ứng và theo rất đông.

## C— CÁC TỔ-CHỨC XÃ-HỘI :

Đề tuyên-truyền trong quốc-nội và cũng như quốc-ngoại, chính-quyền Bảo-hộ Pháp cũng lập ra nhiều cơ-quan từ-thiện, y-tế chăm sóc cho dân nghèo Việt-Nam :

### 1) Các cơ-quan từ-thiện :

Ở các thành-thị, chính-phủ Bảo-hộ có lập ra những nhà tế bần, viện mồ côi, viện dưỡng lão, rồi giao cho các nhà tu-hành trông coi.

### 2) Tổ-chức y-tế :

Người Pháp cũng đề ý tới vấn đề y-tế để chăm nom sức khỏe cho dân thuộc địa bằng cách lập ra những bệnh-xá, các nhà hộ sinh ở các tỉnh lỵ và một vài phủ, huyện lớn.

## D— TỔ-CHỨC GIÁO-DỤC :

— Với mục-đích đào-tạo những công-chức, chuyên-viên phục-vụ cho chính-quyền Bảo-hộ, và phổ-biến văn-hóa Pháp, nhà cầm quyền Pháp đã cho cải-tổ lại chương-trình giáo-dục, chú-trọng tới việc học chữ Quốc-ngữ và nhất là chữ Pháp. Nhưng đồng thời người Pháp lại sợ số thanh-niên Việt có bằng cấp cao quá đông, có thể cạnh-tranh với người Pháp trong các chức-vụ ở công-sở, nên đã chủ-trương mở-mang giáo-dục theo *chiều ngang* (chủ-trương của toàn-quyền Merlin). Theo chủ-trương này, người Pháp đặt thật nhiều kỳ thi để cản trở bước tiến thẳng của học-sinh Việt.

— Trường Đại-học được Toàn-quyền Beau cho thiết-lập, bị Toàn-quyền Klobukowski bãi bỏ, rồi đến năm 1918 được A.Sarraut cho tổ-chức lại :

● Trước hết có trường Cao-đẳng Y-Dược, rồi sau mới thêm các trường Cao-đẳng Sư-phạm, Công-chánh, Canh-nông, Thú-y, Thương-mãi, Cao-đẳng Kỹ-thuật. Sau đó trường Y-Dược đổi thành hai trường là Y-khoa và Dược-khoa.

● Về sau, trường Cao-đẳng Luật-học và Hành-chánh đổi thành Luật-khoa Đại-học còn các trường Sư-phạm, Thương-mãi, Canh-nông, Công-chánh đều bị chính-phủ Bảo-hộ bãi bỏ.

● Tới năm 1938, người Pháp cho lập lại hai trường Đại-học Nông-lâm và Công-chánh.

● Trường Đại-học Khoa-học xuất-hiện từ thời Toàn-quyền Decoux.

— Nhìn qua số học-sinh đi học trong niên-khóa 1937-38, ta thấy ngay số thất-học ở Việt-Nam thời này lên tới 90% :

Đại-học : 547 sinh-viên

Trung-học : 400 học-sinh

Tiểu-học : 414.729 học-sinh.

#### NIÊN - HIỆU GHI NHỚ

1918 : Albert Sarraut tổ-chức lại Đại-học.

1938 : — Lập trường Đại-học Nông-lâm và Công-chánh

— Cải-cách thuế đĩnh.



VIỆT-NAM TRONG KỲ ĐẠI CHIẾN THỨ HAI :

**Nhật lập căn-cứ ở Đông-Dương**  
**Cuộc đảo-chính 9-3-1945**



- TÌNH HÌNH CHUNG  
Ở VN TRONG CUỘC  
ĐẠI CHIẾN THỨ 2  
(39.1945)
- QUÂN NHẬT LẬP  
CĂN CỨ Ở ĐÔNG-  
DƯƠNG
- CUỘC ĐẢO CHÁNH  
9-3-45 VÀ NỀN ĐỘC  
LẬP CỦA VN DƯỚI  
THỜI NHẬT THUỘC



# TÌNH-HÌNH CHUNG Ở VIỆT-NAM TRONG CUỘC ĐẠI-CHIẾN THỨ HAI (1939-1945)

- VỀ CHÍNH-TRỊ
- KINH-TẾ
- VĂN-HÓA

## I. VỀ CHÍNH-TRỊ

— Về phía triều đình nhà Nguyễn, thì từ năm 1932 Bảo-Đại về nước nắm quyền bù-nhìn, sau mười năm du-học tại Pháp, mãi tới năm 1945 mới tuyên-bố thoái-vị. Trong mấy năm đầu tiên làm vua, Bảo Đại đã ban hành những đạo-dụ tuyên-bố sẽ đích thân điều-khiển việc chính-trị, thiết-lập nền quân-chủ lập-hiến, cải tổ quan-lại v.v... Rồi Bảo Đại đã thi-hành một vài biện-pháp cải-tò nội các, mời thêm các nhân-sĩ ra giữ những chức-vụ quan-trọng tại triều-đình Huế. Những việc làm đó đã gây được lòng tin tưởng và hy-vọng của toàn dân. Nhưng sau Bảo Đại làm toàn dân thất vọng vì đã chứng tỏ cái hư-vị của mình bằng cách :

- Nhượng quyền chủ-tịch cơ mật-viện, một cơ-quan tối cao của triều-đình bản về các việc quân-quốc trọng-sự cho khâm-sứ Trung-kỳ (người Pháp).
- Đề cho Phạm-Quỳnh, tay sai thân tín của Pháp, thao-túng mọi việc.

Như vậy, trong thế-chiến thứ hai (1939-1945), chính quyền Việt-Nam hoàn-toàn chỉ là chính-quyền bù nhìn dưới quyền kiểm-soát chặt chẽ của người Pháp.

— Về phía người Pháp, chính-quyền Bảo-hộ do Đốc-độc Decoux điều-khiển phải đối phó với những đe-dọa nặng nề của quân-đội Nhật đang nhòm ngó Đông-dương. Để chặn đứng những cuộc biến-động có thể xảy tới do các đảng phái chính-trị Việt-Nam lợi dụng tình thế gây ra, Decoux đã :

- Một mặt *kiểm-soát sinh-hoạt xã-hội* và cho áp-dụng những biện-pháp cứng rắn như : không lập hội, đóng cửa nhiều tờ báo, đặt chế-độ kiểm-đuyệt, giải-tán Hội-đồng dân biểu.

- Một mặt *mua chuộc các nhà trí-thức và quan-lại Việt-Nam*, đề cao Quốc-vương bản xứ lập ra thuyết «liên bang Đông-dương» đề đổi lại khẩu-hiệu «Đại-Đông-Á», «Á-Châu của người Châu Á» của người Nhật.

Đề đối phó với sự tuyên truyền của người Nhật về khẩu hiệu «Đại-Đông-Á», Toàn-quyền Decoux đã phải thay đổi chính-sách cai-trị ở Đông-dương :

— Về chính-trị : Decoux cho thay thế danh từ «xứ Đông-dương thuộc Pháp» (Indochine Française) bằng danh-từ «Liên-bang Đông-dương» (Fédération Indochinoise) để nêu rõ ý-nghĩa các quốc-gia Đông-dương cùng hợp-tác với Pháp chứ không phải làm nô-lệ cho Pháp. Đồng-thời người Pháp đề-cao tinh-thần quốc-gia, tỏ vẻ tôn-trọng Quốc-vương bản xứ cốt cho người dân có cảm-tưởng người mình có chủ-quyền thực-sự.

— Về kinh-tế : chính-quyền Bảo-hộ vội vã cho thực-hiện một chương-trình kiến-tạo lớn (đào sông, mở mang đường-xá...) để tỏ rõ cho mọi người thấy mục-đích của Pháp là «khai-hóa dân tộc bản khai» chứ không phải bóc lột.

- Hơn nữa, Decoux còn cho tổ chức trọng-thể những buổi kỷ-niệm lịch-sử (như lễ Trưng-Vương) để dòn lòng ái-quốc của dân-tộc Việt sang lòng căm-phẫn của người Trung-hoa. Decoux lại còn bày ra những trò vui náo nhiệt như tổ chức các phong-trào thể-thao, (rước đuốc, đua xe đạp, đá bóng...) để làm thanh-niên Việt-Nam sao lãng bồn phận tranh-đấu giải-phóng dân-tộc.

Tuy gây được ảnh-hưởng một thời, nhưng Pháp vẫn phải diên đầu vì các thanh-niên V.N. vẫn hăng-hái hoạt-động trong các

chính-đảng đề cử giành độc-lập khi người Nhật bắt đầu đặt chân lên giải-đất chữ S này.

## II.— KINH-TẾ

— Chính-sách kinh-tế của thực-dân Pháp tại các thuộc-địa là: dùng thuộc-địa làm thị-trường tiêu-thụ hàng-hóa của chính-quốc và cung-cấp nguyên-liệu cho chính-quốc chế-tạo hóa-phẩm. Ví như, ở Việt-Nam, người Pháp đã bóp nghẹt kinh-tế VN, không cho lập những nhà máy lớn để sản-xuất hàng-hóa ngay trong nước, mà buộc phải mua hàng-hóa do nước Pháp nhập cảng vào.

— Đến nay, khi Nhật đóng quân tại Đông-dương, quân Đồng-minh liền phong-tỏa xứ này, đường giao-thông gián-đoạn, thì Việt-Nam trở nên thiếu thốn đủ mọi thứ đồ dùng hàng ngày. Để bù đắp vào chỗ thiếu đó, Pháp đã ký thương ước với Nhật, nhưng Nhật không đủ hàng-hóa để bán cho Việt-Nam vì lúc đó kỹ-nghệ của Nhật cũng đang hướng về chiến-tranh nên thiếu nhiều chế-tạo-phẩm nhật dụng.

— Cũng vì tình trạng đó mà chính-phủ Bảo-hộ buộc lòng phải gây một phong-trào sản-xuất hàng nội-hóa để tự cung-cấp cho nhu-cầu trong xứ. Nhưng đường giao-thông ngay tại Việt-Nam cũng bị gián-đoạn vì bị phi-cơ Mỹ oanh-tạc để cản-trở việc di-chuyển quân-đội của Nhật. Do đó sản-phẩm nơi này không đem đổi được với nơi khác: vào cuối năm 1944 sang 1945, trong khi ngoài Bắc mất mùa làm gần 2 triệu dân chết đói và thừa than, thì ở trong Nam, dân phải lấy gạo thừa đốt làm than mà dùng.

## III.— VĂN-HÓA

Nhân cơ hội người Pháp đang lấy lòng dân bản-xứ, các văn nghệ sĩ cũng như các nhà khảo-cứu đã hướng mọi đề-tài về dân-tộc tính:

— Người ta thấy hội-họa, ca-nhạc đều dùng đề-tài và tiết điệu Việt-Nam, những sách khảo-cứu về tôn-giáo, văn-chương cò cũng được hưởng-ứng.

— Đề chống nạn mù chữ, Nguyễn-văn-Tổ đã đứng ra lập Hội truyền bá quốc-ngữ (lập từ năm 1938), đặt chi-nhánh tại khắp Việt-Nam.



## QUÂN NHẬT LẬP CĂN-CỨ Ở ĐÔNG-DƯƠNG

- LÝ DO NHẬT NHÒM NGÓ ĐÔNG-DƯƠNG
  - HÀNH ĐỘNG CỦA NHẬT
  - KẾT QUẢ
- 

### I.— LÝ-DO NHẬT NHÒM NGÓ ĐÔNG-DƯƠNG

Chiếm xong Quảng-châu và đảo Hải-nam của Trung-hoa, Nhật liền đề ý tới Đông-dương vì hai lý-do chính:

— Lý do 1 : Tại Đông-dương có đường xe lửa Hải phòng—Vân nam : Chiếm được Đông-dương tức là chiếm được đoạn đường xe hỏa này để tải quân từ Đông-dương đến Vân-nam đánh phía Nam nước Trung-hoa và hơn nữa, để cắt đường tiếp viện của Đồng-minh cho Tưởng-giới-Thạch (lúc đó rút vào Trùng-khánh) đang kháng Nhật.

— Lý do 2 : Đông-dương là điểm then chốt chi phối các vùng Đông-Nam-Á : Từ Đông-dương, Nhật có thể xua quân tiến qua thôn tính các xứ vùng Đông-Nam-Á để lấy tài-nguyên và dùng làm căn-cứ quân sự quan-trọng tại Thái-bình-dương.

### II.— HÀNH-ĐỘNG CỦA NHẬT : CHIẾM DẪN ĐÔNG-DƯƠNG

#### A.— BƯỚC ĐẦU : NHẬT ĐÒI KIỂM-SOÁT RANH GIỚI VIỆT—HOA :

Lợi dụng sự yếu kém của Pháp tại Âu-châu, Nhật gởi tới hậu thư cho Toàn-quyền Đông-dương Catroux đòi phải đóng cửa

biên-giới Việt-Hoa và đề quân Nhật kiểm-soát ranh-giới (ngày 16-6-1940). Trước binh lực hùng hậu của quân-đội Thiên-hoàng, chính-quyền Bảo-hộ Pháp biết không đủ sức kháng-cự, nên đành nhượng bộ Nhật.

Sau đó, lại sợ Catroux gây xích-mích với Nhật, chính-phủ Vichy bèn cử Đô-đốc Decoux sang Đông-dương làm toàn-quyền thay Catroux.

### B— BƯỚC LẤN THỨ HAI : NHẬT MƯỢN ĐƯƠNG TÀI QUÂN :

Biết quân-lực của Pháp tại Đông-dương rất yếu so với quân-đội của mình, Nhật liền lấn thêm bước nữa : buộc Pháp phải ký một hiệp-ước gồm mấy điểm chính sau :

— Chính-phủ Nhật công nhận chủ-quyền của Pháp tại Đông-dương, tôn-trọng sự toàn vẹn của lãnh-thổ đó.

— Chính-phủ Pháp phải nhận địa-vị ưu-tiên của Nhật tại Viễn-đông và nhận dành cho quân-đội Nhật những điều-kiện thuận lợi để giải-quyết chiến cuộc giữa Nhật và Trung-hoa.

— Một bản thỏa-ước quân-sự sẽ được ký kết tại Hà-nội để quyết-định những giải-pháp thi-hành bản hiệp-ước chính-trị này.

### C— BƯỚC LẤN THỨ BA : NHẬT ĐỒ BỘ CHIẾM ĐÔNG ĐÔNG DƯƠNG :

— Sau nhiều khó khăn, bản thỏa-ước quân-sự Nhật-Pháp về Đông-dương đã được ký-kết ngày 22-9-1940.

— Cũng ngày này, coi như không có thỏa-ước quân-sự và để gây áp-lực mạnh với chính-phủ bảo-hộ, quân-đội Nhật đã từ Long-châu (Trung-hoa) tiến đánh Lạng-sơn. Sau mấy ngày kịch-chiến, quân Pháp phải đầu hàng. Nhân dịp này, một số Việt-kiều ăn-náu tại Quảng-tây thuộc đảng Phục-quốc bèn võ-trang kéo đánh phá các đồn của Pháp và chiếm những vùng lặn-cận Lạng-sơn. Nhưng đến khi Nhật — Pháp ngưng bắn và thỏa-hiệp với nhau thì Nhật liền đề mặc Pháp thẳng tay đàn áp nghĩa-quân Phục-quốc.



— Sau khi chiếm xong Lạng-sơn (29-9-1940), Nhật lại đổ bộ lên Hải-phòng rồi dần dần kéo đi chiếm các căn-cứ quan-trọng ở Đông-dương

### III.— KẾT QUẢ : CHÍNH-PHỦ BẢO-HỘ HOÀN TOÀN NHƯỢNG BỘ NHẬT

— Trước tình thế căng thẳng, biết không thể chống lại quân Nhật, chính-phủ Pétain lại phải ký với Nhật một bản hiệp-ước «phòng thủ chung» chịu cho quân-đội Nhật được quyền :

- Đóng quân tại Nam-phần
- Sử dụng các phi-trường
- Sử-dụng ba căn-cứ hải-quân là Sài-gòn, Đà-nẵng và Cam-ranh.

Tuy nhiên, Nhật vẫn công nhận quyền cai-trị của Pháp ở Đông-dương, mọi tổ-chức về hành-chánh vẫn y như cũ và quân-đội Pháp không bị tước khi-giới.

— Từ đó, Nhật dùng Đông-dương làm căn-cứ đi chiếm các nước lân-cận, và chỉ trong vòng 5 tháng sau Nhật đã hoàn thành giấc mộng Đại-Đông-Á.



## CUỘC ĐẢO-CHÁNH 9-3-1945 VÀ NỀN ĐỘC- LẬP CỦA V.N. DƯỚI THỜI NHẬT THUỘC

- LÝ-DO CUỘC ĐẢO CHÁNH 9-3-45
  - CUỘC ĐẢO CHÁNH 9-3-45
  - HẬU QUẢ
- 

### I.— LÝ-DO CUỘC ĐẢO CHÁNH 9-3-1945

Cuộc đảo-chánh 9-3-1945 của Nhật bắt nguồn từ mấy nguyên nhân sau :

— Nguyên-nhân 1 : Thế-giới đại-chiến đã đến hồi quyết liệt và bất lợi cho Nhật.

Lúc đó (1945 ở Âu-châu quân Đồng-minh đã giải-phóng Paris (vào tháng 7-1944), chiếm các ưu thế trên khắp chiến-trường. Còn trên mặt trận Thái-bình-dương, quân Mỹ bắt đầu đánh chiếm lại các đảo đã mất, phá hủy hạm-đội và các căn-cứ quân sự của Nhật.

Đông-dương bấy giờ là miếng mồi mà quân Đồng-minh sẽ nhắm để giải-phóng miền Hoa-Nam (Trung-hoa) và các nước vùng Đông-Nam-Á. Do đó Nhật thấy cần phải nắm trọn quyền hành-động ở Đông-dương, gạt bỏ ngay chính-quyền Bảo-hộ của Pháp bên cạnh, để có thể ứng phó nhanh chóng và kịp thời với tình-thế cấp bách.

Nguyên-nhân 2 : Nhật sợ Pháp làm nội-ứng cho Đồng-minh chiếm Đông-dương.

Ngoài ra, Nhật lại thấy quân-đội Pháp ở Đông-dương ngấm ngầm sửa soạn nào xây lũy nào chuyển binh. Hơn nữa, ban do-

thám của Nhật còn nhận biết được có sự liên-lạc giữa chính-phủ Bảo hộ Pháp với phái-đoàn Đồng minh. Bởi vậy Nhật quyết-định phải hành-động trước để tránh sự phản công bất ngờ của Pháp tại Đông-dương.

## II.— CUỘC ĐẢO CHÁNH 9-3-1945

— *Tối hậu-thư* : Hồi 19 giờ ngày 9-3-1945, đặc-sứ Nhật Matsumoto ở Saigon gọi cho toàn-quyền Decoux đòi Pháp phải trao ngay tất cả các cơ-quan quân-sự, chính-trị và hành-chánh ở Đông-dương cho Nhật, Decoux từ chối.

— *Cuộc đảo-chánh bùng nổ* : Hồi 20 giờ quân Nhật nổ súng tấn công quân Pháp tại khắp nơi trên toàn cõi Đông-dương. Chỉ trong vòng 24 tiếng đồng hồ Nhật đã làm chủ tình thế ở khắp nơi và toàn bộ Tham-mưu Pháp phải quy-hàng.

## III.— HẬU QUẢ

### A— VỀ PHÍA NHẬT :

Trên lý thuyết, sau khi loại bỏ xong chính quyền Bảo-hộ của Pháp, Nhật tuyên-bố trả lại độc lập cho Việt-Nam : Chiều ngày 10-3-1945 đại-sứ Nhật Yokoyama yêu cầu Bảo-Đại và triều đình Huế cộng tác với Nhật để xây-dựng khối «Đại Đông Á».

Nhưng trên thực tế, Nhật nắm tất cả các quyền-hành.

### B— VỀ PHÍA VIỆT-NAM :

#### 1. Tình-hình Việt-Nam sau ngày Nhật đảo-chánh :

Sau khi Nhật đảo-chánh thành-công, các đảng phái thân Nhật bắt đầu xuất hiện và hoạt-động công khai. Họ tổ-chức những cuộc biểu tình thật lớn để hoan-hô Nhật, đá-đảo Pháp :

— Ở Bắc và Trung-kỳ, đảng Đại-Việt Quốc-xã, tổ-chức biểu tình để tố-cáo chế-độ thực-dân bóc lột và sự thối nát trong hàng ngũ quan-liêu.

— Ở Nam-kỳ đảng Việt-Nam Quốc-gia Đập-lập, giáo phái Cao-đài cũng tổ-chức được nhiều cuộc biểu tình.

Có nhiều người, nhất là các đảng-viên đảng Phục-quốc đề nghị đưa Cường-Đề về nước lãnh-đạo quần chúng. Nhưng vì còn đang phải đối-phó về mặt quân-sự, người Nhật không muốn có những thay đổi lớn về mặt chính-trị ở Đông-dương, nên đã không chấp-nhận đề-nghị này mà vẫn để Bảo-Đại điều-khiển triều-đình Huế như cũ.

## 2) Thanh toán tàn tích cũ : hủy bỏ hiệp-ước Bảo-hộ. Nội-các Phạm Quỳnh từ-chức :

Sau khi được đại-sứ Nhật tuyên-bố trao trả quyền hành (10-3-1945), ngày hôm sau (11-3), Bảo-Đại ở Huế tuyên bố hủy-bỏ các hiệp-ước bảo-hộ đã ký với Pháp và tuyên-bố nhận tham-dự vào khối Đại-Đông-Á của Nhật.

Thấy dân-chúng không ưa mình, ngày 19-3-1945 nội-các Phạm-Quỳnh đệ đơn xin từ-chức. Bảo-Đại chấp nhận và lo đi tìm người thành-lập nội-các mới.

## 3) Việt-Nam độc lập với chánh-phủ Trần-trọng-Kim :

### a) Nội-các Trần-Trọng-Kim thành-lập :

Sau một tháng thăm dò ý-kiến, tới ngày 17-4-1945, Bảo-Đại trao cho nhà học-giả Trần-Trọng-Kim thành-lập tân nội-các.

### b) Hoạt-động của chính-phủ Trần-Trọng-Kim :

Chính-phủ mới đã làm được mấy công việc đáng kể như :

— Khuyến-khích thanh-niên tham-gia vào công việc kiến-quốc. Một tờ-chức thanh-niên được tại khắp các tỉnh mệnh-danh là «Thanh niên tiên-phong» đề nâng đỡ phong-trào thanh-niên kiến-quốc.

Nhưng trên thực-tế, chính-phủ Trần Trọng Kim chỉ mới nằm thế chủ-động ở các thành-phố lớn. Còn ở các tỉnh nhỏ và nhất là miền quê thì vẫn bị quân-đội Nhật và các tay sai đè nén, bóc lột. Hơn nữa các đường giao-thông bị phi-cơ Mỹ oanh-tạc, Nhật thu thóc gạo tích-trữ đề-phòng quân Đồng-minh đồ bộ, nên chính-phủ Trần-Trọng-Kim gặp nhiều khó khăn, không thực hiện được công việc nào đáng kể và nhất là không thể nào giải-quyết được nạn đói khủng-khiếp đè nặng lên đầu dân-chúng Bắc-kỳ hồi đó,

#### 4) Cách-mạng tháng 8 thành-công : Nền quân-chủ chấm dứt tại Việt-Nam : Bảo-Đại thoái-vị :

— *Nhật đầu hàng* : Ngày 6 tháng 8 năm 1945, quả bom Nguyên-tử thứ hai của Mỹ tàn hại toàn tỉnh Hiroshima của Nhật. Biết không thể cầm cự được nữa, Nhật hoàng tuyên bố đầu hàng vô điều-kiện (ngày 15-8-1945).

— *Tình hình sôi nổi ở V.N.* : Sau ngày Nhật đầu hàng, ở Việt-Nam, tình hình trở nên sôi nổi. Đâu đâu cũng có những cuộc biểu-tình, hội-thảo đòi quyền độc-lập, tự do dân-chủ thực-sự cho dân-tộc.

*Bảo Đại thoái vị* : Nhân cuộc biểu-tình vào buổi chiều ngày 17-8-1945 trước cửa nhà Hát lớn ở Hà-nội, các cán-bộ Việt-Minh hô hào dân chúng biểu tình tuần hành đòi Nhật trao lại các công sở cho dân chúng. Đến ngày 19 thì các cán-bộ Việt-Minh hoàn toàn chiếm được các cơ sở hành-chánh tại Hà-nội. Khâm-sai Phan Kế Toại của Bảo-Đại ở Hà-nội phải nhường lại phủ Khâm-sai. Sau đó, «một nhóm đại diện các đảng và các tầng lớp dân-chúng» đánh điện vào Huế yêu cầu Bảo-Đại thoái-vị.

Ngày 25-8-1945 Bảo-Đại ban chiếu thoái-vị, chấm dứt nền quân-chủ tại Việt-Nam.

#### NIÊN - HIỆU GHI NHỚ

1938 : Hội truyền bá quốc-ngữ được thành-lập.

1940 : — Nhật kéo quân vào Đông-Dương

— Decoux sang thay Catroux làm toàn quyền Đông-Dương.

9-3-1945 : Nhật đảo chính lật đổ chính quyền Bảo hộ Pháp tại Đông-Dương.

11-3-1945 : Viện Cơ-mật của triều-đình Huế tuyên-bố hủy bỏ hiệp ước 1884 và Việt-Nam độc-lập.

17-3-1945 : — Bảo-Đại tuyên chiếu tham-chính

— Đại-sứ Nhật được cử làm Khâm-sứ tại Huế.

17-4-1945 : Trần-trọng-Kim được vua Bảo-Đại ủy-nhiệm lập chính-phủ.

15-8-1945 : Nhật tuyên-bố đầu hàng vô điều kiện.

22-8-1945 : — Mặt-trận Việt-Minh xuất-hiện ở Hà-nội và Saigon.

— Vua Bảo-Đại ban chiếu thoái vị.

23-8-1945 : Một chính-phủ lâm thời được thành-lập tại Hà-nội do Hồ-chí-Minh làm chủ tịch.

CHƯƠNG V

★

CAO TRÀO TRANH THỦ ĐỘC-LẬP VÀ THỐNG-NHẤT :

*Những cuộc thương thuyết Việt-  
Pháp - Các hiệp-định*

★

- TÌNH - HÌNH V.N.  
THỜI ĐỘC-LẬP
- CHIẾN-TRANH  
VIỆT-PHÁP



## TÌNH-HÌNH VIỆT-NAM THỜI ĐỘC-LẬP

- CHÁNH-TRỊ
- KINH-TẾ
- VĂN-HÓA

### I.— CHÍNH-TRỊ

#### A— TÌNH-HÌNH CHÍNH-TRỊ Ở BA MIỀN BẮC, TRUNG VÀ NAM :

Sau khi Nhật đầu hàng, hội-nghị Postdam của Đồng-minh quyết-định trao cho các nước Trung-Hoa (ở bắc vĩ-tuyến 16°) và Anh (ở nam vĩ-tuyến 16°) vào trước khi giới quân Nhật tại Đông-dương. Vì đó, tình-hình chính-trị tại Việt-Nam, tùy thuộc vào chính-sách của quân-đội chiếm đóng mà thể-hiện một cách khác nhau :

##### 1) Ở Nam-bộ :

— *«Mặt-trận đoàn kết quốc-gia»* nhận quyền do Nhật trao lại : Ngày 14-8 năm 1945, quân Nhật ở Nam-bộ trao quyền lại cho «Mặt trận đoàn-kết quốc-gia» gồm có «Việt-Nam Độc-lập» của Hồ-văn-Ngà, «Thanh-niên Tiên-phong» của Phạm-ngọc-Thạch, giáo-phái Cao-đài, giáo-phái Hòa-hảo, đảng Việt-Nam phục-quốc-hội của Trần-văn-Ân, các nhóm trí-thức.

— Ủy-ban Hành-chánh Lâm-thời ra mắt : Ngày 25-8, trong một cuộc biểu-tình vĩ-đại tồ-chức tại Saigon, Ủy-ban Hành-chánh Lâm-thời gồm 9 ủy-viên đã ra mắt dân-chúng, chính thức nhận lãnh trách-nhiệm điều-khiển chính-quyền ở miền Nam.

— *Pháp mưu chiếm lại Đông-dương* : De Gaulle tuyên-bổ quyết định giữ lại chủ quyền cũ ở Đông-dương và cử d'Argenlieu làm Thượng-sứ Pháp kiêm Tham-muru-Trưởng lực-lượng quân-sự Pháp ở Viễn-đông và tướng Leclerc phụ-trách việc tái-chiếm Đông-dương. Ngày 17 tháng 8, Leclerc bay sang Ấn-độ đợi ngày đưa quân đổ bộ lên Đông-dương, nhưng tại đây, Leclerc được Tổng-chỉ-huy lực-lượng Đồng-minh cho biết quyết-định của hội-nghị Postdam (Bắc vĩ-tuyến 16° trao cho Trung-hoa, nam vĩ-tuyến 16° trao cho Anh nhiệm vụ tước khí-giới quân Nhật). Vì thế Pháp phải điều đình với Anh để được theo quân Anh chiếm lại Nam-bộ.

● Ngày 22-8, phi-cơ của Anh thả dù xuống Tây-ninh một số sĩ-quan Pháp do Đại-tá Jean Cécille cầm đầu. Nhóm sĩ-quan này được Nhật đưa về Saigon. Ngày 27-8, Cécille liên-lạc với Ủy-ban Hành-chánh Lâm-thời, cho Ủy-ban biết quyết-định của De Gaulle về vấn-đề Đông-dương. Ủy-ban bác bỏ quyết-định đó.

— *Việt-Pháp xung đột* : Ngày 2-9-1945, dân chúng biểu-tình tuần-hành để mừng Ủy-ban Hành-chánh Lâm-thời. Khi đi qua nhà thờ lớn thì đám biểu-tình bị Pháp-kiều ở trong nhà bắn ra, làm nhiều người chết và bị thương. Thanh-niên Tự-vệ Việt-Nam bèn kéo nhau đi phá nhà Pháp-kiều, giết chết và làm bị thương nhiều người Pháp.

— *Anh giúp Pháp tái chiếm lại Nam bộ* : Ngày 6-9-1945, tướng Anh là Gracey cử phái bộ quân-sự đến Saigon giải-giới quân Nhật và bảo-vệ kiều-dân Pháp. Sau đó, Gracey giúp đỡ cho Cécille chiếm lại các công sở trong tay người Việt vào đêm ngày 23-9.

— *Chiến-tranh Pháp-Việt bùng nổ* : Thế là chiến-tranh Pháp-Việt bùng nổ ở Nam-bộ. Ủy-ban Hành-chánh Nam-bộ ra lệnh tổng bãi công, bãi thị, hủy phá nhà điện, máy nước và bao vây Saigon. Ngày 5-10 tướng Leclerc đến Saigon và sau đó, khi viện-binh Pháp đã tới, bèn cho quân đi chiếm lại các thị-xã và trục giao-thông chính. Tướng Tracey trao quyền lại cho Pháp cai-trị xứ Nam-kỳ, và rút hết quân về (ngày 5-3-1946). Khắp nơi dân miền Nam nổi dậy, do tướng Nguyễn-Bình chỉ-huy, dùng khí-giới thô-sơ, đem cả nhiệt-tình ái-quốc ra chống với thiết-giáp và khí-giới tối-tân của Pháp.

*Pháp lập Nam kỳ tự-trị* : Ngày 4-2-1946 Pháp lập « Hội-đồng Cố-vấn Nam-kỳ » gồm 12 ủy-viên (4 Pháp, 7 Việt có quốc-tịch Pháp). Sau lại cho thành-lập chính-phủ do bác-sĩ Nguyễn-văn-Thịnh cầm đầu. Nhưng thấy tình thế mỗi ngày một rối ren, Nguyễn-văn-Thịnh buộc chân và tự-tử.

## 2) Ở Trung và Bắc-bộ :

— *Các đảng-phái tranh-dành quyền-hành* :

Ngày 28 tháng 8 năm 1945, Lur-Hán kéo quân Trung-hoa vào Bắc-bộ đề trước khí-giói quân Nhật. Các chiến-sĩ cách-mạng quốc-gia, nhất là Việt-Nam Quốc-dân-đảng đã theo đoàn quân Trung-hoa trở về nước. Việt-Minh lúc đó đang nắm quyền, đã phải hòa-giải với các đảng phái để có thể tổ-chức cuộc bầu-cử vào Quốc-hội ngày 6-1-1946 ngõ hầu đặt nền tảng pháp-lý cho nước Việt-Nam dân-chủ. Nhưng bên trong, các đảng phái vẫn tìm cách tiêu-diệt nhau và đã xảy ra nhiều vụ thanh-toán đẫm máu.

— *Pháp mưu-định chiếm miền Bắc* : Bị vương quân Trung-hoa đang chiếm đóng từ Bắc vĩ-tuyến 16° trở ra, Pháp phải điều-đinh với chính-phủ Trung-hoa để có thể đặt chân lên Bắc-bộ Việt-Nam. Sau, Pháp và Trung-hoa cùng ký hiệp-ước : Pháp nhận trả lại Trung-hoa nhượng-địa Quảng-châu-loan, bán cho Trung-hoa thiết-lộ Lào-cai—Côn-minh...; đảo lại, Trung-hoa bằng lòng rút quân để Pháp thay thế ở miền Bắc vĩ-tuyến 16° tại Việt-Nam (ngày 28-2-1946).

Sau đó Leclerc cho hạm đội từ Saigon tiến ra Bắc.

— *Chính-phủ Liên-hiệp* : Trước tình thế nguy ngập của đất nước, các đảng phái quốc-gia thỏa-thuận cùng Việt-Minh lập một chính-phủ Liên-hiệp kháng-chiến vào ngày 2-3-1946.

Chính-phủ Liên-hiệp kháng-chiến này gồm có : chủ-tịch : Hồ chí Minh; Phó chủ-tịch : Nguyễn hải Thần; Bộ-trưởng Nội-vụ : Huỳnh thúc Kháng; Bộ-trưởng Ngoại-giao : Nguyễn trường Tam; Bộ-trưởng Quốc-phòng : Phan Anh; Bộ-trưởng Tư-pháp : Vũ đình Hoè; Bộ-trưởng Giáo-dục : Đặng thái Mai; Bộ-trưởng Lao-động : Nguyễn văn Tạo; Bộ-trưởng Xã-hội Y-tế : Trương đình Chi; Bộ-

trưởng Tài-chánh ; Lê văn Phiến; Bộ-trưởng Kinh-tế : Chu bá Phụng; Bộ-trưởng Canh-nông : Bồ xuân Luật; Bộ-trưởng Công-chánh : Trần đăng Khoa; Cố-vấn : Vinh Thụy.

## II.— KINH-TẾ

— *Dân Bắc-kỳ đói khổ vì thiếu gạo* : Sau ngày đảo-chính 9-3-1945, trên lý-thuyết Việt-Nam tuy được Nhật trả độc-lập, nhưng trên thực-tế quyền-hành nằm trong tay người Nhật. Nhật đã bắt dân quê Việt-Nam bỏ cây cày để trồng đay là nguyên-liệu mà người Nhật đang thiếu. Thêm vào đó, Nhật và trước đó, Pháp thi đua tịch-thu lúa gạo của dân, chừa vào kho để chờ ngày quân Đồng-minh đồ-bộ lên Đông-dương. Hơn nữa vụ mùa tháng Mười năm 1944 lại mất. Từng ấy tai-họa dồn lên đầu, dân Bắc-kỳ, đến khi cách-mạng tháng 8 thành-công, đã kiệt-quệ. Hơn một triệu người ở các tỉnh trung-châu Bắc-kỳ đã chết đói nằm la-liệt ở khắp đường phố.

— *Chính-phủ độc-lập khuyến-kích tăng-gia sản-xuất và bãi bỏ các sắc thuế bất công* : Đề đối phó với nạn đói hoành-hành, chính-quyền mới đã phải tuyên-truyền, gây phong-trào tăng-gia sản-xuất, cổ-động dân chúng thi đua giữ cho đê sông Hồng khỏi vỡ, tổ-chức các đoàn thanh-niên tình-nguyện đem xe bò vào Nam chở gạo bằng đường bộ ra Bắc...

Đồng thời đề lấy lòng dân và nhất là làm phấn kích mọi giới chính-phủ Lâm-thời đã tuyên-bố bãi bỏ các sắc thuế bất công đặt ra dưới thời Pháp thuộc.

Sau đó chính-Phủ Lâm-thời còn tổ-chức «tuần lễ vàng», «tuần lễ đồng» để lập quỹ Độc-lập ngõ hầu lấp vào chỗ trống rỗng của công-quỹ và mua khí-giới chống ngoại-xâm.

## III.— VĂN-HÓA

— Chữ quốc-ngữ được dùng làm chuyên ngữ tại các cấp từ Tiểu-học lên đến Đại-học. Các sách giáo-khoa được chính-quyền khuyến-kích soạn ra để cung-ứng kịp thời cho các học-sinh, nhất là các môn Sử-ký, Công-dân Giáo-dục, Việt-văn...

— Đề nâng cao trình-độ hiểu biết của nhân-dân, chính-phủ lúc đó đã cõ-võ chiến-dịch thanh-toán nạn mù chữ, lập ra nhiều lớp bình-dân ở các khu phố, quyết-định trong một năm phải hoàn-thành việc dạy cho tất cả các công-dân biết đọc và biết viết.



## CHIẾN-TRANH VIỆT — PHÁP

- CÁC CUỘC ĐÀM PHÁN VIỆT-PHÁP
- CHIẾN-TRANH VIỆT-PHÁP
- NGHỊ-HÒA

Một bên thực dân Pháp quyết chiếm Đông-Dương, lập lại nền bảo-hộ cũ, một bên dân Việt-Nam đã trưởng thành, quyết đòi cho được nền đăp-lập thực-sự. Sự mâu-thuẫn trầm-trọng đó không thể đi tới chỗ dung hòa bằng đường lối ngoại-giao, thế tất phải giải-quyết bằng vũ-lực. Do đó chiến-tranh Việt-Nam không thể tránh được.

Ta có thể phân-chia cuộc bang-giao Việt-Pháp làm mấy giai-đoạn sau :

- Giai-đoạn 1 : đàm-phán
- Giai-đoạn 2 : chiến-tranh
- Giai-đoạn 3 : nghị-hòa

### I. GIAI-ĐOẠN 1 : CÁC CUỘC ĐÀM-PHÁN VIỆT-PHÁP

Tuy tinh-thần dân chúng rất cao, khắp mọi nơi đều tự nguyện tổ-chức dân-quân và tự-vệ để sẵn-sàng tham-gia chiến đấu chống Pháp, nhưng quân-đội Việt-Nam chưa được tập-luyện tinh-thực, khí-giói lại quá kém sút nên chính-quyền Việt-Minh phải tìm cách điều-đinh, kéo dài thời-gian ngõ-hầu chuẩn bị cuộc trường-kỳ kháng-chiến. Do đó mới có hiệp-định sơ-bộ (6-3-1946), Hội-nghị Đà-Lạt (17-4-1946) và Hội-nghị Fontainebleau (6-7-1946).

**A — HIỆP-ĐỊNH SƠ-BỘ (6-3-1946) :**

#### 1) Nguyên-nhân :

Sau khi thỏa-hiệp xong với chính-phủ Trùng-khánh, tướng Leclerc cho 5 chiến tàu tiến vào Hải-phòng, mặc-đầu phái-bộ



Sainteney của Pháp chưa điều-định xong với Lư-Hán về việc quân Pháp đổ bộ lên Bắc-Kỳ. Vì thế, quân Trung-hoa đã bắn vào tàu Pháp. Quân Pháp bắn lại, làm nổ kho đạn ở Sáu-kho (Hải-phòng).

Thấy tình thế không thể trì-hoãn được nữa, Hồ-chí-Minh phải ký với Sainteney một hiệp-định sơ-bộ ngày 6-3-1946.

## 2) Nội-dung hiệp-định sơ-bộ :

Hiệp-định này gồm mấy khoản chính sau :

— *Về phía Pháp* : Pháp công-nhận Cộng-hòa Việt-Nam là một quốc-gia tự-do, có chính-phủ, Quốc-hội, quân-đội và tài-chánh riêng, nằm trong Liên-bang Đông-dương và khối Liên-Hiệp Pháp.

Chính-phủ Pháp cam-đoan sẽ trưng-cầu dân-y về vấn-đề thống-nhất ba kỳ ở Việt-Nam.

— *Về phía Việt-Nam* : Chính-phủ Việt-Nam phải để quân-đội Pháp thay thế quân-đội Trung-hoa.

— *Những vấn-đề tương lai* : Hai bên sẽ mở những cuộc điều-định sau để bàn về các vấn-đề ngoại-giao của nước Việt-Nam với các nước khác, quy-chế tương-lai của xứ Đông-Dương, quyền-lợi kinh-tế và văn-hóa của Pháp.

## 3) Kết-quả :

Sau Hiệp-định sơ-bộ, quân Pháp đã tiến vào Việt-Nam mà không gặp trở ngại gì. Và đồng-thời, hiệp-định này cũng làm dịu sự căng-thẳng của cuộc bang-giao Việt-Pháp.

### B— HỘI-NGHỊ ĐÀ-LẠT (17-4-1946) :

#### 1) Nguyên-nhân :

Đề sửa soạn hội-nghị Fontainebleau được trù-tính trong khoản ba của Hiệp-định sơ-bộ, hai bên Việt-Pháp đồng-y hội-nghị Đà-Lạt để trình bày lập-trường của nhau.

#### 2) Nội-dung của hội-nghị :

— *Phái đoàn* : Phái-đoàn Việt-Nam do Nguyễn-tường-Tam cầm đầu. Phái đoàn Pháp do Max André lãnh-đạo.

— *Cuộc bàn cãi* : Ngay từ phút đầu, lập trường của hai bên đã mâu-thuẫn, khó đi tới dung-hòa vì, một đảng Pháp nhất định không chịu thảo-luận về vấn-đề thống-nhất ba miền Nam, Trung, Bắc Việt-Nam, còn Việt-Nam lại nhất quyết đòi cho được thống-nhất.

### 3) Kết-quả : Hội-ng nghị tan vỡ :

— Trong khi hội-ng nghị đang bàn cãi chưa đi đến kết-quả nào thì tại Ba-lê, phái-đoàn Nguyễn văn Xuân do d'Argenlieu cử sang xin được thành lập xứ «Nam-kỳ tự-trị» do bác-sĩ Nguyễn văn Thịnh làm Thủ-tướng.

— Trước một sự đã rồi ấy, Hội-ng nghị Đà-lạt không thể họp bàn được nữa. Hai bên đều bỏ ra về.

## C — HỘI-NGHỊ FONTAINEBLEAU (6-7-1946) :

### 1) Nguyên-nhân :

Mặc dầu gặp trở ngại trong Hội-ng nghị dự-bị Dalat, Hồ-Chí-Minh vẫn cầm đầu phái-đoàn sang dự hội-ng nghị Fontainebleau khai mạc vào ngày 6-7-1946, ngộ hầu tìm một lối thoát cho cuộc bang-giao Việt-Pháp.

### 2) Nội-dung của Hội-ng nghị :

— *Phái đoàn* : Phía Việt-Nam, Hồ-Chí-Minh cử Phạm văn Đồng lãnh-đạo phái-đoàn, còn về phía Pháp, phái-đoàn do Max André cầm đầu.

— *Cuộc bàn cãi* :

- *Về kinh-tế và văn-hóa* : hai bên thỏa thuận được ít điều.
- *Về sự thống nhất Việt-Nam* : Trong khi hai bên đang điều-định về vấn-đề thống-nhất Việt-Nam thì thượng-sứ D'Argenlieu tìm cách phá Hội-ng nghị, triệu tập Hội-ng nghị ở Đà-lạt để thành-lập Liên-bang Đông-dương trong có các đại-biểu của Cambodge, Lào, Nam-kỳ tự-trị và Tây-kỳ (Tây tức miền Cao-nguyên Trung-phần).

### 3) Kết-quả :

— *Hội-ng nghị đình-chỉ vô thời hạn* : Trước việc làm của Thượng-

sứ D'Argenlieu ở Việt-Nam, Hội-nghị xét thấy không thể bàn cãi được nữa đành đình chỉ vô thời hạn (1.8-1946).

— *Tạm ước 14-9-1946* : Để làm dịu tình-hình căng-thẳng trong nền bang-giao Việt-Pháp và cố kéo dài thời-gian yên ổn để chuẩn-bị lực-lượng, trước khi về nước, đêm ngày 14-9-1946, Hồ-chí-Minh đã cùng Bộ-trưởng Pháp-quốc Hải-ngoại Moulet ký một bản tạm ước. Bản tạm-ước này chỉ xác-định vài nguyên-tắc đã thỏa thuận được ở Hội-Nghị Fontainebleau : Pháp hứa sẽ tổ-chức cuộc trưng-cầu dân-y về vấn-đề Nam-kỳ và Việt-Nam cam-kết bảo-vệ tôn-trọng các tài-sản của Pháp ở Việt-Nam.

## II. — GIAI-ĐOẠN 2 : CHIẾN TRANH VIỆT-PHÁP

### A — NGUYÊN-NHÂN :

#### 1) Nguyên-nhân sâu xa :

Chiến-tranh Việt-Pháp bắt nguồn ở hai nguyên-nhân sâu xa sau :

a) Nguyên-nhân 1 : *Lập trường hai bên Việt-Pháp hoàn toàn mâu-thuẫn* :

Pháp muốn tái chiếm Đông-dương, đặt chính-phủ bù-nhìn để thực-dân dễ bề lũng-đoạn và tái-lập chế-độ bảo-hộ như cũ.

— Nhưng ở Việt-Nam, phong-trào cách-mạng đang lên, dân Việt-Nam nhất quyết đòi cho được thống-nhất đất nước và độc-lập thực-sự.

Sự mâu-thuẫn căn-bản này không thể giải-quyết ôn-hòa được, tất nhiên phải đưa tới chiến-tranh.

b) Nguyên-nhân : *quân Pháp đang chiếm ưu-thế quân-sự trên đất Bắc* :

Do Hiệp-định sơ-bộ, quân Pháp đã được quyền thay thế Trung-Hoa, trấn đóng ở đất Bắc. Đã đóng quân tại Hà-nội và Hải-Phòng, giữ được những vị-trí quân-sự then chốt rồi, người Pháp những tưởng chỉ trong một trận là dễ bẹp lực-lượng quân-sự Việt-Nam. Vì thế mà người Pháp muốn gây chiến để giải quyết mau lẹ vấn đề Đông dương.

## 2) Nguyên-nhân gần :

a) *Nguyên-nhân 1* : Vụ xung đột ở Hải-phòng : Pháp bắt chấp Tạm-trước 14-9-46, lập cơ-quan Thương-chính ở Hải-phòng. Chính-phủ Việt-Nam phản kháng, nhưng Pháp không nghe. Rồi giữa quân Pháp và Tự-vệ thành-phố Hải-phòng luôn có những vụ chạm súng. Ngày 23-9, Pháp gửi tối hậu-thư đòi quân Việt-Nam phải rút khỏi Hải-phòng và rồi tấn công các chiến-lũy của Tự-vệ, chiếm luôn Hải-phòng.

Ban Liên-kiểm Việt-pháp từ Hà-nội xuống hòa giải nhưng không thu được kết quả gì.

b) *Nguyên-nhân 2* : vụ Hà-nội 17-12-46 : Ngày 17-12, một xe chở thực-phẩm của Pháp ở Hà-nội qua đường Soler (Hà-nội) bị tấn công làm chết 2 quân nhân Pháp và một tài-xế. Quân Pháp bèn tấn công trụ-sở Tự-vệ khu phố này. Sau đó liên-tiếp có những đụng độ giữa Việt và Pháp. Đến trưa ngày 19-12, Pháp gửi tối hậu thư đòi chính-phủ Việt-Nam phải giải giới lực lượng Tự-vệ và đề Pháp đảm-nhiệm công-việc giữ trật-tự an-ninh trong thành-phố.

## B— CHIẾN TRANH TOÀN QUỐC BÙNG NỔ :

— Võ nguyên Giáp ra lệnh tấn công quân Pháp : Đêm 19-12 Võ nguyên Giáp ra lệnh cho quân-đội Việt-Nam tấn công các đồn quân Pháp, phá nhà máy điện, máy nước, bắt thường dân Pháp làm tù-binh. Thế là chiến cuộc toàn quốc Việt-Pháp chính thức bùng nổ.

— *Chiến tranh lan tràn khắp Việt-Nam* : Chiếm xong Hà-nội, quân Pháp kéo quân đánh chiếm các tỉnh lỵ ở trung và thượng du Bắc-Việt. Mới đầu yếu thế quân-đội kháng-chiến phải rút lên miền Việt-Bắc, tổ-chức chiến thuật du-kích và áp-dụng chính-sách «tiêu-thô kháng-chiến» để đánh với quân Pháp.

## C— PHÁP TÌM CÁCH ĐIỀU ĐÌNH :

### 1) Pháp muốn điều đình với chính phủ kháng-chiến :

— Sau khi chiến cuộc bùng nổ, chính-phủ Pháp muốn điều-đình với chính-phủ kháng chiến, nhưng vì Thượng-sứ D'Argenlieu

muốn phá tất cả các cuộc đàm-phán nên đã trình bày sai sự thực và tìm cách ngăn trở mọi nỗ-lực đi tới giải-pháp hòa-bình.

— Năm 1947, D'Argenlieu bị triệu hồi về Pháp và Bollaert được cử sang thay thế. Lúc đó chính-phủ Ramadier cũng muốn điều-định với chính phủ kháng chiến, bèn cử Paul Mus gặp Hoàng Minh-Giám để thương-thuyết nhưng không thu lượm được kết quả gì.

Bấy giờ Bollaert bèn đưa giải pháp Bảo-Đại để giải-quyết vấn-đề Việt-Nam.

## 2) Lá bài Bảo-Đại với giải pháp quốc-gia :

Sau khi Bảo-Đại thoái vị, cựu Hoàng được chính-phủ mới mời làm Cố-vấn tối-cao. Nhân vì muốn thương-thuyết với chính-phủ Trung-hòa về việc quân Trung-Hoa rút khỏi miền Bắc, chính-phủ Hồ Chí-Minh bèn cử Bảo-Đại cầm đầu một phái đoàn sang Trưng-Khánh tiếp-xúc với các nhà hữu-trách Trung-quốc. Khi xong việc Bảo-Đại không về nước, mà đến ở tại Hương-cảng (tháng tư 1946).

Tháng 3 năm 1947, đại diện các đảng phái quốc-gia (giáo phái Cao-Đài, Hòa-hào, các đảng thanh-niên quốc-gia, Dân-chủ Xã-hội đảng) họp nhau tại Quảng-châu tuyên-bố chống lại Việt-Minh cộng-sản và nguyện đoàn-kết dưới sự lãnh đạo của Bảo-Đại. Biết Bảo-Đại nhu nhược, Bollaert tán-thành giải-pháp này, bèn bỏ ý-định điều-định với chính-phủ kháng-chiến.

### a) Tạm-ước Hạ-long (5-6-1948) :

— *Nguyên-nhân* : Bảo-Đại rời Hương-cảng, đi Pháp để tiếp-xúc với đảng phái và đòi giải tán ngay chính-phủ Nam-kỳ tự-trị. Muốn cho giải-pháp quốc-gia chóng xong để lôi cuốn dân-chúng Việt-Nam rời hàng-ngũ kháng-chiến, trở về cộng-tác với Bảo-Đại, Bollaert bèn buộc Nguyễn-văn-Xuân phải lập «chính-phủ lâm thời miền Nam Việt-Nam» thay thế «chính-phủ cộng-hòa Nam-kỳ tự-trị» và đốc thúc Bảo-Đại cùng Nguyễn văn Xuân mau đi tới thỏa-hiệp với Pháp.

Vì đó, ngày 5-6-1948, trên chiến-hạm Duguay Tuguay Trouin bỏ neo tại Vịnh Hạ-long, Bollaert và Nguyễn văn Xuân ký bản Tạm-ước Hạ-long.

— *Nội-dung* : Nội-dung bản Tạm-ước như sau :

● Pháp công-nhận nền độc-lập của Việt-Nam và đề Việt-Nam được quyền tự-do thực hiện sự thống nhất đất nước.

● Việt-Nam tuyên bố gia-nhập Liên-hiệp-Pháp với tư cách là quốc-gia liên-kết.

— *Kết-quả* :

● Về phía Pháp, bản Tạm-ước bị thực-dân Pháp ở Đông-Dương tìm hết cách phá hoại nên không thi hành được.

● Về phía Việt-Nam, chính-phủ Nguyễn văn Xuân không có thực quyền. Do đó, Việt-Minh đã có lý-do để tuyên-truyền chống Bảo-Đại. Cho nên chiến cuộc vẫn tiếp-diễn, nhân-dân Việt-Nam vẫn cương-quyết đấu tranh chống thực-dân đem lại độc lập cho xứ sở.

b) *Hiệp-ước Elysée 8-3-1949* :

— *Nguyên-nhân* : Qua giai đoạn rút lui để bảo tồn lực lượng, bảy giờ chính phủ kháng chiến đã chuyển sang giai-đoạn cầm-cự khiến quân Pháp mất ăn mất ngủ, mệt mỏi vì du-kích quân kháng-chiến quấy rối. Hơn nữa tại Trung-hoa, Cộng-quân đã chiếm được Bắc-kinh (23-1-1949) và đang tràn xuống Hoa-nam. Do đó, Việt-Minh được Trung-cộng viện-trợ vũ-khí để tăng cường lực-lượng chống Pháp.

Tình thế không cho phép người Pháp trì hoãn được nữa. Nên ngày 8-3-1949, Tổng-thống Pháp Vincent Auriol đã cùng Bảo-Đại ký một bản thỏa hiệp tại Paris.

— *Nội-dung* : Bản thỏa-hiệp gồm có mấy điểm chính sau :

● *Về độc-lập và thống-nhất* : Pháp công-nhận nền độc-lập thống-nhất của Việt-Nam và trả lại cho Việt-Nam ba thành-phố Hà-nội, Hải-phòng và Đà-nẵng đã nhường cho Pháp dưới thời Đồng-Khánh.



● *Về ngoại-giao* : Việt-Nam phải theo đường-lối ngoại-giao của Pháp.

● *Về tài-chánh* : Ba nước Việt, Miên, Lào sẽ hợp thành một liên-hiệp tiền-tệ.

● *Về quân-sự* : Việt-Nam có quyền có quân-đội riêng, nhưng trong thời chiến-tranh thì quyền chỉ-huy quân-đội hỗn-hợp sẽ do một tướng Pháp đảm-nhiệm.

— *Kết- quả* : Sau khi ký xong bản thỏa-hiệp 8-3-1949, Bảo-Đại về nước, không xưng là Hoàng-đế, mà đổi là «Quốc-trưởng». Nhưng vì Pháp không thực tâm trao trả lại quyền hành cho Việt-Nam, nên giải-pháp Bảo-Đại hoàn-toàn thất-bại, không lời cuốn được dân chúng Việt-Nam. Vì thế, dân Việt-Nam vẫn tiếp tục chống Pháp.

### III.— GIAI-ĐOẠN 3 : NGHỊ-HÒA

#### A— NGUYỄN-NHÂN :

##### 1) Hai bên cùng kiệt-quệ vì chiến cuộc :

Về phía Việt-Minh, tuy được Trung-cộng giúp đỡ khí-giới, quân-lực đã hùng-mạnh, và thu lượm được nhiều chiến-thắng trên khắp chiến-trường, nhưng cũng phải trả giá cuộc chiến-thắng đó rất đắt.

Về phía Pháp, sau 9 năm chinh-chiến, nhân-tài vật lực của Pháp bị tiêu hao về chiến-tranh Đông-dương rất lớn, vì thế dân chúng chán nản, các đảng phái chính-trị muốn đi đến một giải-pháp hòa-bình cho vấn-đề Đông-dương.

##### 2) Trận thử sức cuối cùng : Điện-biên-phủ :

Bị Việt-Minh phản-công trên khắp các mặt trận, quân Pháp phải rút lui, tập trung quân-lực hùng hậu ở Điện-biên-phủ.

Ngày 13 tháng 3 năm 1954, Việt-Minh tấn-công Điện-biên-phủ. Đến 7-5-1954, Điện-biên-phủ thất-thủ khiến 10.000 quân Pháp bị cầm tù. Do đó Pháp lại càng cần phải điều-định gấp đề cứu vãn tình-hình nguy-ngập tại Đông-dương.

## B— HÒA-ĐÀM : HIỆP-ĐỊNH GENÈVE :

— *Thành-phần hội-nghị* : Hội-nghị họp tại Genève (Thụy-sĩ) gồm có đại-diện Anh, Pháp, Nga, Trung-cộng, Việt-Minh, Việt-Nam Cộng-hòa, Cambodge, Ai-lao.

— *Hiệp-định Genève* : Ngày 20-7-1954 Việt-Minh và Pháp ký bản hiệp-định đình-chiến :

● Về mặt quân-sự, hai bên Pháp và Việt-Minh định ngày ngừng bắn tại Đông-dương và ngày rút quân.

● Về mặt chính-trị, hiệp-định công-nhận 3 nước Việt, Cambodge và Lào được độc-lập. Riêng Việt-Nam phải chia làm đôi, miền Bắc vĩ-tuyến 17° thuộc Việt-Minh, miền Nam vĩ-tuyến 17° do chính-phủ quốc-gia trông coi, lấy sông Bến-hải làm ranh giới. Đến ngày 20-7-1956 sẽ mở cuộc tổng-tuyên-cử để thống-nhất hai miền.

Nhưng chính-phủ Quốc-gia Việt-Nam đã nhất-định phản-đối sự qua phân đất nước, không chịu ký vào bản Hiệp-định.

## C— HẬU-QUẢ :

### 1) Đất nước qua phân :

Do Hiệp-định Genève, quân Pháp rút khỏi miền Bắc vĩ-tuyến 17° vào Nam và Việt-Minh tập kết quân-đội về Bắc. Từ đó nước Việt-Nam bị chia cắt làm hai :

— Miền Bắc nằm dưới chế-độ cai-trị của chính-thê Cộng-sản.

— Miền Nam dưới sự quản-trị của chính-phủ quốc-gia.

### 2) Quân Pháp rút khỏi Đông-dương :

Bị thảm bại trong trận Điện-biên-phủ, người Pháp biết dân-tộc Việt-Nam đã trưởng-thành, không thể đàn-áp được nữa. Lại nữa, quân Pháp lúc đó còn lúng-túng vì phong-trào đấu-tranh đòi độc-lập của dân-tộc Algérie. Nên, đầu năm 1956, quân Pháp đã rút hết khỏi Việt-Nam, trao lại toàn-quyền độc-lập thực sự ở miền Nam cho chính-phủ Quốc-gia Việt-Nam.

### 3) Chính-phủ Việt-Nam Cộng-Hòa :

— *Ngô-đình-Diệm lập chính-phủ* : Tháng 6 năm 1954, trong khi Điện-biên-phủ đang hồi quyết liệt và các nước đang họp ở Genève

đề bàn về vấn-đề Việt-Nam thì Bảo-Đại trao cho Ngô-đình-Diệm lập chính-phủ quốc-gia.

— *Bảo-Đại bị truất-phế*: Thấy dân chúng đã chán ghét chế-độ quân-chủ cũng như Bảo-Đại, Ngô-đình-Diệm bèn tổ chức cuộc trưng-cầu dân-ý ngày 23-10-1954 đề truất-phế Bảo-Đại và lên làm Quốc-trưởng.

*Thành-lập chế-độ Cộng-hòa*: Ngô-đình-Diệm cho tổ-chức tổng-tuyên-cử bầu Quốc-hội lập-hiến (4-3-1956) rồi ban-hành hiến-pháp thiết-lập nền cộng-hòa đầu-tiên ở miền Nam Việt-Nam (26-10-1956). Ngô-đình-Diệm lên làm Tổng-thống.

### NIÊN - HIỆU GHI NHỚ

- 25-8-1945 : Ủy-ban Hành-chánh lâm-thời ra mắt dân tại Saigon.  
 2-9-1945 : Dân chúng biểu tình tại Saigon và xô xát với Pháp kiều.  
 6-9-1945 : Phái bộ quân sự Anh tới Saigon đề giải giáp quân Nhật.  
 23-9-1945 : Pháp đánh-chiếm nhiều công sở ở Saigon.  
 6-1-1946 : Tổng tuyên cử bầu Quốc hội.  
 4-2-1946 : D'Argenlieu lập Hội đồng Tư vấn Nam-kỳ.  
 2-3-1946 : Chính-phủ Liên-hiệp kháng-chiến do Hồ-chí-Minh làm chủ tịch.  
 6-3-1946 : Hiệp-định sơ-bộ.  
 17-4-1946 : Hội-nghị Đà-lạt.  
 6-7-1946 : Hội nghị Fontainebleau.  
 14-9-1946 : Tạm-ước Pháp-Việt.  
 19-12-1946 : Chiến-tranh toàn quốc Pháp-Việt.  
 1947 : D'Argenlieu bị triệu hồi. Bollaert được cử thay thế chức vụ Cao-ủy.  
 5-5-1948 : Tạm ước Hạ-Long : Tuyên-ngôn Việt-Pháp được công bố trên chiến hạm Duguay-Tonkin công nhận nguyên tắc độc lập và thống nhất cho Việt-Nam.  
 8-3-1949 : Hiệp ước Elysée ký Bảo-Đại và Pháp.  
 7-5-1954 : Điện-biên-phủ thất thủ.  
 21-7-1954 : Hiệp-định đình chiến Genève.



PHẦN THỨ HAI



THẾ-GIỚI-SỬ

## Chương trình

---

# THẾ-GIỚI-SỬ

## TỪ NĂM 1914 ĐẾN NAY

---

- Trung-Hoa từ cuộc cách mạng Tân-Hợi
- Nhật-Bản sau thời Minh-Trị—Sự bành trướng của Đế-quốc Nhật
- Ấn-Độ : phong-trào đấu-tranh giành độc-lập
- Thế-giới đại-chiến thứ nhất : Nguyên-nhân, hậu-quả Hội-Quốc-Liên
- Các cường-quốc giữa 2 đại-chiến (sơ-lược : những khó-khăn của Anh, Pháp, Hoa-Kỳ. — cuộc khủng hoảng kinh tế năm 1929. — Các chế-độ độc-tài (Cộng-sản, Quốc-xã, Phát-xít)
- Thế-giới đại-chiến thứ hai : Nguyên-nhân, Hậu-quả, Tò-chức Liên-Hiệp-Quốc
- Sự giải-phóng các dân-tộc bị trị (sơ-lược)
- Nền văn-minh hiện-tại : Tính chất chung — Khoa học—Triết-học—Văn-ngệ.

CHƯƠNG I

★

---

**Trung-Hoa từ cuộc Cách-Mạng  
Tân-Hội (1911)**

★

- CÁCH-MẠNG TÂN-HỘI (1911)
- TRUNG-HOA DÂN-QUỐC



Từ đầu thế-kỷ XIX cho tới năm 1945, lịch-sử nước Trung-Hoa được đánh dấu bằng hai sự-kiện quan-trọng nhất :

— Cách-mạng Tân-hợi làm biến đổi cả nề-nếp cổ-kinh xưa của xã-hội Trung-hoa.

— Sự thành lập chính-phủ Trung-Hoa Dân-Quốc đánh dấu bước đường mới của dân Trung-Hoa trên con đường tự-do dân-chủ.

## CUỘC CÁCH-MẠNG TÂN HỢI (1911)

- NGUYÊN-NHÂN CUỘC CÁCH-MẠNG
- CUỘC CÁCH-MẠNG TÂN HỢI (1911)

### ĐOẠN 1 : NGUYÊN-NHÂN CUỘC CÁCH-MẠNG

#### I. — NGUYÊN-NHÂN XA

##### 1) Nguyên-nhân 1 : Tư-tưởng dân-chủ Âu-châu :

Các nhà tân-học Trung-hoa chịu ảnh-hưởng học thuyết tự-do dân-chủ Âu-châu đã cõ-vỡ nền dân-chủ bằng cách dịch các sách triết-học, chính-trị... của các tác-giả Anh, Pháp ra chữ Hán-văn. Nhờ đó, dân Trung-hoa thêm nhiệm những tư-tưởng mới, đòi hỏi chính-quyền phải canh-tân đất nước, sửa đổi chế-độ cho hợp với trào lưu tư-tưởng thế-giới.

##### 2) Nguyên-nhân 2 : Chế-độ hà-khắc và kỳ-thị chủng tộc của Thanh triều :

Từ ngày chiếm được Trung-hoa, các vua nhà Mãn Thanh đặt lên đầu dân-tộc này một chế-độ độc-tài chuyên-chế và lại còn phân biệt người Hán với Mãn, dành cho người Mãn nhiều ưu quyền và các chức vụ quan-trọng trong chính-quyền. Vì đó, dân tộc Hán đã ngấm ngấm uất-ức và luôn tìm cách lật đổ Triều đình nhà Thanh. Hơn nữa, dân Trung-hoa lại còn chịu sưu cao thuế nặng để phụng-sự cho những cuộc ăn chơi xa-xỉ của vua chúa nhà Thanh, nhất là của Từ-Hi Thái-hậu. Cho nên họ cũng muốn vùng lên để kiến-tạo một tương-lai sáng-lạn hơn.

### 3) Nguyên nhân 3 : Cảnh diệt vong đe dọa :

Thấy nhà Thanh suy yếu, các cường quốc đua nhau tới xâm lấn nước Trung-hoa, mỗi nước đòi một số nhượng địa và ít nhiều đặc quyền. Thanh triều càng lúc càng phải nhượng-bộ làm dân chúng cảm thấy nhục nhã, lo sợ nạn diệt vong có thể xảy ra.

Bất mãn vì chính sách hà khắc, uất-ức vì sự kỳ khị chủng-tộc, lại lo sợ trước họa diệt vong, thêm vào đó ảnh hưởng tư-tưởng dân chủ Âu-châu làm phần chấn tinh thần, dân tộc Trung-hoa sẵn sàng chờ dịp thuận lợi là vùng lên lật đổ nền quân chủ của Thanh triều.

Dịp đó, vào đầu thế-kỷ XX đã tới. Đó là những nguyên nhân gần của cuộc cách-mạng.

## II.— NGUYÊN NHÂN GẦN

### 1) Nguyên nhân 1 : dân chúng xúc động vì Nhật đại thắng Nga :

Nhật là một nước Á-châu, chịu ảnh hưởng văn-minh Trung-hoa rất đậm, xưa kia vẫn là một nước thua kém Trung-hoa về nhiều phương-diện. Thế mà chỉ vì chính quyền Nhật sớm tỉnh ngộ, kịp thời canh tân xứ sở, khiến cho nước Nhật trở nên hùng cường, chiến thắng Nga (1905) là một cường quốc Âu-châu. Nó chính là ngọn lửa sáng chói làm dân Trung-hoa thức tỉnh và cương quyết tranh đấu đòi hỏi canh-tân đất nước theo gương nước Nhật.

### 2) Nguyên nhân 2 : Chính biến năm Mậu-tuất (1898) : phong-trào Duy-tân bị đàn-áp :

Trước tình-thế bi-đát của đất nước, trước nạn diệt vong đang đe dọa, các nhà cách mạng Trung-hoa mở một phong-trào vận động Duy-tân. Lãnh-đạo phong-trào này là Khang hữn Vi và Lương khả Siêu. Phong-trào này được vua Quang-Tự thuận theo. Nhà vua cho mời Khang hữn Vi cùng các đồng chí vào triều đề thực hiện kế-hoạch cải-tô nước nhà. Do đó, dân Trung-hoa đã được sống 100 ngày trong cảnh duy-tân với những đạo luật cải-cách guồng máy chính-trị, kinh-tế, thanh-trừng lạm-dụng, canh tân quân-đội.

⊗ Nhưng những cải cách trên vấp phải sự phản-đối của phái thủ-cựu do Từ-Hi cầm đầu. Vì đó phái Canh-tân cùng vua Quang-Tự Tâm-mưu đảo-chính, bắt giam Từ-Hi để được tự-do hành-động. Nhưng việc bại-lộ, Từ-Hi cho quân túc-vệ bắt giam vua Quang-Tự đàn áp phái Duy-tân.

Khang hữu-Vi và Lương Khải-Siêu may mắn trốn thoát sang Nhật. Vụ này gọi là vụ chính-biến năm Mậu-tuất (1898) làm dân chúng càng thêm oán ghét Từ-Hi cùng những quan lại thối nát bao quanh Bà.

### 3) Nguyên nhân 3 : Uy quyền Thanh triều tan rã theo cái chết của Từ-Hi Thái-Hậu :

Khi Từ-Hi còn sống, uy tín của Bà đã tập trung được các lực-lượng bảo thủ dưới quyền mới đủ sức chống lại các vụ khởi-nghĩa của nhân dân. Nhưng khi Bà đã mất đi (1908), Phò-Nghị lên cầm quyền còn quá nhỏ (13 tuổi) không đủ uy tín lãnh đạo và tập trung tất cả lực lượng Bảo-hoàng dưới tay mình. Vì thế, khi quân cách mạng nhất tề nổi dậy phe triều đình đã tan rã mau chóng.

## ĐOẠN 2 : CUỘC CÁCH-MẠNG TÂN-HỢI (1911)

Đầu thế-kỷ XIX, lịch-sử Trung-hoa đã bước qua một khúc rẽ quan-trọng làm biến đổi cả nề-nếp sinh-hoạt, tập-tục suy-tư của dân-tộc Trung-hoa đã có từ ngàn xưa : đó là cuộc cách-mạng Tân-hội mở màn một kỷ-nguyên mới đưa đến sự canh tân xứ-sở.

Cuộc cách-mạng này bao gồm ba giai-đoạn :

### 1) Giai đoạn 1 : giai-đoạn vận-động :

Với những hoạt-động tích-cực của Tôn-Văn, linh hồn của cuộc cách-mạng.

### 2) Giai đoạn 2 :

Cách-mạng Tân hội.

### 3) Giai đoạn 3 : giai-đoạn hoàn thành :

Thanh toán các phần tử phản cách-mạng để thống nhất xứ sở.

## I.— GIAI ĐOẠN 1 : VẬN ĐỘNG CÁCH MẠNG

Thực đầy và hướng dẫn các cuộc cách-mạng mau tiến tới thành công chỉ nhờ phần lớn vào các hoạt-động tích cực của Tôn-Văn. Vì đó ở đây ta cần xét :

- Tiểu sử Tôn Văn
- Sự vận động cách mạng của Tôn Văn.

### A— TIỂU SỬ TÔN VĂN (1866 — 1925) :

Tôn Văn, sinh năm 1866, tự là Dật Tiên, hiệu Trung-sơn, người huyện Hương-sơn tỉnh Quảng-đông. Thuở nhỏ ông theo cậu sang học tại trường Hoa-kỳ ở Honolulu, sau về Hương-cảng học Y-khoa và tốt nghiệp bằng Y-khoa Bác-sĩ. Từ đó ông vận-động cách-mạng, chủ-trương lật đổ nhà Mãn Thanh để cứu vãn Trung-quốc khỏi cảnh xâu xé của ngoại bang.

### B— CUỘC VẬN-ĐỘNG CÁCH-MẠNG CỦA TÔN-VĂN :

#### 1) Lập đảng : Hưng-Trung-Hội :

— *Thành lập* : Năm 1894 Tôn-Văn lập Hưng Trung Hội ở Honolulu (Đàn hương sơn) để vận-động các Hoa kiều cùng nhau lật đổ chế độ thối nát của triều Mãn Thanh.

— *Chủ-nghĩa* : Hưng-trung-hội lấy chủ nghĩa Tam Dân của Tôn-Văn làm căn bản lý-thuyết mà tranh đấu. Tam-Dân chủ-nghĩa bao gồm ba điểm chính.

● Dân-tộc : Dân tộc phải được độc-lập. Với chủ trương này Trung-hoa sẽ phải sửa lại các điều ước đã ký với các nước, khôi-phục lại địa-vị bình đẳng và quyền tự-do trên trường quốc-tế.

● Dân-quyền : Quyền của dân phải được tự-do. Dân có 4 quyền căn bản phải được chính-phủ tôn-trọng là: 1.— quyền sáng-chế ; 2.— quyền phúc-quyết (quyền được phủ-quyết pháp-luật của Nghị-viện làm ra) ; 3.— quyền bãi miễn (quyền cách chức công-chức tham.ô) ; 4.— quyền tuyền-cử.

● *Dân-sinh* : Dân chúng được hưởng các quyền bình-đẳng và tự-do như nhau về các sinh-hoạt kinh-tế, giải pháp cụ thể là chia đều ruộng đất và hạn chế tư-bản.

## 2) Mưu đánh Quảng-Châu :

Năm 1898, Tôn Văn cùng một số đảng-viên Hưng-trung-hội về Trung-hoa khởi nghĩa đánh Quảng-châu. Nhưng việc thất bại, ông trốn qua Nhật.

## 3) Mưu khởi-nghĩa ở Quế-châu :

Sau vụ bát quốc liên quân đánh Bắc-kinh, Tôn-Văn lại định tổ-chức một cuộc khởi-nghĩa ở Quế-châu vào năm 1900. Nhưng việc không thành. Ông phải chạy sang Nhật.

## 4) Hợp nhất đảng phái thành lập Đồng-minh-hội :

Hòa-trước Bắc-kinh làm dân Trung-hoa phẫn-uất. Các đoàn-thể ái-quốc như Hồng-môn-hội; Hoa-hưng-hội, Quang-phục-hội bèn xin hợp nhất lực lượng với Trung-hưng-hội để quyết lật đổ nhà Mãn-Thanh, rửa nhục cho dân-tộc Trung-hoa.

Đại hội họp tại Đông-kinh, bầu Tôn-Văn làm Tổng-lý, hợp nhất tất cả các hội lại thành lập Trung-quốc Đồng-minh-hội.

## 5) Vận động ở hải ngoại :

Thấy nguy cơ của Đồng-minh-hội mỗi lúc một lớn đối với Thanh triều, nhà Thanh lo sợ, vận động với các chính-phủ Nhật, Anh, Pháp trục xuất Tôn-Văn không cho lưu trú tại Nhật, Hương-cảng, Việt-Nam. Vì thế Tôn-Văn phải trao công việc hoạt động cách mạng trong nước cho một số đồng chí, rồi đi các nước ngoài vận-động Hoa-kiều gửi tiền về giúp cách mạng.

## II. — GIAI-ĐOẠN 2 : CÁCH-MẠNG TÂN-HỘI (1911)

### A — CÁCH-MẠNG TÂN-HỘI BÙNG NỔ : 72 LIỆT-SĨ HY SINH VÌ CHÍNH NGHĨA :

Tháng 3 năm 1911, Đồng-minh-hội tổ-chức được một cuộc khởi-nghĩa ở Quảng-châu. Nhưng vì kỹ-thuật tổ-chức chưa chu đáo,



cuộc khởi-nghĩa thất bại, bị Thanh-triều đàn áp thẳng tay. 72 đảng viên của hội bị bắt và bị hành hình, được chôn trên gò Hoàng-hoa-Cương.

### B— CÁCH-MẠNG TÂN-HỢI THÀNH-CÔNG (10-10-1911)

— Ngày song-thập (10-10-1911) : Ngày 10-10-1911, nghĩa-quân lại nổi lên chiếm được Vũ-xương (tỉnh lý tỉnh Hồ-bắc).

— Cách-mạng lan tràn : Lê Nguyên-Hồng được quân cách-mạng cử làm Đô-đốc, đem quân đi đánh Hán-dương. Các tỉnh Hồ-nam, An-huy, Quý-châu, Chiết-giang, Quảng-đông, Quảng-tây, Phúc-kiến đều nổi dậy tuyên-bố độc-lập và hưởng-ứng với quân cách-mạng Vũ-xương. Sau đó quân cách-mạng chiếm được Nam-kinh và tiến quân định đánh Bắc-kinh.

— Tôn-Văn được cử làm Đại Tổng-thống Lâm-thời :

Do hội-nghị họp tại Vũ-xương, Tôn-Văn được bầu làm Đại Tổng-thống lâm-thời Lê nguyên-Hồng làm Phó Tổng-thống (ngày 10-11-1911) Chánh-phủ Lâm-thời đóng ở Nam-kinh.

— Nền quân-chủ cáo-chung. Cách-mạng thành-công :

Thấy cơ nguy, vua nhà Thanh bèn cử Viên Thế-Khải làm Tổng lý đại thần để đối phó với phe cách-mạng. Nhưng Viên Thế-Khải sai người điều đình với phe chính-phủ cách-mạng, rồi ép vua Thanh phải thoái vị (1912).

Để cho cuộc cách-mạng chóng tiến tới thành-công và cuộc thống-nhất đất nước mau hoàn-thành, Tôn-Văn nhường chức Đại Tổng-thống lâm-thời cho Viên thế Khải. Họ Viên nhận chức và đóng đô ở Bắc-kinh (15-12-1912), chứ không dám xuống Nam-kinh vì sợ miền Nam không ủng-hộ. Vậy là cách-mạng đã thành-công. Đồng-minh-hội, tổ-chức lại thành chính đảng gọi là Quốc-dân-đảng.

### III.— GIAI-ĐOẠN 3 : GIAI-ĐOẠN HOÀN-THÀNH CUỘC CÁCH-MẠNG

Vì tình thế nên tạm thời Viên Thế-Khải phải hòa hoãn với phe cách-mạng nhưng bên trong họ Viên vẫn tìm cách tiếm quyền

đề trở lại chính thè quân-chủ. Do đấy nhân dân Trung-hoa lại phải cam khổ đấu tranh diệt trừ những phần-tử phản cách-mạng đề hoàn thành xứ mạng giải phóng đất nước khỏi tay bọn phong kiến tham tàn.

## A. — CHIẾN ĐẤU CHỐNG VIÊN-THẾ-KHẢI :

### 1) Viên-Thế-Khải lập lại nền đế-chế :

— Năm 1913, Quốc-hội thành lập, đa số là đảng viên Quốc-dân-đảng. Viên thế-Khải bèn dùng tiền và thế lực loại bỏ dần các đảng viên Quốc-dân-đảng ra khỏi Quốc-hội rồi tự ý vay tiền ngoại-quốc đề tăng-cường quân-lực đàn-áp các lực lượng nhân dân.

— Thấy Viên-thế-Khải chuyên quyền, Đốc-quân các tỉnh miền Nam như An-huy, Hà-nam, Phúc-kiến, Quảng-tây liền nổi lên chống lại chính-phủ trung-ương. Nhưng người thì bị cách chức, kẻ bị quân Viên-thế-Khải dẹp tan.

— Sau đó, Viên-thế-Khải buộc Quốc-hội cử mình là Đại-Tổng-thống chính-thức, Lê-nguyên-Hồng làm phó.

— Năm Dân-quốc thứ 4 (1915), Viên-thế-Khải sai bộ hạ vận-động tôn mình làm Hoàng-đế. Rồi chính-phủ triệu tập Quốc-dân đại-biểu đại-hội. Do áp-lực của Viên, toàn thè Quốc-hội đều tán-thành đổi thế-chế, tôn Viên-thế-Khải làm Hoàng-đế. Mới đầu Viên giả vờ từ chối, sau mới nhận (1915), đổi Dân-quốc thứ 4 làm Hồng hiến nguyên niên.

### 2) Viên-thế-Khải bị lật đổ :

Thấy vậy, các tỉnh miền Nam nổi dậy phản-đối và xuất quân Bắc-tiến đề đánh Viên. Bắc quân đánh trận nào cũng thua. Viên-thế Khải lo sợ, vội tuyên-bố hủy bỏ đế-chế. Nhưng Nam quân vẫn không chịu, buộc Viên phải từ chức. Vừa tức giận vừa lo sợ Viên-thế-Khải lâm bệnh chết (1916).

## B. — CHIẾN ĐẤU THỰC-HIỆN THỐNG-NHẤT :

Bấy giờ, Lê-nguyên-Hồng được cử làm Đại-Tổng-thống, bèn triệu tập Quốc-hội cũ, tuyên-bố khôi phục lại nguyên niên ước pháp,

cử Phùng Quốc-Chương làm Phó Tổng-thống, Đoàn-kỳ-Thụy làm Quốc-vụ Tổng-lý.

Tuy nhiên, dù Viên-thế-Khải đã mất, nhưng các dư-đảng còn giữ binh-quyền trấn đóng ở các nơi, không chịu phục tùng chính-phủ trung-ương, gây ra việc Nam-Bắc phân tranh và quân phiệt hỗn chiến sau này.

### 1) Nam-Bắc phân-tranh và quân-phiệt hỗn chiến :

— Nam — Bắc phân-tranh :

● Nhân thế chiến thứ nhất (1914-18), phái quân-phiệt Bắc-dương đoàn Đoàn-kỳ-Thụy cầm đầu muốn tham chiến theo lời yêu cầu của Hoa-kỳ ngõ hầu có thể lợi-dụng danh-nghĩa mà cấu-kết với quân Nhật để có quân-khí, tiền bạc chống với phe quân-phiệt miền Nam. Do đấy, năm 1917, Đoàn-kỳ-Thụy tuyên-bố tuyệt-giao với Đức.

● Biết thâm-ý của Thụy, phe miền Nam do Lê-nguyên-Hồng lãnh-đạo phản-đối việc tham chiến. Hậu-thuần cho phe này, còn có Phó Tổng-thống Phùng quốc-Chương, Tôn-Văn, và Quốc-hội.

● Việc mâu-thuẫn này được đưa ra Quốc-hội để giải-quyết. Một «Tham chiến án» được đệ-trình Quốc-hội để xin quyết-định. Biết Quốc-hội sẽ quyết-định bất lợi cho mình, Đoàn-kỳ-Thụy bèn tổ-chức một đoàn «công dân thỉnh nguyện» bạo vây Quốc-hội để làm áp-lực. Quốc-hội bèn đình-chỉ hội-nghị để phản-đối. Thụy bèn xin Đốc-quân-đoàn yêu-cầu Tổng-thống Lê-nguyên-Hồng giải-tán Quốc-hội. Lê-nguyên-Hồng cho rằng Tổng-thống không có quyền giải-tán Quốc-hội, rồi giải chức Quốc-vụ Tổng-lý của Kỳ-Thụy.

● Thấy vậy, các Đốc-quân Bắc-dương đem quân về Bắc-kinh định ép Lê-nguyên-Hồng giải-tán Quốc-hội. Bị Đốc-quân An-huy là Trương-Huân vây khốn, Lê-nguyên-Hồng đành phải ra lệnh giải-tán Quốc-hội. Sau đó Trương-Huân cùng với Khang-hữu-Vi giả làm tờ tấu của Lê-nguyên-Hồng xin trả lại chính-quyền và tôn Phở-Nghĩ lên làm Hoàng-đế, thiết-lập chính-thê quân-chủ lập hiến cho nước Trung-hoa. Nguyên-Hồng trốn vào Sứ-quán Nhật.

● Đồng thời, Đoàn-kỳ-Thụy đứng ra, cũng giả xưng được Lê Tổng-thống ủy-nhiệm chức Quốc-vụ Tổng-lý và kiêm Tổng-tư-

lệnh quân phản nghịch, ra lệnh cho quân các nơi vào Bắc-kinh dẹp loạn. Trương-Huân bị đánh bại, phải bỏ trốn.

● Lấy xong Bắc-kinh Đoàn-kỳ-Thụy bèn mời Lê-nguyên-Hồng trở lại ngôi-vị Tổng-thống. Nhưng Nguyễn-Hồng từ chức. Phó Tổng-thống Phùng-quốc-Chương lên thay, phục chức cho Đoàn-kỳ-Thụy làm Quốc-vụ Tổng-lý. Ngày 14 tháng 8 năm 1917, Kỳ-Thụy tuyên-chiến với Đức.

Thấy vậy, Tôn-Văn vội đánh điện mời Quốc-hội xuống họp tại miền Nam đề tồ chức quân-đội Bắc phạt. Tôn-Văn được cử làm Hải lục quân Đại nguyên súy, lãnh nhiệm-vụ diệt quân phiệt miền Bắc đề thống nhất xứ sở.

Thế là nước Trung-hoa trở thành thế Nam Bắc đối lập.

— Quân-phiệt hỗn chiến : Uy quyền của chính-phủ trung-ương bị tan vỡ vì sự chia rẽ Nam-Bắc, không khống chế được các vị Đốc quân ở các tỉnh. Vì đó mỗi Đốc quân, chiếm giữ một phương, mặc sức tung hoành, đem quân đi đánh các Đốc quân khác vì tư lợi. Còn các cường-quốc thì mỗi nước ngầm giúp một Đốc quân để thủ lợi, dân Trung-hoa quần quai trong khói lửa nội chiến, sống lùi lại thời Xuân-Thu chiến quốc thuở xa xưa.

## 2) Mưu định thống nhất :

Năm 1925, phái Bắc có Trương tác Lâm, Phùng ngọc Tường và Đoàn kỳ Thụy mời Tôn-Văn lên Bắc-kinh bàn việc thống nhất Nam-Bắc. Nhưng việc chưa xong thì Tôn-Văn lâm bệnh mất (12-3 1925 — Dân quốc thứ 14). Thế là hội nghị thống nhất Nam-Bắc tan rã.

## 3) Tướng giới Thạch thực hiện cuộc thống nhất quốc gia :

Tướng-giới Thạch sinh năm 1880, tại Phụng-hóa tỉnh Chiết-Giang. Ông tốt nghiệp trường võ-bị Bảo-định rồi đi du học tại Nhật-bản. Năm 1911 khi trở về nước, Ông gia nhập Quốc-dân-dảng và được cử làm Tham-mưu-trưởng quân cách-mạng. Ông đã từng được Tôn-Văn cử sang Nga nghiên cứu về quân sự và chính-trị và từng điều khiển trường võ-bị Hoàng-phổ.

Năm 1926 Trương-giới-Thạch được Chính-phủ Cách-mạng miền Nam phong làm Tổng-tư-lệnh quân-đội. Ông bèn đem quân Bắc-phạt.

— *Thế lực quân Nam mạnh dần nhờ thắng được nhiều trận nhỏ và được các Đốc-quân khác xin gia nhập :*

Trong một năm trời Bắc-tiến, Trương-giới-Thạch thu lượm được nhiều chiến công, đánh bại được các Đốc-quân Tôn truyền-Phương, Ngô bội-Chu. Ông lại được các Đốc-quân Phùng ngọc-Tường, Diêm tích-Sơn đem quân xin gia-nhập. Do đó, thế lực của ông mạnh dần, chẳng bao lâu ông khuất-phục được các Đốc-quân phương Bắc.

— *Thực-hiện thống-nhất :* Năm 1928 Trương-giới-Thạch chia quân tiến đánh các nơi :

- Quân của Ngô bội-Chu bị tiêu diệt.
- Quân của Trương tác Lâm bị phá. Trương-tác-Lâm thua chạy rồi bị bệnh mất; con là Trương-học-Lương bèn đem Đông tam-tỉnh qui-phục Quốc-dân-đảng.

Thế là từ đó Trương-giới-Thạch đã thực-hiện được sự thống nhất Nam-Bắc, hoàn-thành công-cuộc cách-mạng cho toàn-thê dân-tộc Trung-hoa.

Ngày 9-10-1928 Trương giới-Thạch được cử làm Chủ-tịch Trung-hoa Dân-quốc.



## TRUNG - HOA DÂN - QUỐC

- SỰ KIẾN TẠO ĐẤT NƯỚC CỦA TRUNG HOA DÂN QUỐC.
  - TRUNG HOA DÂN QUỐC LÂM CHIẾN.
- 

Thực-hiện xong việc thống nhất đất-nước, Tưởng Giới-Thạch còn phải kiến thiết xứ-sở đã tàn nát vì nội chiến, phải đối phó với ngoại-bang lúc nào cũng lăm le đe dọa xâm lấn. Khi việc tồ-chức nội bộ tạm yên, việc đối ngoại cũng được ổn-định thì Trung-hoa Dân-quốc lại bị đe dọa bởi hai hiểm họa : Nhật-bản đánh chiếm và Quốc-cộng phân-tranh.

Do đấy, trong tiết này, ta cần xét :

- Trung-hoa Dân-quốc kiến-thiết xứ-sở.
- Trung-hoa Dân-quốc lâm chiến.

### ĐOẠN 1 : SỰ KIẾN-TẠO ĐẤT NƯỚC CỦA TRUNG-HOA DÂN-QUỐC

#### I. TỒ-CHỨC NỘI BỘ

##### A— CHÍNH-TRỊ :

— *Tồ-chức chính-trị* : Năm 1928, một đạo luật qui-định việc tồ-chức chính-phủ như sau :

- Chính-phủ trung-ương gồm có năm viện là : Hành-chính, Lập-pháp, Tư-pháp, Khảo-thí và Giám-sát, và 4 ủy-viên-hội :

- Viện Hành-chánh gồm 10 Bộ là : Nội-chánh, Ngoại-giao, Quân-chánh, Hải-quan, Tài-chánh, Thực-nghiệp, Giáo-dục, Giao-thông, Thiết-đạo, Tư-pháp hành-chánh.



● 4 Ủy-viên-hội là Mông-Tạng, Kiều-vụ, Cám-yến, Lao-công.  
 ● Năm viện trên được độc lập với nhau, nhưng phải chịu trách-nhiệm với ban Chấp-hành Trung-ương Quốc-dân-đảng.

— Thành-phần lãnh-đạo : năm 1931, Quốc dân Hội-nghị ban-hành hiến-pháp lâm-thời. Theo hiến-pháp này thì :

● *Chính-phủ gồm có* : một Chủ-tịch và một số Ủy-viên (từ 24 đến 36 người) và các Viện-trưởng, Phó Viện-trưởng của năm viện. Tất cả đều do Ban Chấp-hành Trung-ương Quốc-dân-đảng chỉ-định.

● *Vị chủ-tịch*, được chọn trong số các ủy-viên, là vị Nguyễn-thủ quốc-gia thay mặt quốc-gia đề đối nội và đối ngoại.

— *Diệt cộng và củng-cố Quốc-dân-đảng* : Tưởng Giới-Thạch theo đuổi chính-sách quốc-gia, diệt trừ Cộng-sản, củng-cố Quốc-dân-đảng, trao cho các đảng-viên Quốc-dân-đảng những quyền lãnh-đạo về mọi phương-diện.

## B— KINH-TẾ :

— *Nông-nghiệp* : Tưởng Giới-Thạch cho sửa sang đê điều, làm thêm sông ngòi để tránh nạn lụt và đưa nước vào các thửa ruộng khô. Dân nghèo được đi lên Mãn-châu để khai khẩn đất hoang.

— *Công-nghiệp* : Tưởng Giới-Thạch hết sức chú trọng đến việc kỹ-nghệ hóa nước Trung-Hoa. Ông khuyến-khích các nhà tư-bản lập xưởng chế-tạo đồ dùng thường ngày, dệt vải bông, lụa.

— *Thương-nghiệp* : Nhị-thập-niên kế-hoạch được lập ra, với mục-đích khuếch-trương thương-nghiệp bằng cách đắp 35.000 cây số đường giao-thông nối các miền phi-nhiều với các hải-cảng để giúp cho nền thương-mại được có phương-tiện thuận lợi mà phát-triển.

## C— XÃ-HỘI : PHONG-TRÀO TÂN-SINH-HOẠT :

— *Khởi-xướng* : phong-trào Tân-sinh-hoạt do Tưởng Giới-Thạch khởi-xướng năm 1934.

— *Mục-đích* : mục-đích của phong-trào này là cõ-võ dân chúng sống một đời mới, bài trừ các hủ-tục, giữ gìn thân-thể, nhà

cửa cho sạch sẽ, cách cư-xử cho lịch-sự, bồi bổ bốn đức-tính chính-yếu là Lễ, Nghĩa, Liêm, Chính.

— *Hoạt-động* : Phong-trào này do Tống Mỹ-Linh, vợ Tưởng Giới-Thạch làm chủ-tịch Ủy-ban Trung-ương. Phong-trào được phổ-biến và hoạt-động trên toàn quốc Trung-hoa.

## D— VĂN-HÓA : PHONG-TRÀO TÂN-VĂN-HÓA :

— *Khởi xướng* : Phong-trào Tân-văn-hóa do Hồ Thích chủ-trương, phát-xuất từ đại-học Bắc-kinh.

— *Mục-đích* : mục-dịch của phong-trào này là cải-tạo tư-tưởng dân Trung-hoa, bài trừ ý-thức thủ-cựu, lấy tinh-thần dân-chủ và óc khoa-học làm tiêu-chuẩn cho nền văn-hóa.

— *Hoạt-động* : Những người tham-gia phong-trào này đã dịch rất nhiều sách ngoại-quốc để giới-thiệu với dân chúng Trung-hoa các tư-trào mới trên thế-giới và họ cũng viết nhiều sách báo để tuyên truyền cho phong-trào này.

## II.— ĐỐI PHÓ VỚI NGOẠI-BANG

Khi thống nhất xong đất nước, Tưởng Giới-Thạch nghĩ ngay đến việc thu-hồi chủ-quyền lãnh-thổ và hủy bỏ các hiệp-ước bất-bình-đẳng do triều đình Mãn-Thanh ký kết với các nước khác. Ông đã khôn khéo dùng đường lối ngoại-giao và đạt được những thành-quả tốt đẹp :

### A— HỦY BỎ CÁC HIỆP-ƯỚC BẤT-BÌNH-ĐẲNG :

— *Với Anh* : Năm 1926, nước Anh bằng lòng trả lại các tô-giới mà Trung-hoa đã nhường từ trước.

— *Với các nước khác* : Năm 1928, các cường quốc cũng chịu hủy bỏ các hiệp-ước bất-bình-đẳng đã ký với nhà Thanh, và ký với Trung-hoa Dân-Quốc những hiệp-ước bình-đẳng mới.

— *Với Nga* : Riêng với Nga, vì Quốc-dân-đảng diệt trừ các đảng-viên Cộng-sản nên Nga đã tuyệt-giao với Trung-hoa.

## B— THU HỒI CHỦ-QUYỀN TÀI-PHÁN :

— Quyền lãnh-sự Tài-phán trên đất Trung-hoa cũng được chính-phủ các nước khác bằng lòng hủy-bỏ.

## III. KẾT-QUẢ

— *Xã-hội Trung-hoa biến-đổi* : Những nỗ-lực kiến-thiết đất nước của Tưởng-Giới-Thạch và những phong-trào văn-hóa, xã-hội lên cao đã làm dân chúng tin-tưởng, nhiệt-liệt hưởng-ứng. Dân Trung-hoa bắt đầu cải-tiến nếp sinh-hoạt cho phù-hợp với đà tiến-triển của văn-minh nhân-loại. Nông-nghiệp, thương-nghiệp và nhất là kỹ-nghệ đã chấn-hưng.

— *Sự thất-bại của chính-phủ Tưởng Giới-Thạch* : Tuy nhiên, chính-sách hay không có người thừa hành thành tâm thiện-chí, lại nữa phần lớn các đảng-viên Quốc-dân-đảng chỉ nghĩ đến lợi riêng lo vơ vét đề hưởng-thụ, mặc nhân-dân lây lất sống trong đói khổ, lạc-hậu. Nạn thiếu cán-bộ nhiệt-tâm, nạn tham-ô hoành-hành chính là những con mọt ghê gớm đã phá-hoại Trung-hoa Dân-quốc đề đến nỗi sau này cả lục-địa Trung-hoa bị rơi vào tay Cộng-sản vậy.

## ĐOẠN 2 : TRUNG-HOA DÂN-QUỐC LÂM CHIẾN

### I.— CHIẾN-TRANH TRUNG-NHẬT

#### A— THAM VỌNG CỦA NHẬT TRƯỚC CON MỒI VĨ-ĐẠI TRUNG-HOA :

Mặc dầu các cường-quốc khác đã dần dần trả lại chủ-quyền cho Trung-hoa, nhưng Nhật không chịu bỏ tham-vọng của mình trên đất nước này :

— Năm 1931, Nhật đem quân chiếm Mãn-chân, rồi lập Phổ-Nghĩ làm Hoàng-đế Mãn-châu-quốc, đặt xứ này dưới quyền bảo-hộ của mình.

— Năm 1933, Nhật đánh miền Hoa-Bắc.

— Năm 1935, Nhật buộc Trung-hoa phải rút khỏi Bắc-kinh và Thiên-tân :

### B— CHIẾN-TRANH TRUNG-NHẬT BÙNG NỔ :

— Năm 1937, một toán quân Nhật tập trận tại Lư-cầu-kiều. Khi biết một quân-nhân Nhật bị mất tích, tức thời quân Nhật xông vào các làng lân-cận khám xét. Quân Nhật bị quân Trung-hoa bắn. Thế là chiến-tranh Trung-Nhật bùng nổ.

— Mới đầu quân Nhật thắng nhiều trận, chiếm Hoa-Bắc, Thượng-hải, Nam-kinh, Hoa-Nam. Tướng giới-Thạch phải rút về Trùng-khánh và tổ-chức du-kích-chiến.

— Chiến-tranh Trung-Nhật kéo dài từ 1937 đến hết thế-chiến (1937-1945). Khi Nhật-bản đầu hàng Đồng-minh thì Trung-hoa đang là nước bị Nhật-bản xâm-lăng, lại trở thành một cường quốc thắng trận bên các cường-quốc Đồng-minh.

## II.— CHIẾN-TRANH QUỐC-CỘNG

— Khởi đầu cuộc xung-đột Quốc-cộng : Đảng Cộng-sản Trung-hoa đã thành-lập từ lâu, nhưng bị Tưởng-giới-Thạch đàn áp, không bành-trướng được. Để bảo-toàn lực-lượng, Mao-trạch-Đông phải đem Cộng-quân rút lên Thiểm-tây lập căn-cứ kháng-chiến.

— Quốc-cộng hòa-hoãn đê chống Nhật : Trong khi Nhật xâm chiếm Trung-hoa, Quốc-dân-đảng và Cộng-sản bắt tay nhau đê cùng diệt kẻ thù chung của dân-tộc là quân Nhật.

— Chiến-tranh Quốc-cộng bùng nổ : Khi Nhật đầu hàng, thế-chiến đã chấm dứt, cuộc chiến-tranh Quốc-cộng lại bắt đầu trở nên gay-go vào đầu năm 1946, lúc quân Nhật đã rút về nước. Lợi-dụng tình-thế bi-đát của xã-hội Trung-hoa, nhân-dân lâm than đói khổ, chính-phủ kiệt-quệ tài-chính vì cuộc chiến-tranh vừa qua, Cộng-quân nhờ viện-trợ của Nga, nhờ tài tuyên-truyền, đã tiến chiếm Bắc-kinh, Thiên-tân, rồi xuống Hoa-Nam. Tưởng-giới-Thạch phải chạy ra đảo Đài-loan.

Từ đó đến nay chính phủ Trung-hoa Quốc-gia chỉ còn giữ quần đảo Đài-loan và Cộng-quân Trung-hoa thống-trị miền lục-địa.

NIÊN - HIỆU GHI NHỚ

- 1894 : Tôn Văn lập Hưng Trung Hội ở Honolulu
- 1898 : — chính biến năm Mậu-Tuất  
— Tôn Văn khởi nghĩa đánh Quảng-châu thất bại.
- 1900 : Tôn Văn Tò-chức đánh Quế-châu
- 1901 : — Hòa ước Bắc-kinh biến Trung-hoa như một bán thuộc-địa của các cường quốc.  
— Hồng-môn-hội, Hoa-hưng-hội, Quang-phục-hội, Hưng-trung-hội hợp nhau ở Đông-kinh bầu Tôn Văn làm Tổng-lý, và hợp nhất thành Đồng-minh-hội.
- tháng 3-1911 : Đồng-minh-hội tổ-chức khởi nghĩa ở Quảng-châu. Thất bại. 72 đảng viên bị giết chôn trên gò Hoàng-hoa-cương.
- 10-10-1911 : Nghĩa quân khởi nghĩa thành công ở Vũ-xương (tỉnh Hồ-bắc).
- 10-11-1911 : Tôn Văn được bầu làm đại Tổng-thống Lâm thời, Lê Nguyên Hồng làm Phó.
- 1912 : Vua Thanh Phổ Nghi thoái-vị.
- 15-12-1912 : Viên Thế Khải nhận chức đại Tổng thống Lâm Thời do Tôn Văn nhường.
- 1913 : Quốc-hội đầu tiên được bầu ở Trung-hoa.
- 1915 : Viên thế Khải lên làm Hoàng đế, đổi niên hiệu là Hồng Hiến nguyên niên.
- 1916 : Viên thế Khải lâm bệnh mất.
- 1917 : Đoàn kỳ Thụy tuyên chiến với Đức.
- 12-3-1925 : Tôn Văn lâm bệnh mất.
- 1926 : Tướng giới Thạch được chính phủ cách mạng miền Nam phong làm tổng tư lệnh quân đội.
- 9-10-1928 : Tướng giới Thạch được cử làm Chủ tịch Trung-Hoa D.Q.
- 1929 : Tướng giới Thạch thống nhất xong Trung quốc.
- 1931 : Quốc dân Hội nghị ban hành Hiến-pháp lâm thời Mãn Châu bị quân Nhật chiếm đóng.
- 1933 : Nhật lập Mãn-châu quốc  
Tướng giới thạch ký hòa ước Đường Cỏ chấm dứt cuộc xung đột Trung-Nhật

- 1934 : Tưởng giới Thạch phát động phong trào tân sinh hoạt
- 1937 : Nhân vụ Lưu-cầu-kiều, chiến tranh Trung-Nhật bùng nổ.  
Nhật tiến chiếm Bắc kinh, Thượng hải và Nam kinh
- 1939 : Nhật thành lập tại Nam kinh chính phủ Uông tinh Vệ
- 1945 : — Tưởng giới Thạch được tái cử Tổng thống  
— Quốc hội được triệu tập ở Nam kinh, ban bố tân hiến pháp
- 1-10-1949 : — Mao Trạch Đông thành lập chính phủ Cộng hòa nhân dân Trung hoa  
— Chính phủ Trung hoa Dân quốc phải dời sang Đài loan





*Nhật-Bản sau thời Minh-Trị*  
*Sự bành-trướng đế-quốc Nhật*



- TÌNH-TRẠNG NƯỚC  
NHẬT SAU THỜI  
MINH-TRỊ TỚI NĂM  
1945
- SỰ BÀNH-TRƯỞNG  
CỦA ĐẾ QUỐC NHẬT
- NƯỚC NHẬT TỪ  
1945 TỚI NAY

Nhờ những chiến-thắng oanh-liệt trong hai cuộc chiến-tranh Trung-Nhật (1894-1895) và nhất là Nga-Nhật (1904-1905), tinh thần dân Nhật lên rất cao và tham vọng xâm-lãng nước ngoài càng lớn. Do đấy lịch-sử nước Nhật từ sau thời Minh-Trị cho tới năm 1945 được đánh dấu bằng những cuộc chinh-chiến liên-tiếp để thực-hiện tham-vọng đế quốc và giải-quyết nạn khủng-hoảng kinh-tế của Nhật.

Trong chương này ta xét mấy điểm sau :

- Tình trạng nước Nhật sau thời Minh-trị tới 1945.
- Sự bành-trướng của Đế quốc Nhật.
- Nước Nhật từ 1945 tới nay.

# TÌNH-TRẠNG NƯỚC NHẬT SAU THỜI MINH-TRỊ TỚI NĂM 1945

- TÌNH-TRẠNG KINH-TẾ
  - TÌNH-TRẠNG CHÍNH-TRỊ
  - TÌNH-TRẠNG XÃ-HỘI:
- NẠN NHÂN-MÃN GIA-TĂNG

## I. — TÌNH-TRẠNG KINH-TẾ

Nhờ sớm biết canh-tận đất nước, kỹ-nghệ-hóa các ngành sản-xuất, nên nền kinh-tế nước Nhật vào đầu thế-kỷ XX rất phát-triển.

Hơn nữa, trong những năm Thế-chiến thứ nhất (1914-1918) các cường-quốc kỹ-nghệ (Anh, Pháp, Đức), vì bận tham chiến, kỹ-nghệ hường về chiến-tranh, nên việc sản-xuất hàng-hóa giảm đi, phải mở cửa biên-giới các thuộc-địa cho hàng Nhật nhập-cảng. Bởi vậy hàng Nhật đã tràn ngập thị-trường các nước Trung-hoa, Ấn-độ, Nam-dương, Đông-dương, Thái-Lan, Mã-lai... Do đấy, kỹ-nghệ Nhật lại càng phát-triển và giới tài-phiệt Nhật lại được dịp thu những món tiền khổng lồ.

Sau khi thế-chiến thứ nhất chấm-dứt, các cường-quốc Tây-phương kiến-thiết xong xứ sở, bộ máy kỹ-nghệ sản-xuất hàng-hóa bắt đầu hoạt-động trở lại. Họ ngăn chặn hàng-hóa Nhật không cho nhập-cảng vào các thuộc-địa của họ nữa. Do đấy kinh-tế Nhật lâm vào ngõ bí: hàng-hóa sản-xuất ra ứ-động tại thị-trường quốc-nội, nạn khủng-hoảng kinh-tế đe dọa trầm-trọng.

Chính vì vậy giới tài-phiệt Nhật đã phải dùng áp-lực để chính-phủ Nhật phải gây chiến tìm thị-trường tiêu-thụ hàng-hóa Nhật.

## II.— TÌNH-TRẠNG CHÍNH-TRỊ

— Năm 1912 Minh-trị Thiên-hoàng mất, truyền ngôi cho Yoshi Hito. Năm 1926, Hoàng-đế Yoshi Hito lại truyền ngôi cho Hiro Hito.

— Yoshi Hito thực hiện nhiều cải-cách quan-trọng về chính-trị, nói rộng quyền tự-do dân-chủ cho dân Nhật, như :

● Ban hành luật phổ-thông đầu-phiếu (1925) để bầu các nghị-sĩ vào Quốc-hội.

● Các chính-đảng được phép hoạt-động cử người ra tranh cử vào Quốc-hội và có thể do đây mà tham-chính.

● Các Bộ-trưởng phải chịu dưới quyền kiểm-soát của Quốc-hội và chịu trách-nhiệm trước Thiên-hoàng.

— Chính-thể của Nhật lúc này luôn bị giao-động vì các áp-lực của giới tài-phiệt, của bọn quan-phiệt và của các đảng bí-mật. Thực-thể, sau đây là cuộc khủng-hoàng chính-trị điển-hình đã kết thúc bằng việc phải quân-nhân lên nắm quyền (1936) :

● Năm 1936 đảng Tự-do, trong một cuộc bầu-cử, được chiếm đa số trong Quốc-hội. Thiên-hoàng bèn cử lãnh-tụ đảng này là ông Okada lên làm Thủ-tướng. Đảng này chủ-trì chính-sách ôn-hòa, nên vấp phải sự chống đối của bọn quân-phiệt. Bọn này bèn tổ-chức cuộc đảo-chánh (26-2-1936), giết các chính khách trong đó có nhiều Bộ-trưởng. Thủ-tướng Okada trốn thoát. Thiên-hoàng phải dùng uy-quyền tối thượng của mình ra lệnh cho bọn quân phiệt này phải đầu hàng, các sĩ-quan phiến loạn phải mở bụng tự-sát.

● Sau đó, Okada xin từ-chức, Hirota được ủy-nhiệm lập chính-phủ, nhưng rồi cũng bị lật đổ sau 10 tháng chấp-chánh. Tướng Hayashi được ra lập chính-phủ. Nhưng Tướng này gặp sự chống đối của Quốc-hội : Quốc-hội — đa số nghị-sĩ thuộc đảng Tự-do — không chịu biểu-quyết ngân-sách cho chính-phủ quân-nhân do Hayashi lãnh-đạo. Chính phủ Hayashi bèn giải tán Quốc-hội và tổ-

chức cuộc bầu-cử một Quốc-hội mới. Đảng Tự-do vẫn chiếm đa số trong Quốc-hội mới và vẫn không chịu tín-nhiệm chính-phủ Hayashi. Sau cùng Thiên-hoàng phải cử Hoàng-thân Konoye lập chính-phủ liên-hiệp trong đó quân-nhân chiếm đa số. Bấy giờ tình hình chính-trị mới tạm ổn-định.

### III.— TÌNH TRẠNG XÃ-HỘI : NẠN NHÂN MÃN GIA TĂNG

Dân Nhật tăng gia rất nhanh :

1914 : dân Nhật mới có 54 triệu

1938 đã tăng lên 70 triệu.

Thế mà nước Nhật diện tích đã nhỏ (369.000Km<sup>2</sup>) mà lại nhiều núi, ít bình-nguyên. Vì thế giới quân phiệt Nhật chủ-trương phải chiếm lục-địa, di-cư Nhật để giải-quyết nạn nhân mãn đe dọa trầm trọng nước Nhật.



## SỰ BÀNH-TRƯỞNG ĐẾ-QUỐC NHẬT

- NGUYÊN-NHÂN THAM-VỌNG ĐẾ-QUỐC CỦA NHẬT-BẢN
- SỰ THỰC-HIỆN THAM-VỌNG ĐẾ-QUỐC CỦA NHẬT-BẢN
- KẾT-QUẢ : N.B. LÀ NƯỚC CHIẾN-BAI, BỊ ĐỒNG-MINH CHIẾM ĐÓNG

Nhờ những chiến-thắng oanh-liệt trong hai cuộc chiến-tranh Trung-Nhật (1894-1895) và nhất là Nga-Nhật (1904-1905), tinh-thần dân Nhật lên rất cao và tham-vọng xâm-lãng nước ngoài cũng càng lớn. Do đấy lịch-sử nước Nhật từ sau thời Minh-trị cho tới 1954 được đánh dấu bằng những cuộc chinh-chiến liên-tiếp để thực hiện tham-vọng đế-quốc và nhu-cầu kinh-tế của dân Nhật.

Do đấy ta sẽ xét :

- Nguyên-nhân tham-vọng đế-quốc của Nhật-bản.
- Sự thực-hiện tham-vọng đế-quốc của dân Nhật.
- Kết-quả : Nhật-bản sau thế-chiến thứ hai.

### I.— NGUYÊN NHÂN THAM-VỌNG ĐẾ-QUỐC CỦA NHẬT-BẢN

— Những nguyên-nhân chính làm nảy sinh tham-vọng đế-quốc của dân Nhật có thể qui vào mấy điểm sau :

#### 1) Nguyên-nhân 1 : Nạn nhân-mãn trầm trọng :

Dân Nhật gia tăng rất mau : mỗi năm lên gần một triệu. Thế mà số thóc lúa trong nước lại không đủ nuôi dân. Vì thế Nhật phải tìm cách chiếm đất hải-ngoại để di-dân đến sinh-sống ngõ hầu giải-quyết nạn nhân-mãn đe dọa nước Nhật.



## 2) Nguyên-nhân 2 : Kỹ-nghệ bành-trướng nên thiếu thị-trường tiêu-thụ hàng-hón :

Từ ngày canh-tân đất nước, Nhật-bản đem hết tài-lực vào việc kỹ-nghệ-hóa đất nước. Do đấy nền kỹ-nghệ Nhật-bản phát-triển mạnh, các chế-tạo-phẩm sản-xuất quá nhiều, thị-trường quốc-nội tiêu-thụ không hết. Vì đó, giới kỹ-nghệ thúc đẩy chính-phủ Nhật-bản phải gây chiến chiếm các thị-trường hải-ngoại để tiêu-thụ cho hết các hàng-hóa thặng-dư của Nhật và để lấy nguyên-liệu đem về cung-cấp cho kỹ-nghệ Nhật.

## 3) Nguyên-nhân 3 : Tính háo-chiến của bọn quân-phiệt nắm quyền ở Nhật :

Để tránh chiến-tranh, Thiên-hoàng Nhật đã phải cử các Thủ-tướng thuộc đảng Bảo-thủ hoặc đảng Tự-do ra lập chính-phủ. Nhưng những Thủ-tướng này vì muốn thực-hiện chính-sách ôn-hòa, nên thường bị giới quân-phiệt háo chiến mưu sát (như Thủ-tướng Hamaguchi, Inukia). Sau rốt, Thiên-hoàng phải cử một quân-nhân lên cầm-quyền để thực-hiện tham-vọng đế-quốc, gây chiến ngõ hầu giải-quyết những vấn-đề khó-khăn về kỹ-nghệ, về nhân-mãn.

## II.— SỰ THỰC-HIỆN THAM-VỌNG ĐẾ-QUỐC CỦA NHẬT-BẢN

### A— NHẬT KHAI CHIẾN VỚI ĐỨC :

— Nhân khi các cường-quốc Tây-phương đang mắc vào trận Đại-chiến thứ nhứt (1914-1918), Nhật liền khai chiến với Đức để giành lấy những tô-giới của Đức ở Trung-hoa.

— Nhưng về sau, hội-nghị Hoa-thịnh-đốn (1922) bắt Nhật phải trả các tô-giới đó cho Trung-hoa.

### B— NHẬT ĐÁNH CHIẾM TRUNG-HOA :

— *Chiếm Mãn-châu* : Phần vì bị đuổi ra khỏi các thị-trường Á-châu, phần vì giới quân-phiệt nhất quyết chủ chiến, Nhật-bản phải lao mình vào cuộc chiến-tranh, đánh chiếm Trung-hoa :

● Năm 1931, Nhật đánh chiếm Mãn-châu, rồi lập thành Mãn-châu-quốc (1932).

— *Đánh Trung-hoa* :

● Năm 1933, Nhật chiếm Hoa-Bắc. Hội Vạn Quốc phản-đối. Nhật bèn rút ra khỏi hội này.

● Năm 1937, nhân vụ Lư-câu-kiều, Nhật tiến đánh Trung-hoa, chiếm Hoa-Bắc, Hoa-Nam, lập chính-phủ bù-nhìn Uông-tinh-Vệ. Thông-giới-Thạch phải lui về Đông-khánh tổ-chức du-kích chiến đê kháng Nhật.

### C— NHẬT ĐỨNG VÀC PHE TRỰC (ĐỨC-Ý-NHẬT) CHỐNG ĐỒNG-MINH TRONG ĐẠI CHIẾN THỨ HAI :

— *Khai chiến với Mỹ* : Năm 1941, nhân vụ Mỹ gửi tối-hạ-thư cho Nhật buộc quân Nhật phải rút khỏi Trung-hoa, Nhật bèn đánh úp Trân-châu-cảng (7-12-1941) phá tan thủy quân Mỹ đóng ở đây, rồi tiến quân đánh các nước Á-châu là Đông-dương, Mã-lai, Phi-luật-tân, Nam-dương, Thái-lan, Miến-điện.

Đề lấy lòng các dân-tộc Á-châu và che đậy tham-vọng đế-quốc của mình, Nhật đã nêu lên chính sách Đại-Đông-Á với khẩu hiệu « Á-châu của người Á-châu » và lập ra bộ Đại-Đông-Á trao cho Thanh-Mộc (Aoki) làm Bộ-trưởng để trông coi các đất hải-ngoại.

— *Bại trận* : Sau những chiến-thắng đầu-tiên, quân Nhật dần dần yếu sức, phần vì quân-đội rải rác trên một chiến trường quá lớn, phần vì bị quân-đội Mỹ phản-công mãnh-liệt. Sau khi Đức-Ý bại trận (1945), Nga lại tuyên chiến với Nhật. Rồi sau hai quả bom nguyên-tử ở Quảng-đảo (Hiroshima) và Trường-kỳ (Nagasaki) Nhật đã phải đầu hàng vô điều-kiện.

### III. — KẾT-QUẢ : NHẬT-BẢN LÀ NƯỚC CHIẾN BẠI, BỊ ĐỒNG-MINH CHIẾM ĐÓNG

Sau Đại-chiến thứ hai (1939-1945), Nhật-bản bị mất tất cả các đất-đai đã chiếm được trước của các nước Á-châu khác, và bị quân Mỹ chiếm đóng cho đến năm 1952.

Mặc dầu bại trận, đất nước bị chiến-tranh tàn-phá, kinh-tế kiệt-quệ, nhưng với óc thông-minh, với lòng dũng-cảm, với ý-chí phấn-đấu không ngừng, dân Nhật đã chăm lo kiến-thiết đất nước. Chẳng bao lâu nền kinh-tế Nhật đã phục-hưng. Kỹ-nghệ lại phát-triển mạnh. Ngày nay Nhật-bản phục-hồi, chiếm lại được địa-vị cường-quốc trên trường quốc-tế.



## NƯỚC NHẬT TỪ 1945 TỚI NAY

- NƯỚC NHẬT TRONG TAY QUÂN-ĐỘI HOA-KỲ
- NHẬT-BẢN ĐỘC-LẬP

### I — NƯỚC NHẬT TRONG TAY QUÂN ĐỘI HOA-KỲ

#### A — GIẢI-GIÁP QUÂN-ĐỘI NHẬT :

Tướng Mac Arthur chỉ huy quân-đội Hoa-kỳ chiếm đóng nước Nhật, giải giới quân-đội Nhật và đem nhiều Đại-tướng Nhật ra tòa-án Quân-sự xử, kết án là tội nhân chiến tranh và xử-tử.

#### B — DÂN-CHỦ HÓA NƯỚC NHẬT :

Đại-tướng Mac Arthur đã thi-hành những chính-sách nhằm mục-đích thổi luồng gió dân-chủ vào quần-chúng Nhật, cố-gắng diệt ảnh-hưởng của bọn tài-phiệt ngõ hầu làm tiêu-tan ý-chí hiếu-chiến của dân Nhật. Do đó, tướng Mac Arthur đã cho thi-hành những biện-Pháp sau :

#### 2) Về chính-trị :

Năm 1946 (ngày 3-11-1946), Tướng Mac Arthur cho công bố bản hiến-pháp mới của Nhật, gồm có mấy điểm chính sau :

- Quyền hành-pháp : nằm trong tay vua. Vua có quyền bổ-nhiệm Thủ-tướng, nhưng thường theo ý-kiến của Quốc-hội.
- Quyền lập-pháp : trong tay Quốc-hội. Quốc-hội do dân bầu ra trong cuộc tuyển-cử phổ-thông, gồm có 2 viện là :
  - Viện Cố-vấn : nhiệm kỳ 6 năm.

● Hạ-nghị-viện : nhiệm kỳ 4 năm. Hạ-nghị-viện (còn gọi là Viện dân-biểu) có nhiều quyền hơn Cố-vấn-viện về vấn-đề chỉ-định Thủ-tướng, quyết-định về ngân-sách...

## 2) Về kinh-tế :

Mac Arthur ra lệnh giải tán các công-ty lớn để phá tan ảnh-hưởng của giới tài-phiệt và thực hiện cuộc quân-phân ruộng đất ra thành mảnh nhỏ để chia cho nông-dân trực tiếp canh-tác.

## 3) Về quân sự :

Nhật-bản không có hải, lục và không quân. Và, nếu có tranh-chấp với nước ngoài, Nhật không được dùng võ-lực để giải-quyết vụ tranh chấp này.

# I.— NHẬT-BẢN ĐỘC LẬP

## 1) Hiệp-ước Cựu-kim-sơn công nhận nền độc-lập và tự-do của Nhật :

Tình hình thế-giới dần dần biến chuyển : cộng-quân đã nhuộm đỏ Trung-hoa lục-địa và nhóm ngó các nước chậm tiến ở Á-châu.

Đề thăng bằng cán cân lực-lượng ở Á-đông, Hoa-kỳ thấy cần phải nâng Nhật lên hàng cường quốc ngó hầu chống nổi với ảnh-hưởng của Trung-cộng.

Vì đó Hoa.kỳ đã tồ-chức hội-nghị Cựu-kim-sơn (ngày 4-9-1951), công nhận Nhật là một quốc-gia tự-do, độc lập. Hiệp-ước này bắt đầu thị-hành từ năm 1952.

## 2) Nhật-bản phục hưng nền kinh-tế :

Sau khi thu hồi độc lập, Nhật đã lại phát-triển nền kinh-tế của mình. Chẳng bao lâu nền kinh-tế Nhật đã phục hưng : hàng-hóa Nhật hiện nay tràn ngập thị-trường thế-giới, cạnh tranh ráo-riết với các nước Âu-châu và Mỹ-châu.



## NIÊN - HIỆU GHI NHỚ

- 1904 : Nhật-Nga khai chiến.
- 1905 : — Nhật đại thắng Nga.  
— Nga phải ký hòa-ước Portsmouth nhường cho Nhật hải cảng Lữ-thuận, nửa đảo Sakhaline, đường sắt Nam Mãn-Châu.
- 1912 : Minh-trị Thiên-hoàng mất, truyền ngôi cho Đại-chính Thiên-Hoàng (Yoshi Hito).
- 1915 : Nhật tuyên chiến với Đức để giành lấy những tô-giới của Đức tại Trung-hoa.
- 1920—1921 : Khủng-hoàng kinh-tế trầm trọng tại Nhật.
- 4.11.1921 : Thủ-tướng Hara bị ám sát tại nhà ga Đông-kinh.
- 1922 : Nhật ký hòa-ước Haa-Thịnh-Đốn.
- 1925 : Nhật ban hành luật phổ-thông đầu phiếu để bầu nghị sĩ vào Quốc-hội.
- 1926 : Đại-chính Thiên-hoàng (Yoshito Hito) truyền ngôi cho Chiêu hòa Thiên-Hoàng (Hiro Hito)
- 26-2-1936 : Nhóm quân phiệt tổ chức cuộc đảo-chánh : Thủ-tướng Okada chạy trốn, nhiều bộ trưởng bị giết.
- 1937 : Nhật đánh Trung-Hoa.
- 7-12-1941 : Nhật đánh úp Trân-châu-cảng, khởi đầu cuộc chiến tranh với Hoa-Kỳ.
- 1945 : Nhật hàng vô điều-kiện và bị quân đội Mỹ chiếm đóng.
- 1952 : Nhật thâu hồi độc-lập.



**Ấn-Độ : Phong-trào  
tranh-dấu giành độc-lập**



- ẤN-ĐỘ DƯỚI THỜI ANH THUỘC
- PHONG-TRÀO ĐẤU-TRANH GIÀNH ĐỘC-LẬP CỦA ẤN-ĐỘ TỪ 1914 ĐẾN 1947
- ẤN-ĐỘ ĐỘC-LẬP

Đề hiểu rõ phong-trào tranh-đấu của nhân dân Ấn-độ, thiết tưởng trước hết ta cần biết qua tình-trạng Ấn-độ dưới ách thống-trị của người Anh ; và, sau đó, kết quả thâm lợi được của dân-tộc Ấn sau bao năm trải xương máu giành được nền độc-lập tức là ta cần xét xem tình trạng Ấn-độ sau khi thu hồi độc lập như thế nào.

Vậy, ta cần đề-cập tới vấn-đề này trong ba tiết sau :

*Tiết I* : Ấn-độ dưới thời Anh-thuộc.

*Tiết II* : Phong-trào tranh-đấu giành độc-lập của dân-tộc Ấn.

*Tiết III* : Ấn-độ độc-lập, thành quả của phong trào tranh-đấu.



## ẤN ĐỘ DƯỚI THỜI ANH THUỘC

- VÀI NÉT LỊCH-SỬ
- CHÍNH-SÁCH KINH-TẾ CỦA NƯỚC ANH TẠI ẤN
- CHÍNH-SÁCH CHÍNH-TRỊ CỦA NƯỚC ANH TẠI ẤN

### I. — VÀI NÉT LỊCH SỬ

— Vào thế-kỷ XVI, người Bồ-đào nha đã đặt tại Ấn nhiều thương-điếm và chiếm cứ Ấn đê buôn bán (Vasco de Goma tới Calicut (Ấn) năm 1498 và xứ Goa bị chiếm 1510). Tới thế kỷ XVII, Ấn-độ lại bị người Anh, Hòa-Lan và người Pháp vào đặt các cơ-sở thương-mại và kỹ-nghệ.

— Công-ty Anh-Ấn do người Anh lập ra đã thiết-lập ách thống-trị lên đầu dân-tộc Ấn ngay từ đầu năm 1757. Sau đó, người Anh bành trướng thế lực, chiếm dần đất Ấn còn trong tay các quốc-gia khác, điển-hình là việc loại bỏ người Pháp ra khỏi đất Ấn vào năm 1763.

— Năm 1858, vì trước đó có cuộc khởi-nghĩa của dân Ấn suýt làm lung-lay đế-quốc Anh (loạn Cipayes 1857) nên chính-phủ Anh bèn giải-tán công-ty Anh-Ấn, và trực-tiếp cai-trị mảnh đất này. Nữ-hoàng-Anh Victoria được tôn xưng là Nữ-hoàng của Ấn-độ. Nữ-hoàng cử một Phó Vương đại-diện mình sang cai-trị Ấn-độ, thay thế cho viên Thống-đốc của Công-ty Anh-Ấn vừa bị giải tán.

— Từ đó (1888) cho tới ngày độc-lập (1947), Ấn-độ hoàn toàn nằm trong đế-quốc Anh, dưới quyền cai-trị trực-tiếp của chính-phủ Anh.

## II.— CHÍNH SÁCH KINH-TẾ CỦA NƯỚC ANH TẠI ẤN

— Chiếm Ấn-độ mục-đích chính của Công-ty Ấn-độ nhằm về khía cạnh kinh-tế. Công-ty này biến Ấn-độ thành một thị-trường sản-xuất nguyên-liệu. Công-ty Ấn-độ đã khai-thác triệt-đề xứ Ấn-độ theo tư-lợi của Công-ty và phát-triển sự khai-thác này cùng với sự xâm-chiếm dần dần đất Ấn.

— Chỉ vào khoảng năm 1920, người Anh mới bắt đầu cho thiết lập một nền kỹ-nghệ tân-tiến tại Ấn-độ. Từ đó kỹ-nghệ địa-phương phát-triển mạnh nhờ nhân-công rẻ. Các thành-phố lớn nhờ đó mới được kiến-tạo thêm và phồn-thịnh hơn.

Nói chung, chính-sách kinh-tế của Anh tại Ấn là chính-sách bóc lột, dùng Ấn làm thị-trường tiêu-thụ hóa-phẩm và cung cấp nguyên-liệu cho chính-quốc. Nhưng cũng nhờ sự khai-thác của người Anh mà nền kinh-tế thô-sơ và chuyên về nông-nghiệp xưa của Ấn, nay đã chuyển biến, tiến-triển rất nhiều, kỹ-nghệ phát-triển, nông-nghiệp được cải-thiện và tiến mạnh nhờ các đập nước, nhờ hệ thống dẫn thủy nhập điền do người Anh thực-hiện, đường xá được sửa-chữa, tăng cường khiến thương-mại phồn-thịnh...

## III.— CHÍNH-SÁCH CHÍNH-TRỊ CỦA ANH TẠI ẤN

Sau cuộc khởi-nghĩa Cipayes 1857, người Anh đã phải thay đổi lại đường lối chính-trị : nới rộng quyền hành cho dân bản xứ và thi hành một chính-sách khôn khéo : chia để trị và thu-nhận một số nhân viên bản xứ vào các cơ-quan hành-chánh để cho dân Ấn có cảm-tưởng được tự-trị.

Để thi-hành chính-sách này, người Anh cố-gắng tránh sự cai-trị trực tiếp và khai-thác triệt-đề sự chia rẽ giữa dân Ấn và dân Hồi-giáo ; đồng-thời, nhà cầm quyền Anh còn cho dân Ấn được hưởng quyền bầu phiếu hạn chế để bầu các nhân-viên trong hội-đồng làng, hội-đồng quận.

## PHONG-TRÀO TRANH-ĐẤU GIÀNH ĐỘC-LẬP CỦA ẤN-ĐỘ TỪ NĂM 1914 ĐẾN NĂM 1947

- TIÊU-SỬ THÁNH GANDHI
  - DIỄN-TIẾN CỦA PHONG-TRÀO TRANH ĐẤU
- 

Phong-trào tranh-đấu giành độc-lập của dân-tộc Ấn-độ do Thánh Gandhi lãnh-đạo, đã thụ được kết quả mỹ-mãn : Anh đã chịu trả lại nền độc-lập năm 1947.

Vi vậy, trong tiết này ta, cần xét :

- Tiêu-sử Thánh Gandhi.
- Sự diễn-tiến của phong-trào tranh đấu.

### I. — TIÊU-SỬ THÁNH GANDHI

#### A. THÂN-THỂ :

Gandhi (1869 — 1948) sinh tại Kathiavar (gần Bombay), thuộc giai cấp quý-phái. Gandhi sang Anh du học, đậu luật-khoa tiến-sĩ (năm 19 tuổi), rồi về nước làm luật-sư (năm 23 tuổi). Năm 1894 ông sang Nam-Phi cãi cho các thân-chủ là kiều-dân Ấn đề chống sự áp-bức của người Anh.

Sau đó ông về nước lãnh-đạo phong-trào tranh-đấu giành độc lập cho Ấn-độ. Trong cuộc tranh-đấu này, kể từ 1908 đến 1942, Gandhi đã bị 4 lần vào tù ra khám, nhưng ông vẫn không sờn lòng, cương quyết lãnh-đạo cuộc tranh đấu cho đến thành-công.

Năm 1948, Gandhi bị ám-sát chết.

## B— CHỦ-TRƯỞNG :

Đề làm tiêu-chuẩn cho cuộc tranh-thủ độc lập, Gandhi đề ra chủ-trương «bất bạo-động, bất hợp-tác» :

— Bất hợp-tác về chính-trị : Gandhi khuyên dân Ấn không cộng-tác với người Anh trong việc điều hành nền hành-chánh bản xứ : Công-chức Ấn từ chức, quan-tòa Ấn không xử án, giáo-chức Ấn bỏ dạy, học-sinh Ấn bỏ trường dạy tiếng Anh.

— Bất hợp-tác về kinh-tế : Gandhi liền gọi dân Ấn đừng nộp thuế cho chính quyền Anh, đừng bán thực-phẩm cho dân Anh, đừng mua hàng của Anh, hãy dùng hàng nội-hóa.

— Bất bạo-động : để tránh đổ máu và tránh cho người Anh lấy cớ đàn áp, Gandhi khuyên dân Ấn không dùng vũ-lực chống đối, mà chỉ dùng chính-sách bất-hợp tác để tranh-đấu.

Áp-dụng chủ-trương này, Gandhi đã tự mình dệt lấy vải, may quần áo mặc và chỉ tuyệt thực để phản-đối mỗi khi người Anh đàn-áp.

## II.— DIỄN TIẾN CỦA PHONG-TRÀO TRANH-ĐẤU

— Khởi đầu của phong-trào : Trong thế chiến thứ nhất (1914-18), Anh hứa sẽ trao trả Ấn nhiên quyền-lợi. Vì vậy Gandhi đã hô hào dân Ấn nhập-ngũ giúp Anh. Nhưng khi thế-chiến chấm-dứt, Anh đã thẳng Đức, chính-phủ Anh lại nuốt lời hứa. Gandhi bèn phát-động phong-trào tranh-đấu giành độc-lập và được dân chúng nhiệt-liệt ủng-hộ.

— Bạo-động khởi-nghĩa : Năm 1919 dân Ấn nổi lên biểu-tình ở Amritsar. Người Anh bèn bắn vào đám biểu-tình làm một số người chết và bị thương. Sau đó người Anh nhượng bộ cho ban-hành hiến-pháp 1919. Nhưng hiến-pháp này chưa làm thỏa-mãn dân Ấn.

— Ba chiến-dịch tranh-đấu do Gandhi phát-động :

● Chiến-dịch 1 (1920-1921) : Gandhi phát-động một phong-trào tẩy chay hiến-pháp 1919 do người Anh ban-hành và bất tuân-hành những mệnh-lệnh của người Anh. Nhưng bên cạnh những cuộc



biểu tình ôn-hòa và mạnh mẽ, lại xảy ra những vụ bạo-động, nên Gandhi phải ngưng phát-động phong-trào này.

● Chiến-dịch 2 : Chiến-dịch lần thứ hai được Gandhi phát-động vào năm 1930, nhằm tẩy chay muối do chính-phủ bán.

● Chiến-dịch 3 : Chiến-dịch lần thứ hai chuyển-biến, đưa tới một chiến-dịch phản-đối người Anh kéo dài 2 năm 1932-1934. Sau đó, Người Anh phải cho ban-hành một bản hiến-pháp mới (India Act 1937). Theo hiến-pháp mới này, Ấn-độ là một liên-bang, có quốc-hội do dân bầu. Trong cuộc tổng-tuyển-cử 1937, đảng quốc-gia của Gandhi chiếm đa-số trong quốc-hội. Gandhi nhường quyền lãnh-đạo đảng cho Nehru, Nehru không ưng hiến-pháp mới vì hiến-pháp này vẫn chưa trao toàn quyền độc-lập cho dân tộc Ấn.

— Giai-đoạn kết thúc :

● Trong thế chiến thứ nhì, trước sự đe-đọa của Nhật, các nhà lãnh-đạo dân Ấn ngưng hoạt-động.

● Nhưng khi hòa-bình trở lại, họ lại hoạt-động ráo riết. Cuối cùng Quốc-hội Anh phải chấp-thuận cho Ấn được độc-lập (11 tháng 6 năm 1947).

● Ngày 15 tháng 8 năm 1947 lễ độc-lập được cử-hành trọng-thể tại Tân-Đê-ly.

— Ấn-độ chia đôi : Trong khi các cuộc thảo-luận với người Anh về nền độc-lập của Ấn, các nhà lãnh-tu Ấn-độ đã bất đồng ý-kiến với nhau, nhất là giữa các đại-biểu theo Ấn-độ-giáo và các đại-biểu theo Hồi-giáo. Sau cùng hội-nghị phải chấp-thuận giải-pháp chia Ấn làm hai quốc-gia Ấn-độ và Hồi-quốc.



## ẤN - ĐỘ      ĐỘC - LẬP

- TỒ-CHỨC CÔNG-QUYỀN
- TÌNH-TRẠNG CHÍNH-TRỊ
- TÌNH-TRẠNG KINH-TẾ

### I.— TỒ-CHỨC CÔNG-QUYỀN

Ấn-độ là một liên-bang gồm có nhiều tiểu-bang :

#### A— CHÍNH-QUYỀN TRUNG-ƯƠNG :

— Cơ-quan Hành-chánh : Đứng đầu nền Hành-chánh của chính-quyền trung-ương là một vị Tổng-thống do các nghị-sĩ của Quốc-hội liên-bang và quốc-hội tiểu-bang bầu ra, nhiệm-kỳ 5 năm. Tổng-thống bổ-nhiệm Thủ-tướng được theo ý-kiến của Quốc-hội. Thủ-tướng sẽ lựa chọn các Tổng-trưởng.

— Cơ-quan Lập-pháp : Quốc-hội Ấn gồm có hai viện là :

- Hội-đồng liên-bang đại diện cho các tiểu-bang.
- Nhân-dân nghị-viện đại diện cho toàn dân Ấn.

#### B— CHÍNH-QUYỀN ĐỊA-PHƯƠNG :

— Cơ-quan Hành-pháp : Đứng đầu nền Hành-pháp tại tiểu-bang là một vị Thống-đốc do Tổng-thống liên-bang bổ-nhiệm.

— Cơ-quan Lập-pháp : tại mỗi tiểu-bang đều có Quốc-hội do dân bầu. Tùy theo hiến-pháp của tiểu-bang, có tiểu-bang theo chế-độ lưỡng-viện, có tiểu-bang lại theo chế-độ độc-viện.

## II. TÌNH-TRẠNG CHÍNH-TRỊ

### A— ĐỐI NỘI :

Đối nội, Ấn-độ luôn bị đe dọa bởi một cuộc nội chiến với dân Hồi-giáo: Hồi-giáo và Ấn-quốc có nhiều tranh-chấp khó thể giải-quyết như vấn-đề Cachemire, vấn-đề di-dân theo đạo Hồi và theo đạo Ấn.

### B— ĐỐI NGOẠI :

Ấn theo đuổi một chính.sách trung-lập, giao-hào cả với các nước Tây-phương lẫn Cộng-sản.

## III.— TÌNH-TRẠNG KINH-TẾ

— Từ 1951, Ấn đã bắt đầu thi-hành kế-hoạch kinh-tế 5 năm. Cho tới 1965, Ấn đã thi-hành tới lần thứ ba kế-hoạch ngũ-niên. Nhờ những kế-hoạch kinh-tế này mà nền kinh-tế Ấn-độ đã tiến-triển khả-quan.

— Nhưng dân Ấn tăng-gia mau, mà mức sản xuất về nông-nghiệp lại không gia tăng mấy, nên hiện thời Ấn-độ đang phải đương đầu với nạn đói kém đe dọa trầm trọng.

### NIÊN - HIỆU GHI - NHỚ

- |           |  |
|-----------|--|
| 1858      | : Công-ty Anh-Ấn bị giải tán. Chính phủ Anh trực tiếp cai-trị Ấn-Độ.         |
| 1919      | : Hiến pháp 1919 ra đời.   |
| 1920      | : Kỹ nghệ tân tiến bắt đầu được người Anh cho thiết lập tại Ấn.              |
| 1930      | : Gandhi phát động chiến dịch chống Anh nhằm tẩy chay muối do chính phủ bán. |
| 1937      | : Hiến pháp mới được ban hành (India Act).                                   |
| 11-6-1947 | : Quốc hội Anh chấp thuận cho Ấn hoàn toàn độc-lập.                          |
| 15-8-1947 | : Lễ độc-lập cử hành tại Tân-Đê-Li.  |
| 1948      | : Thánh Gandhi bị ám sát.  |
| 1951      | : Ấn bắt đầu cho thi hành kế hoạch ngũ niên kinh tế.                         |



*Thế-giới đại-chiến thứ nhất*  
(1914-1918)



- NGUYÊN-NHÂN THẾ CHIẾN THỨ NHẤT
- SƠ-LƯỢC CỦA THẾ CHIẾN 1914 - 1918
- HẬU-QUẢ CỦA THẾ CHIẾN 1914 - 1918

## NGUYÊN-NHÂN THẾ CHIẾN THỨ NHẤT

- NGUYÊN-NHÂN XA
- NGUYÊN-NHÂN GẦN

Thế-chiến thứ nhất phát-sinh do sự xung-đột về quyền-lợi kinh-tế giữa các cường-quốc Âu-châu :

### I.— NGUYÊN-NHÂN XAU XA

#### A— NGUYÊN-NHÂN I : THAM-VỌNG ĐẾ-QUỐC CỦA ĐỨC-HOÀNG GUILLAUME ĐỆ NHỊ :

Nguyên-nhân sâu-xa và chính-yếu của cuộc Thế-chiến thứ nhất là tham-vọng làm bá-chủ hoàn-cầu của Đức-hoàng Guillaume Đệ nhị.

Thực vậy, sau khi Đức thắng Pháp (1871), thực-hiện xong nền thống-nhất thì Đức trở thành một cường-quốc ở Âu-châu. Sau khi Bismark bị bắt buộc phải từ-chức Thủ-tướng (1890) Guillaume Đệ nhị nắm quyền bèn khuyến-khích việc phát-triển kỹ-nghệ, tăng cường lực-lượng hải-quân với tham-vọng làm bá-chủ hoàn-cầu. Thấy vậy, Anh và Nga lo sợ, cùng Pháp ký một hiệp-ước gọi là « Tam quốc Liên minh » (1907) để có thể đối-phó với Đức. Từ đó, ở Âu-châu có hai phe đối-lập :

— Một bên là Đức-Áo.

— Một bên là Anh, Pháp và Nga liên-kết thành Tam-quốc Liên-minh (1907).

Các nước đó thi đua nhau võ-trang, tăng cường tiềm-lực chiến-tranh. Do đấy nền hòa-bình thế-giới bị đe dọa trầm-trọng.

## B— NGUYÊN-NHÂN 2 : NHỮNG VỤ XUNG ĐỘT VỀ QUYỀN LỢI KINH-TẾ VÀ ĐẤT ĐAI :

Chủ-nghĩa Đế-quốc cũng là một nguyên-nhân thúc-đẩy các cường-quốc lâm-chiến. Thực thế, các cường-quốc Âu-châu luôn xung-đột nhau vì tranh giành ảnh-hưởng về kinh-tế và giành giật đất-đai ở các nước kém mở mang vùng Á-phi. Những sự xung-đột này làm cho tình-hình thế-giới thêm căng-thẳng.

### 1) Xung-đột Đức-Pháp :

Đức phản-đối việc Pháp muốn đò-hộ Maroc. Pháp phải cắt đất ở miền xích-dới Phi nhường cho Đức để được yên thân chiếm Maroc.

### 2) Xung-đột Nga-Áo :

Nga và Áo tranh giành ảnh-hưởng ở bán-đảo Balkans.

### 3) Xung-đột Anh-Đức :

Nền kinh-tế Đức phát-triển, cần thị-trường tiêu-thụ ở hải-ngoại nên có ý gây chiến với Anh để chiếm các thuộc-địa của Anh.

Trước nguy-cơ chiến-tranh đe dọa thế-giới, các cường-quốc Âu-châu đã hai phen họp nhau tại Hội-ngị La Haye (1897 và 1907) để bàn việc tài giảm binh-bị, nhưng không có kết-quả gì.

## II.— NGUYÊN-NHÂN GẶN

### A — NGUYÊN-NHÂN 1 : TRANH ĐẤT BOSNIE Ở BALKANS :

Áo và Serbie tranh nhau miền Bosnie Herzégovine ở bán-đảo Balkans. Serbie tuy nhỏ nhưng cậy có Nga ủng-hộ nên nhất quyết phản-đối Áo khi quân Áo tiến chiếm miền Bosnie-Herzégovine (1908). Anh và Pháp phải can-thiệp vào, khuyên Serbie nhượng-bộ, mới tránh khỏi chiến-tranh. Nhưng hai bên Áo-Serbie vẫn nuôi hiềm-khích với nhau, chỉ chờ cơ-hội là gây chiến.



**B— NGUYỄN-NHÂN 2 : VỤ ÁM-SÁT THÁI-TỬ ÁO Ở SÉRAJEVO :**

— Ngày 28-6-1914, Thái-tử Áo Francois Ferdinand cùng vợ đi kinh-lý Bosnie, bị một sinh-viên Bosnie ám-sát tại Serajevo, thủ-đô xứ Bosnie.

— Cuộc điều-tra cho biết rằng vụ ám-muru này được tổ-chức ở Belgrade, với sự giúp đỡ, nếu không phải của chính-phủ Serbie thì cũng do các sĩ-quan và công-chức Serbie chủ-trương. Do đấy Áo trút hết trách-nhiệm cho Serbie.

— Được sự ủng-hộ hoàn-toàn của Đức-hoàng Guillaume Đệ Nhị (ngày 5-7-1914), Áo gởi tối hậu-thư cho Serbie (ngày 23-7-1914) rồi tuyên-chiến với Serbie ngày 28-7-1914, mở màn cuộc Thế-chiến thứ nhất.



## SƠ-LƯỢC THẾ CHIẾN 1914-1918

- THẾ CHIẾN BÙNG NỔ
- SƠ-LƯỢC VỀ TRẬN CHIẾN
- KẾT-QUẢ

### I.— THẾ CHIẾN THỨ NHẤT BÙNG NỔ

— Đề cứu Serbie, Nga ra lệnh tòng-động-viên. Đức gửi tối hậu thư cho Nga đòi bỏ lệnh-động-viên. Nga không chịu. Đức bèn tuyên-chiến với Nga (ngày 1-8-1914).

— Pháp cũng tòng-động-viên. Đức bèn tuyên-chiến với Pháp (ngày 3-8-1914).

— Rồi vì Đức không tôn-trọng sự trung-lập của Bỉ; Anh bèn khai chiến với Đức (ngày 4-8-1914).

— Như vậy khởi thủy mới có 7 nước tham dự trận chiến; một bên là Đức, Áo; một bên là Serbie, Nga, Pháp và Anh. Về sau, chiến-tranh lan rộng ra nhiều nước khác, biến cuộc chiến-tranh địa-phương thành thế-giới đại-chiến :

- Phe Đức-Áo thêm Thổ-nhĩ-kỳ (1914), Bào (1915).
- Phe Serbie, Nga, Pháp và Anh thêm Nhật, Ý (1915) Bồ-đào-nha, Lỗ (1916), Hoa-kỳ, Hi-lạp, Ba-tây (1917).

### II.— SƠ LƯỢC VỀ TRẬN CHIẾN

#### A.— ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA ĐẠI-CHIẾN 1914-1918 :

— Đại chiến 1914-1918 lôi cuốn cả thế-giới vào vòng chiến : khởi đầu, chiến-tranh chỉ chi-phối ba phần tư Âu-châu, nhưng

rồi các nước khác lại nhẩy vào vòng chiến và các cường quốc lỗi luôn cả những thuộc địa của họ lâm chiến theo, thành thử Đại-chiến 1914-1918 đã biến từ tính cách địa-phương sang tính cách thế-giới.

— *Kỹ nghệ, khoa-học phụng-sự chiến-tranh* : Các cường quốc vận-dụng tất cả các khả-năng tài lực của đất nước mình đề trang bị cho quân đội những khí-giới tân-kỳ, với những chiến lược chiến thuật mới lạ. Khoa-học và kỹ-nghệ được tận-dụng đề phụng-sự chiến-tranh.

— *Hầu hết dân chúng đều phải tham dự vào trận chiến trực-tiếp hay gián-tiếp* : Dân chúng, hoặc bị động-viên ra tiền tuyến chiến đấu, hoặc phải tăng-gia sản-xuất ở hậu-phương đề cung-ứng chiến-cụ cho quân-đội, đều không ít thì nhiều, chịu ảnh-hưởng của chiến-tranh.

## B— SƠ-LƯỢC VỀ CÁC GIAI-ĐOẠN CỦA THẾ-CHIẾN :

Theo những biến-cổ xảyra trên sân khấu chính của trận chiến — ở nước Pháp, — ta có thể chia trận-chiến này làm ba giai-đoạn :

### 1) Giai đoạn đầu : Năm 1914 : chiến-tranh vận-dộng :

Khởi đầu, với chiến-thuật chớp nhoáng, quân Đức ào-ạt tấn công Anh và Pháp, thu được nhiều thắng lợi ở mặt trận phía Tây, nhưng rồi bị chặn đứng ở trận Marne (5 đến 12 tháng 9-1914) và trận Yser (20 tháng 8 đến 17 tháng 11-1914).

### 2) Giai đoạn 2 : (tháng 11-1914 — tháng 3-1918) : chiến tranh hầm-hố hay chiến-tranh phòng-tuyến :

— Quân hai bên không tiến thêm một chút nào, cùng-có vị-trí đóng quân đề chống địch. Nhiều chiến thuật và khí-giới mới được đem sử-dụng : hai bên chằng giây kẽm gai đào hầm trú ẩn, dùng đại-bác phá hầm của nhau : sử-dụng cả chiến xa phun lửa, bom, phi-cơ, hơi ngạt đề tiêu-diệt lẫn nhau.

Về mặt bộ, quân Đức cố gắng phá chiến lũy Vendun của Pháp trong năm tháng liền mà không có kết-quả. Về mặt thủy,

thủy-quân Đức yếu, nên Đức phải dùng tàu ngầm đánh chiến hạm và nhất là các thương-thuyền tiếp-tế lương-thực cho Anh khiến Anh suy tằm vào cảnh đói cùng. Nhưng cũng vì Đức bắn phá tàu của Hoa-kỳ (tháng 4 năm 1917), nên Hoà-kỳ mới nhảy vào vòng chiến.

— Năm 1917, cách-mạng Nga lật-đổ chế độ quân-chủ. Đề củng-cố nội-bộ, Nga đã ký hiệp-ước đình chiến với Đức.

— Vậy đặc-điểm của giai-đoạn chiến tranh này là sự phát-triển phòng-tuyến và chiến-tranh tàu ngầm.

### 3) Giai-đoạn 3 : (Tháng 3 — tháng 11-1918) : trở lại chiến-tranh vận Động,

Hai bên tìm hết cách đề di tới chiến thắng cuối cùng :

— Trước hết, Đức dồn hết quân về phía Tây, đẩy lui liên-quân Anh Pháp, tiến tới gần Paris. Nhưng rồi tướng Foch của Pháp được cử làm Tổng-tư-lệnh Quân đội Đồng-minh đã tổng-phân-công trên khắp mặt trận, chiến thắng Marne lần thứ hai (tháng 7-1918) đã nắm chắc được phần thắng trong tay.

— Sau đó Thổ bị Anh đánh bại phải hạ khí-giới (30-10-1918), rồi quân Áo bị quân Ý phá tan trong trận Vittorio-Veneto (26-29 tháng 10-1918).

— Hơn nữa, nội-bộ Áo và Đức lại lung củng vì theo gương Nga, dân chúng nổi lên làm cách-mạng, tuyên-bố thiết-lập nền Cộng-hòa ở Áo (8-11-1918) và ở Đức (9-11-1918). Guillaume đệ Nhị phải thoái vị và chạy trốn sang Hòa-Lan.

— Ngày 11-11-1918, Đức phải ký hiệp ước đầu hàng.

## III.— KẾT-QUẢ CỦA TRẬN THẾ CHIẾN

Thế-chiến thứ nhất đã gây ra nhiều thiệt hại về vật-chất cho nhân loại. Con số thiệt-hại thật khủng khiếp :

— Về người :

● Chết : 10 triệu binh-sĩ của các nước.

● Bị thương : 20 triệu binh sĩ

Còn thường dân thì số người chết và bị thương vô kể.

— Về tài-sản :

● *Chiến phí* : hơn 200 tỷ Mỹ-kim, tính trung-bình cứ 1 giờ tốn phí 18 triệu Mỹ-kim.

● *Tài-sản bị phá hủy* : Nhà cửa, cơ-sở kỹ-nghệ, đường xá, cầu cống, mùa màng bị tiêu hủy vì bom đạn không kể xiết. Trị-giá tất cả ước chừng 150 tỷ Mỹ-kim.

(theo W. L. LANGER, *A Survey of European Civilization*, part II, 1st Edition, p. 818)





Sự thay đổi đất đai ở Âu Châu sau thế chiến thứ nhất



## HẬU-QUẢ CỦA THẾ CHIẾN 1914-1918

- HÒA-ƯỚC VERSAILLES
- CÁC HÒA-ƯỚC KHÁC
- THANH LẬP HỘI VẠN-QUỐC

Thế-chiến thứ nhất đã đưa đến những hậu-quả sau :

### I.— HÒA-ƯỚC VERSAILLES

#### A— HỘI-NGHỊ BA-LÊ :

Hội- nghị hòa-bình họp ở Ba-lê kéo dài tới 5 tháng, gồm 27 nước tham-dự. Tới ngày 28-6-1919 Hòa-ước Versailles được hoàn-thành với chữ ký của các nước Đồng-minh và Đức.

#### B— NỘI-DUNG HÒA-ƯỚC VERSAILLES :

— Về đất đai : Đức phải :

- Trả lại Pháp : Alsace, Lorraine.
- Nhường lại Bỉ : xứ Eupen, Malmédy,
- Trả cho Ba-lan : « hành lang Ba-lan ».
- Trao cho Hội-Vạn-Quốc : cai-trị hạt Sarre trong 15 năm.
- Còn các thuộc-địa khác thì trao cho các cường-quốc thắng

trận cai quản.

— Về tài chánh : Đức phải bồi thường chiến-phí cho các nước thắng trận, nhường lại hầu hết đội thưng thuyền, máy móc, súc vật, sản phẩm hóa-học v.v... để đền bù những tổn thất của Đồng-minh.

— Về những đảm-bảo : Đức không được chế-tạo vũ-khí, bãi bỏ quân-dịch, hạ quân-số xuống 100.000 người và rút quân ở tả ngạn sông Rhin về.

## II.— CÁC HÒA-ƯỚC KHÁC

Hòa-ước Versailles còn được bổ-túc thêm bằng những hòa-ước khác :

### 1) Hòa-ước Saint Germain :

(Ký giữa Đồng-minh và Áo), và hòa-ước Trianon (ký với Hung) chia nước Áo ra làm hai nước nhỏ.

### 2) Hòa-ước Neuilly :

(Ký với Bào) bắt Bào phải nhường đất cho Hy-lạp.

### 3) Hòa-ước Sèvres :

(Ký với Thổ) rút hẹp đất của Thổ ở Âu-châu và Á-châu.

## III.— HỘI VẠN QUỐC HAY HỘI QUỐC LIÊN

### A — SỰ THÀNH-LẬP :

Ngày 28-4-1919 Đại-hội-đồng đại-biểu các cường-quốc họp tại Hội-nghị Ba-lê đã chấp-thuận dự-án thành-lập Hội Vạn Quốc để đảm-bảo cho nền hòa-bình thế-giới. Sáng-kiến lập Hội Vạn Quốc này là của Tổng-thống Hoa-kỳ Wilson.

### B — MỤC-ĐÍCH :

Mục-đích của Hội Vạn Quốc là :

— *Thực-hiện một nền hòa-bình vĩnh-viễn cho thế-giới* : bằng cách tổ-chức lại thế-giới, dựa trên nguyên-tắc công bằng và đề-nghị các dự án tài giảm bịnh-bị.

— *Giữ nhiệm-vụ trọng-tài để hòa-giải các vụ tranh-chấp* : Hội Vạn Quốc là nơi qui-tụ các quốc-gia yêu chuộng hòa-bình, chứ không phải là chỗ để các quốc gia thắng trận tìm cách trả thù kẻ chiến bại.

### C. TỔ-CHỨC CỦA HỘI VẠN QUỐC :

Hội Vạn Quốc đặt trụ-sở tại Genève, gồm có 5 cơ-quan chính hoạt-động cho Hội là :

**1) Đại hội-đồng :**

Đại hội-đồng gồm có đại-biểu của tất cả các quốc-gia hội-viên, mỗi quốc-gia chỉ có 1 phiếu, mỗi năm họp một lần tại Genève.

**2) Hội-đồng Giám-đốc :**

Gồm có 9 hội-viên, (5 hội-viên vĩnh-viễn đại-biểu của những cường-quốc và 4 hội-viên do Đại-hội-đồng bầu), mỗi năm họp 3 lần.

**3) Ủy-ban thư-ký thường-trụ :**

Phụ-trách công việc giấy tờ, hành-chánh.

**4) Tòa-án Quốc-tế thường-trụ :**

Hoạt ở La Haye, để xét xử các vụ xích-mích quốc-tế.

**5) Những văn-phòng quốc-tế :**

Mỗi văn-phòng phụ-trách về một vấn-đề chuyên-môn. Tất cả đều đặt dưới quyền của Hội Vạn Quốc.

**D— KHUYẾT-ĐIỂM CỦA HỘI VẠN QUỐC :**

Hội Vạn Quốc có nhiều khuyết-điểm nên đã không có đủ uy-tín và quyền-lực để ngăn cản ý-định xâm-lãng của các cường-quốc, đề rồi thế-giới lại phải rơi vào một cuộc thế-chiến thứ hai khốc liệt hơn thế chiến thứ nhất gấp bội.

Những khuyết-điểm chính của hội Vạn Quốc là :

**1) Về quân-sự :**

Hội Vạn Quốc không có một lực-lượng quân-sự nào để có thể đảm-bảo cho những quyết-định của Hội và trừng phạt các nước bất tuân lệnh Hội.

**2) Về các nước tham-gia :**

Hoa-kỳ đã không tham-gia Hội Vạn Quốc nên Hội mất hẳn một nước mạnh nhất làm hậu thuẫn.

Do những lẽ trên, Hội đã mặc-nhiên giải-tán khi Thế-chiến thứ hai khởi đầu (1939) và công-nhiên giải-tán (tháng năm 1964) để nhường chỗ cho Liên-hiệp-quốc.

## NIÊN - HIỆU GHI NHỚ

- 28.6-1914 : Thái tử Áo François Ferdinand bị ám sát tại Sevaievo ở Bosnie.
- 5-7-1914 : Đức hoàng Guillaume II tuyên bố ủng hộ Áo hoàn toàn.
- 23-7-1914 : Áo gửi tối hậu thư cho Serbie.
- 28-7-1914 : Áo tuyên chiến với Serbie
- 29-7-1914 : Nga hoàng ra lệnh động viên từng phần để chống Áo.
- 1.8-1914 : Đức tuyên chiến với Nga.
- 3-8-1914 : Đức tuyên chiến với Pháp.
- 4-8-1914 : Anh khai chiến với Đức.
- 1914 : Thờ nhĩ kỳ tham chiến bên phe Áo-Đức.
- 1915 : — Bào tham chiến bên phe Áo-Đức  
— Ý tham chiến bên phe Đồng minh  
— Nhật tuyên chiến với Đức.
- 1916 : Lỗ ma ni, Bồ đào nha tham chiến bên phe Đồng minh.
- 1917 : Hoa kỳ, Hi Lạp, Ba tây tham chiến bên phe Đồng minh.

### CÁC GIAI ĐOẠN CỦA CUỘC CHIẾN

- 1914 : Giai đoạn chiến tranh vận động :
- tháng 9-1914 : Đức bị chặn đứng ở mặt trận Marne
  - tháng 11-1914 : Đức bị chặn ở mặt trận Yser
  - 11-1914—3-1918 : Giai đoạn chiến tranh hầm hố :
  - 1916 : — chiến trận Verdun (tháng 2—tháng 7)
    - Đức chiếm được Lỗ ma ni
    - trên mặt biển, chiến trận Jutland giữa Anh và Đức không đưa tới kết quả quyết định.
  - 1917 : — Cách mạng Nga bùng nổ, lật đổ nền quân chủ chuyên chế.
    - Quốc hội Hoa kỳ biểu quyết tuyên chiến với Đức theo lời yêu cầu của Tổng thống Wilson (6 tháng 4).
  - 1918 : Nga ký hòa ước Brest-Litovsk (3.3-1918) ngưng chiến với Đức.
  - tháng 3-1918—tháng 11-1918 : trở lại chiến tranh vận động
  - tháng 7-1918 : Đồng minh chiến thắng trận Marne
  - tháng 10-1918 : — Thờ hạ khí giới
    - Áo bị Ý đánh bại trong trận Vittorio-Veneto

- 8-II-1918 : Cách mạng ở Áo, lật đổ nền quân chủ, thiết lập chế độ Cộng hòa.
- 9-II-1918 : Nền Cộng hòa được thiết lập tại Đức. Đức hoàng thoái vị và trốn qua Hòa lan.
- 11-II-1918 : Đức ký hiệp ước đầu hàng.

#### HẬU QUẢ CỦA CUỘC CHIẾN

- 18-1-1919 : Hòa hội Ba lê khai mạc  
28.4.1919 : Dự án thành lập Hội Quốc liên được ký kết.  
28-6-1919 : Hòa ước Versailles hoàn thành.



*Sơ-lược về các cường quốc  
giữa 2 cuộc thế chiến*



- NHỮNG KHÓ-KHĂN  
CỦA ANH, PHÁP VÀ  
HOA-KỲ
- C U Ộ C K H Ứ N G -  
H O Ả N G K I N H - T Ế  
T H Ế - G I Ớ I 1 9 2 9
- CÁC CHẾ-ĐỘ ĐỘC-  
TÀI



## NHỮNG KHÓ-KHĂN CỦA ANH, PHÁP, HOA KỲ

- NHỮNG KHÓ KHĂN CỦA ANH
- NHỮNG KHÓ KHĂN CỦA PHÁP
- NHỮNG KHÓ KHĂN CỦA HOA KỲ

### I. — NHỮNG KHÓ KHĂN CỦA ANH GIỮA HAI CUỘC ĐẠI CHIẾN

Giữa hai cuộc đại chiến Anh phải đương đầu với nhiều nỗi khó khăn cả ở chính-quốc lẫn ở thuộc-quốc.

#### A — KHÓ KHĂN TẠI CHÍNH-QUỐC :

Tại chính-quốc, hai vấn-đề chính làm các chính-phủ liên-tiếp tại Anh phải điên đầu giải-quyết là : vấn đề kinh-tế và chính-trị.

##### 1) Vấn-đề kinh-tế :

Sau thế chiến thứ nhất, mỗi lo-âu chính của người Anh là đi tìm một đường hướng kinh-tế thích-hợp, thỏa-mãn được nguyện-vọng của cả giới chủ lẫn giới thợ. Vì đó những câu hỏi sau được đặt ra : nên bảo-vệ hay nên tự-do mậu-dịch quốc-tế ? Nên tái-lập hay nên bỏ kim bản-vị ?

Những vấn-đề này đã được các chính-phủ kế tiếp của Anh giữa khoảng hai cuộc thế-chiến tìm mọi cách giải-quyết :

— Sau cuộc Tổng-tuyên-cử 1922 đảng Bảo-thủ thắng, nên lãnh-tụ Bảo-thủ là Baldwin được cử ra lập chính-phủ. Baldwin đưa ra dự-án bảo-vệ mậu-dịch. Dự-án này đụng chạm tới quyền-lợi giới tư-bản, nên bị Quốc-hội bác. Baldwin bèn giải-tán Quốc-hội, tổ-chức

cuộc tổng-tuyên-cử đề bầu Quốc-hội mới vào năm 1923. Quốc-hội mới lật đổ chính-phủ Baldwin.

— Lãnh-tụ đảng Lao-động Mac Donald được cử ra lập chính-phủ. Mac Donald lấy lòng giới tư-bản bằng cách tuyên-bố *không quốc hữu hóa hầm mỏ và không đụng chạm tới quyền tư hữu tài sản*. Nhưng-chính sách kinh-tế của Mac Donald lại vấp phải sự phản-đối quyết-liệt của giới thợ-thuyền. Vì đó trong cuộc tổng-tuyên-cử tổ-chức năm 1924, đảng Bảo-thủ thắng thế và Baldwin lại được cử ra lập Nội-các.

— Năm quyền rồi, chính-phủ Baldwin bèn cho tái-lập kim bản-vị. Nhưng việc này tuy có giữ vững được giá-trị đồng bảng Anh, nhưng lại khiến cho hàng Anh đắt hơn hàng ngoại-quốc và, vì thế mà hàng Anh không bán được trên thị-trường quốc-tế, ứ đọng trong nước. Rốt cuộc chính-phủ Baldwin lại phải từ-chức nhường quyền lại cho Mac Donald (1929).

— Mac Donald lên nắm quyền gặp đúng lúc nạn khủng-hoảng kinh-tế lan tràn khắp thế-giới. Mac Donald bèn quyết-định lập chính-phủ liên-hiệp để hai đảng cùng chung lo đương đầu với những khó khăn trầm trọng về kinh-tế đe dọa đất nước. Chính-phủ liên-hiệp đã quyết-định :

- *Bỏ kim bản-vị và phá giá đồng Anh-kim.*
- *Canh-tân kỹ-nghệ.*

Chính-phủ này đã thành-công trong việc giải-quyết nạn khủng-hoảng kinh-tế.

## 2) Vấn-đề chính-trị :

— Khó khăn kinh-tế đưa tới cuộc *khủng-hoảng chính-trị* : trong khoảng thời gian từ 1922 đến 1936 chính-phủ luôn bị lật đổ.

— Tới năm 1936, dân Anh lại gặp một cuộc khủng-hoảng chính-trị trầm trọng do *Anh-hoàng Edouard VIII* gây ra : Lên nối ngôi George V, Edouard VIII lại muốn lấy một thiếu-phụ Hoa-kỳ đã ly-dị chồng tới hai lần là bà Walis Simpson. Việc này trái với tôn-giáo của người Anh. Do đấy dân chúng rất xôn-xạo và Thủ.

tướng Baldwin phản-đối. Sau Edouard VIII phải tuyên-bố thoát-vị để được kết hôn với người yêu,

Ngôi vua nước Anh trao lại cho em Edouard VIII là George VI (1895-1952). Sau vụ khủng-hoảng này, ông Chamberlain được cử ra lập chính-phủ thay Thủ-tướng Baldwin.

## B— NHỮNG KHÓ KHĂN CỦA ANH TẠI CÁC THUỘC-QUỐC :

### 1) Vấn-đề Ái-nhĩ-lan :

Trước nhiệt-tâm yêu-nước của dân-tộc Ái-nhĩ-lan, chính-phủ Anh phải nhượng bộ dần dần :

— Anh nhận cho Ái-nhĩ-lan được tự-trị : Năm 1919, do sự tranh-đấu của dân Ái, Anh phải nhượng-bộ, công nhận Ái-nhĩ-lan được tự-trị, nhưng miền Ulster (Bắc Ái-nhĩ-lan) vẫn thuộc Anh-Quốc.

Đảng Sim Fein do De Valera cầm đầu không chịu, vẫn tiếp-tục hô-hào quần-chúng đấu-tranh, giành cho được nền độc-lập và thống-nhất.

— Anh nới rộng quyền cho Ái-nhĩ-lan : Năm 1921, Anh công-nhận Ái-nhĩ-lan được độc-lập, nhưng phải tuyên-thệ phục-tòng Hoàng-gia Anh, và mỗi năm phải nộp cho chính-phủ Anh 5 triệu bảng tiền chuộc ruộng đất. Ngoài ra, Anh vẫn được đặt một vị Toàn-quyền người Anh tại xứ Ái-nhĩ-lan để đại-diện chính-phủ Anh kiểm-soát hành-động của chính-phủ Ái.

— Anh phải công-nhận cho Ái-nhĩ-lan được hoàn-toàn độc-lập : Năm 1937, do hiệp-ước Anh-Ái, chính-phủ Anh công-nhận nền độc-lập hoàn-toàn của xứ Ái, nhưng miền Bắc Ái vẫn xin sáp nhập vào vương-Quốc Anh.

Hiện nay Ái-nhĩ-lan không có trong khối liên-hiệp Anh.

### 2) Vấn-đề Trung-Đông :

— Ai-cập :

● Anh bảo-hộ Ai-cập từ cuối thế-kỷ XIX. Trong thế-chiến thứ nhất, dưới sự lãnh-đạo của Zagloul, dân Ai-cập nổi lên chống chính-phủ Bảo-hộ.

● Năm 1922, Anh phải nhượng-bộ : công-nhận cho Ai được *tạm-thời độc-lập* : Giáo-chủ Ai-cập được tôn làm vua, tức là vua Fouad I.

● Năm 1936, do hiệp-ước Luân-đôn, Anh công-nhận Ai-cập được hoàn-toàn độc-lập. Anh chỉ còn đóng giữ ở kênh Suez và cùng Ai cai-trị xứ Soudan.

— Irak :

● Năm 1930; do sự tranh-đấu của khối dân Hồi-giáo, Anh cũng phải trả lại độc-lập cho xứ Irak.

● Ngày nay Anh chỉ còn nắm quyền-lợi kinh-tế ở xứ này thôi.

— Iran : năm 1932, Anh trả lại nền độc-lập cho xứ Iran và chỉ còn nắm giữ quyền lợi kinh-tế mà thôi.

### 3) Vấn-đề Ấn-Độ :

— Do sự lãnh-đạo của Gandhi và Nehru, dân Ấn đã nổi lên chống đối người Anh khiến chính-phủ Anh phải nhiều phen bối-rối. Do đấy, năm 1919, Anh phải công-bố hiến-chương Ấn-độ (India Act) cho dân Ấn được tự-trị. Nhưng hiến-chương này cũng không làm thỏa-mãn được nguyện-vọng của dân Ấn, nên họ vẫn tiếp-tục tranh-đấu.

— Trong khoảng năm 1930-1932, Anh phải tổ-chức Hội-nghị Bàn tròn, mời các lãnh-tụ Ấn tham-đự đề hòa-giải. Nhưng hội-nghị này thất-bại

— Năm 1935, Anh phải công-bố Tân Hiến-pháp cho phép dân Ấn được bầu nghị-viên và tổ-chức các cơ-cấu chính-quyền hàng tỉnh, nhưng dân Ấn đã cương-quyết đòi được độc-lập hoàn-toàn.

— Cuối cùng, sau thế chiến, Anh phải trả lại độc-lập hoàn-toàn cho dân Ấn (15-8-1948).

## II. — NHỮNG KHÓ KHĂN CỦA PHÁP GIỮA HAI CUỘC THẾ CHIẾN

— KHÓ KHĂN TẠI CHÍNH-QUỐC :

### 1) Vấn-đề chính-quốc :

— Cuộc khủng-hoàng kinh-tế phát-xuất từ Hoa-kỳ lan qua Anh rồi tới Pháp. Năm 1931 nền kinh-tế Pháp bắt đầu khủng-hoàng :

rượu và lúa mì bị hạ giá rất nhanh. Tiếp đó, nhiều cơ-xưởng kỹ-nghệ của Pháp cũng phải đóng cửa. Nhiều ngân-hàng bị vỡ nợ vì các khách-hàng kéo nhau tới rút tiền ra quá nhiều.

— Đề đối phó với nạn trên, chính-phủ đã phải ra lệnh hạn chế sản-xuất về thực-phẩm, nhưng vẫn không có kết quả gì.

## 2) Vấn-đề chính-trị :

Vì gặp những khó khăn về kinh-tế, nên các chánh-phủ Pháp liên tiếp bị lật đổ và gặp rất nhiều khó khăn về chính-trị :

— Từ 1919 đến 1924, khối quốc-gia Cộng-hòa (Bloc national républicain), cầm quyền ở Pháp, phải đối phó với những cuộc đình-công do đảng Cộng-sản tổ-chức, phải kiến-thiết sau sự tàn phá ghê gớm của thế chiến thứ nhất. Cuối cùng, để bù đắp công quỹ thiếu hụt, chính-phủ phải tăng thuế 20% khiến cho dân-chúng phẫn-uất và, do đó khối này bị thất cử trong cuộc bầu-cử 1924 nhường cho khối liên-minh Tả đảng,

— Trong hai năm (1924-1926) cầm quyền, khối liên-minh Tả đảng cũng không thực hiện được điều gì đáng kể và gặp nhiều nỗi khó khăn không giải quyết nổi khiến cho các chính-phủ tả đảng liên tiếp bị lật đổ.

— Sau đó từ 1926-1929, một chính-phủ liên hiệp được trao phó nhiệm-vụ điều-khiển nước Pháp. Chính-phủ này đã thành-công trong việc cứu vãn đồng Phật-lãng và làm hưng-thịnh nền kinh-tế Pháp. Nhưng sau đó, vì lý-do sức khoẻ, Thủ-tướng Poincaré của chính-phủ liên- hiệp phải từ chức, nhường chỗ cho nhóm ôn-hòa lên cầm quyền.

— 1926 đến 1936, nền kinh-tế Pháp gặp khủng-hoàng. Chính-phủ luôn luôn bị lật đổ. Khủng-hoàng chính-trị trở nên trầm trọng.

— Năm 1936, Mặt trận Bình dân do các đảng Xã-hội, Cấp-tiến và Cộng-sản thành lập, đã đưa ông Lion Blum lên nắm quyền. Dầu gặp nhiều khó khăn, nội-các Lion Blum cũng đã thực hiện được phần nào cuộc cải-cách xã-hội :

● Về lao-động : thỏa- hiệp Matignon đã qui-định một người đi làm chỉ phải làm việc 40 giờ trong một tuần, một năm có 15 ngày nghỉ ản lương.

● *Về tài chính* : Cải-tiến Pháp-quốc Ngân-hàng và phá giá đồng Phậ-lăng để thu hút khách hàng ngoại-quốc mua hàng-hóa Pháp.

● *Về giáo-dục* : Cải-tò chương-trình trung-học :

Năm 1937, ông Lion Blum đã từ-chức vì bất đồng ý-kiến với Thượng-Nghị-viện. Một trận binh-dân đưa ông Chautemps lên thay thế. Nhưng, vì không giải-quyết được những khó khăn về tài-chánh và ngoại-giao, Nội-các Chautemps phải từ-chức nhường lại cho ông Lion Blum.

Vừa lên nắm quyền được một tháng, ông Lion Blum lại bất đồng với Thượng-Nghị-viện, nên bị lật đờ, trao quyền lại cho ông Daladier.

— Từ 1938 đến 1940, Nước Pháp trải qua những giờ phút rối loạn : một mặt chính-phủ phải đương đầu với các nước Đức, Ý, Nga, một mặt phải lo cho số phận Đông-dương đang bị Nhật đe dọa. Ngoài ra, trong nước, chính-phủ lại gặp phải những khó khăn do thợ thuyền đình công gây ra, khiến quân-đội phải sử-dụng tới lựu đạn cay để giải tán thợ đình-công, chiếm đóng xưởng Renault và trưng dụng các phương-tiện vận tải công.

## A — KHÓ KHĂN TẠI THUỘC QUỐC :

### 2) Khó khăn tại Đông-Dương :

Giữa 2 cuộc thế chiến, ở Việt-Nam có nhiều phong-trào và đảng phái phát động quần chúng chống lại chính-quyền Bảo-hộ. Đó là phong-trào Đông-du, Duy-tân, các đảng Việt-nam Quang-phục, Việt-nam Quốc dân-đảng. Tân Việt cách mạng Đảng.

### 1) Khó khăn tại Trung-Đông :

Do hòa-ước Sèvres (11-8-1920), Hội Vạn-quốc uỷ cho Pháp cai trị xứ Syrie và Liban :

— Tại Syrie, Pháp gặp phải sự tranh-giành ảnh-hưởng của khối Á-rập và nước Anh. Năm 1920, Anh xúi lãnh-tụ Hồi-giáo Layçal I lên làm vua xứ Syrie, khiến Pháp phải phái quân tới thủ-đô Dames đánh đuổi vua này. Từ đó, Pháp phải đương đầu với sự



chống đối của dân-tộc Syrie, mãi tới năm 1936 xứ Syrie mới tạm yên.

— Còn tại *Liban*, vì khéo áp-dụng chính-sách «chia để trị» nên Pháp không gặp mấy khó khăn.

### 3) Khó khăn tại Bắc-Phi :

— Tại *Maroc*, Pháp phải khổ công đánh dẹp cuộc khởi-nghĩa do ông Abd-el-Krim từ miền Rif (Marac thuộc Tây-ban-nha) tràn qua Maroc thuộc Pháp (1925). Tới năm 1926, Abd-el-Krim phải đầu hàng, và mãi tới năm 1933, Maroc mới tạm yên.

— Tại *Tunisie*, năm 1921, đảng «Tân Tunisie» (sau đổi thành đảng Neo Detour) khởi-xướng phong-trào đòi hoàn-toàn độc-lập. Pháp phải phái quân sang dẹp bắt giam lãnh-tụ đảng Neo Detour là Tahalti. Nhưng đảng này vẫn tiếp tục hoạt-động, gây nhiều tổn hại cho Pháp.

— Tại *Algérie*, ngay sau thế-chiến I, phong-trào quốc-gia Algérie khởi lên, đòi cho xứ Algérie được tự-trị. Pháp đàn áp rất mạnh, bắt giam nhiều lãnh-tụ cách-mạng Algérie.

## III.— NHỮNG KHÓ KHĂN CỦA HOA-KỲ GIỮA HAI CUỘC THẾ CHIẾN

### A— VẤN-ĐỀ KINH-TẾ : KHỦNG-HOẢNG KINH-TẾ 1929 :

#### 1) Cuộc khủng-hoảng kinh-tế :

##### a) Nguyên-nhân :

— Sau đệ nhất thế-chiến, nền kinh-tế Hoa-kỳ phát-triển rất mạnh vì hàng-hóa Hoa-kỳ bán ra được các nước Âu, Á mua để kiến thiết xứ-sở sau cơn binh hỏa vừa qua.

— Nhưng từ 1925, 1926 trở đi, các cường-quốc Âu-châu đã phục hồi, không còn mua hàng Hoa-kỳ nữa, thì nền kinh-tế Hoa-kỳ bắt đầu suy sệt.

— Ngày 22-10-1929 cuộc khủng-hoảng kinh-tế bùng nổ trên thị-trường chứng-khoán tại Nữu-ước và lan tràn ra khắp thế-giới.

b) *Hình-thái của cuộc khủng-hoảng.*

Cuộc khủng-hoảng kinh-tế khiến cho :

— Hàng-hóa ứ-đọng trên thị-trường, giá hàng hạ hẳn xuống mà không có người mua.

— Giá chứng-khoảng sụt một cách kinh-khủng.

— Số người thất nghiệp lên tới 13 triệu người.

— Các xí-nghiệp, ngân hàng phải đóng cửa, các nông-dân phải bỏ ruộng hoang vì giá hàng quá rẻ.

2) **Giải-quyết nạn khủng-hoảng :**

a) *Cứu-tình của dân-tộc Hoa-kỳ : Roosevelt :*

Năm 1932, Roosevelt — ứng cử-viên đảng Dân-chủ, đắc cử Tổng-thống. Dân-chúng Hoa-kỳ đã triệt-đề đặt niềm tin-tưởng vào vị Tân Tổng-thống để giải quyết nạn khủng-hoảng kinh-tế.

Roosevelt (1882-1945), mới có 28 tuổi đã đắc-cử Thượng-nghị-sĩ, đã từng giữ chức Thứ trưởng Bộ Hải-quân trong chính-phủ Wilson. Năm 1928 ông đắc cử Thống-đốc Nữu-tróc, rồi tới 1932, được làm Tổng-thống Hoa-kỳ, sau đó ông còn được tái cử Tổng-thống thêm 3 nhiệm-kỳ nữa (cả thảy 4 nhiệm-kỳ).

Roosevelt có tài ăn nói, dễ gây cảm tình với thính-giả, lại có lòng quảng-đại có tài quyết đoán và có óc xã-hội. Chính ông đã cứu Hoa-kỳ ra khỏi nạn khủng-hoảng kinh-tế khủng-khiếp xảy ra năm 1929 và kéo dài mãi mãi năm về sau.

b) *Kế-hoạch giải-quyết : Tân chính-sách kinh-tế (New Deal).*

Vừa nắm quyền, Roosevelt đã họp ngay các nhà chuyên-môn kinh-tế, lập thành bộ «tham-mưu» để nghiên-cứu chính-sách mới, rồi đưa ra *Tân chính-sách kinh-tế*. Để thực hiện chính-sách mới này, Roosevelt đã ký ba đạo-luật quan-trọng về canh-nông, kỹ-nghệ và tài-chính (1933) :

— *Về canh-nông :* Roosevelt ban-hành đạo-luật Chính-dồn nông-nghiệp (Agricultural Adjustment Act) lập Nông-phổ ngân-hàng, Nông-tín-cuộc để cho nông-dân vay tiền mà sản-xuất. Ngoài ra chính-phủ còn hạn-chế sản-xuất bông, thuốc lá, lúa mì để khỏi trở lại nạn thặng dư các sản-phẩm này.

— *Về kỹ-nghệ* : Đạo-luật Phục-hưng kỹ-nghệ (National Industrial Recovery Act) ra đời nhằm tăng lương cho thợ, giảm số giờ làm việc và cho phép thợ được lập nghiệp-đoàn để bênh-vực quyền-lợi mình.

— *Về tài-chánh* : Đạo-luật Ngân-hàng (Emergency Banking Act) thiết-lập chế-độ kiểm-soát hối-đoái, bảo-đảm số tồn-khoản gửi trong ngân-hàng, bỏ kim-bản-vị, phá giá đồng Mỹ-kim và cấm xuất-cảng vàng.

c) *Hậu-quả* :

— *Phản-đối* :

● Đạo-luật phục-hưng kỹ-nghệ quốc-gia (NIRA) đã gây ra các cuộc tranh-tụng về lao-động và đình-công vì giới công-nhân cho rằng đạo-luật này phục-hồi chế-độ độc-quyền, làm tăng giá sinh-hoạt.

● Giới tư-bản cũng phản-đối mãnh-liệt vì họ phải đóng thuế nặng nề chính-phủ có tiền bồi-thường cho nông-dân bỏ đất hoang và cấp dưỡng thợ thất nghiệp.

● Tối-cao pháp-viện Hoa-kỳ (gồm 9 thẩm-phán) chống lại các đạo-luật của Roosevelt vì cho rằng chúng bất hợp hiến.

— *Thành-quả* :

● Chính-phủ cương-quyết đàn-áp các cuộc đình-công, biểu-tình và Roosevelt phải khéo léo mới vượt qua những khó khăn và áp-dụng được đạo-luật cải-cách ban-hành.

● Thành-quả của tân chính-sách kinh-tế rất rục rờ : mức sản-xuất tăng gia, thợ-thuyền có công ăn việc làm, nền kinh-tế Hoa-kỳ trở lại thịnh-vượng như hồi trước năm 1929.

## B— VẤN-ĐỀ CHÍNH-TRỊ :

### 1) Nội-bộ :

— Sau thế-chiến thứ nhất, dân chúng Hoa-kỳ không từ-nhiệm đảng Dân-chủ nữa vì họ bất-mãn bởi giá sinh-hoạt gia-tăng. Do đấy, trong cuộc tuyển-cử năm 1920, ứng-cử-viên đảng Cộng-hòa Harding đắc-cử Tổng-thống Hoa-kỳ. Từ đó đảng Cộng-hòa nắm quyền cho mãi tới năm 1932.

● Chưa hết nhiệm-kỳ, Harding đã từ-trần Phó Tổng-thống Coolidge lên thay.

● Trong cuộc tuyên-cử 1924, Coolidge đắc-cử Tổng-thống.

● Đến năm 1928, ứng-cử-viên Cộng-hòa Hoover vẫn được dân dân chúng Hoa-kỳ tín-nhiệm bầu làm Tổng-thống.

— Gặp khó khăn do nạn khủng-hoảng kinh-tế gây ra, đảng Cộng-hòa mất uy-tín. Vì đó, tới cuộc tuyên-cử 1932, đảng Dân-chủ đã được dân-chúng Hoa-kỳ bầu lên thay đảng Cộng-hòa lèo lái con thuyền quốc-gia đang nghiêng ngửa vì cuộc khủng-hoảng kinh-tế vĩ-đại : ứng-cử-viên Dân-chủ Roosevelt đã đắc-cử Tổng-thống với một số phiếu về vang (472 phiếu trong khi Hoover chỉ được có 59 phiếu !)

## 2) Đối-ngoại :

a) Hòa-ước Versailles không được Thượng-nghi-viện phê-chuẩn :

— Hòa-ước Versailles : sau thế-chiến I, các cường-quốc thắng trận (Anh, Pháp, Hoa-kỳ) cùng các nước bại-trận (Đức, Áo) họp nhau tại Versailles ký bản hòa-ước ngày 28-6-1919 và đồng ý thành lập Hội Quốc-liên để đảm-bảo nền hòa-bình cho nhân-loại.

— Thượng-nghi-viện Hoa-kỳ bác bỏ : Sau khi đại-diện Hoa-kỳ ký hòa-ước, Tổng-thống Wilton bèn đưa hòa-ước ra trước Thượng-nghi-viện xin phê-chuẩn. Nhưng lúc đó dân chúng Hoa-kỳ chủ-trương chính-sách bất can-thiệp, sợ Âu-châu nhòm ngó các vấn-đề nội-bộ của Mỹ-châu, nên Thượng-nghi-viện Hoa-kỳ đã bác bỏ hòa-ước này.

— Hậu-quả : Do việc bác bỏ hòa-ước Versailles, Hoa-kỳ đã phải đứng ngoài Hội Quốc-liên làm cho Hội này không đủ uy-thế đối với quốc-tế. Và, cũng vì đó mà Đức sau này mới có cơ vùng dậy.

b) Hoa-kỳ triệu tập hội-ng nghị Hoa-thịnh-đốn (1921) để kìm hãm hải-quân Nhật :

— Lý-do : Trước sự bành-trướng quá nhanh của hải-quân Nhật, Hoa-kỳ lo sợ Nhật có thể cạnh-tranh với mình ở Thái-bình-dương, nên vội triệu-tập hội-ng nghị Hoa-thịnh-đốn yêu-cầu các cường-quốc tài-giảm về hải-quân để tránh chiến-tranh.

— *Thành-quả* : Sau Hội-nghị, các cường-quốc tham-dự (Hoa-kỳ, Anh, Nhật, Pháp và Ý) đã đi tới kết-quả sau : số trọng-tải tối đa của các cường-quốc về hải-quân là :

Hoa-kỳ : 525.000 tấn

Anh : 525.000 tấn

Nhật : 317.000 tấn

Pháp : 175.000 tấn

Ý : 175.000 tấn

Như thế hạm-đội của Nhật chỉ được bằng 3/5 hạm-đội Anh và Hoa-kỳ.

c) *Hoa-kỳ ký hòa-ước riêng với Đức để cạnh-tranh với Anh và Pháp ở Âu-châu (1921).*

Đã không phê-chuẩn hòa-ước Versailles, Hoa-kỳ còn cố tình nâng đỡ Đức bằng cách ký hòa-ước riêng với Đức cốt làm cho Đức mạnh để có một đối-lực với Anh và Pháp tại Âu-châu, như thế Hoa-kỳ sẽ dễ chi phối Âu-châu.

Hơn nữa, với hòa-ước riêng này, hàng-hóa của Hoa-kỳ sẽ được bán trên thị-trường Đức nhiều hơn để cạnh-tranh với hàng Anh và Pháp.

d) *Hoa-kỳ bành-trướng thế-lực tại Mỹ-châu :*

Chính vì sợ các nước ở Âu-châu can-thiệp vào hành-động của Hoa-kỳ tại Mỹ-châu mà Hoa-kỳ không chịu phê-chuẩn hòa-ước Versailles : Hoa-kỳ muốn độc-quyền bành-trướng thế-lực ở các nước Trung và Nam-Mỹ ;

— *Về kinh-tế* : các nhà tư-bản Hoa-kỳ tung vốn khai-thác tài-nguyên phong-phú của các xứ Trung và Nam-Mỹ.

— *Về chính-trị* : Hoa-kỳ đã can-thiệp vào nội-bộ các nước ở Mỹ-châu. :

- Không chịu công-nhận chính-phủ cách-mạng Mê-tây-cơ.
- Dùng võ-lực chiếm Haiti và Saint Domingue...



## CUỘC KHỦNG-HOẢNG K.T THẾ-GIỚI 1929

- NGUYÊN-NHÂN CUỘC KHỦNG-HOẢNG
- CUỘC KHỦNG-HOẢNG
- BA HẬU-QUẢ CỦA CUỘC KHỦNG-HOẢNG KINH-TẾ

### I.— NGUYÊN NHÂN CUỘC KHỦNG HOẢNG

Cuộc khủng-hoảng kinh-tế thế-giới 1929 do mấy nguyên-nhân chính sau :

#### 1) Nguyên-nhân 1 : sản-xuất quá dư thừa :

— Sau thế chiến I, kỹ-nghệ chiến-tranh chuyển sang kỹ-nghệ chế-tạo hàng-hóa. Hơn nữa các nước Âu-châu, sau khi kiến-thiết xong đất nước, đã dần dần phục hồi và không cần phải mua hàng hóa Hoa-kỳ nữa.

— Do đấy, hàng-hóa của các cường quốc ứ-động, không có thị-trường tiêu-thụ.

#### 2) Nguyên-nhân 2 : chính-sách kinh-tế tự-do :

Các nước tư-bản tây-phương áp-dụng chính-sách kinh-tế tự-do, để cho tư-nhân được tự-do kinh-doanh, tự-do cạnh-tranh.

Hơn nữa nhờ những tiến-bộ khoa-học, năng-suất, sản-phẩm trong kỹ-nghệ cũng như trong canh-nông gia-tăng. Các tư-nhân ham lời lại không bị kìm chế, đã đua nhau sản-xuất thật nhiều. Do đấy hàng-hóa tràn ngập cả thế-giới : cung bỏ xa cầu và gây nên nạn khủng-hoảng kinh-tế.



## II.— CUỘC KHỦNG-HOẢNG

### A— CUỘC KHỦNG-HOẢNG PHÁT SINH VÀ LAN TRÀN :

— Cuộc khủng-hoảng kinh-tế bắt đầu từ cuộc khủng-hoảng trên thị-trường chứng-khoán ở Wall Street (Nữu-tróc, Hoa-kỳ) : vào tháng 10, giá cổ phần sụt xuống 50% rồi tới đầu tháng 11, sụt giá 50%.

— Từ đó, cuộc khủng-hoảng lan ra các ngành kỹ-nghệ, nông-nghiệp và gây ra cả sự khủng-hoảng xã-hội vì nạn thất nghiệp tăng gia rất mau.

— Và, từ Hoa-kỳ, nạn khủng-hoảng lan tràn nhanh chóng trên khắp thế-giới : Anh, Pháp, Đức... đều khốn đốn trong cuộc khủng-hoảng kinh-tế vi-đại này. Chỉ có Nga là thoát khỏi nạn này vì lúc đó Nga áp-dụng chính-sách kinh-tế chỉ huy, chỉ sản-xuất những gì cần-thiết do quốc-gia chỉ-định.

### B— HÌNH-THÁI CTỘC KHỦNG-HOẢNG :

Cuộc khủng-hoảng kinh tế diễn ra với nhiều hình thái :

— *Hàng hóa bị phá giá* : Trong khoảng 1929—1932, hàng hóa trên thị trường quốc tế bị sụt giá một cách khủng-khiếp : Có loại hàng sụt tới 90%.

— *Chứng khoán mất giá-trị* : Chứng-khoán của nhiều công-ty hầu như không còn giá-trị gì.

— *Mức sản-xuất giảm sút và gần như đình trệ.*

— *Số thợ thất nghiệp càng ngày càng gia tăng một cách khủng khiếp.*

## III.— HẬU QUẢ CỦA NẠN KHỦNG-HOẢNG KINH-TẾ

Nạn khủng-hoảng kinh-tế thế-giới 1929 gây ra nhiều hậu quả tai-hại về kinh-tế, chính-trị và xã-hội.

### A— VỀ KINH-TẾ :

— *Áp-dụng chính-sách hoạch-định* : Nhiều nước phải bỏ chính-sách kinh-tế tự-do và áp-dụng chính-sách kinh-tế hoạch-định để kìm hãm bớt sự thao-túng thị-trường, sản-xuất dư thừa của tư-nhân.

— *Áp-dụng chính-sách kiểm-soát hối-đoái và theo đuổi nền kinh-tế tự-túc* : một số nước (Nhật, Đức, Ý) lại phải áp-dụng chính-sách kiểm-soát hối đối ngăn chặn hàng-hóa ngoại-quốc xâm nhập nước mình để cạnh tranh với hàng hóa quốc nội, và đồng thời theo chính-sách kinh-tế tự-túc, cố-gắng chế-tạo những phẩm-vật thay thế các sản-phẩm không có ở trong nước để khỏi tổn ngoại tệ hay vàng mua hàng quốc ngoại.

— *Phá giá tiền để chiếm thị-trường thế-giới* : Pháp, Anh, Hoa-kỳ đã lần lượt đua nhau phá giá tiền để giảm giá hàng, thu-hút khách hàng ngoại-quốc.

### B— VỀ CHÍNH-TRỊ :

— *Chế-độ độc-tài phát-triển* : Sự tự-do quá trớn sẽ tới đưa cuộc khủng-hoảng kinh-tế định kỳ làm đe dọa đời sống thường xuyên hàng ngày, nhân dân khắp nơi trên thế-giới, — nhất là ở các nước Đức, Nhật, Ý, — đã có khuynh-hướng mong-ước một chế-độ độc tài sáng suốt để kim hãm những độc-quyền kinh-tế của các nhà tư-bản và để có thể mang lại cho họ cơm no áo ấm.

— *Các nước Đông-minh chia rẽ làm Đức có cơ-hội phục-hưng để gây chiến-tranh* :

● Lấy cớ gặp nạn khủng-hoảng kinh-tế, Đức không chịu trả chiến phí cho Đông-minh theo thỏa-ước Versailles. Do đấy, Pháp, Bỉ, Ba-lan, Hy-lạp cũng lấy cớ Đức không trả chiến-phí cho họ mà từ-khước trả nợ Hoa-kỳ đã cho vay trong Đệ nhất Thế chiến.

● Vì thế, các nước thắng trận ở Âu một bên và Hoa.kỳ một bên bất hòa với nhau, làm Đức lợi-dụng sự bất hòa này mà phục-hưng xứ sở, phát-triển quân-sự để sửa soạn chiến-tranh.

### C— VỀ XÃ-HỘI :

Nạn khủng-hoảng kinh-tế làm cho giới trung-lưu phá sản, giới thợ thuyền thất-nghiệp, gây nên những xáo-trộn trầm trọng trong xã-hội.



## CÁC CHẾ - ĐỘ ĐỘC - TÀI

- CHẾ-ĐỘ CỘNG-SẢN
- CHẾ-ĐỘ PHÁT-XÍT
- CHẾ-ĐỘ QUỐC-XÃ ĐỨC

Đầu thế-kỷ XX có ba chế-độ độc-tài làm sôi-động thế giới là : Cộng-sản, phát-xít và Quốc-xã.

### I.— CHẾ-ĐỘ ĐỘC-TÀI CỘNG-SẢN

Chế-độ độc-tài Cộng-sản được thiết-lập đầu tiên trên thế-giới ở Nga cuộc cách-mạng vô-sản 1917.

Vì vậy, ở đây chúng ta sẽ xét :

- Nước Nga và cuộc cách-mạng vô-sản 1917.
- Nước Nga với chế-độ Cộng-sản.

#### A . NƯỚC NGA VÀ CUỘC CÁCH-MẠNG VÔ-SẢN 1917:

##### 1) Nguyên-nhân cuộc cách-mạng 1917 tại Nga :

a) Nguyên-nhân sâu xa : chế-độ quân-chủ tại Nga vừa thối-nát, vừa bất-lực làm cho dân-chúng bất-mãn và cảm thấy nhục-nhã vì đất nước suy-yếu khiến bị thảm bại trong trận chiến-tranh Nga-Nhật (1904-1905).

a) Nguyên-nhân gần : Thế-chiến 1914-1918 đưa nước Nga vào vực-thẳm và làm mất hết uy-tín của vương-triều.

## 2) Cuộc cách-mạng bùng nổ :

— Đảng tự-do trong Quốc-hội đảo-chính đòi Nga-hoàng phải thoái-vị. Các tổ-chức công-nhân và quân-nhân cũng ủng-hộ cuộc đảo-chính của đảng Tự-do. Họ kết-hợp nhau thành-lập chính-phủ lâm-thời do Hoàng-thân Lvov lãnh-đạo.

— Ngày 16-3-1917 Nga-hoàng Nicolas II phải thoát-vị, chấm dứt chế-độ quân-chủ ở Nga.

## 3) Sự diễn-tiến của cuộc cách-mạng :

— Gặp nhiều khó khăn, hoàng-thân Lvov phải từ-chức, nhường quyền cho Kerenski, một lãnh-tu đảng xã-hội.

— Kerenski chống sự độc-tài quân-nhân và độc-tài vô-sản, đàn áp đảng Bolchevik khiến Lénine phải chạy sang Phần-lan.

— Nhưng Kerenski không được quần-chúng ủng-hộ, lại gặp sự chống đối kịch-liệt của đảng Bolchevik, nên sau đó, trong cuộc nổi dậy của quân-đội, công-nhân (6-11-1917), Kerenski phải chạy trốn ra ngoại-quốc. Lénine được triệu về nước nắm quyền, thực-hiện chế-độ cộng-sản trên đất Nga.

## B— NƯỚC NGA VỚI CHẾ-ĐỘ CỘNG-SẢN :

### 1) Nước Nga dưới thời Lénine :

— Lên nắm quyền, Lénine thực-hiện chính-sách của đảng Bolchevik :

#### a) Về chính-trị :

— Đối-nội : Lénine đã áp-dụng chính-sách cứng-dẫn để có thể thực-hiện cuộc cách-mạng vô-sản :

● Năm 1918, Hiến pháp của Nga ra đời thiết-lập chế-độ vô-sản chuyên-chế, dựa trên nguyên-tắc đấu-tranh giai-cấp : nhà nước giành đủ mọi tru-quyền cho giai-cấp vô-sản.

● Lénine lập cơ-quan công-an địa-phương (Tcheka) để thanh-trừng những phần-tử phản cách-mạng, lập chế-độ kiểm-đuyệt gắt gao báo-chí...

Trước chính-sách cứng-dẫn và đề cao giai-cấp vô-sản đó Lénine gặp nhiều phản-ứng mạnh-mẽ của nhóm Bạch Nga trung,-

thành với Nga-hoàng. Nhóm này nổi lên tại nhiều nơi, uy-hiệp cả kinh-đô Mạc-tư-khoa. Nhưng nhờ Hồng-quân do Trotsky thành-lập, Lénine đã dẹp tan nội-loạn.

— Đối ngoại :

● Lénine đã mang lại hòa-bình cho dân tộc Nga bằng cách ký hòa-ước với Đức, nhận tất cả những điều-kiện do Đức đưa ra.

● Lénine mở hội-nghị Đệ-tam Quốc-tế (1919) tại Mạc-tư-khoa với mục-đích lật-đổ các chính-phủ tư-bản ngoại-quốc.

b) Về kinh-tế :

— Thực-hiện chính-sách kinh-tế vô-sản và chỉ-huy : Lénine đã áp-dụng chính-sách kinh-tế chỉ-huy và vô-sản bằng cách :

● Chia ruộng đất cho dân cày.

● Trao xí-nghiệp cho công-nhân điều-kiện.

● Lập Ủy-ban Bần cố-nông để dò xét các địa-chủ đầu thực-phẩm, không chịu nộp cho chính-phủ theo lệnh sung-công và nêu khẩu-hiệu « có làm mới có ăn ».

● Lập Ủy-ban Tối-cao kinh-tế để chỉ-huy tất cả các ngành hoạt-động kinh-tế :

— Tân chính-sách kinh-tế (N.E.P) : chính-sách kinh-tế trên của Lénine đã gặp phản-ứng chống đối mạnh mẽ của các tầng lớp nhân-dân : nông dân giết gia-súc để khỏi bị sung-công, làm việc cầm chừng vì thế mức sản-xuất sụt hẳn, nạn đói đe dọa trầm trọng nước Nga. Ngoài ra, thủy-thủ nổi loạn (1921) đòi đình chỉ việc trung-thu thực-phẩm, tái lập nền tiền-thương ; công-nhân và nông-dân nổi lên chiếm các kho dự-trữ, phá các hiệu thực-phẩm. Nhưng tất cả điều bị Trotsky đem quân tới dẹp tan. Sau đó, Lénine nhận các lỗi lầm và đưa ra Tân chính-sách kinh-tế bao gồm mấy điểm chính sau :

● Chỉ quốc hữu hóa kỹ-nghệ nặng và kỹ-nghệ quốc-phòng.

● Giải-tán Cơ-quan công-an Địa-phương Tchekas và thay bằng Cơ-quan công-an Trung-ương Guépécou.

Kết-quả của Tân chính-sách kinh-tế rất tốt đẹp.

## 2) Nước Nga dưới thời Staline :

### a) Về chính-trị :

— Đổi-nội : Năm 1925 Lénine mất (21.1.1854). Staline được bầu làm Tổng thư-ký của đảng Cộng-sản, lên nắm quyền lãnh-đạo nước Nga kế-vị Lénine. Đề củng-cố địa-vị và giữ vững chủ-trương Cộng-sản, Staline đã :

- Tiêu-trừ tả-phái Trotsky : trước hết Staline dựa vào thế-lực Hữu-phái, cách chức Bộ-trưởng chiến-tranh của Trotsky ngay trong năm Lénine mất (1925), rồi sau đó đưa Trotsky ra xử trước Trung-ương đảng bộ (1927), và cuối cùng cho người ám-sát Trotsky ở Mê-tây-cơ.

- Tiêu-trừ Hữu-phái : diệt xong Tả-phái, Staline liền quay lại diệt phe Hữu (chủ-trương ôn-hòa) 1929.

### — Đổi-ngoại :

- Staline bắt lại mỗi giây liên-lạc với các nước tư-bản, (mỗi giây này bị dứt dưới thời Lénine).

- Trong trận thế thứ II, mới đầu Nga hợp-tác với Đức, sau lại cộng-tác với phe Đồng-minh đánh Đức, Nhật và Ý.

### b) Về kinh-tế :

Staline đưa ra những «ngũ-niên kế-hoạch» để hoàn-thành chế-độ Cộng-sản tùy theo nhu-cầu của nước Nga :

- Đệ nhất ngũ-niên kế-hoạch (1928-1932) chú trọng khuyếch-trương kỹ-nghệ nặng và cải-tổ nông-nghiệp theo chủ-trương Cộng-sản (tiêu-diệt giai-cấp tiểu tư-sản, buộc nông-dân gia nhập hợp-tác-xã, phát-động phong-trào đấu-tổ các địa-chủ).

- Đệ nhị ngũ-niên kế-hoạch (1933-1938) : chú-trọng đến việc :

- Tăng-gia mức sản-suất thực-phẩm bằng cách cho phép mỗi đoàn-viên trong hợp-tác-xã có quyền sở-hữu-chủ một số gia-súc, cơ-giới-hóa nông-nghiệp cải-thiện các nông-trường tập-thể.

- Nâng cao đời sống nhân-dân : bằng cách mở ra những xí-nghiệp đóng đồ hộp vi-đại, mở các kỹ-nghệ nhẹ chế-tạo các vật dụng cần-thiết cho nhân dân...



● Cải thiện công việc cho nhân-công bằng cách phát-động phong-trào thi đua lao-động.

— Đệ tam ngũ-niên kế-hoạch : (1939 — 1944) : Chú-trọng tới kỹ-nghệ quốc-phòng vì đây là thời-gian của cuộc thế-chiến thứ nhì.

— Đệ tứ ngũ-niên kế-hoạch : (1945 — 1950) : chú trọng tới việc kiến thiết đất nước ở những miền bị chiến-tranh tàn phá.

## II.— CHẾ-ĐỘ ĐỘC-TÀI PHÁT-XÍT

Chủ-nghĩa phát-xít này sinh ở nước Ý do Mussolini đem thực-hành.

Ở đây ta xét :

— Nước Ý và đảng Phát-xít

— Nước Ý dưới chế-độ độc-tài phát-xít.

### A — NƯỚC Ý VÀ ĐẢNG PHÁT-XÍT :

#### 1) Nguyên-nhân thành-lập đảng Phát-xít Ý :

a) Nguyên-nhân chính-trị : Sau thế chiến I, dân Ý bất mãn vì nước Ý, tuy là một nước thắng trận mà lại bị các cường quốc coi thường : các yêu sách của chính-phủ Ý không được chấp-thuận tại Hội-nghị Hòa-bình Ba-lê. Thêm vào đó, chính-phủ Ý lại bất-lực, luôn bị các đảng trong Quốc-hội đánh đổ.

Trước tình hình đó, dân chúng mong ước thấy một chính-phủ mạnh có thể đem lại cho họ đời sống an-ninh, no ấm và đưa đất nước lên hàng cường quốc. Họ bèn đua nhau gia nhập các đảng cực-đoan :

— Đảng Cộng-Sản chiếm được ưu-thế, liền tổ-chức các cuộc đình-công, chiếm các nhà máy, gây ra các vụ phá hoại và phát-triển rất nhanh.

— Trước sự đe-đọa của đảng Cộng-Sản và trước khuyênhướng thiên tả của nhân-dân, giới tư-bản thấy chỉ còn một lối thoát là ủng-hộ đảng phát-xít.

b) Nguyên nhân kinh-tế : Chiến-tranh thế-giới thứ nhất làm nền kinh-tế Ý kiệt quệ : giá thực-phẩm tăng rất mau, công nhân thất nghiệp, các đô thị bị tàn phá, kỹ-nghệ bị hủy-diệt... Vì thế

dân Ý thấy cần có chính-phủ mạnh để kiến-thiết đất nước, văn hồi an-ninh trật tự cho xứ sở; cứu văn nền kinh-tế đang lâm vào tình trạng khủng-hoảng trầm trọng.

## 2) Đảng Phát-xít nắm quyền :

a) *Mussolini và đảng Phát-xít :*

— Năm 1919 Mussolini lập đảng Phát-xít tại Milan. Chương-trình của Đảng gồm mấy điểm chính sau :

- Phải thay đổi chính-thể.
- Thực-hiện cuộc cách-mạng xã-hội (cải thiện đời sống công-nhân).
- Đánh thuế lợi-tức, tịch thu tài-sản của Giáo-hội.
- Thay đổi chính sách ngoại-giao.

— Đảng Phát-xít phát-triển rất mau. Các đảng viên đều mặc y-phục đen, tổ-chức theo lối bán quân-sự.

b) *Mussolini nắm quyền :*

— Khiếp sợ trước uy-thế mỗi ngày một gia-tăng của đảng Phát-xít, vua Victor Emmamel III phải trao cho Mussolini lập nội-các (30-10-1922). Mussolini liền tổ-chức cuộc «tiến vào La-mã» của 100.000 đảng-viên Phát-xít giữa tiếng hoan-hô của dân-chúng.

— Sau đó, trong cuộc tuyên-cử 1923, đảng Phát-xít chiếm được đa-số (406 ghế trong số 535 ghế) tại Quốc-hội.

— Được thế, Mussolini bèn tiến tới chế-độ độc-tài : tước quyền của các nghị-sĩ đối-lập, lập nội các gồm toàn đảng-viên phát-xít, đặt ra cơ-quan Công-an đặc-biệt để thanh-trừng những người chống đối.

## 3) Chủ-nghĩa Phát-xít Ý :

— Chủ-nghĩa Phát-xít Ý dựa theo chủ-nghĩa cách-mạng công-đoàn (Syndicalisme révolutionnaire), chịu ảnh-hưởng nhiều của nhà triết-học Ý Gentile (muốn cải-tổ nước Ý) và của các tác-giả Pháp, Ý, Đức chủ-trương chống chính-thể Dân-chủ tự-do, Mussolini có cao vọng dùng chủ-nghĩa này để nâng cao địa-vị nước Ý trên trường quốc-tế và có thể tìm thấy lại hình-ảnh huy-hoàng của Đế-Quốc La-mã xưa.

— Chủ-nghĩa Phát-xít Ý có mấy đặc-điểm sau :

● *Quan-niệm quốc-gia là một khối cộng-đồng và toàn nhất* : Theo lý-thuyết Phát-xít, mỗi cá-nhân chỉ là những tế-bào và, toàn thể các tế-bào này kết hợp thành đoàn thể. Chính đoàn-thể mới cần-thiết, chứ không phải các tế-bào tạo nên đoàn thể đó. Vậy cá-nhân phải hy-sinh cho tập-thể. Mặt khác, không có lãnh-vực dành riêng cho các hoạt-động cá-nhân : quốc-gia đại-diện cho cộng-đồng có quyền can-thiệp trong tất cả các lãnh-vực gia-đình, trí-thức, tôn-giáo. Không có gì có thể ngăn cản được quyền can-thiệp của quốc-gia. Không có gì có thể ở trên quốc-gia.

● *Quan-niệm có một sự bất-bình-đẳng tự-nhiên giữa con người* : Lý-thuyết Phát-xít tin-tưởng ở sự bất-bình đẳng tự nhiên của con người. Theo lý-thuyết này, có những người tự-nhiên sinh ra để điều-khiển người khác, có những người tự-nhiên sinh ra để tuân lệnh. Do đó, quyền không thể thuộc về dân : quyền chỉ thuộc về những ai sinh ra để hành-sử quyền-hành, chỉ thuộc về những ai có khả-năng hành-sử và những ai, trong khi hành-sử quyền-hành, sẽ đảm-bảo được hạnh-phúc dân-tộc. Hơn nữa, những cá-nhân cũng không có đủ khả-năng để biết quyền lợi thực của họ ở đâu. Chính những phần-tử ưu-tú tự-nhiên mới là những người xác-định được những quyền-lợi ấy và đảm-bảo được việc làm thỏa-mãn những quyền-lợi này. Vậy con người trung-bình phải đặt dưới quyền bảo-hộ của người ưu-tú tự-nhiên.

Người ưu-tú tự-nhiên chính là vị lãnh-tụ tối-cao của quốc-gia. Cho nên vị lãnh-tụ này phải có tất cả mọi quyền-hành để thực-hiện chương-trình cải-tổ xã-hội, mưu hạnh-phúc cho toàn dân.

## B— NƯỚC Ý DƯỚI CHẾ-ĐỘ ĐỘC-TÀI PHÁT-XÍT :

### 1) Về chính-trị :

— Khi lên nắm quyền, Mussolini tập trung mọi quyền hành vào trong tay, vua Ý chỉ còn là bù-nhìn, tượng-trưng cho quốc-gia.

— Quốc-hội có hai viện thì : Thượng-nghị-viện gồm toàn những đảng-viên hay người thân-tín của đảng Phát-xít ; còn Viện Dân-biểu (Hạ-nghị-viện) lại bị giải-tán (1938) để thay thế bằng Hội-nghị Phát-xít và nghiệp-đoàn với quyền tư-vấn mà thôi.

— Mussolini còn cố-gắng tăng-cường số dân quân Phát-xít, lập cơ-quan công-an đặc-biệt, thanh-trừng những phần-tử đối-lập đề có thể tự-do hành-động.

## 2) Về kinh-tế :

Mussolini đã thực-hiện được việc tăng năng-xuất nông-phàm và giải-quyết được nạn thất-nghiệp :

— Mussolini lập Ngân-hàng Nông-tín để cho nông dân vay vốn cải-thiện nông-nghiệp ; pháí cán-bộ nông-nghiệp về thôn quê phát-động chiến-dịch tăng năng-xuất, khuyến-khích việc áp-dụng phương-pháp canh-tác mới. Kết-quả rất khả-quan : mức sản-xuất lúa mì ở Ý đã tăng vọt (từ 50 triệu tạ năm 1925 tăng lên tới 81 triệu tạ năm 1933).

— Mussolini còn cho thực hiện những công tác kiến tạo đất nước (đắp các xa-lô, mở rộng thú-đô La-mã, lập xưởng chế-tạo vũ khí...) để thu-hút những công-nhân thất-nghiệp.

## 3) Về giáo-dục :

Mussolini thay đổi hẳn nền giáo-dục xưa và tổ-chức các đoàn thể thanh-niên phát-xít :

— Chương-trình giáo-dục mới nhằm huấn-luyện các trẻ em trở thành những đảng-viên đảng Phát-xít trung-thành trong tương-lai : Tất cả các sách giáo.khoa đều phải soạn lại ; các trẻ em phải triệt-đề tuân theo kỷ-luật học-đường như kỷ-luật quân-đội, các giáo-chức phải mặc đồng-phục trong giờ dạy học.

— Ngoài ra, Mussolini còn buộc các thanh-niên Ý từ 18 tới 21 tuổi phải gia-nhập đoàn-thể Phát-xít, phải tập sống quen với đời sống quân-đội và đời sống công-cộng.

## 4) Tôn-giáo :

Mussolini đã thực-hiện được thỏa-hiệp Latran ký-kết giữa chính-phủ Phát-xít và Tòa-thánh Vatican : Chính-phủ Ý hàng năm phải bồi-thường cho Tòa-thánh 750 triệu tiền Ý, đảo lại Đức Giáo-hoàng công-nhận Hoàng-gia có quyền cai-trị nước Ý.

## 5) Đối-ngoại :

Mussolini muốn thực-hiện đế-quốc cò La-mã nên đã đem quân xâm-lăng các xứ yếu kém :

— 1924 : quân Ý chiếm hải-cảng Fiume.

— 1935 : Mussolini xua quân chiếm xứ Ethiopie. Hội Vạn Hội phản-đối về việc này và trừng-trị Ý về kinh-tế, Mussolini bèn rút ra khỏi Hội này.

— 1939, quân Ý lại chiếm Albanie.

Khi thế-chiến thứ II bùng nổ, mới đầu Ý đứng trung-lập, nhưng đến khi Pháp hàng Đức (23-6-1940), Ý nhân cơ-hội đem quân đánh Hy-lạp, uy-hiệp Ai-cập.

Ngày 23-9-1943 Mussolini bị dân Ý nổi lên truất-phế và bắt giam, nhưng được quân Đức đóng ở Ý giải-phóng, đưa lên Milan tái lập chính-phủ Phát-xít. Sau đó, Mussolini cũng bị dân Milan nổi lên giết chết.

Năm 1944 quân Đồng-minh chiếm được toàn-thê nước Ý. Vua Emmanuel III thoái-vị. Từ đó nước Ý được sống dưới chế-độ Cộng-hòa.

### III.— CHẾ-ĐỘ ĐỘC-TÀI QUỐC-XÃ ĐỨC

#### A— NƯỚC ĐỨC VÀ ĐẢNG QUỐC-XÃ :

##### 1) Nguyên-nhân thành-công của đảng Quốc-xã Đức :

###### a) Nguyên-nhân kinh-tế :

Nạn khủng-hoàng kinh-tế thế-giới 1929 từ Hoa-kỳ lan sang Đức làm nền kinh-tế Đức bị suy-sụp : nhiều ngân-hàng vỡ-nợ, hơn 10 triệu thợ thất-nghiệp, mức sản-xuất kỹ-nghệ giảm sút.

Chính-phủ do Thủ-tướng Bruning — một lãnh-tụ đảng Trung-trương Thiên-chúa-giáo — lãnh-đạo không giải-quyết được các khó khăn kinh-tế, làm dân-chúng bất-mãn.

b) Nguyên-nhân chính-trị : Sau cuộc bại trận, trong thế-chiến thứ nhất (1914-1918), tình-hình chính-trị tại Đức rất rối loạn : các chính-phủ thường bất-lực khiến dân chúng mong-mỏi một chính-phủ mạnh, ao-trước thấy một vị lãnh-tụ sáng-suốt đề có thể đưa dân-tộc Đức mau tiến trên-con đường phục-hưng, rửa cái thù bại trận.

Do những nguyên-nhân trên, Đảng Quốc-xã, với kỹ-thuật tuyên-truyền khoa-học, với một kỹ-thuật chặt chẽ đã lôi cuốn được quần-chúng Đức thời đó.

## 2) Đảng Quốc-xã nắm quyền :

*Nguồn gốc đảng Quốc-xã :*

Năm 1918, nhân thấy tình-trạng bi-thảm của nước Đức, ông Anton Drexler mới lập đảng Lao-dộng. Năm 1919 Hitler gia-nhập đảng này, rồi lần dần quyền của Drexler và sau cùng lên làm đảng trưởng, đổi tên đảng thành đảng Xã-hội Quốc-gia Lao-dộng gọi tắt là Quốc-xã.

d) Hitler lên cầm quyền :

— Trong khoảng 1930-1932. tại Đức có nhiều «mặt-trận» chống đối nhau kịch-liệt (mặt trận xanh, xám, đỏ, nâu...), nhưng mạnh hơn cả là hai mặt trận xanh (do đảng Bảo-thủ kết-hợp với các kỹ-nghệ-gia) và mặt trận nâu của Hitler.

— Trong cuộc bầu-cử Tổng-thống Đức năm 1932, Thống-chế Hindenburg đắc-cử (50% phiếu), chỉ hơn Hitler có 5 triệu phiếu (40% phiếu) :

● Hindenburg vẫn giữ ông Brüning làm Thủ-tướng, nhưng vì ông Brüning cho giải-tán hai đạo quân S.A và S.S của đảng Quốc-xã, trong khi các đảng khác vẫn được vũ-trang, khiến quân-đội Đức bất-mãn, nên ông Brüning phải từ-chức.

● Hindenburg bèn mời ông Von Papen lập chính-phủ (tháng 5 tới tháng 12-1932). Quốc dân Nghị-viện Đức không chấp-nhận nội-các Von Papen vì Nội-các này gồm toàn giới qui-tộc và điền-chủ. Von Papen bèn giải-tán Nghị-viện và tổ-chức cuộc bầu-cử Quốc-hội mới. Lần này, đảng Quốc-xã chiếm đa số ghế trong Quốc-hội. Nhưng Tổng thống Hindenburg vẫn không chịu giao cho Hitler lập Nội-các mà vẫn tín-nhiệm Von Papen. Von Papen bèn giải tán Quốc-hội lần thứ nhì.

● Sau đó, Hindenburg cử tướng Schleicher lập Nội-các, nhưng Schleicher cũng không ổn-định được tình thế. Cuối cùng Hindenburg phải đề Hitler đứng ra lập Chính-phủ (30-1-1933).

— Vừa nắm quyền được 2 ngày, Hitler đã cho giải tán Quốc-hội, rồi khùng bố các đảng đối-lập, như là đảng Cộng-sản. Do vậy, trong cuộc bầu cử vào Quốc-hội tổ-chức vào tháng 3-1933, đảng Quốc-xã chiếm được đa số tuyệt đối. Quốc-hội này bèn trao cho Hitler được trọn quyền hành động trong 4 năm, Tới năm 1934,



Hindenburg mất, Hitler kiếm nhiệm luôn chức-vụ Tổng-thống và được gọi là Quốc-trưởng.

Hitler (1889 — 1945) sinh tại Braunau, một tỉnh nhỏ ở Áo, gần biên-giới Đức. Khi học xong bậc Trung-học Hitler làm nghề hội-họa để kiếm ăn, nhưng không thành công, sống cuộc đời thiếu thốn và cơ cực. Năm 1914, Hitler nhập ngũ, rồi bị thương và được giải-ngũ (lúc đó Hitler đóng lon Cai). Năm 1919 Hitler gia-nhập đảng lao-động của Anton Duxler, rồi lật đổ đảng-trưởng, lên nắm quyền điều-khiển đảng, đổi tên lại là Quốc-xã. Năm 1921 Hitler lập đạo quân xung-phong S.A và sau đó ra tờ báo để làm cơ-quan tranh đấu cho đảng (1923). Năm 1923, Hitler là định tổ-chức một cuộc đảo-chính để cướp chính-quyền, nhưng thất bại và bị tổng giam, Hitler viết cuốn Mein Kampf (cuộc đời tranh-đấu của tôi) nêu rõ chủ-trương, đường lối tranh đấu của đảng Quốc-xã. Khi được tha Hitler đã tích-cực hoạt-động và được lên nắm chính-quyền (1933).

### 3) Chủ-nghĩa Quốc-xã :

Chủ-nghĩa Quốc-xã được Hitler trình bày rõ trong cuốn Mein Kampf. Chủ-nghĩa này có mấy điểm chính sau :

a) Thuyết quốc-gia có quyền tuyệt-đối :

Theo chủ-nghĩa Quốc-xã, chỉ có quốc-gia đang được tôn-trọng. Tất cả cá-nhân sống trong quốc-gia phải tuyệt-đối phục-tòng và phục-vụ cho quốc-gia.

— Đại-diện cho Quốc-gia là vị Quốc-trưởng. Quốc-trưởng phải có toàn quyền để làm tròn sứ-mạng mà Thượng-đế trao phó

b) Thuyết siêu-chủng :

— Chủ-nghĩa Quốc-xã cho rằng trong các chủng-tộc thì chỉ có chủng-tộc Aryenne (Đức) là văn-minh có óc sáng-tạo, tinh-thần phục-vụ, tinh-thần kỷ-luật hơn cả.

— Vậy chủng-tộc Aryenne có nhiệm-vụ hướng-dẫn các chủng-tộc khác, có quyền cai trị các chủng-tộc khác, để chóng đưa họ tới trình-độ văn-minh như chủng-tộc Aryenne.

## B — NƯỚC ĐỨC DƯỚI CHẾ-ĐỘ ĐỘC-TÀI QUỐC-XÃ :

### 1) Về chính-trị :

Dưới chế-độ Quốc-xã, nước Đức được tổ-chức theo một

chính-thè mới, gọi là Đệ Tam Reich. Chính-thè này chỉ có một lãnh-tụ, một chính đảng và một dân-tộc :

— Một lãnh-tụ : Nước Đức chỉ có một lãnh-tụ nắm trọn quyền điều khiển nước Đức gọi là vị Quốc-trưởng (Reichsfurer).

③ — Một chính đảng : Đó là đảng Quốc-xã Đức. Đảng này do Hess làm đảng-trưởng, Hitler làm lãnh-tụ tối-cao.

— Một dân tộc : Trong nước Đức chỉ có một dân-tộc Đức mà thôi. Liên-bang Đức và các chính-phủ địa-phương (theo hiến-pháp Weimar trước kia qui-dịnh) bị bãi bỏ (1934). Tất cả các quyền đều quy-tụ về Trung-ương.

Ngoài ra, năm 1935 luật chủng-tộc Nuremberg tước quyền công-dân của người Do-thái. Tất cả các người Do-thái đều bị đưa vào trại tập trung và bị thủ-tiêu. Dưới chế-độ Quốc-xã Đức có tới 6 triệu người Do-thái bị giết.

Hơn nữa Hitler còn đưa ra một nền luân-lý mới dựa trên thuyết siêu-chủng : «Điều gì lợi cho dân-tộc Đức là công-bằng, điều gì hại cho dân-tộc Đức là bất-công». Bởi thế người Đức có thể chà đạp các dân-tộc khác mà không thấy hồ thẹn với lương-tâm nhân-loại.

## 2) Về kinh-tế :

— Giải quyết nạn thất-nghiệp và nâng-cao đời sống nông-dân, công-nhân : Hitler đặt ra kế-hoạch tứ-niên phát-triển kỹ-nghệ chiến-tranh thu hút các thợ thất-nghiệp. Chính-phủ Quốc-xã còn xây nhà bán rẻ cho dân lao-động, tổ-chức các quán cơm bình dân... làm cho đời sống của nông-dân và công-nhân về phương-diện vật-chất được nâng cao.

— Thực hiện nền kinh-tế tự-túc : Hitler cố gắng thực hiện nền kinh-tế tự-túc cho dân Đức bằng cách ra lệnh cho các nhà bác-học chế-tạo ra những sản-phẩm nhân-tạo để thay thế cho những tài-nguyên thiên nhiên phải mua ở ngoại-quốc (tơ, bông, cao-su, et săng nhân-tạo...) và đồng-thời khuyến-khích canh-nông kỹ-nghệ Đức tăng-gia mức sản-xuất.

## 3) Giáo-dục :

— Đề đào tạo lớp người Đức mới, Hitler bắt buộc các thanh thiếu niên phải gia nhập các đoàn thè do chính-phủ tổ-chức

đề được huấn luyện cho quen chịu đựng cơ-cực, có tinh thần kỷ-luật, tinh thần đoàn-thề.

— Chương-trình giáo-dục cũng được sửa đổi : giờ học kiến-thức phổ-thông bị rút đi rất nhiều. Các học-sinh được nhồi sọ phải tin tưởng vào Quốc-trưởng, vào chủng-tộc ưu-việt Aryenne, vào chủ-nghĩa Quốc-xã.

#### 4) Xã-hội :

— Hitler giải-tán tất cả các Nghiệp-đoàn, bắt giam các lãnh-tụ Nghiệp-đoàn này, bãi bỏ quyền đình công của các thợ thuyền.

— Đề thay thế Nghiệp-đoàn, Hitler lập Công-đoàn do chính-Phủ chỉ huy.

#### 5) Đối ngoại :

— Trước hết, Hitler tổ-chức một đạo quân thật hùng-hậu để làm hậu-thuần cho chính-sách ngoại-giao và ý muốn xâm-lược của mình :

- Năm 1936 quân-đội Đức đã có 1,5000.000 người và, nếu xảy ra chiến-tranh, Đức có thể huy-động tới 13 triệu binh-sĩ.

- Hitler đặc biệt chú-trọng tới việc phát-triển kỹ-nghệ chiến-tranh, chế-tạo các khí-giới tối-tân.

— Đức gây chiến :

- Xé hiệp-ước Versailles : từ 1933, Hitler đã xé hiệp-ước Versailles, rút ra khỏi hội Quốc-liên, ban bố luật cưỡng-bách, tòng quân. Tới năm 1936, Hitler cho quân vượt sông Rhin, xây chiến lũy Siegfried và lập trục Bá-linh — La mã.

- Xâm lăng các nước láng giềng : 1938, Đức xua quân sang chiếm đóng Áo-quốc, sáp-nhập quốc-gia này vào nước Đức, rồi tiến quân chiếm luôn Tiệp-Khắc sáp nhập vào nước mình (1939). Ngày 1-9-1939 Hitler cho quân-đội đánh Ba-lan. Anh và Pháp liền tuyên chiến với Đức. Thế là cuộc thế-giới Đại chiến thứ hai bùng nổ.



## NIÊN - HIỆU GHI NHỚ

- 1920 : Khủng hoảng kinh tế và đình công ở Anh.
- 1921 : — Hitler được bầu làm đảng trưởng đảng Quốc xã  
— Lênine bắt đầu tấn công sách kinh tế ở Nga.
- 1922 : Mussolini tổ chức cuộc «tiến quân vào La Mã» và nắm chính quyền.
- 1924 : Lênine mất.
- 1928 : — Staline cho áp dụng chương trình kế hoạch kinh tế ngũ niên tại Nga.  
— Hòa ước Briand-Kellog đặt chiến tranh ra ngoài vòng pháp luật do 60 nước ký kết trong đó có cả Đức và Nga.
- 1929 : Khủng hoảng kinh tế thế giới khởi đầu ở Thị trường chứng khoán New York.
- 1933 : Hitler được làm Thủ tướng nắm toàn quyền hành động.
- 1934 : Hitler lên làm Quốc trưởng (Reichfuhrer).
- 1936 : — Mặt trận Bình dân nắm quyền ở Pháp : nội các Léon Blum.  
— Trục La Mã—Bá Linh thành lập.  
— Hiệp ước Nhật-Đức chống hoạt động của Cộng sản quốc tế (Pacte anti komintern).
- 1938 : Hội nghị Munich giữa Hitler và Chamberlain bàn về vấn đề Tiệp Khắc.
- 1939 : Thế chiến thứ hai bùng nổ.



**Thế chiến thứ nhì  
(1939-1945)**

★

- NGUYỄN - NHÂN  
THẾ-CHIẾN THỨ II
- SƠ-LƯỢC VỀ THẾ-  
CHIẾN THỨ II
- HẬU-QUẢ CỦA THẾ-  
CHIẾN THỨ II

## NGUYÊN-NHÂN THỂ-CHIẾN THỨ II

- NGUYÊN-NHÂN XA
- NGUYÊN-NHÂN GẦN

### I.— NGUYÊN-NHÂN SÂU XA

Hậu-quả do cuộc Thế-chiến thứ nhất để lại chính là mầm mống gây ra cuộc Thế-chiến thứ nhì :

#### 1) Nguyên-nhân 1 :

Về phía các nước thắng trận : sự bất đồng ý-kiến giữa các cường quốc thắng trận là ngòi lửa âm-lĩ châm ngòi chiến-tranh :

Khi chiến thắng Đức xong, các nước Đồng-minh bắt đầu bất đồng ý-kiến vì mâu-thuẫn quyền-lợi :

PHÁP muốn diệt tất cả các tiềm-lực chiến-tranh của Đức để trừ hậu họa, nên buộc Đức nhiều điều-kiện khắt-khe.

ANH lại muốn nâng đỡ Đức để giữ thế quân-bình ở Âu-châu ngõ hầu kìm chế sự bành-trướng của Nga và của Pháp. Sự bành-trướng này là mối đe dọa cho Anh.

HOA-KỲ không muốn các nước Âu-châu can-thiệp tới Mỹ-châu nên đã không chịu vào Hội Vạn Quốc và rút chân khỏi Âu-châu.

#### 2) Nguyên-nhân 2 :

Về phía các nước bại trận : các hiệp-ước bất công nhực nhẽ khiến nhân dân các nước bại trận xiết chặt hàng-ngũ, muốn tái chiến để cứu quốc :

— Bất-công và vô-lý về vấn-đề biên-giới : Do các hòa-ước 1917-1920, ở Trung-Âu có một số quốc-gia mới thành-lập : Nam-tư,



Ba-lan, Áo, Tiệp và Hung. Sự phân ranh các nước này là mầm mống gây chiến-tranh cho nhân-loại :

- **BA-LAN**, sau nhiều vụ xung-đột với Đức, Lithuanie, Nga, mới định xong biên-giới.

- Ý xung-đột với Nam-tư về miền Fiume.

- **THỔ** xung-đột với Hy-lạp về xứ Anatolie, Andrinophe...

Ngoài ra, vì sự phân chia này, nên còn lại nhiều người Đức ở Ba-lan, Tiệp, nhiều người Nga ở Ba-lan. Đó cũng là nguyên cớ để sau này Đức và Nga vịn vào mà can-thiệp tới nội-bộ hai nước Ba-lan và Tiệp-khắc.

— *Nhục-nhã vì bồi-thường chiến tranh quá nặng* : Ngoài việc bị chia cắt đất đai, các nước bại-trận còn phải nhục-nhã vì chịu bồi-thường chiến-tranh quá nặng. Thực thế, các nước Đồng-minh buộc Đức phải trả tới 112 tỉ bảng Đức (tiền vàng). Đức tuyên-bố không trả được, Pháp bèn đem quân chiếm Rhur (1923) để trừ nợ. Các nước Đồng-minh phải họp hội-ngị để dàn xếp (1929), rồi sau cũng bỏ luôn món tiền bồi-thường cho Đức (1932).

### 3) Nguyên-nhân 3 : nguyên-nhân kinh-tế :

— Các nước có nhiều thuộc-địa như Anh, Pháp, Bỉ, Hòa-lan lập hàng rào quan-thuế để ngăn cản hàng ngoại-quốc nhập-cảng vào nước mình và các thuộc-địa.

— Còn các nước ít thuộc-địa như Đức, Ý, Nhật phải đi tìm thị-trường tiêu-thụ hàng-hóa, giải-quyết vấn-đề kinh-tế cho dân-chúng họ. Sau cùng Nhật và Đức phải bán phá giá để chiếm thị-trường cạnh-tranh với các cường-quốc khác, mà vẫn không ăn thua gì.

Do đó, thế-giới đã chia làm hai khối kinh-địch nhau về quyền-lợi kinh-tế rõ rệt : một khối quyết bảo-tồn thị trường của mình (Anh, Hoa-kỳ, Pháp, Bỉ, Hòa-lan), còn một khối quyết phải tìm cho ra thị-trường tiêu-thụ, dù phải gây chiến để buộc các nước kia mở đường cho mình sống (Đức, Ý, Nhật).

### B— NGUYÊN-NHÂN GẶN :

Trước nguy cơ khủng-hoảng kinh-tế đe dọa đất nước, lợi-dụng sự bất-lực của Hội Vạn Quốc cùng chính-sách nhu-nhược của

các cường-quốc Anh và Pháp, các nước Nhật, Ý, Đức tìm cách chiếm dần các nước lân-cận. Sự xâm-lãng dần dần này là những nguyên-nhân gần đưa thế-giới tới chiến-tranh :

### 1) Nguyên-nhân 1 : Nhật chiếm Mãn-châu và đánh Trung-hoa :

Đề chiếm thị-trường tiêu-thụ hàng hóa và giải-quyết nạn nhân-mãn đe-dọa trầm trọng dân Nhật, Nhật đã chiếm Mãn-châu (1931) và đánh Trung-hoa (1937) châm ngòi chiến-tranh ở Á-đông. Thấy Anh, Pháp, Hoa-kỳ tỏ vẻ không bằng lòng, Nhật bèn rút ra khỏi Hội Vạn Quốc, ký hiệp-ước với Đức và Ý lập thành phe Trục.

### 2) Nguyên-nhân 2 : Ý chiếm Ethiopie và Albanie :

— Năm 1935, Mussolini cho quân chiếm xứ Ethiopie. Khi Hội Vạn Quốc phản-đối Ý bằng cách trừng phạt về kinh-tế thì Ý bèn rút chân khỏi Hội này.

— Năm 1939, Ý lại chiếm đảo Albanie và bán đảo Balkan.

### 3) Nguyên-nhân 3 : Đức thôn-tín các nước ở Trung-Âu :

— Năm 1933, Hitler lên nắm quyền ở Đức, xé hòa-ước Versailles và rút chân khỏi Hội Vạn Quốc (1934).

— *Hành-động gây hấn :*

● *Chiếm đóng tá ngạn sông Rhin :* Năm 1936, Đức cho quân sang chiếm đóng tá ngạn sông Rhin,

● *Sát-nhập Áo :* Dân Đức ở Sudètes (thuộc Tiệp) do sự xúi giục của Hitler, nổi lên đòi tự-trị. Chính-phủ Tiệp nhất quyết không chịu. Hitler bèn dần quân ở biên-giới để uy-hiệp Tiệp. Hội-ngị tay tư Anh, Pháp, Ý, Đức họp tại Munich để giải-quyết vấn-đề Sudètes. Mặc dù đã ký hiệp-ước tương-trợ với Tiệp, nhưng vì sợ phải gây chiến với Đức, Anh và Pháp đành chịu cho Đức cắt đất của Tiệp. Được vậy, Đức vẫn chưa thỏa. Chỉ sáu tháng sau (tháng 3-1939), quân Đức tiến lên chiếm hết Tiệp-khắc và lập một chính-phủ bù-nhìn.

● *Dự-định thôn-tính Ba-lan :* Được thế, Đức lại tiến lên bước nữa : Đức đòi chiếm đóng hải-cảng Dantzic và muốn chiếm luôn « hành-lang Ba-lan ».

— *Chiến-tranh bùng nổ* : Trước hành động gây hấn của Đức, Anh và Pháp thấy không thể lùi được nữa :

● *Anh và Pháp nhất quyết bảo-vệ Ba-lan* : Thấy quân Đức đóng ở biên-giới Ba-lan, Anh và Pháp tuyên-bố nhất-quyết bảo-vệ nền độc-lập của Ba-lan vì đã ký với nước này hiệp-ước tương-trợ.

● *Đức tấn-công Ba-lan* : Sau khi được bảo-đảm chắc chắn rằng Nga-sô sẽ đứng ngoài vòng chiến bằng hiệp-ước bất xâm-phạm ký với Nga, Đức bất chấp lời đe-dọa của Anh và Pháp, cứ cho quân vượt biên-giới tiến vào Ba-lan (ngày 1-9-1939).

● *Thế-chiến chính thức khởi đầu* : Ngày 3-9-1939, Anh và Pháp gửi tối hậu-thư cho Đức. Thế là thế-chiến thứ nhì đã chính-thức bùng nổ.



## SƠ-LƯỢC VỀ THẾ-CHIẾN THỨ II

- THẾ-CHIẾN II BÙNG NỔ
- SƠ-LƯỢC VỀ TRẬN CHIẾN
- KẾT-QUẢ

### I.— THẾ CHIẾN THỨ HAI BÙNG NỔ

— Khởi đầu nước Đức tiến đánh Ba-lan, đương đầu cùng Anh và Pháp như vậy chỉ có 4 nước tham-chiến.

— Về sau, chiến-tranh lan rộng, lôi cuốn thêm nhiều nước vào vòng chiến, biến cuộc chiến-tranh này thành chiến tranh thế-giới :

● Phe Đức thêm Ý (1940) Nhật (1940) và các nước chư hầu là Hung, Lô, Bảo.

● Phe Anh, Pháp thêm Hoa-kỳ (1941), Liên-sô (1941), Trung-hoa và các Tây-Âu bị Đức, Ý chiếm đóng.

### II.— SƠ LƯỢC VỀ TRẬN CHIẾN

#### A— ĐẶC-ĐIỂM CHUNG CỦA THẾ CHIẾN THỨ HAI :

Ngoài các đặc-điểm của Thế-chiến thứ nhất (cả thế-giới lâm chiến, triệt để sử-dụng khoa-học kỹ-thuật vào chiến tranh, buộc tất cả dân chúng phải tham-dự chiến-tranh). Thế chiến thứ hai còn mấy đặc điểm đáng lưu-ý sau :

— Đức sử-dụng chiến-thuật mới : quân-đội Đức được cơ-giới-hóa, sử-dụng chiến-thuật «chớp nhoáng» và đặc-biệt chú-trọng tới việc dùng phi-cơ và chiến xa trong trận chiến.

— Thế-chiến thứ hai lan rộng và tàn phá khốc-liệt hơn thế-chiến thứ nhất rất nhiều :

Thế-chiến thứ nhất, thực ra chỉ xảy ra khốc liệt ở Âu-châu, còn Á và Phi-châu chỉ xao-động chút ít, chứ không chịu cảnh tàn-

phá mảy. Trái lại. Thế chiến thứ hai đã lan tràn khắp từ Âu sang Phi, làm cả nhân loại phải chịu cảnh tang tóc, đau thương vì chiến cuộc. Thêm vào đó, ở Thế-chiến thứ hai, các cường quốc tham chiến lại phát-minh ra nhiều loại khí giới tối-tân, có sức công-phá gấp bội khí giới được đem sử-dụng trong kỳ thế chiến thứ nhất. Vì đó sự tàn phá của Thế-chiến thứ hai khốc liệt gấp bội Thế chiến thứ nhất.

## B— SƠ-LƯỢC VỀ CÁC MẶT TRẬN CỦA THẾ CHIẾN :

Khác với Thế chiến thứ nhất chỉ qui-tụ ở Âu-châu, Thế-chiến thứ hai đã diễn ra vô cùng ác-liệt ở Âu-châu, Á-châu lẫn Phi-châu.

### 1) Giai-đoạn 1 :

Đức, Ý, Nhật đại thắng.

#### a) Mặt trận Âu-châu.

— *Chiếm Ba-lan* : Ngay khi khởi đầu trận chiến, Đức đã phá vỡ phòng-tuyến của Ba-lan và chiếm trọn nước này sau 4 tuần lễ hành quân. Trong khi đó Nga đánh Phần-lan, buộc Phần-lan phải nhường bán-đảo Carélie và nhiều cứ điểm quân sự cho Nga.

— *Quân Đức chiếm các nơi khác* : Quân Đức đẩy lui liên quân Anh-Pháp, chiếm Na-uy, Đan-mạch, Thụy-điển rồi kéo quân vào chiếm luôn Lục-xâm-bảo, Hòa-lan, Bỉ (1940).

— *Pháp thảm bại* : Pháp đem hết lực-lượng cùng-cỗ chiến-tuyến Maginot ở giữa biên giới Pháp-Đức, tưởng cầm chân quân Đức không ngờ Đức phá được phòng tuyến Pháp ở Sedan và Namur làm chiến-tuyến Maginot trở nên vô dụng. Liên-quân Anh-Pháp phải lui về Dunkerque để rút sang Anh. Trong cuộc lui quân này, Anh-Pháp bị thiệt hại nặng. Đức chiếm được cả miền Bắc và miền Đông nước Pháp. Đã thế, Pháp còn bị Ý tuyên-chiến và tiến quân đánh mạn Tây-Nam. Thấy nguy, Thủ tướng Pháp Reynaud từ chức. Thống-chế Pétain lên thay. Pétain xin đình chiến và chịu để cho quân Đức chiếm hai phần ba đất nước ở phía Bắc. Còn một phần ba ở miền Nam thì được tự-trị (hỏa-trước 22-6-1940). Tướng De Gaulle không chịu đầu hàng, trốn sang Anh tiếp tục chiến đấu.

— *Tấn công Anh Quốc* : Sau khi Pháp đầu hàng, chỉ còn một mình Anh chống cự với Đức. Đức tấn công Anh-quốc, nhưng thất

bại vì thủy quân Anh rất mạnh, đủ để bảo vệ đất nước thoát khỏi gót giày xâm lăng của Đức.

— *Đức đánh chiếm các nước Địa-trung-hải* : Quân Đức kéo qua chiếm các nước miền Địa-trung-Hải : Bảo, Nam-tur, Hy-lạp đều rơi vào tay quân Đức.

— *Đức tấn công Nga* : Năm 1941 Hitler xé hiệp-ước bất xâm phạm Đức-Nga cho quân tiến đánh Nga. Quân Nga phải rút lui trên khắp chiến trường, rồi dùng chiến-thuật tiêu-thô kháng chiến để chống cự với quân Đức, kéo dài thời gian chờ mùa Đông tới.

b) *Mặt trận Á-châu* :

*Nhật phá tan hạm đội Hoa-kỳ ở Trân-châu-cảng* : Ngày 7-12-1941, Nhật bất ngờ oanh-tạc hạm-đội Hoa-kỳ tại Trân-châu-cảng để trả lời bức tối hậu-thư của Hoa-kỳ đòi Nhật phải rút khỏi Trung-hoa. Từ đó, mặt trận Thái-bình-dương bùng nổ.

— *Nhật làm bá chủ Thái-bình-dương và Ấn-độ-dương* : Diệt xong hạm-đội Hoa-kỳ tại Thái-bình-dương, Nhật tung hoành khắp chiến trường Á-châu, chiếm hết các nước vùng Đông-nam-Á, uy hiếp Ấn-độ, Úc, đổ bộ lên quần đảo Aléoutiennes, dự tính tiến đánh ngay trên đất Hoa-kỳ. Nhưng các đô thị lớn của Nhật bị những trận mưa bom kinh hồn của Hoa-kỳ làm cản trở kỹ-nghệ chiến-tranh của Nhật và, sau tận thủy chiến ở biển [San-hồ, hạm đội Nhật bị phá hủy gần hết. Từ đó Nhật dần yếu kém trước lực lượng vô cùng hùng-hậu của Hoa-kỳ.

c) *Mặt trận Phi-châu* :

— *Ý tấn công Anh* : Khi Pháp đầu hàng rồi, Mussolini bèn tấn công các thuộc địa ở Phi-châu : Soudan, Somalie bị Ý chiếm. Quân Anh phải chạy về gần biên-giới Ai-cập.

— *Đức tham dự* : Anh phái viện binh sang Phi, đẩy lui được quân Ý. Thấy vậy, Hitler cử Rommel mang sư-đoàn Phi-châu (Africa Corps) sang tiếp ứng. Chiến-tranh Phi-châu trở nên khốc-liệt, bất phân thắng bại.

## 2) **Giai-đoạn 2 : Đồng-minh phản-công :**

a) *Mặt trận Phi-châu* :

Bắt đầu từ năm 1942, Đồng-minh đã chấn-chỉnh được hàng ngũ và nhất là kỹ-nghệ không-lồ của Hoa-kỳ bắt đầu hoạt-động mạnh,



có thể cung-cấp đầy đủ vũ-khí và đạn dược cho quân-đội Đồng-minh, nên Đồng-minh đã bắt đầu phản-công trên khắp các mặt trận :

— *Eisenhower đổ bộ lên Bắc-phi* : Năm 1942, quân-đội Hoa-kỳ do Eisenhower chỉ-huy đã hoàn-tất nhiệm-vụ đổ-bộ Bắc-phi, chiếm giữ các hải-cảng ở Algérie và Maroc.

— *Quân Đồng-minh chiếm lại Tây-phi* : Tới tháng 11 năm 1942, quân-đội Anh, Mỹ chiếm lại được Tây-phi, bắt cầm tù gần 300.000 quân Đức, Ý.

#### b) Mặt trận Âu-châu :

— *Đổ-bộ lên đất Ý* : Cũng năm 1942, quân Đồng-minh đổ-bộ lên đảo Sicile rồi tiến chiếm các đô-thị lớn của Ý.

— *Nga đại thắng Đức* : Cuối tháng 11 năm 1942, Nga nhờ mùa Đông phản-công đánh bại Đức, đại thắng trận Stalingrad, đuổi quân Đức khỏi đất Nga (tháng 6-1944).

— *Giải-phóng Pháp* : Năm 1944, quân Đồng-minh đổ-bộ lên Normandie, giải-phóng nước Pháp khỏi tay quân Đức (cuối năm 1944).

— *Đức đầu hàng* : Sau đó, quân Đồng-minh lần lượt chiếm lại các nước do Đức đã chiếm được từ trước rồi tiến vào đất Đức, vây kinh-thành Bá-linh. Hitler tự-tử. Thống-chế Doeniz kế-vị Hitler xin đầu hàng không điều-kiện (7-5-1945).

#### c) Mặt trận Á-châu :

— *Tướng Mac Arthur của Mỹ phản-công* : từ cuối năm 1942, quân-đội Mỹ do tướng Mac Arthur chỉ-huy đã phản-công đánh bại quân Nhật trên khắp chiến-trường, chiếm lại nhiều nước do Nhật chiếm đóng (Phi-luật-tân, Miến-điện, Bornéo...).

— *Nga-Mỹ đánh Nhật* : Tháng 4 năm 1945, Hoa-kỳ chiếm được đảo Okinawa của Nhật rồi từ đó cho phi-cơ oanh-tạc khắp nước Nhật. Ngày 9-8-1945, Nga cũng tuyên chiến với Nhật đem quân chiếm Mãn-châu và đảo Sakhaline.

— *Nhật đầu hàng* : Sau hai quả bom nguyên-tử của Mỹ thả xuống Hiroshima (6-8-1945), và Nagasaki (9-8-1945), Nhật phải xin đầu hàng không điều-kiện (ngày 15-8-1945).

Thế là trận Thế-giới đại-chiến thứ hai kết-liệu.

### III.— KẾT-QUẢ CỦA TRẬN ĐẠI-CHIẾN

Sự thiệt hại của Thế-chiến thứ hai lên đến một con số quá sức tưởng tượng của mọi người.

— Về người :

- *Chết* : hơn 22 triệu thường dân và 10 triệu binh-sĩ.
- *Bị thương* : không kể xiết.

— Về tài-sản :

● *Chiến phí* : Tổng số tiền các nước chi-phi vào chiến-tranh này là hơn một triệu triệu Mỹ-kim (tức hơn 1.000 tỷ Mỹ-kim).

● *Tài-sản bị phá-hủy* : nhà cửa cơ-xưởng, bất động sản... bị phá hủy trị-giá gấp ba lần số chiến-phí kê trên (tức hơn 3.000 tỷ Mỹ-kim).

— *Số vớt thể chiến thứ nhất* thì Thế-chiến thứ nhì đã giết người nhiều gấp hơn hai lần, tiêu phí gấp 13 lần và đã tàn phá Âu-châu trên một diện-tích rộng hơn rất nhiều.

(theo tài-liệu của W.L. LANGER, A Survey Of European Civilization. Part II, p. 948



## HẬU-QUẢ CỦA THẾ-CHIẾN THỨ II

- HÒA-ƯỚC PARIS VÀ SAN FRANCISCO
- THÀNH-LẬP LIÊN-HIỆP-QUỐC
- CÁC NƯỚC NHƯỢC TIỂU ĐƯỢC GIẢI-PHÓNG
- KẾT-LUẬN

Thế chiến thứ nhì đã gây ra những thiệt hại quá khủng khiếp cho nhân-loại. Cho nên sau Thế-chiến, các quốc-gia dù thắng dù bại, cũng đều tìm hết cách để tránh chiến-tranh, tránh cho nhân-loại khỏi diệt vong, nhất là từ khi khí-giới nguyên-tử với sức tàn phá ghê hồn được phát-minh. Vì đó, một mặt các cường-quốc thắng trận họp nhau để phân chia quyền lợi, một mặt họ nghĩ tới việc thiết-lập một cơ-quan quốc-tế có uy-quyền và đủ khả-năng hơn Hội-Vạn-Quốc ngõ hầu bảo-đảm hòa-bình cho thế-giới. Do đây ta xét :

- Các hiệp-ước
- Cơ quan quốc-tế : Liên-hiệp quốc,

### I.— HIỆP-ƯỚC PARIS VÀ HÒA-ƯỚC SAN FRANCISCO

Sau Thế-chiến, các nước Đồng-minh ký các hiệp-ước với nhau và với các nước bại trận để chia nhau đất đai và quyền lợi :

— Năm 1947, *Hiệp-ước Paris* ký giữa các nước Đồng-minh và Ý, Lỗ, Bào, Phần-lan ra đời.

— Rồi sau đó, năm 1951, *hiệp-ước San Francisco* ký giữa Đồng-minh (không có Nga) với Nhật được khai-sinh.

Do những hiệp-ước này thì nhiều nước bị xóa trên bản đồ thế-giới (như Estonie, Lettonie... bị Nga chiếm) và mấy nước lớn bại trận (Đức, Ý, Nhật) bị chia cắt.

## II.— LIÊN-HIỆP-QUỐC

### A— SỰ THÀNH-LẬP :

— Ngay trong thời-kỳ còn chiến-tranh, Tổng-thống Hoa-kỳ Roosevelt và Thủ-tướng Anh Churchill đã hội-kiến với nhau đề bàn về việc thiết-lập một cơ-quan quốc-tế sau này ngõ hầu đảm bảo nền hòa-bình cho thế-giới (năm 1941).

— Khi chiến tranh chấm dứt vào tháng tư năm 1945, bốn cường-quốc sáng lập viên (Hoa-kỳ, Nga, Trung-hoa và Anh) cùng với 48 quốc-gia khác đã họp nhau ở San Francisco đề bàn về việc thiết-lập tổ-chức Liên-hiệp-quốc. Đến tháng 6 năm đó dự-án Hiến-chương L.H.Q được phê chuẩn (ngày 26-6-1945). Hiến-chương bắt đầu được kê là có hiệu lực từ ngày 24-10-1945.

— Liên-hiệp-quốc đặt trụ-sở tại Nữu-ước (Hoa-kỳ).

### B— MỤC-ĐÍCH :

Mục-đích của LHQ là :

— Bảo toàn hòa-bình và an-ninh thế-giới.

— Phát-triển tình giao-hữu giữa các quốc-gia.

— Thực hiện sự hợp-tác quốc-tế.

— LHQ là trung-tâm điều-hòa eác mỗi tranh-chấp quốc-tế.

### C— SỰ TỔ-CHỨC CỦA LHQ :

LHQ có 6 cơ-quan chính đề hoạt-động là :

— Đại-hội-đồng LHQ : gồm có tất cả các hội-viên LHQ, mỗi năm họp một lần.

— Hội-đồng Bảo-an : gồm 11 hội-viên, 5 hội-viên vĩnh-viễn (Anh, Nga, Hoa-Kỳ, Pháp, Trung-hoa) và 6 hội-viên không vĩnh-viễn do Đại-hội đồng bầu ra trong một kỳ hạn là 5 năm. Hội-đồng Bảo-an có quyền điều tra, quyết định các phương-sách trừng-trị các nước vi phạm vào nền hòa-bình thế-giới. Và, khi cần, Hội-đồng Bảo-an có thể sử-dụng quân-đội của các nước hội-viên để trừng-trị nước bị lên án.

— Hội-đồng Kinh-tế và Xã-hội : đề thực-hiện các chương trình hợp-tác kinh-tế và xã-hội giữa các nước.

— Hội-đồng Giám-hộ (hay Quản-thác) : có nhiệm-vụ cai quản những quốc-gia do LHQ có nhiệm-vụ quản-trị.

— *Pháp-viện Quốc-tế* : Là cơ-quan tư-pháp của LHQ để xét những tranh-chấp quốc-tế.

### III.— CÁC NƯỚC NHƯỢC-TIÊU ĐƯỢC GIẢI-PHÓNG

Các nước nhược-tiêu nằm lấy Thế-chiến thứ-hai như một dịp may hiếm có để vùng lên đòi các cường-quốc phải trả lại nền độc-lập cho họ. Phần vì đất nước bị tàn phá ghê gớm, cần phải rành tay kiến-thiết lại xứ sở, phần vì nhân dân đã quá chán ghét, ghê tởm chiến tranh nên các cường-quốc đã trả dần lại nền độc-lập cho các nước bị-trị :

— *Hoa-kỳ* trả lại độc-lập cho Phi-luật-tân (1946).

— *Anh* trả lại độc-lập cho Ấn-độ (1946), Miến-điện, Mã-lai.

— *Pháp* : rút khỏi Việt-Nam, Cambodge, Lào, Tunisie, Maroc,

Algérie...

### IV.— KẾT-LUẬN

Những thiệt hại vĩ-đại của trận Thế-chiến thứ hai chưa làm cho con người tỉnh ngộ và bỏ những mối tranh chấp có thể đưa tới chiến-tranh. Thực thế, khi Thế-chiến vừa chấm dứt thì lại nảy sinh mối mâu-thuẫn giữa hai khối Dân-chủ và Cộng-sản. Chiến-tranh « lạnh » bắt đầu xuất-hiện làm nhân loại luôn hồi hộp lo sợ, nhìn về tương-lai thấy tương-lai mù mịt và thấy lớn vớn bóng dáng của thần chiến-tranh lại lăm le đe dọa.

#### NIÊN - HIỆU GHI - NHỚ

1933 : Đức tuyên bố xé hòa-ước Versailles

1934 : Đức rút khỏi hội Quốc-liên

1935 : Mussolini cho quân chiến Ethiopie

1936 : Đức cho quân chiếm tả ngạn sông Rhin

1939 :

— Tháng 3-1939 : Đức chiếm Tiệp-Khắc

— Tháng 3 tháng 4-1939 : Đức sáp nhập xứ Bohême  
Ý chiếm Albanie

— Tháng 8 : Hòa-ước không xâm chiếm Đức — Nga

- Tháng 9 : Đức chiếm Balan  
Anh và Pháp tuyên chiến với Đức.  
Thế chiến thứ nhì bùng nổ (3-9-1939)
- 1940 : Đức xâm lăng Đan-Mạch, Thụy-Điền, Hòa-Lan, Bỉ.
  - Ý tham chiến vào phe Đức
  - Phe Đức — Ý thêm Nhật, Hung, Bào, Lỗ
- 1941 : Đức tiến chiếm Nam-tư, Hy-Lạp, đánh Nga (22 tháng 6)
  - Hiến-Chương Đại-Tây-Dương được ký kết giữa Thủ tướng Anh Churchill và Tổng-Thống Hoa-Kỳ Roosevelt dự tính lập một tổ chức quốc tế sau này.
  - Hoa-kỳ tham chiến bên phe Đồng minh
- 1942 : Đức chiếm đông toàn thể nước Pháp.
- 1943 : Nga thắng Đức trong trận Stalingrad
  - Quân Đồng-minh đổ bộ lên Sicile (Ý)
  - Ý đầu hàng Đồng-minh
  - Hội nghị Tehéran (7-3-43) giữa các nước Hoa-Kỳ, Nga, Anh và Trung-Hoa công nhận nguyên tắc bình đẳng giữa các quốc gia, kêu gọi các quốc-gia Đồng-minh tiếp tục hợp tác với nhau trong thời chiến cũng như trong thời bình.
- 1944 : Đồng minh đổ bộ lên Normandie, giải phóng nước Pháp và Tây-Âu.
  - Phần-Lan, Lỗ-Má-Ni, Bào đầu hàng Đồng-minh.
  - Giải-Phóng Nam-tư
  - Quân Anh chiếm Hy-Lạp.
  - Hội-nghị DUMBARTON OAKS thảo tiền dự-án thành lập Liên-Hiệp-Quốc.
- 1945 : Hội-nghị Yalta tiếp tục bàn về dự-án thành lập Liên-Hiệp-Quốc.
  - Hung đầu hàng Đồng-minh
  - Mussolini bị xử tử hình
  - Hitler chết (30-4-1945)
  - Đức đầu hàng không điều kiện (8-5-45)
  - Quảng-đảo và Trường-kỳ bị dội bom nguyên-tử
  - Nhật đầu hàng không điều kiện (19-8-45)



**Sự giải-phóng các dân-tộc bị trị**  
**(sơ-lược)**



- NGUYÊN-NHÂN CỦA  
PHONG-TRÀO GIẢI-  
PHÓNG CÁC DÂN-  
TỘC BỊ TRỊ
- DIỄN - BIẾN CỦA  
PHONG-TRÀO GIẢI-  
PHÓNG CÁC DÂN-  
TỘC BỊ TRỊ TRÊN  
THẾ-GIỚI

# I.— NHỮNG NGUYÊN-NHÂN CỦA PHONG-TRÀO GIẢI- PHÓNG CÁC DÂN-TỘC BỊ-TRỊ

## A — NGUYÊN-NHÂN XA :

1) Nguyên-nhân 1 : Lòng ái-quốc và tự-ái quốc-gia đã khiến các dân bị-trị luôn muốn đứng dậy giải thoát ách đô-hộ :

— Mỗi khi Thực-dân đặt ách đô-hộ lên một dân-tộc nào, họ thường phải xử-dụng đến võ-lực. Trong quá-khứ, máu đã chảy nhiều. Biết bao vị anh-hùng dân-tộc đã bị ngoại-nhân giết chóc, tù đầy, tạo ra những trang sử oai-hùng của dân-tộc bị-trị.

— Những thế-hệ sau khi nghĩ tới đất nước đang bị nô-vong, ai nấy đều nuôi mộng đánh đuổi quân xâm-lãng, giành quyền độc-lập cho tổ-quốc, để làm rạng danh dân-tộc mình trên thế-giới. Đó chính là lòng ái-quốc vì tự-ái quốc-gia mà các dân-tộc bị-trị thấy cần phải đứng dậy mỗi khi có dịp thuận-lợi

2) Nguyên-nhân 2 : Nguyên-nhân kinh-tế và Xã-hội: chính-quyền bảo-hộ thường dành những ưu-quyền kinh-tế cho giới tư-bản mẫu-quốc khiến dân bị trị bị bóc-lột và đói khổ :

Sau khi thiết lập xong chế-độ bảo-hộ, các cường-quốc Tây-phương đã áp-dụng chính-sách thực-dân : dành mọi dễ dàng cho giới tư-bản của nước họ khai-thác mọi nguồn-lợi kinh-tế trong các quốc-gia thuộc-địa. Giới tư-bản này đã bóc lột sức lao-động của những dân bị-trị khiến dân các nước này phải sống vất-vả đói khổ. Cho nên họ thấy cần phải đứng lên đuổi quân xâm-lược ra khỏi xứ sở của họ để họ có thể giành lại quyền sống.

3) Nguyên-nhân 3 : nguyên-nhân tôn-giáo : Thiên-chúa-giáo phổ-biến tư-tướng bình-đẳng, bác-ái, Hồi-giáo chủ trương đất nước theo đạo Hồi phải thuộc dân Hồi cai-trị :

— Tư-tướng bình-đẳng bác-ái của đạo Thiên-chúa được các nhà truyền-giáo phổ-biến trong tất cả các xứ bị-trị khiến cho dân bị-trị có lý-do và niềm-tin để tranh-đấu chống lại sự bất-bình-đẳng và sự tàn bạo của thực-dân Tây-phương.

— Ngoài ra, ở các xứ thuộc vùng Cận-đông, các nhà lãnh-đạo Hồi-giáo cho phổ-biến chủ-trương tranh-đấu của đạo Hồi và kêu gọi các giáo-hữu hãy đứng lên lật đổ nền thống-trị của những người khác giáo Tây-phương.

### B— NGUYỄN-NHÂN GẦN :

#### 1) Nguyễn-nhân 1 : trào-lưu tư-tưởng cách-mạng tràn lan trên thế-giới làm các dân-tộc bị-trị thức tỉnh :

Nhờ được giáo-dục theo chương-trình học của mẫu-quốc, hấp-thụ những tư-tưởng tự-do dân-chủ của chính-quốc, những người trí-thức của các nước bị-trị biết rõ trào-lưu tiến-hóa của nhân-loại đang tiến nhanh trên đường cách-mạng xã-hội và dân-chủ hóa cơ-cấu chính-quyền. Họ bèn đem phổ-biến sâu-rộng tư-tưởng này trong nước họ. Do đấy, dân các nước bị-trị mới ý-thức được sự cơ-cực của họ do bọn thực-dân đế-quốc gây ra. Họ bèn nghe theo tiếng gọi sông núi mà vùng lên quyết phá tan xiềng xích của các cường-quốc Tây-phương.

#### 2) Nguyễn-nhân 2 : Hai cuộc thế chiến đã thúc đẩy phong-trào giải-phóng các dân-tộc bị-trị thêm lớn mạnh :

— Trận thế-chiến thứ-nhất đã làm giảm uy-tín rất nhiều của các cường-quốc Tây-phương : Thực thế, trong trận thế.chiến này, các nước Anh, Pháp phải nhờ tới các thuộc-địa cộng-tác về phương-diện kinh-tế và quân-sự mới chiến-tiêng được kẻ thù. Nhưng đến khi chiến-tranh kết-liệu, các cường-quốc Tây-phương không những nuốt lời hứa sẽ trả lại quyền tự-trị cho các dân-tộc bị-trị, mà còn thiết lập chế-độ cai-trị hà khắc hơn những mong bóc lột tận cùng các thuộc-địa để mau chóng tái thiết chính-quốc. Vì đó các dân-tộc bị-trị càng nung nấu chí căm-hờn và luôn tìm mọi phương-tiện và mọi cơ-hội trỗi lên chống chính-quốc.

— Kế đến thế-chiến thứ nhì đã làm chín mùi thêm phong-trào quốc-gia giải-phóng ở các nước bị-trị và làm sụp đổ hoàn-toàn chủ-nghĩa thực-dân : Trong thế-chiến thứ nhì, một nước da vàng là Nhật-bản đã tung-hoành khắp các lục-địa Á-châu, phá nát hạm đội Hoa-kỳ ở Trân-châu-cảng, đánh đuổi người Anh khỏi các thuộc-địa

Hương-cảng, Mã-lai, Miến-điện... Từ Á qua Phi, đa-số các thuộc-địa của Anh, Pháp, Hòa-lan, Hoa-kỳ, đều bị lọt vào tay quân Nhật, Ý và Đức. Để lấy lòng dân-tộc bị-trị, các nước này tuyên-bố trả lại độc-lập cho các dân-tộc vừa được họ giải-phóng khỏi các cường-quốc Tây-phương. Vì thế, sau khi thế-chiến chấm dứt, các cường-quốc Tây-phương dù muốn dù không cũng không thể quay trở lại chính-sách thực-dân xưa vì tất cả những dân bị-trị đều đã khao khát nền độc-lập và quyền tự chủ, nên hết lòng bảo-vệ quê hương của họ.

( Hơn nữa, cạnh đó, khối Cộng-sản lại lợi-dụng phong-trào này để tuyên truyền lôi kéo các quốc-gia nhược tiểu về phe họ.

Chính vì thế các cường quốc Tây-phương đã phải nhượng bộ. Nhiều thuộc-địa của Anh, Pháp, Hoa-kỳ, Hòa-lan tại Á cũng như Phi đã được trao trả độc-lập.

## II.— DIỄN BIẾN CỦA PHONG-TRÀO GIẢI-PHÓNG CÁC DÂN-TỘC BỊ TRỊ TRÊN THẾ-GIỚI

### A— TẠI Á-CHÂU :

#### 1) Việt-nam :

— Sau cuộc đảo-chính 9-3-1945, Việt-Nam đã được Nhật tuyên-bố trao trả độc-lập.

— Khi thế-chiến kết liễu, thực dân Pháp quay trở lại Đông-dương. Chiến tranh Việt-Pháp xảy ra trong mười năm, từ 1946 đến 1954.

— Sau trận Điện-biên-phủ, Pháp đành ký hiệp-định Genève chia đôi đất Việt : miền Bắc thuộc ảnh-hưởng Cộng-sản, miền Nam thuộc khối tự-do.

#### 2) Nam-dương (In-đô-nê-xi-a) :

Sau những tranh-đấu cam-go, dân Nam-dương mới được Hà-lan chính thức tuyên-bố trả lại độc-lập vào ngày 27-12-1949.

#### 3) Mã-lai :

Được Anh trả lại độc-lập vào tháng 2 năm 1956.

#### 4) Tích-lan :

Được Anh cho hưởng quyền tự trị trong khối liên-hiệp Anh kể từ sau thế-chiến thứ nhì.

#### 5) Miến-điện :

Dưới sự lãnh-đạo của Aung-san, dân Miến đã chiến đấu

chống quân đội Anh và giành được nền độc-lập do Anh trao trả vào ngày 4-1-1948.

### 6) Phi-luật-tân :

Ngay sau khi thế-chiến thứ hai chấm dứt, Hoa-kỳ trao trả nền độc-lập cho dân-tộc Phi (tháng 7-1946).

### B— TẠI CẬN-ĐÔNG VÀ TRUNG-ĐÔNG :

Trong khoảng giữa hai thế-chiến, Anh đã phải trao trả độc-lập cho nhiều quốc-gia ở vùng Cận-Đông và Trung-đông, chỉ còn giữ lại những quyền-lợi kinh-tế. Nhưng sau thế-chiến thứ nhất, các quốc gia này lại đòi hỏi trước hết quyền-lợi kinh-tế của Anh-Quốc :

— *Ai-cập* : được trả độc-lập vào năm 1936 chỉ giữ xứ Soudan và khai-thác kênh Suez. Tới năm 1946 Ai-cập sát nhập Soudan vào Ai-cập và đòi quốc-hữu-hóa kênh Suez. Nhưng sau đó Anh phải phái quân sang bảo-vệ kênh này. Tới năm 1954 Anh-Ai-cập ký thỏa-trước với nhau và quân Anh rút khỏi vùng Suez.

— *Iran* đã được trả độc-lập từ 1932. Tới năm 1951, Thủ-tướng Mossadegh đòi quốc-hữu-hóa các giếng dầu hỏa do công-ty Anh khai thác ở Iran. Sau nhiều tranh chấp, tới năm 1954, một thỏa-trước đã được ký-kết giữa Iran và Công-ty dầu-hỏa Anh-Hoa-kỳ. Từ đó Anh mất độc quyền khai thác mỏ dầu và phải tăng thêm thuế nộp cho chính-phủ Iran.

— *Irak* : được độc-lập vào năm 1930.

### C— TẠI PHI-CHÂU :

#### 1) Libye :

Libye là thuộc địa của Ý, được liên-hiệp-quốc trả độc-lập vào năm 1951.

#### 2) Maroc, Tunisie, Algérie :

Do những cuộc tranh-đấu liên-tục của dân các xứ này, chính-phủ Pháp đành trả độc-lập cho họ :

— Maroc được trả độc lập ngày 3-3-1956

— Tunisie lấy lại quyền tự-chủ ngày 20-3-1956.

— Algérie được Tổng-thống Pháp De Gaulle trả lại quyền tự-chủ năm 1962.

**3) Các xứ khác Phi-châu thuộc Anh và Pháp Mỹ lần lượt được chính quốc trả lại độc lập như :**

Haité, Nigeria, Togo, Cameroun, Mali (Sénégal và Soudan độc-lập hợp lại), Congo, Somalie, Cote d'Ivoire, Dahomey, Malugasy.

NIÊN - HIỆU GHI - NHỚ

1945 : Việt Nam được Nhật tuyên bố trao trả độc lập.

1946 : Phi luật tân được Hoa kỳ trả độc lập.

1948 : Miến điện lấy lại quyền độc lập nơi tay Anh.

1949 : Hà lan trả độc lập cho Nam dương.

1951 : Libye được Liên-hiệp-Quốc trả lại nền độc lập.

1956 : — Mã lai được Anh trả lại quyền độc lập.

— Maroc, Tunisie cũng lấy lại được quyền độc lập nơi tay Pháp.

1962 : Algérie được Pháp trao trả độc lập.



*Nền văn-minh hiện-tại : tính-chất  
chung, khoa-học, triết-học,  
văn-ngệ*



- TÍNH-CHẤT CHUNG  
CỦA NỀN VĂN-  
NHÂN-LOẠI HIỆN-  
TẠI
- SỰ TIẾN-BỘ CỦA  
KHOA-HỌC
- NHỮNG NIỀM SUY-  
TƯỞNG VỚI CÁC  
TRIẾT-GIA
- SỰ CHUYỂN-BIẾN  
CỦA VĂN - NGHỆ  
HIỆN-TẠI

## I. — TÍNH CHẤT CHUNG CỦA NỀN VĂN-MINH NHÂN LOẠI HIỆN-ĐẠI

Nền văn-minh hiện đại có mấy đặc điểm chung sau :

### 1) Đây là thời đại của nghệ thuật sống mới : yêu cường sống vội :

— Trong cuộc sống của chúng ta, ai cũng bước vội-vã vào tương-lai, không kịp quay nhìn về quá khứ. Những biến cố, những cơ-động của cuộc sống thường nhật, những nhịp độ của công việc đều xô đẩy chúng ta phải bước cho mau, không còn thời giờ suy-tư nữa.

— Chính bởi thế, trái tim, khối óc và dạ dày cũng phải làm việc theo sự cần kíp của cuộc sống thật nhanh.

### 2) Đây là thế-kỷ cực thịnh của nền cơ-khí ; tất cả mọi ngành hoạt động đều được cơ-khí-hóa triệt để :

— Từ nông-nghiệp, kỹ-nghệ,... cho đến những nghệ-thuật thủ-công-nghệ cũng dần dần được người ta tìm đủ mọi cách thay nhân-công bằng máy móc.

— Máy móc lại còn bắt đầu xâm nhập những công việc nội-trợ trong mỗi gia-đình, khiến con người có cảm tưởng thời-đại của chúng ta sẽ bước dần tới thời-đại «bấm nút để điều khiển tất cả mọi hoạt-động từ gia-đình ra tới ngoài xã-hội.

### 3) Thế-kỷ của chúng ta là thế-kỷ đại-chúng-hóa :

— Nhờ phương-tiện thông-tin mỗi ngày một cải tiến và phát-triển mạnh, nên mỗi người chúng ta có tầm kiến-thức sâu rộng hơn, hiểu biết thế-giới hơn và dễ hòa-đồng với mọi người khác ở mọi nơi trên thế-giới.

— Hơn nữa kỹ-nghệ lại phát-triển rất mạnh, đạt tới chỗ sản-xuất thật nhiều và đồng loạt, nên rồi ai cũng có thể có những sản-phẩm như nhau, được những tiện-nghi vật-chất giống nhau, nên sự dị-biệt cá-nhân cũng bị giảm sút đi nhiều.

### 4) Tình nhân-loại được đề cao và tình hữu-nghị quốc-tế đang được con người cố-gắng bồi đắp :

Sau hai trận thế chiến thảm khốc con người đã ghê sợ chiến tranh ai cũng muốn được sống yên vui trong khung cảnh thái-bình, trong tình yêu thương đồng loại.

Bởi vậy các tổ-chức quốc-tế đã ra đời để cố-gắng xây dựng tình hữu-nghị giữa các nước về đủ mọi phương-diện : chính-trị, xã-hội, văn-hóa...

## II.— SỰ TIẾN BỘ CỦA KHOA HỌC

Trong lãnh-vực khoa-học, thời hiện-đại nhân-loại đã thấu đạt được nhiều tiến bộ vượt bậc khiến cho sự sinh-hoạt hàng ngày và đời sống con người đã biến đổi hẳn. Những tiến bộ này là do những phát-minh hết sức quan-trọng về vũ-trụ, về vật-chất về năng-lượng.

### A— LÝ-THUYẾT MỚI VỀ VŨ-TRỤ : THUYẾT TƯƠNG ĐỐI :

— Cho tới thế-kỷ XIX, ý-niệm không-gian vẫn còn chi-phối ý-niệm vũ-trụ : Tất cả vật đều chỉ được giải-thích trong một khoảng không-gian của vũ-trụ. Còn vũ-trụ là một khoảng không vô cùng và bất biến :

— Đến thế-kỷ XX một lý-thuyết mới về vũ-trụ do nhà bác-học Einstein (1870-1955) đề xướng làm đảo-lộn tất cả quan-niệm xưa và khởi nguồn cho nhiều phát-minh khoa-học tân-kỳ. Đó là *thuyết tương-đối* (théorie de la relativité). Thuyết này đánh đổ quan-niệm vũ-trụ bất biến đưa ra ý-niệm vũ-trụ chuyển-vận trong thời-gian.

Nhờ thuyết này, nhà vật-lý Pháp Paul Langevin (1872-1946) đã khám phá ra nguyên-tắc đồng đẳng giữa vật-chất và năng-lượng. Do đấy ông giải-thích được độ cách giữa những khối lượng của đơn chất khác nhau và những bội-số nguyên của khối-lượng của chất hydro.

### B— LÝ-THUYẾT MỚI VỀ VẬT-CHẤT : NGUYÊN-TỬ VÀ SỰ PHÓNG-XẠ :

Nhà vật-lý Đức Max Planck (1858 — 1947), nhờ quan-sát quang phổ, rồi khảo-cứu nguyên-tử, đã đưa ra được lý-thuyết nguyên-lượng (théorie quantique) bất liên-tục, chỉ-tích lý-thuyết cổ-diễn về nguyên-lượng liên-tục, một lý-thuyết đã từng làm nền tảng cho tất cả những định-lý về ánh-sáng, năng-lượng và vật-chất.

— Nhà bác-học Louis de Broglie tìm cách hòa-hợp lý-thuyết cổ-diễn (liên-tục) và lý-thuyết mới (bất liên tục) về nguyên-lượng.

Ông công nhận rằng ánh sáng có một khối-lượng, và nó được phát đi bởi nguyên-lượng (đơn vị ánh sáng chuyển động là photon). Năm 1923, Louis de Broglie đã phổ biến trong ngành vật-lý đặc-tính hạt và ba-động của ánh-sáng. Như vậy ông đã tạo ra ngành cơ-học ba-động (mécanique ondulatoire).

— Khởi điểm của việc khảo-cứu nguyên tử là hàng loạt những công cuộc khảo-sát về tinh huỳnh quang và tia X (la fluorescence et les Rayons X) do các nhà bác-học cuối thế kỷ XIX và đầu thế-kỷ XX kế tục nghiên-cứu (Roentgen, H. Becquerel, Marie Curie, Rutherford). Tiếp đó các nhà bác-học *Rutherford*, *Niels Bohr*, *Mendeleev*, *Irène*, *Fédéric Joliot-Curie*, *Sir James Chadwick* đã mô-tả được một nguyên-tử, thực hiện được sự chuyển biến nguyên-chất nhân-tạo, việc phóng-xạ nhân-tạo và việc cho nổ một nhân uranium.

#### C— MỘT KỶ-NGUYÊN MỚI CỦA VẬT-CHẤT : SỰ TỔNG HỢP :

— Ngày nay kỹ-nghệ phát-triển mạnh nhờ những khám phá về hóa-học : việc tổng-hợp những nguyên-tố hữu-cơ :

— Trong thời Hitler, nước Đức đã chế-tạo được dầu-hóa tổng hợp bằng cách sử-dụng than bùn hoặc than đá với phương-pháp hóa-than của *Bergius* hoặc phương-pháp hợp hydro của *Tisher*.

— Ngày nay than và dầu-hóa lại trở thành những nguyên-liệu để kỹ-nghệ sử-dụng sản-xuất ra tơ sợi tổng hợp :

● Năm 1939, nylon được công-ty Hoa-kỳ Du Pont de Nemours chế-tạo, do theo công-trình khảo-cứu của nhà hóa-học Carothers.

● Tiếp đó những tơ sợi tổng-hợp khác được khám phá và tung ra trên thị-trường : orlon, rhotyl, dacron...

#### D— THẾ-GIỚI MỚI CỦA NĂNG-LƯỢNG : NĂNG-LƯỢNG NGUYÊN-TỬ :

— Một quốc-gia càng tiêu-thụ ít năng-lượng bao nhiêu, quốc-gia đó càng chậm tiến bấy nhiêu. Đảo lại sự tiêu-thụ năng-lượng càng cao thì dấu hiệu tiến-bộ kỹ-thuật càng lớn. Trong thời Thượng-cổ, con người chỉ biết sử-dụng một nguồn năng-lượng duy nhất là sức-lực của người và của vật : người sử-dụng các khi-cụ, vật dè chớ đỡ và kéo xe. Tới thời Trung-cổ, con người mới biết sử-

dụng thêm một nguồn năng lượng mới là năng-lượng thiên-nhiên của nước và của gió làm chạy những động-cơ đặt nguyên tại một chỗ. Tiếp đó tới kỷ-nguyên của động-cơ di-động, với loại động-cơ này, ngành chuyên chở biến đổi hoàn-toàn: máy chạy hơi nước, động-cơ nổ, động-cơ điện, phản-lực-cơ nguyên-tử lần lượt được con người phát-minh. Những nguồn năng-lượng mới đồng thời đã xuất-hiện: năng-lượng nguyên-tử, năng-lượng ánh-năng mặt trời, năng-lượng vũ-trụ.

— Hiện nay nguồn năng-lượng nguyên-tử đang được con người nghiên-cứu và khai-thác. Tuy nhiên sự phát-triển những Trung-tâm nguyên-tử hiện thời vấp phải một trở ngại là số tiền chi-phí quá lớn và thiếu những chuyên-viên kỹ-thuật. Vì vậy, tất cả hoạt-động của thế-giới hiện đại vẫn còn dựa vào những nguồn «năng-lượng cò-diền» là thác nước, than, dầu-hỏa, điện.

— Ngoài ra, việc sử-dụng nguồn năng-lượng của ánh sáng mặt trời cũng đang được con người nghiên-cứu và đem ứng-dụng trong mọi ngành. Chẳng hạn «bếp lò mặt trời» (fours solaires) chính là sự ứng-dụng khởi đầu để sử-dụng nguồn năng-lượng của ánh sáng mặt trời. Hiện nay nước Pháp có một «lò mặt trời» mạnh nhất hoàn cầu đặt ở Montlouis. Nhiệt-độ của lò này lên tới được 3.500 độ, có thể làm tan chảy bất cứ vật nào.

## E— NHỮNG NGUỒN HY-VỌNG MỚI CỦA CUỘC SỐNG : KHOA SINH-VẬT-HỌC VÀ BỆNH-LÝ HỌC TIẾN-BỘ VƯỢT MỨC :

— Cũng như các khoa-học khác, khoa sinh-vật-học đã tiến gần tới việc giải-thích toàn-thể những hiện-tượng, nhưng còn một ngưỡng cửa chưa thể vượt qua giữa đời sống của tế-bào và đời sống của cơ thể.

— Về bệnh-lý-học, chỉ từ đầu thế-kỷ XX, nhân-loại mới chế ngự được phần nào bệnh truyền-nhiễm.

## II.— NHỮNG NIỀM SUY-TƯỞNG CỦA CÁC TRIẾT-GIA

### A — TÍNH CÁCH CHUNG CỦA TRIẾT-LÝ HIỆN KIM :

Từ 1918 trở lại đây, nhìn chung, ta thấy lịch-sử triết-lý biểu-hiệu một tình-trạng bi-quan và bối rối. Đối với phần lớn các nhà tư-

tưởng, sống trong thế-kỷ này, những biến-cố dồn-dập xảy ra quanh họ khiến họ có những mối lo-âu sâu xa nhất. Trận thế-chiến thứ nhất đến với họ như là một sự khởi đầu của kỷ-nguyên mới đen tối mới. Tiếp đó chế-độ độc-tài phát-xít sập tới, rồi thế-chiến thứ nhì xảy ra xóa mờ mất tia hy-vọng bé nhỏ mà nền văn-minh nhân-loại sẽ chẳng bao giờ tìm thấy. Một số nhỏ các triết-gia đã tỏ vẻ tuyệt-vọng, còn một số lớn mất tin-tưởng nơi năng-lực của con người có thể tự cứu mình mà không cần nhờ tới sự trợ giúp của những quyền-lực siêu-nhiên.

## B - NHỮNG MÔN-PHÁI TRIẾT-HỌC HIỆN-KIM :

### 1) Môn phái Tân-chánh-thống (Neo-Orthodoxy) :

Một trong số những môn phái quan-trọng nhất nhìn con người và thế-giới với con mắt bi-quan là phái Tân-chính-thống với nhà thần-học người Đức *Karl Barth* và người Hoa-kỳ *Reinhold Niebuhr*. Họ tin rằng thế-giới này do một vị Thượng-đế toàn-năng ngự-trị. Thượng-Cể này kiểm-soát tất cả muôn loài với những mục-đích bí-ẩn của Người. Hai nhà triết-học này coi con người như một sinh-vật đạo-đức, được tạo ra trong một hình-ảnh toàn-thiện, và chịu trách-nhiệm trước Thượng-đế về những công việc làm của họ trong cuộc đời họ. Tuy nhiên bản-chất của con người lại bị quyền dự bởi sự kiêu-hãnh và lòng tự-ái. Chính điều này đã đưa tới ý muốn nắm quyền-hành và đẩy lại chính là nguồn gốc của chiến-tranh, tranh-chấp chủng-tộc, độc-tài. Tội lỗi chỉ có thể được chề-ngự khi con người biết tự hạ mình trước Chúa, ý-thức được sự xấu xa trong bản-chất của họ, và chấp-nhận quyền cứu-rỗi của đạo Cơ-đốc. Chỉ bằng những phương-cách đó, con người mới có thể thực-hiện được tình-yêu và sự kính-trọng đối với người khác : đó chính là tinh-túy của nền dân-chủ.

### 2) Phái Tân-kinh-viện Triết-học (Neo-Scholasticism) :

- Phái này do Jacques Maritain và các môn-đệ chủ-trương.
- Phái này cũng có chủ-trương tương-tự như phái trên, nhưng một bên thiên về đạo Tin-lành (Tân-chính-thống), một bên lại thiên nhiều về đạo Thiên-chúa (Tân-kinh-viện Triết-học).
- Theo phái Tân-kinh-viện Triết-học, chẳng có gì có thể đem lại được phạm-cách cho bản-chất con người và ý-nghĩa cho cuộc



sống nhân-loại. Chỉ còn cách quay về với lòng tin nơi Chúa, coi Chúa như đấng tác-tạo và duy-trì của vạn-vật hợp-lý này là chúng ta có thể thoát ra khỏi trạng-thái tuyệt-vọng đè nặng lên ta. Tuy nhiên thời-kỳ phục-hưng của Thiên-chúa-giáo chưa tới. Năm thế-kỷ của lịch-sử nhân-loại không thể xóa mờ trong một đêm ! nhưng phải hy-vọng rằng một ngày nào đó thời-kỳ đen tối phải chấm dứt và kỷ-nguyên mới sẽ tới.

### 3) Phái Hiện-sinh (Existentialism) :

Phái Hiện-sinh khởi nguồn ở Pháp vào khoảng năm 1938 và do Jean Paul Sartre tạo dựng.

— Phái này coi tự-do của cá-nhân là một thuộc-thể căn bản của cuộc sống. Nhưng tự-do này chẳng giúp gì cho con người cả ; hơn thế, nó lại còn là nguồn gốc của nỗi âu-lo và sự kinh sợ. Tuy tin một cách mơ-hồ rằng mình là một người tự-do, có trách-nhiệm đạo đức về tất cả những hành động của mình, mỗi cá-nhân vẫn tự cảm thấy xa-lạ hơn trong một thế-giới của người khác. Cá-nhân có thể không tin-tưởng nơi Thiên-chúa phước lành hay nơi vạn-vạn được hướng dẫn bởi ý-muốn, vì tất cả những ý-nghĩ như vậy đều hoang-đường đối với khoa-học hiện-kim. Con đường duy nhất của con người để thoát ra khỏi nỗi cô-đơn và sự tuyệt vọng là tham dự tích cực vào những hoạt-động của nhân loại.

### 4) Môn phái triết-học lạc-quan :

Được coi là những triết-gia lạc quan hiện thời hai nhà triết-học : White head và John Dewey :

— Sinh tại Anh, là giáo-sư triết-ly tại Đại-học Havard Hoa-kỳ, Alfred North Whitehead tin ở sự tiến-bộ vững chắc của con người. Ông cũng đặt niềm tin tưởng nơi Thiên chúa. Nhưng ông không coi Thiên chúa như một vị Thần-linh độc đoán cầm cân nảy mực cho loài người. Ông chỉ coi Thiên chúa như một vị Chúa của tình thương, như *nhà thơ của thế-giới, với lòng kiên-nhẫn để mẫn dãn dắt thế-giới bằng sự thật, vẻ đẹp và sự tốt lành.*

— Còn John Dewey là nhà triết-học Hoa-kỳ. Ông tin tưởng với trí thông-minh của loài người. Ông cho rằng con người chỉ cần sử-dụng những tài-nguyên thiên nhiên được do suy-tưởng và kinh-

nghiệm là có thể giải-quyết được mọi vấn-đề riêng-tư của con người không cần trông cậy vào quyền-lực siêu-nhiên.

#### IV.— SỰ CHUYỂN-BIẾN CỦA VĂN-NGHỆ HIỆN-ĐẠI

##### A— CHIỀU HƯỚNG MỚI CỦA VĂN-CHƯƠNG :

— Vào những năm đầu của thế-kỷ thứ XX, các văn thi sĩ khám phá ra một điều giản dị, nhưng lại rất quan-trọng : đời sống không có sự hợp-lý, mà chỉ có vấn-đề hợp-lý khi người ta làm những công-việc trí-thức.

— Do đó đề tài của các tác-giả văn-chương hiện đại thường không được các tác-giả đặt đề một cách khách quan. Văn nghệ-sĩ thường đưa ra những đề tài coi con người như một sinh vật có suy-tư và sự phán đoán của con người chỉ được định-hướng có phần nhỏ. Mặt khác, những biến-cổ trong các tác-phẩm văn-chương cũng không còn là một dãy những sự-kiện đơn giản bắt nguồn từ một điểm khởi đầu nữa, mà có thể là những sự kiện rời rạc, không liên hệ gì với nhau.

##### B— SỰ BIẾN ĐỔI CỦA NGHỆ THUẬT :

— Nghệ thuật không còn bị trói buộc trong cái nhìn «cổ-điển nữa, mà đã hoàn toàn cởi mở tùy theo khối lượng của các nghệ-sĩ.

— *Về hội họa* : các nghệ-sĩ có thể sử-dụng màu sắc theo cảm nghĩ của mình mà không cần đề ý xem màu sắc đó có đúng hợp với thiên nhiên. Cũng vậy, hình thể các sự vật cũng đã được các họa-sĩ dùng để tả tâm tư của họ hơn là lột tả hình dáng của sự vật. Các họa-sĩ nổi tiếng của thế-kỷ thứ XX là Picasso, Brahmote, Dunoyer de Segonzac...

— *Về kiến trúc* : Các kiến-trúc sư đã phải chiều theo những đòi hỏi của các đề tài do con người đặt đề. Đến nỗi ông Le Corbusier phải kêu rằng người ta đã quên mất kiến-trúc là gì và người ta phải trở về ý-niệm cho rằng nhà cửa cốt để phục-vụ cho nhu-cầu ở của con người.

— *Về âm nhạc* : nhạc Jazz được phổ biến sâu rộng khắp nơi trên thế-giới.

— *Chớp bóng* : Ngày nay chớp bóng là một nghệ-thuật rất thịnh hành và đang phát-triển rất mạnh.

**PHẦN THỨ BA**



**ĐỊA-LÝ**

**(CÁC CƯỜNG QUỐC KINH TẾ)**

## Chương trình

---

# ĐỊA-LÝ

(CÁC CƯỜNG QUỐC KINH TẾ)

---

- HOA KỲ
- NƯỚC ANH
- NƯỚC PHÁP
- NƯỚC NGA
- NƯỚC ĐỨC
- NƯỚC NHẬT
- TRUNG HOA
- ẤN ĐỘ
- ÚC

# Hoa-Kỳ

- Diện-tích : 7.800.000km<sup>2</sup>, kể cả Alaska và quần đảo Hawai : trên 9 triệu km<sup>2</sup> (9.357.000km<sup>2</sup>)
- Từ Bắc xuống Nam : 2.500km<sup>2</sup>
- Từ Đông sang Tây : 4.500km<sup>2</sup>
- Dân số : 206 triệu dân (năm 1968).

## TIẾT 1 ĐỊA-LÝ THIÊN-NHIÊN

### I.— VỊ-TRÍ VÀ DIỆN-TÍCH

— Bắc giáp Gia-nã-đại — Nam giáp Mê-tây-cơ và Vịnh Mê-tây-cơ — Đông giáp Đại-tây-dương — Tây nhìn ra Thái-bình-dương.  
— Diện-tích Hoa-kỳ gần bằng cả Âu-châu, đứng thứ nhì thế-giới sau Nga, sấp-sỉ bằng Úc, Trung-hoa.

### II.— HÌNH-THỂ

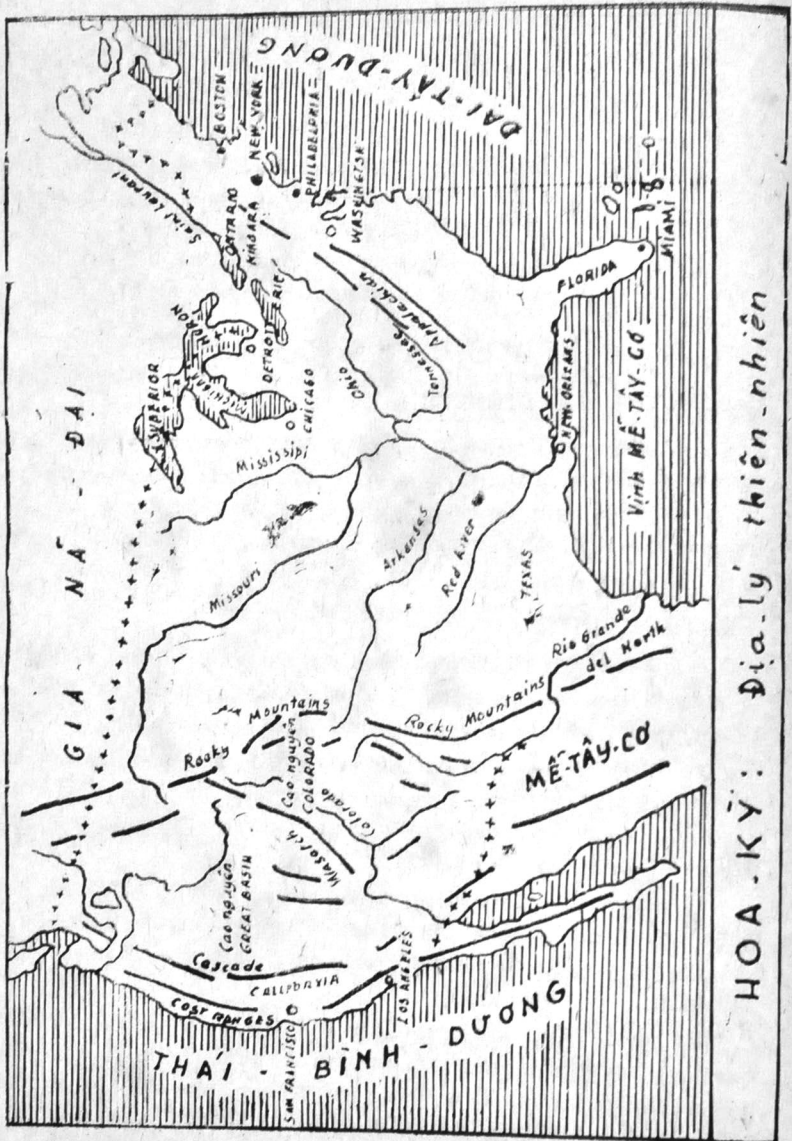
#### A— ĐỊA, DIỆN :

Ở giữa Hoa-kỳ có một bình-nguyên rộng lớn — *Phía đông* là một dãy núi cỏ mọc trong thời đệ nhất nguyên-đại. — *Phía tây* là những dãy núi trẻ mọc trong thời đệ tam nguyên-đại.

**1) Phía Đông : dãy núi cỏ :** Đó là dãy *Alleghany* hay *Appalaches* dài 1.500km, rộng từ 200km đến 300km. — Hai bên rặng núi này có hai cao-nguyên : cao-nguyên *Piedmont* ở phía đông và *Cumberland* ở phía tây.

**2) Ở giữa miền đồng-bằng rộng lớn :** — Chính giữa miền đồng-bằng có sông *Mississippi* — Phía đông có bình-nguyên cao dần lên — Phía tây cũng có bình nguyên cao dần về phía *Rocky Mountains*.

**3) Phía Tây : những dãy núi trẻ :** Đó là (kể từ đông qua tây) : — dãy núi *Rocky Mountains*, có một nhánh về phía Tây, gọi là *Wasatch* — rồi đến những cao nguyên *Colorado*, *Great Bassin* và *Columbia* — Tiếp tới, dãy *Cassades*, dãy *Sierra Nevada*, dãy *Coast Ranges*.



HOA-KỲ: Địa-lý thiên-nhiên



**B— SÔNG NGÔI :** 1) Sông *Mississippi* dài 4.200km (nếu coi Missouri là sông chính, thì Mississippi có thể coi như dài 7.000km), phát nguyên từ một độ cao 480m thuộc tiểu bang Minnesota.

Các phụ lưu : ● Hữu ngạn : Missouri (4.700km), Arkansas, Red River. ● Tả ngạn : Illinois, Ohio.

2) Sông *Hudson* và *Connecticut* ở phía bắc

3) Các sông *Rio grande del North*, *Colorado*, *Columbia*.

4) Các đại hồ : vùng đại-hồ là vùng thủy-lộ quan trọng nhất của Hoa-kỳ. Hoa-kỳ có 5 đại hồ ở phía Bắc là : nửa phía nam của hồ Supérieur, hồ Huron, Erie, Ontario, Michigan.

**C— BỜ BIỂN :** 1) Bờ biển phía Đại-tây-dương : Từ biên-giới Gia-nã-đại đến tiểu-bang *North Carolina* : Bờ biển tốt, có nhiều vũng sâu, đẹp, thuận tiện cho sinh hoạt hàng hải (vũng Boston, New York, Delaware, Chesapeake) — Từ *North Carolina* đến *Mỹ-tây-cơ* : bờ biển thẳng, thấp, toàn cát.

2) Bờ biển phía Thái-bình-dương : Cao, toàn đá, có 2 vũng tốt : *Cụu-kim-sơn* ở nam và vịnh *Puget Sound* ở bắc.

### III.— KHÍ HẬU

Hoa-kỳ có ba miền khí-hậu :

1) **Phía tây** : Khí hậu Hoa-kỳ tương-ứng với vĩ-độ. Đó là : — Miền khí-hậu đại-dương ôn hòa lạnh bao trùm những miền từ biên-giới Gia-nã-đại tới *Cụu-kim-sơn*. — Miền khí hậu Địa-trung-hải trải từ *Cụu-kim-sơn* đến biên-giới *Mỹ-tây-cơ* (Nhiệt-độ trung bình ở *Los Angeles* : -| - 11° và -| - 22°) — Miền khí-hậu sa-mạc bao phủ *Arisona* và *New Mexico*.

2) **Phía Đông** : Khí-hậu đại lục, ôn-hòa, lạnh

3) **Phía Đông-Nam** : Khí-hậu nhiệt-đới, dịu.

## TIẾT II ĐỊA LÝ - NHÂN VĂN

### I.— DÂN CƯ

**A— DÂN SỐ :** Theo thống kê 1968, dân số Hoa-kỳ là 205 triệu dân, mật độ trung-bình 20/skm<sup>2</sup>.

Dân số Hoa-kỳ tăng gia rất nhanh :

Năm	1780	180	1920	1940	1952	1957	1960	1967
Dân số (triệu)	4	50	105	132	157	171	180,5	190

— Sự gia tăng nhanh chóng này là vì : — Số sinh (sinh-suất 24%) nhiều hơn số tử (tử-suất 10%) nhiều hơn số tử — Dân di-cư từ các nơi trên thế-giới đổ tới, nhất là dân Âu-châu.

**B— DÂN HOA-KỲ PHÂN PHỐI KHÔNG ĐỀU :** Vài tiểu bang miền đông-bắc, mật độ hơn 200 (Massachusetts). Những tiểu-bang miền tây (Wyoming, Nevada) mật-độ lại vào khoảng 0,3 đến 0,9 — Dân sống ở tỉnh (60%) nhiều hơn dân ở thôn quê (40%).

**C— THÀNH THỊ :** Dân thành-thị càng ngày càng nhiều và tăng-gia rất nhanh : — Từ 1920 về trước, dân thành thị chỉ là thiểu số so với dân thôn quê — Từ 1950 đến 1950, dân thành thị tăng lên tới 125 triệu. — Tại Hoa-kỳ có rất nhiều thành phố rất đông dân : — Ở miền Đông Bắc, các thành-phố lớn thường có trên một triệu dân và thường là những hải-cảng và trung-tâm kỹ-nghệ quan-trọng :

● New York (Nữu-ước) : là một thành phố đông dân nhất (8 triệu dân, kể cả ngoại ô 13 triệu), là hải-cảng lớn nhất thế-giới (tổng số hàng hóa xuất nhập cảng ở đây lên tới gần 200 triệu tấn hàng năm ; mỗi năm có tới 1 triệu hành khách tới trên 10.000 tàu lớn đi và đến) ; là một trung tâm kỹ-nghệ lớn (1 triệu thợ làm trong các xưởng lọc dầu, dệt lụa, luyện thép...), là một trung tâm quốc-tế (trụ-sở liên-hiệp quốc đặt tại Mahattan thuộc Nữu-ước).

Ngoài ra, tại khu-vực này còn có những hải-cảng Philadelphia (gần 3 triệu dân), Boston (2 triệu dân), Baltimore (1 triệu) và một thành-phố Pittsburg (2 triệu) đông dân và là những trung-tâm kỹ-nghệ quan trọng. — Tại khu-vực này còn có Washington (67.000 dân) là kinh-dô của Hợp-chúng-quốc (Hoa kỳ) — Tại miền đồng bằng trung-ương, ta cũng thấy rất nhiều thành phố quan-trọng : — Phía đông có : Chicago (5 triệu dân), Saint Louis (1 triệu rưỡi), Kansas City (1 triệu), Milwaukee (1 triệu), Minneapolis (1 triệu) là những trung-tâm thương mại, kỹ nghệ thực-phẩm ; và những thành phố luyện kim quan trọng như Duluth, Marquette (trên hồ Supérieur), Detroit (3 triệu...)

Phía Nam có những thành-phố là những trung-tâm của thị-trường bông và dâu hỏa : Houston, Memphis, Atlanta, New Orleans, Galveston, Savannah, Dallas, San Antonio, Forth Worth ; và những thành-phố kỹ nghệ như : Birmingham (than và luyện kim) Richmond, Norfolk (kỹ nghệ bông vải). Tại vùng này còn có hai trung-tâm du-lich nổi tiếng là : Miami và Palm — Beach.

● Phía Tây có một thành phố không gì quan trọng : Denver (330.000 dân). Tại miền núi và Cao-nguyên miền Tây, có hai thành-phố chuyên luyện đồng : Butte và Anaconda. Tại khu-vực Thái-Bình-Dương ta cũng thấy có nhiều thành-phố quan-trọng :

● Phía Bắc có : Seattle (500.000 dân), một thành-phố của kỹ nghệ gỗ, luyện kim và là ga cuối cùng của đường xe lửa xuyên lục-địa.

● Phía Nam có : San Francisco (2.800.000 dân) là một hải cảng quan-trọng, một trung-tâm kỹ-nghệ kim-khí, có một trung tâm tài-chánh quan-trọng nhất miền Tây ; Los Angeles (hơn 4 triệu dân) là thị-trường xuất-cảng trái cây lớn nhất thế-giới, một trung-tâm dầu hỏa, kỹ-nghệ kim khí và hóa học, có ngoại-ô Hollywood, kinh-đô của ngành điện ảnh.

#### D.— ĐẶC TÍNH CỦA DÂN HOA-KỶ : NHIỀU NÉT TRẺ, NHƯNG ĐỒNG THỜI CÓ NHIỀU DẤU HIỆU LÃO-THÀNH

1) Một dân tộc còn trẻ. Trẻ vì mật độ còn thấp : dân số Hoa-Kỳ gấp 4 lần Pháp, nhưng diện-tích lại gấp 17 lần diện-tích nước Pháp. Cho nên mật-độ trung-bình của Hoa-Kỳ vẫn còn quá thấp so với Pháp và cả thế giới nữa : 20 người trên 1 km<sup>2</sup>. Trẻ vì sự tăng-gia nhân khẩu khá nhanh : Sự di-dân ngày nay tương đối còn đáng kể (3 triệu trong 15 năm sau này), nhưng mức độ dân tăng chính là nhờ ở sự tiến bộ về y-tế khiến cho số tử giảm đi và số sinh tăng gia, làm cho dân Hoa-kỳ mỗi năm tăng chừng 3 triệu dân. Trẻ vì dân cư phân phối không đồng đều và di-động luôn luôn. Trẻ vì sự pha-trộn không hoàn-toàn của các yếu-tố nhân chủng. Trẻ vì đặc tính của dân Hoa-Kỳ là tin ở mình và ở tương lai, có óc thực-tiễn, ưa cải cách.

2) Những dấu hiệu của sự lão thành. Chủ-nghĩa cá-nhân bị đóng khung trong khuôn khổ xã-hội : Vì quá kiêu-hãnh về những thành quả đạt được, những tiện-nghỉ vật-chất đầy đủ dân Hoa-Kỳ tự cho cái gì của mình cũng « hay đẹp nhất thế giới ». Cho nên nếu giá-trị của dân-tộc Hoa-kỳ phát sinh từ những cuộc cách-mạng, từ quan-niệm chống hình thức chủ-nghĩa, thì ngày nay lại chính hình-thức chủ-nghĩa đã ngự-trị, đảm bảo cho các giá-trị này : tại xã-hội Hoa-kỳ, người ta còn thấy những tập-tục bất khả xâm-phạm, biết bao nghiệp-đoàn và các hội xuất hiện làm nghẹt thở đời sống cá nhân. Cuộc chạy đua về những đô-thị làm cho thành-thị quá đông dân



chỗ ở chật hẹp, con người mất đi nhiều nhân-tính và trở thành máy móc.

## II.— CHUNG TỘC

— Chung-tộc chính chiếm 90% dân số Hoa-kỳ là *dân da trắng*. Họ từ Âu-châu tới và hiện giữ những địa-vị quan-trọng nhất trong xã-hội Hoa-kỳ. — Ngoài dân da trắng, Hoa-kỳ còn nhiều sắc dân khác. Đó là : — *dân da đỏ* : chừng 400.000 người, sống tại những khu-vực riêng biệt tại miền Tây. — *Dân da vàng* : Chừng 200.000 người (50.000 Trung-hoa và 150.000 Nhật-bản), đa số sống ở bình-nguyên ven Thái-bình-dương và tại các đô thị lớn như Nữu-ước, Hoa-thịnh-đốn, Chicago. — *Dân da đen* : chừng 15 triệu, tập trung tại miền Nam Đại-tây-dương và vịnh Mễ-tây-cơ. Tồn-tiên họ là người nô-lệ bị người Tây-ban-nha chở từ Châu-phi sang để làm đồn điền mía và bông ở miền Nam.

## II.— TỒ-CHỨC CHÍNH-TRỊ HOA-KỲ : TỔNG THỐNG CHẾ VÀ CHẾ-ĐỘ LIÊN BANG

— Hoa-kỳ là một liên-bang gồm 50 tiểu-bang. Mỗi tiểu-bang đều có quyền tự-trị về phương diện hành-chánh : các tiểu bang đều có Thủ-đô, Quốc-hội dân cử, pháp-luật tiểu-bang, và vị Thống-đốc đứng đầu tiểu-bang do dân bầu. — Tuy được tự trị, nhưng các tiểu-bang vẫn liên-kết thành một quốc-gia, dưới quyền điều-khiển của một *chính phủ duy nhất* : *Chính phủ liên-bang* do vị Tổng thống lãnh-đạo. Vị Tổng-thống này do dân bầu trong cuộc bầu cử phổ thông và gián-tiếp, nhiệm-kỳ 4 năm. *Quyền lập-pháp* của quốc-gia trao cho *Quốc-hội liên-bang* gồm có hai viện : Thượng-nghị-viện tượng trưng cho quyền lợi của các tiểu-bang và Hạ-nghị-viện tượng trưng cho quyền-lợi thống nhất của toàn dân Hoa-kỳ. *Quyền Tư-pháp* nằm trong tay *Tối-cao Pháp-viện*. Thủ-đô của liên bang : Washington nằm trong tiểu bang Virginia.

## TIẾT III : ĐỊA-LÝ KINH-TẾ

### I.— ĐẶC-ĐIỂM VÀ CHÍNH SÁCH CỦA NỀN KINH-TẾ HOA-KỲ

#### A— CHÍNH-SÁCH KINH-TẾ HOA-KỲ : 1) Chính-sách kinh-tế Hoa-kỳ trước năm 1914 :

Trước thế chiến thứ-nhất, Hoa-kỳ đã thi-hành một *chính-sách kinh-tế tư-bản (tự-do)* với đặc điểm *trẻ-trung* và *táo-bạo*, *sử-*



dùng những tài-nguyên lớn lao vào công-việc sản-xuất : — Chính sách kinh-tế tư-bản : Chính-phủ để mặc tư-nhân kinh-doanh, hoàn toàn tôn-trọng quyền tự-do kinh-doanh, cạnh-tranh và tư hữu của tư-nhân. Chính-phủ không hề can-thiệp vào đời sống kinh-tế quốc-gia. *Nền kinh-tế trẻ trung và táo-bạo* : Các nhà tư-bản Hoa-kỳ đã áp-dụng những phương-pháp tân-kỳ trong việc sản-xuất hàng hóa — *Cơ-giới tận cùng mọi ngành hoạt-động kinh-tế* : kỹ-nghệ, nông-nghiệp, thương-mại... — *Chuyên-môn hóa nhân-công* — *Áp-dụng phương pháp hợp-lý-hóa của Taylor* : gạt bỏ cử chỉ thừa của người thợ làm việc theo lối dây chuyền, sản xuất đồng loại sản-xuất đồng loại sản-phẩm (1) — *Tập hợp các xí-nghiệp nhỏ thành những tổ-hợp trust thật lớn* (1) — *Sử-dụng những tài nguyên thật lớn lao* : Vì quá dư thừa các nguyên-liệu ngay trong nước, các xí-nghiệp đã tung tư-bản ra khai-thác các quặng mỏ, các tài-nguyên, rồi sản-xuất thật nhiều hàng hóa tràn ngập thị-trường, gây ra thảm cảnh thất nghiệp vì hàng bán không hết, xí-nghiệp phải đóng cửa.

## 2) Chính sách kinh-tế của Hoa-kỳ từ năm 1914 trở về sau :

Từ khi thế-chiến thứ nhất xảy ra, Hoa-kỳ đã thay đổi chính sách kinh-tế, không áp-dụng chính-sách kinh-tế tự-do tuyệt đối nữa, mà đã ngã về *Khuynh-hướng tân tự-do* (1) : chính-phủ đã can-thiệp vào đời sống kinh-tế để hạn-chế bớt tự-do quá trớn của tư-nhân và kìm hãm bớt thế-lực quá mạnh của các tổ-hợp lớn đối với chính-phủ là từ năm 1932, sau cuộc khủng-hoảng kinh-tế, 1929, Tổng-thống Roosevelt đã cho áp-dụng Tân chính-sách kinh-tế (New Deal) : — *Bênh vực ngành canh-nông* — *Bảo vệ các xí-nghiệp nhỏ bằng thuế thương chính*. — *Đặt các nhân-viên chính-phủ vào xí-nghiệp lớn để kiểm-soát* — *Hạn chế mức độ sản xuất*.

**B— ĐẶC-ĐIỂM CỦA NỀN KINH-TẾ HOA-KỶ : NỀN KINH-TẾ HOA-KỶ GẶP NHIỀU YẾU-TỐ THUẬN LỢI NÊN**

**PHÁT-TRIỂN RẤT NHANH VÀ RẤT PHỒN THỊNH :**

Những yếu-tố thuận lợi đó là : — Về tài-nguyên thiên nhiên : Hoa-

(1) Xin xem rõ những điểm này trong cuốn Công Dân Đệ Nhị của cùng tác giả Lê Kim Ngân.



kỳ có đầy đủ các nguyên-liệu cần thiết về nông-nghiệp cũng như về kỹ-nghệ, lại có thừa các năng-lượng như dầu hỏa, thác nước, than đá,.. — Về *tư-bản* : Hoa-kỳ có rất nhiều các nhà tư-bản sẵn sàng bỏ vốn khai thác, nên số tư-bản bỏ ra kinh-doanh tại Hoa-kỳ thừa đủ để phát-triển nền kinh-tế của nước này.

— Về *nhân công* : dân Hoa-kỳ đa số là dân «tứ-xứ» họp lại. Họ vừa có óc thực tiễn, lại có tài biến báo, chịu khó làm việc, chịu đựng được gian lao vất vả, nên họ đã góp công rất lớn trong việc làm phồn thịnh nền kinh-tế Hoa-Kỳ.

— Về *kỹ-thuật* : Chính Hoa-Kỳ đã phát-minh ra những phương-pháp tân kỳ với mục-đích làm tăng năng-xuất, mà vẫn giảm được phí tổn sản-xuất.

## II.— NÔNG-NGHIỆP

### A— VÀI NÉT ĐẠI CƯƠNG VỀ NỀN CANH-NÔNG HOA-KỲ :

1) Chính-sách nông-nghiệp của chính phủ Hoa-kỳ : kể từ năm 1932 trở đi, chính-phủ Hoa-Kỳ đã theo khuy-nh-hướng kinh-tế Tân Tự-do, nên chấp nhận đường lối can thiệp vào đời sống kinh-kế tư nhân. Để bảo vệ nông nghiệp, chính-phủ đã bảo đảm thời giá của các nông-phẩm và mua lại tất cả nông-phẩm thặng dư không tiêu thụ hết.

#### 2) Đặc tính của nông nghiệp Hoa-Kỳ :

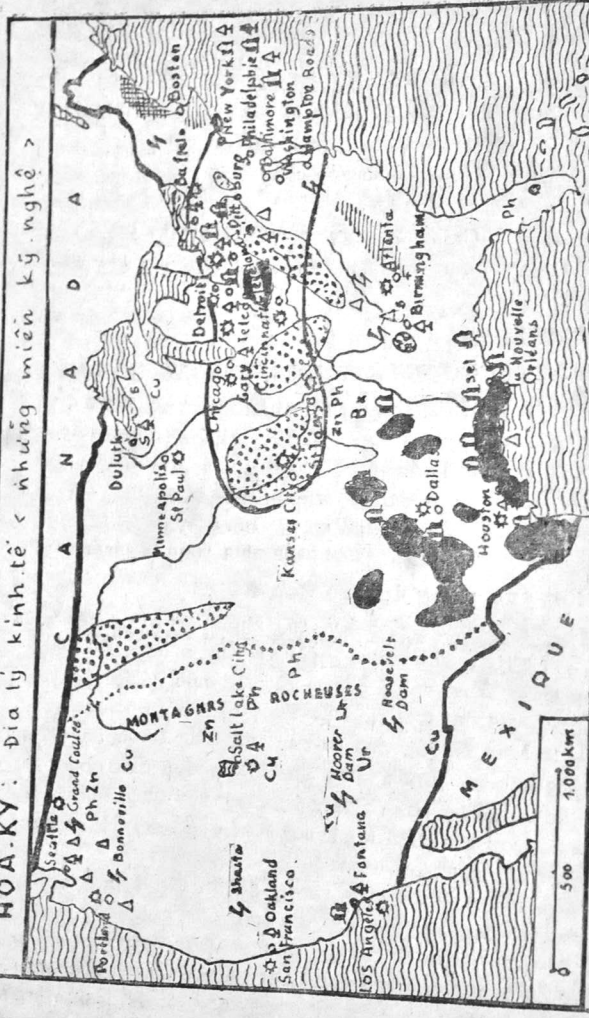
a) Yếu-tố thiên nhiên : Hoa-Kỳ có nhiều bình nguyên rất rộng lớn, đất lại rất tốt, nhiều sông ngòi rất thích hợp với nghề nông (như vùng đồng bằng trung ương) và chăn nuôi (Cao Nguyên phía Tây). Diện-tích trồng trọt tại Hoa-Kỳ rất lớn : 1.800.000km<sup>2</sup>.

b) Yếu tố tư-bản : Những nhà tư-bản đã đầu tư nhiều vốn trong ngành nông-nghiệp. Họ đã thành lập những đồn điền bao la để có thể tận dụng những phương-pháp tân-kỳ của khoa-học hiện kim : số các nông trại lớn (trên 100 hecta) và trung-bình (từ 40 đến 100 ha) nhiều hơn các nông-trại nhỏ.

c) Yếu-tố nhân công : Nhân công tương đối ít. Ngày nay nhiều nông-dân đã kéo về thành-thị làm thợ thuyền.

d) Yếu-tố kỹ-thuật : Hoa-Kỳ đã áp dụng những phương-pháp kỹ-thuật tối tân khiến cho mức sản-xuất nông-phẩm tăng gia gấp bội : Các nông-cụ được cơ-giới-hóa triệt để : ngày nay tại Hoa-Kỳ nông nghiệp sử dụng tới 4 triệu máy kéo; Hoa-Kỳ áp dụng lối *đại-nông*

HOA-KỲ: Địa lý kinh tế < những miền kỹ nghệ >



- |  |                            |  |                       |
|--|----------------------------|--|-----------------------|
|  | Thủy điện                  |  | Luyện kim             |
|  | Nhiệt điện                 |  | Monom                 |
|  | Dầu hỏa và khí thiên nhiên |  | Trung tâm kỹ nghệ lớn |
|  | Lọc dầu, nhiệt điện, và kỹ |  | Kỹ nghệ len           |
|  | Thủy điện                  |  | Kỹ nghệ bông          |
|  | Sắt                        |  |                       |

*canh.tác.* Trước thế chiến thứ nhất, Hoa kỳ áp dụng lối *canh-nông độc-chủng* đại qui-mô. Nhưng vì lối này gây nhiều tai hại : lớp đất màu mỡ phía trên bị gió và nước cuốn đi hết làm năng-xuất kém sút. Vì vậy ngày nay nông-dân Hoa-Kỳ trở lại phương-pháp cõ-truyền của Âu-Châu, áp dụng lối *luân chủng*, nuôi súc vật đi liền với trồng trọt, san mặt đất cho đều.

### B) CÁC NÔNG-SẢN CHÍNH

1) Hoa-kỳ đứng đầu thế giới về mức sản xuất (1) *Ngô* (bắp) : 100 triệu tấn (gần nửa số lượng sản-xuất của toàn thế giới) ; diện-tích trồng trọt : 38 triệu ha ; miền trồng ngô : các tiểu-bang ở phía Nam ngũ đại hồ. *Bông* : Hơn 3 triệu tấn ; khu vực trồng trọt : bình nguyên Mississippi, phía Nam ven vịnh Mễ-Tây-Cơ. *Thuốc lá* : 1 triệu tấn, trồng từ Kentucky tới Maryland. — *Trái cây* (cam, nho, táo, dưa lê... trồng nhiều ở bán-đảo Florida, bình nguyên ven vịnh Mễ-tây-cơ, ven Thái-bình-dương. — *Lúa gạo* : 3 triệu tấn, trồng ở bình-nguyên phía Nam ven Đại-tây-dương, ven Thái-bình-dương ven vịnh Mễ-tây-cơ, bán đảo Florida.

2) Hoa-kỳ đứng hàng thứ nhì về mức độ sản-xuất : — *Lúa mì* (sau Nga) : 30 triệu tấn : Các tiểu-bang phía Bắc (Dakota, Minnesota) trồng lúa mì mùa xuân ; các tiểu bang phía Nam (Kansas, Missouri, Oklahoma, Arkansas) trồng lúa mì mùa đông. Diện tích trồng trọt 28 triệu ha. — *Số bò* (sau Ấn-độ) : 100 triệu con—*Ngư nghiệp* (sau Nhật) : gần 3 triệu tấn cá, *Đường củ cải* (sau Nga) : 2 triệu tấn.

3) Hoa-kỳ đứng hàng thứ ba về mức độ sản-xuất. — *Lạc* (đậu phụng) 800.000 tấn — *Số ngựa* (5 triệu con) *Len* 207.000 tấn *Heo* : 60.000.000 con (sau Trung.hoa và Nga).

4) Hoa-kỳ đứng hàng thứ tư về mức độ sản xuất. — *Khoai tây* 12 triệu tấn — *Số cừu* 33 triệu con.

5) Hoa-kỳ đứng hàng thứ năm về việc sản-xuất : rượu nho (7 triệu hectolit) Hoa-kỳ chỉ thiếu vài loại cây thuộc miền xích-đới như cao-su, trà, tơ sống, cà-phê, cacao.

### III. — KỸ-NGHỆ

A — *VÀI NÉT ĐẠI-CƯƠNG VỀ NỀN KỸ-NGHỆ HOA-KỲ* :  
Nền kỹ-nghệ Hòa-kỳ gặp đủ các yếu-tố thuận lợi nên tiến-triển

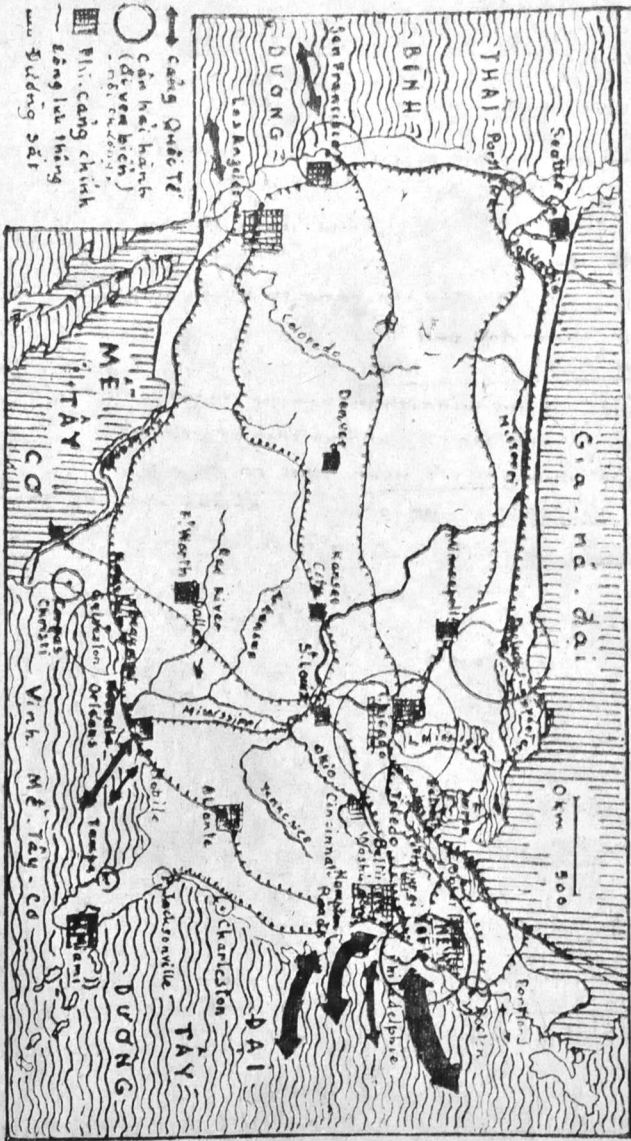
(1) Thống kê 1967

**rát nhanh, hiện đứng đầu thế-giới** : — Về tài nguyên thiên nhiên : Hoa-kỳ có một nguồn nguyên-liệu hết sức dồi dào đủ cung-ứng cho kỹ-nghệ. Hơn nữa Hoa-kỳ còn cả một nguồn năng-lượng vĩ-đại là dầu hỏa và hơi thiên-nhiên để làm vận chuyển máy móc. — Khung-cảnh thiên nhiên thích hợp với kỹ-nghệ ở Hoa-kỳ là khu vực Đông-Bắc. Vì thế ta có thể nói hầu hết kỹ-nghệ nặng và quan trọng của Hoa-kỳ đều tập-trung tại vùng này.

— Về tư bản : Hoa-kỳ là nước nhiều tư bản nhất thế-giới. Hơn nữa các nhà tư-bản lại đua nhau bỏ tiền ra đầu tư trong các ngành kỹ-nghệ. Do đấy các công-ty kỹ-nghệ lớn ở Hoa-kỳ mọc lên như nấm, thúc đẩy nền kỹ-nghệ Hoa-kỳ tiến vượt mức. Về nhân công : Từ sau thế chiến thứ nhất trở lại đây, ở Hoa-kỳ có phong-trào nông-dân bỏ nông-thôn kéo về thành-thị để làm thợ thuyền. Do đấy kỹ-nghệ Hoa-kỳ không thiếu thợ thuyền và các thợ Hoa-kỳ thường là những thợ chuyên môn, có kiến thức về nghề nghiệp. — Về kỹ-nghệ : Hoa-kỳ đã cho áp-dụng những phương-pháp thật tân-kỳ vào kỹ-nghệ như : phân công triệt-đề, cơ-khí hóa triệt-đề và tận dụng nhân lực bằng phương-pháp Hợp-lý-hóa của Taylor.

**B — CÁC KHOÁNG-SẢN VÀ NĂNG-LƯỢNG CHÍNH (1) —**  
**Dầu hỏa và khí thiên nhiên** : Hoa-kỳ sản-xuất hàng năm 375 triệu tấn dầu hỏa (1/4 mức sản-xuất của thế-giới) và 435 tỷ mét khối (m<sup>3</sup>) khí thiên nhiên. Mỏ dầu hỏa ở miền Đông-Bắc nay cũng gần hết. Hiện thời mỏ dầu hỏa hoạt động mạnh nhất ở California và các miền Nam như Texas, Illinois, Kansas, Oklahoma... Hoa-kỳ còn có cả một hệ thống dẫn dầu dài tới 250.000km đưa dầu tới các xưởng lọc dầu ở Pennsylvania, Boston, New York, Philadelphia — **Than đá** : hàng năm sản-xuất 450 triệu tấn (1/6 mức sản-xuất của thế-giới). Các mỏ than chính là : Scranton (vùng Pennsylvania), miền tây núi Appalachian, các mỏ ở Illinois, Ohio, Indiana... — **Điện-lực** : năm 1967, Hoa-kỳ sản-xuất tới hơn 1.000 tỷ Kwh (35% điện-lực thế-giới) — **Nguyên-tử-năng** : Vì nguyên-tử-năng còn quá đắt nên Hoa-kỳ không mấy chú-trọng tới việc sử-dụng năng-lượng này vào kỹ-nghệ. Hoa-kỳ có mỏ Uranium ở rặng Rocky Mountains.  
 — **Kim-khí** : — **Hoa-kỳ đứng đầu thế-giới về sự sản xuất —**  
**Quặng sắt** : 115 triệu tấn hàng năm. Các mỏ sắt ở Alabama, hồ

# HOA-KỲ : Đường giao thông



- ↔ Quốc Tế
- Cảng biển hàng (đặc biệt) (đặc biệt)
- ▣ Phố cảng chính
- Sông lưu thông
- Đường Sắt



Superior và núi miền Tây. — Quặng đồng : 1.100.000 tấn. Các mỏ ở hồ Superior, miền núi phía Tây — Chì (250.000 tấn), phốt-phát (10 triệu tấn). — Hoa-kỳ đứng hàng thứ nhì về sự sản-xuất ; — Bạc : (sau Mỹ-tây-cơ) : 1287 tấn. Bauxite : 1.600.000 tấn — Kẽm : 500.000 tấn — Potasse : 1 triệu tấn.

● Hoa-kỳ đứng hàng thứ ba về : — Thủy ngân (sau Tây-ban-nha và Nam-tư) 174 tấn — Hoa-kỳ đứng hàng thứ tư về : Vàng (sau Nam-Phi, Nga và Canada) : 75 tấn.

### C — NỀN KỸ-NGHỆ HOA-KỶ ; HCA-KỶ DẪN ĐẦU THẾ-GIỚI VỀ KỸ-NGHỆ :

1) Kỹ-nghệ luyện kim : Hàng năm Hoa-kỳ sản-xuất : gang (68 triệu tấn), thép (115 triệu tấn). Nhôm (2 triệu tấn) đồng (1.100.000 tấn), chì (250.000 tấn), kẽm (500.000 tấn) Kỹ nghệ luyện kim tập trung ở Pensylvania, Birmingham (thuộc Virginia) và hồ Superior.

2) Kỹ-nghệ cơ-khí : — Xe hỏa : hàng năm sản-xuất 2.000 đầu máy và từ 50.000 đến 100.000 toa tàu, sản-xuất tại Philadelphia, Chicago — Đóng tàu thủy : Kỹ-nghệ này tập-trung tại bờ biển Đông Bắc (Boston, New York, Baltimore) và bờ biển Thái-bình-dương (Puget Sound, Los Angeles) — Xe hơi : hàng năm sản-xuất 8 triệu xe hơi. — Kỹ-nghệ làm phi-cơ : tại miền Đông Bắc Los Angeles, Fort-Worth. — Kỹ-nghệ nông-cụ : hàng năm sản-xuất 750.000 máy kéo, máy cày.

3) Kỹ-nghệ hóa-học : sản-xuất phốt-phát, acide Sulfuaric, benzol, bột giấy, Cellulôt, biến chế cao-su... Hầu hết kỹ-nghệ hóa-học do tổ-hợp Dupont de Nemours chi phối.

4) Kỹ-nghệ dệt : — Dệt len tại vùng New England — Vải bông tại New England và miền Nam — Thành công lớn lao của kỹ-nghệ dệt Hoa-kỳ là kỹ-nghệ dệt tổng-hợp như các chất nylon, rayonne, fibrane...

5) Kỹ-nghệ điện ảnh : Trước kia tập-trung tại miền Đông-Bắc và miền Tây, nay rải rác khắp nơi. Kỹ nghệ này thu hút tới 15 triệu nhân công.

6) Kỹ-nghệ thực-phẩm ; Sản-xuất sữa hộp, trái cây đóng hộp (hoa quả, au, thịt cá đóng hộp).



#### IV. — ĐƯỜNG GIAO-THÔNG RẤT MỞ MANG VÀ THUẬN TIỆN

**A — ĐƯỜNG THỦY :** — Các sông Hudson, Mississippi và các phụ-lưu là những đường giao-thông rất thuận tiện nối liền Nam-Bắc. — Riêng trên Ngũ Đại-Hồ có một đội thương thuyền trọng tải tới 2 triệu tấn lưu thông. — Dọc bờ biển Thái-bình-dương, Đại-tây-dương, vịnh Mễ-tây-cơ sự giao-thông rất hoạt-động : hóa-phẩm miền Bắc được trao đổi với bông, gạo, trái cây ở miền Nam. Sau khi kênh Panama hoàn thành (1914) tàu thuyền đã có thể lưu thông rất thuận-tiện nối liền Thái-bình-dương với Đại-tây-dương. Hoa-kỳ có đội thương thuyền trọng tải tới 26 triệu tấn, lớn nhất thế-giới (chiếm 25% thế-giới).

— Những hải-cảng lớn của Hoa-kỳ là : New York, Philadelphia, San Francisco, Baltimore, Boston, Los Angeles, New Orleans.

**B — ĐƯỜNG SẮT :** Hoa-kỳ có 430 000km đường sắt, dài nhất thế-giới. Tuy vậy mật độ đường sắt còn thấp (5km trên 100km<sup>2</sup>) so với một số nước ở Tây-Âu. Hàng hóa chuyên chở bằng Hỏa-xe rất quan-trọng tới 45% tổng số toàn quốc.

**C — ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG :** Hoa-kỳ có tới 160.000km đường hàng không, dài nhất thế-giới. Phi-đội Hoa-kỳ chiếm tới 29% số phi cơ toàn thế-giới. — Số hành-khánh di-chuyển bằng phi-cơ ngang hàng với số đi bằng đường hỏa-xe.

**D — ĐƯỜNG BỘ :** Hoa-kỳ có 5 triệu km đường bộ với 70 triệu xe du-lịch và 13 triệu xe tiện-dụng.

#### V. — THƯƠNG MẠI

**A — NỘI-THƯƠNG :** Nền nội-thương của Hoa-kỳ thật vĩ-đại tổng số hàng hóa trao đổi trong thị-trường quốc-nội trị giá gấp 10 lần tổng số hàng hóa với ngoại-quốc.

**B — NGOẠI THƯƠNG :**

**1) Nhập-cảng :** Hoa-kỳ nhập-cảng tới 15% tổng số hàng hóa của thế-giới — Hoa-kỳ nhập-cảng những sản-phẩm không có (như : cà-phê, chè, cao-su, ca cao, tơ sống, trái cây miền nhiệt-đới và xích-đới) và những sản-phẩm sản-xuất ít (như len, đường, mía, bột gỗ, nichel, kẽm, manganise, dầu hỏa) — Hoa-kỳ thường nhập-cảng hàng hóa của Canada, Brésil, Vénézuéla và các xứ ở Trung Mỹ.

**2) Xuất cảng :** Hoa-kỳ xuất cảng tới 20% tổng số hàng hóa trên thế-giới — Hoa-kỳ thường xuất cảng các sản-phẩm như : lúa mì, trái cây, rau, thịt, thuốc lá, các sản-phẩm của dầu hỏa, máy móc, than đá. — Những nước Au-châu và Nam-mỹ là khách hàng quen thuộc của Hoa-kỳ.

**3) Cán cân mậu-dịch** của Hoa-kỳ thường nghiêng về phía xuất cảng. Sau hai cuộc thế-chiến, Âu-châu bị suy yếu, vì thế vàng tập-trung cả về Hoa-kỳ khiến số trữ-kim của Hoa-kỳ cao nhất thế-giới (2/3 tổng số vàng thế-giới vào năm 1960, 2/5 vào năm 1967).

#### GHI CHÚ :

**1) Cưng lực canh-tác** (culture intensive) : phương pháp canh tác nhằm mục đích làm cho đất đai gia tăng hiệu-năng tới mức tối đa.

**2) Đại-nông canh-tác** (culture extensive) : phương pháp canh tác với đặc điểm : hiệu-năng yếu trên những diện-tích đất đai rộng.

**3) Luân chủng hay luân canh** (assolement) : cách trồng trọt để cho đất khỏi mất sức : mỗi năm trồng một thứ cây, chừng vài năm lại quay lại trồng thứ cây đầu, cứ luân phiên như vậy mà trồng.

**4) Độc chủng hay đơn canh** (mono culture) : chỉ trồng một nông phẩm độc nhất trên một mảnh đất.

**5) Đa chủng hay đa canh** (poly culture) : hệ thống canh tác, theo đó, trong một khoảng đất thuộc cùng sở hữu-chủ, người ta trồng nhiều nông-phẩm khác nhau.

**6) Lúa mì mùa Xuân** : ở những miền có mùa Đông dài, rất lạnh, người ta gieo hạt vào mùa Xuân, gọi là lúa mì mùa xuân. Loại này mọc nhanh, nhưng năng-xuất kém.

**7) Lúa mì mùa Đông** : ở những miền mùa đông không quá lạnh, người ta gieo hạt vào cuối mùa thu sang đầu mùa đông, thì gọi là lúa mì mùa đông. Loại này mọc chậm, nhưng năng-xuất lại cao.

**8) Chăn nuôi đại thú** : (élevage extensif) : phương pháp theo đó người ta thực-hiện việc chăn nuôi trên những khu đất bao la, mà chỉ dùng rất ít nhân-công.

**9) Chăn nuôi tiểu thú** : (élevage intensif) : phương pháp chăn nuôi theo đó, súc vật được săn sóc siêng-năng, cho súc vật ăn những thứ cỏ rửa sạch sẽ, lựa chọn giống và chịu tốn phí để làm cho súc vật được sống trong những điều-kiện thật thích-nghi.

# Nước Anh

- Diện-tích : 244.000 km<sup>2</sup>
- Dân số : 54 triệu
- Thủ-đô : London (Luân-đôn).

## TIẾT I : ĐỊA-LÝ THIÊN-NHIÊN

### I.— VỊ-TRÍ VÀ DIỆN-TÍCH CỦA QUẦN-ĐẢO ANH

— Quần-đảo Anh ở Tây-Bắc Âu-châu, chạy dài từ Bắc vĩ-tuyến 50° đến 60° dài 1.110 km, gồm hai đảo chính và nhiều đảo nhỏ.

— Diện-tích tất cả các đảo gồm 313.000 km<sup>2</sup>. (Bằng 3/5 diện tích của Pháp, 1/30 diện tích Hoa-kỳ), chia ra như sau : *phía Đông* : một đảo lớn, gọi là *Great Britain* (Grande Bretagne), xung quanh có những đảo nhỏ : Shetland, Orcades, Hébrides, Man, Anglessey, Wight... tất cả là 230.000 km<sup>2</sup> — *Phía Tây* : một đảo nhỏ hơn, gọi là *Irlande* (Irlande hay Ái-nhi-lan) 83.000 km<sup>2</sup>.

### II.— HÌNH THỂ

#### A— ĐỊA-DIỆN :

1) **Đảo Graet Britain** gồm : a) *Miền Bắc* xứ *Scotland* (Ecosse hay Tô-cách-lan) với (kề từ trên xuống) : — dãy núi Northern Highlands — thung-lũng Glen More — dãy núi Grampians (núi Ben Névis cao 1343 m — đồng bằng Lowlands — miền núi Southern Uplands với các dãy núi Leadhills và Cheviots.

b) *Miền Tây và Tây-Nam* : có : — dãy núi Pennine — dãy núi cỏ Wales (Galles) và Cornwall (cornouailles) chạy gần biển.

c) *Miền Đông và Đông-Nam* : một bình nguyên rộng. Nếu kẻ từ Tây-Bắc xuống Đông-Nam, ta thấy :

— Một *đồng bằng đất sét* — dãy đồi đá vôi Coswold Hills (có quặng sắt) — một đồng bằng có cỏ tốt tươi. — Những đồi đá vôi Chitern Hills và Lincoln Hills — Phía Nam sông Thames (Tamise) có hai dãy đồi North Downs và South Downs ở giữa là thung-lũng Weald đất rất tốt.



độ cao của 200m



Miền đất aen



Than

0 100 200 km



ANH: Địa lý thiên nhiên

A. B.

**2) Đảo Ireland** : — Địa điểm Ireland gần đi : ở giữa là một bình-nguyên thấp, phía Bắc có rừng núi Donagal (đỉnh Errigal cao 750 m), phía Nam có rừng Kerry (đỉnh Carrantuo Hills cao 1.140 m) và rừng Wicklow. — Miền Đông-Bắc đảo Ireland là xứ Ulster thuộc Liên-quốc Anh (14.000 km<sup>2</sup>, 1.300.000 dân), phần còn lại là quốc-gia độc-lập Ái-nhĩ-lan (69.000 km<sup>2</sup>, 3 triệu dân).

**B— SÔNG NGÔI** : — Các sông ngòi ở Anh đều ngắn, nhưng nhiều nước, đổ dốc ít, điệu nước đều, lưu thông dễ, nối với nhau bằng hệ thống kênh đào.

— Những sông chính :

● Ở đảo *Great Britain* :

— Miền *Sotland* có hai sông *Clyde* và *Forth* chạy ngược chiều — Sông *Humber* (do hai sông *Ouse* và *Trent* hợp lại). — Sông *Thames* (*Tamise*) dài 343 km chảy qua Luân-đôn. — Sông *Avon* chảy ra bề *Manche* — Sông *Severn* chảy ra bề bằng cửa *Bristol* rộng lớn. — Sông *Mersey*.

● Tại đảo *Ireland* có sông *Shannon* dài 264 km chảy ra Đại-Tây-dương.

### III.— KHÍ-HẬU :

Khí-hậu quần-đảo Anh thuộc loại : khí hậu đại-dương điển-hình — Nhiệt-độ đều ở khắp nơi ; giữa tháng lạnh nhất và nóng nhất, sự sai biệt nhiệt-độ không đáng kể. — Sự ẩm thấp thường xuyên, cũng như những luồng gió dữ dội, nhất là ở miền Bắc, làm cho khí-hậu Anh-quốc rất khó chịu. — Trừ vài khu-vực ở phía Đông, khí hậu ở Anh không thuận-lợi cho nông-nghiệp (nửa phần trên phía Bắc của Anh-quốc, cây không mọc được ở độ cao 100m), ở những miền đất thấp, cỏ mọc tốt tươi thích hợp cho nghề chăn nuôi.

## TIẾT II : ĐỊA-LÝ NHÂN VĂN

### I.— DÂN CƯ

**A— DÂN SỐ** : Anh có 54 triệu dân (năm 1967), mật độ trung-bình 220 người trên 1 km<sup>2</sup>.

Dân Anh tăng khá nhanh : Thế-kỷ XVIII : 8 triệu, Thế kỷ XIX : 22 triệu (không kể 10 triệu di-cư khỏi Anh-quốc trong thế-kỷ này.

Năm 1957 : 51 triệu, năm 1960 hơn 52 triệu, năm 1967 hơn 54 triệu.

— Sinh-suất (180/0) hơn tử-suất (110/0) là 70/0.

**B — SỰ PHÂN PHỐI DÂN CƯ : KHÔNG ĐỀU :** Các miền núi (xứ Scotland, dãy Pennine, xứ Wales (Galles) rất ít dân (mật-độ : 4 đến 10) — Những miền kỹ-nghệ mật-độ lại rất cao, chẳng hạn Lancashire (mật-độ 1.042), London (mật-độ 15.000) 85/0 dân Anh sống tại các thành-thị. Đó là tỷ-số lớn nhất thế-giới về số dân cư ngụ ở các thành-phố.

**C — THÀNH-THỊ :** Anh có 3 thành-phố lớn trên một triệu dân là : Luân-đôn : hơn 8 triệu dân, nếu kể cả ngoại-ô. Luân-đôn là thành-phố đông dân đứng hàng thứ ba trên thế-giới sau New York, Đông-kinh, là một thương-cảng và kinh-đô của liên-quốc Anh — Birmingham : có 1.100.000 dân. Birmingham là thành-phố kỹ-nghệ chuyên luyện thép ở miền Tây-Bắc Anh-quốc — Glasgow : gần 1.100.000 dân, ở dọc cửa sông Clyde, là một thương-cảng lớn, một trung-tâm sản-xuất bông vải, một thành-phố có kỹ-nghệ luyện kim, kỹ-nghệ hóa-học và kỹ-nghệ đóng tàu.

— Ngoài ra Anh còn có 57 thành-phố trên 100.000 dân, trong đó ta có thể kể tới những thành-phố quan-trọng như : *Liverpool* (790.000), *Manchester* (702.000), *Sheffield* (508.000), *Leeds* (505.000), *Edimburg* (471.000), *Bristol* (440.000).

## II. CHỨNG TỘC

— Dân Anh là con cháu của các giống Celtes, Anglo-Saxons và Pháp pha trộn nhau hợp thành. — Dân Anh có thân hình khoẻ mạnh, ít nói, điềm đạm, thích kinh-doanh ở những nơi xa, ưa hoạt động, yêu tự-do và đầy nghị-lực.

## III. — TỔ-CHỨC CHÍNH-TRỊ

Từ 1921, trở về trước (1801), toàn thể quần-đảo Anh là một quốc-gia do một Anh-hoàng trị vì. Tới 1921, xứ Ái-nhĩ-lan trở thành một quốc-gia độc-lập, nên quần-đảo Anh từ đó chia làm 2 quốc-gia : Liên-quốc Anh và Bắc Ái-nhĩ-lan, với quốc-gia Ái-nhĩ-lan.

**A — LIÊN-QUỐC ANH VÀ BẮC ÁI-NHĨ-LAN :** — Liên-quốc Anh và Bắc Ái-nhĩ-lan (gọi tắt là Liên-quốc Anh) theo chính-thê Đại-nghị (hay còn gọi Nội-các-chế), trong đó :

— *Vua Anh* ở ngôi, chỉ là tượng trưng cho quốc-gia Anh, giữ hư vị. — Quyền cai-trị thuộc về một *co.quan Hành-pháp* gồm có một Thủ-tướng và các Tổng-trưởng, Bộ-trưởng, Thủ-tướng do vua



bổ-nhiệm vị lãnh-tự của đảng chiếm đa số tại Hạ nghị-viện — *Quyền lập pháp* thuộc Quốc-hội gồm có hai Viện là : Quý-tộc-viện (Thuởng nghị-viện) và Thử-dân-viện (Hạ-nghị-viện).

### TIẾT III : ĐỊA-LÝ KINH-TẾ

#### I. — VÀI NÉT ĐẠI-CƯƠNG VỀ NỀN KINH-TẾ ANH

**A — CHÍNH-SÁCH KINH-TẾ CỦA ANH : 1) Trước 1914 :** Chính-sách kinh-tế tự-do : Trước 1914, Anh-Quốc theo chế-độ kinh-tế tự-bản : Chính-phủ không can-thiệp vào đời sống kinh-tế quốc-gia, mà đề mặc cho tư-nhân được tự-do hoạt-động kinh-tế.

**2) Từ sau thế chiến thứ nhất :** **khuyh-hướng tân tự-do :** Khi thế chiến thứ nhất kết thúc, kinh-tế Anh gặp nhiều khó-khăn. Vì vậy chính-phủ Anh phải bỏ chính-sách kinh-tế tự-do tuyệt đối mà ngã theo khuyh-hướng Tân Tự-do : Vẫn đề tư-nhân tự-do hoạt-động kinh-tế, nhưng nếu thấy cần, chính-phủ sẽ can-thiệp vào các hoạt-động kinh-tế này (như kiểm-soát sự mậu-dịch quốc-tế, kiểm-soát sự sản-xuất ..) để kìm chế bớt những tự-do quá trớn của tư-nhân có thể làm hại tới ích-lợi chung.






**B — ĐẶC ĐIỂM CỦA NỀN KINH-LỄ ANH :** — Vì đất đai xấu, khí-hậu không thuận-lợi, nên nông-nghiệp Anh khí-hậu không thuận-lợi, nên nông-nghiệp Anh khó phát-triển. — Trái lại, Anh là nước có nhiều than đá, sắt và hơn nữa, các thuộc-địa của Anh lại gồm đủ cả các nguyên-liệu cần thiết cho kỹ-nghệ, nên kỹ-nghệ Anh có đủ các yếu-tố phát-triển rất nhanh.

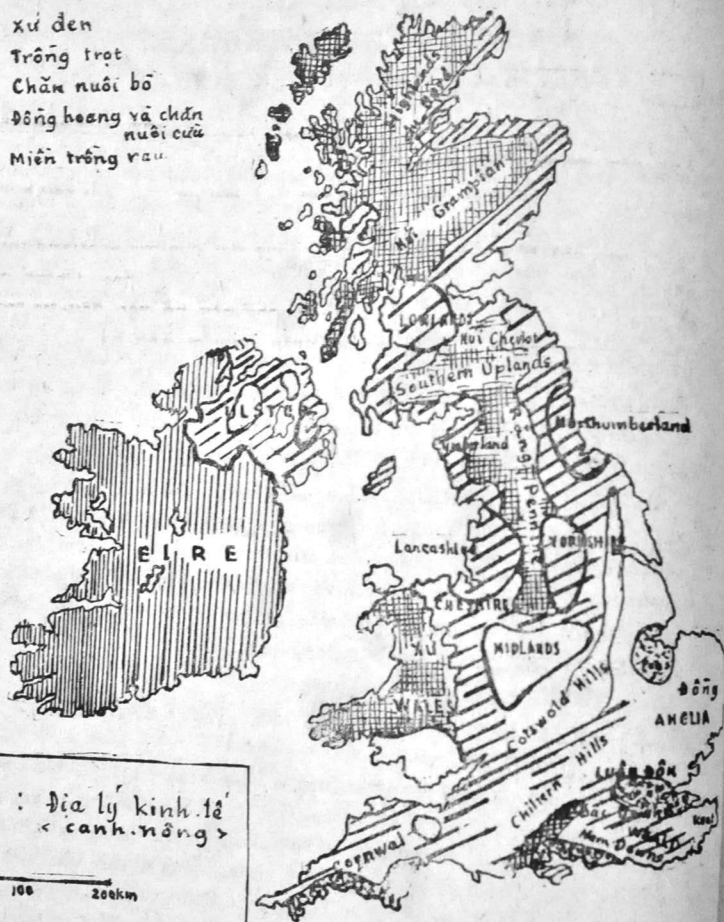
#### II. — NÔNG-NGHIỆP

##### A — VÀI NÉT ĐẠI-CƯƠNG VỀ NỀN CANH-NÔNG CỦA ANH-QUỐC :

**1) Chính-sách canh-nông 1 :** — Trước 1914, Anh áp-dụng chính sách tự-do mậu-dịch quốc-tế : để cho các nông-phẩm ngoại-quốc được tự-do nhập-cảng Anh. Nông-phẩm Anh, vì điều kiện đất đai và khí-hậu không thuận-lợi không cạnh-tranh nổi với nông-phẩm ngoại-quốc, nên không bán được hoặc phải bán rẻ ngay tại thị-trường quốc nội. Vì đó nông-nghiệp Anh sút kém rất nhiều so với kỹ-nghệ. Do đấy Anh-Quốc chỉ sản-xuất được có 1/4 thực-phẩm cần thiết, còn 3/4 phải nhập-cảng của ngoại-quốc.

— Sau hai cuộc thế-chiến, Anh bãi bỏ chế-độ tự-do mậu-dịch, đánh thuế nặng các nông-phẩm ngoại-quốc để bảo-vệ các

-  Xứ đen
-  Trồng trọt
-  Chăn nuôi bò
-  Đồng hoang và chăn nuôi cừu
-  Miền trồng rau



ANH : Địa lý kinh tế  
< canh. nông >

nông-phẩm trong nước và thực hiện những biện-pháp nâng đỡ giới nông-dân như chính-phủ đứng ra khãn hoang các miền đồng cỏ và đồng lầy, khuyến khích việc áp-dụng cơ-khí vào nông-nghiệp... Nhờ đó nông-nghiệp đã khởi sắc và nâng mức độ sản-xuất lên cao. Hiện nông-nhiệp đã có thể làm thỏa-mãn 3/4 nhu-cầu của cả nước.

**2) Đặc điểm của canh-nông Anh-quốc :** Canh-nông Anh gặp nhiều điều kiện bất thuận-lợi trong việc sản-xuất :

— Yếu-tố thiên nhiên : đất đai xấu, khí-hậu lại gặt gao khiến cho nông-nghiệp Anh khó hoạt-động. Yếu-tố tư-bản : Canh-nông Anh theo chế-độ đại điền-sản : 3/4 ruộng đất của xứ Scotland<sup>2</sup> thuộc 580 đại-điền-chủ ; 1/4 xứ Anh thuộc về 174 nhà tư-bản. Chính nhờ số vốn lớn lao của các nhà đại địa-chủ này bỏ vào đầu-tư trong nông-nghiệp mà việc canh-tác và chăn nuôi ở Anh đã có thể áp-dụng những phương-pháp khoa-học ngõ hầu nâng cao năng-suất.

— Yếu-tố nhân-công : Từ cuối thế-kỷ XVIII, nông-dân thường kéo nhau ra tỉnh làm thợ. Do đấy nông-nghiệp thường-xuyên thiếu nhân-công — Yếu-tố kỹ-thuật : Trước kia (1914 trở về trước), Anh vẫn chỉ áp-dụng phương-pháp canh-tác cò-truyền như tất cả các quốc-gia Âu-châu thời đó : luân chủng, nuôi súc vật đi liền với trồng trọt.

Ngày nay Anh áp-dụng phương-pháp này, nhưng tích-cực cơ-khi-hóa cho nông-nghiệp hơn. Chính vì thế năng-suất của Anh lớn nhất ở Âu-châu : 26 tạ lúa mì trên một mẫu đất.

## B— CÁC NÔNG-PHẨM CHÍNH (năm 1967)

**1) Lúa mì** : sản-xuất được 3 triệu tạ. Khu vực trồng trọt : bình-nguyên Luân-đôn.

**2) Lúa mạch** : sản-xuất 21 triệu tạ. Khu vực trồng trọt : miền đất khô ở phía đông Norfoth.

**3) Lúa kiều mạch** : sản-xuất 30 triệu tạ... Khu-vực trồng trọt phía Tây vùng gần bờ biển.

**4) Khoai tây** : sản-xuất 80 triệu tạ. Khu-vực trồng trọt : ở Scotland, xứ Wales, Cornwl và Ái-nhi-lan.

**5) Củ cải đường** : mới bắt đầu trồng từ năm 1920, chưa đủ cung-cấp cho nhu-cầu trong xứ, khu-vực trồng trọt : bình-nguyên Fen.

6) **Loại cây kỹ-nghệ** : Miền Ulster trồng nhiều gai và miền Kent trồng cây houblon (chế-tạo «la-ve»).

7) **Chăn nuôi** : Anh nuôi nhiều *Cừu* : 30 triệu con. *Bò* : 12 triệu con, *Lợn* : 7 triệu con.

8) **Nông-nghiệp** : Ngư-nghiệp ở Anh rất phát-triển và phồn-thịnh. — Mỗi năm đánh được hơn 1 triệu tấn cá — Vùng Bắc-hải và biển Ái-nhĩ-lan rất nhiều cá. — Hơn 100.000 người và 1.700 chiếc tàu hoạt-động trong ngành ngư-nghiệp. — Anh có những ngư-cảng lớn như Grimsby, Yarmouth, Aberdeen.

### III. — KỸ-NGHỆ

#### A— VÀI NÉT ĐẠI-CƯƠNG VỀ KỸ-NGHỆ ANH-QUỐC :

1) **Chính-sách của Anh về kỹ-nghệ** : Chính-phủ Anh hết sức nâng đỡ kỹ-nghệ. Trước năm 1914, Anh theo chính-sách tự-do mậu-dịch quốc-tế, không đánh thuế nhập-cảng các nguyên-liệu. Biện-pháp này có lợi cho giới kỹ-nghệ-gia vì họ mua được các nguyên-liệu cần thiết cho kỹ-nghệ với giá rẻ, mà hàng Anh lại có thể bán ra ngoại-quốc với giá đắt. Đến khi Anh bỏ chính-sách tự-do mậu-dịch quốc-tế, kỹ-nghệ Anh vẫn không vì thế mà suy-giảm vì chính-sách thuế khóa của chính-phủ Anh đánh vào các hàng hóa nhập-cảng vẫn thường cố tình nâng ngành kỹ-nghệ.

2) **Đặc-điểm của kỹ-nghệ Anh-quốc** : *Yếu-tố thiên-nhiên* : Anh là nước có rất nhiều than. Các mỏ than của Anh có thể cung-cấp tới 130 tỷ tấn (20% than đá của thế-giới) và đủ dùng cho kỹ-nghệ tới 600 năm nữa. Các mỏ than lại dễ khai-thác và rải rác khắp trong nước, nên phí-tồn chuyên chở tới các thành-thành-phố kỹ-nghệ không tốn bao nhiêu. Chính vì có nguồn nhiên liệu vĩ-đại và cần thiết cho nền kỹ-nghệ này mà nền kỹ-nghệ Anh đã phát-triển rất nhanh vào bậc nhất hoàn-cầu trong thế-kỷ XIX. Tuy nhiên Anh có ít dầu hỏa và không có máy thác lớn để sản-xuất thủy điện. Từ thế-kỷ XX, dầu hỏa là nguồn năng-lượng tiện lợi và rẻ hơn than, mới được khám phá sau này. Nhưng Anh-quốc lại có rất ít giếng dầu, và sông của Anh vừa ngắn, điệu nước đều nên không có máy thác nước để có thể thiết-lập các nhà máy thủy điện. Do đấy kỹ-nghệ Anh không còn chiếm ưu thế về năng-lượng nữa và mất luôn địa vị bá chủ trên thế-giới. *Những mỏ kim loại của Anh cũng ít, không đủ cung ứng cho nhu-cầu kỹ-nghệ trong xứ.* *Yếu-tố tư-bản* : Anh là một nước tập trung tài-

chính ở Âu-châu. Các nhà tư-bản trong khối Liên-hiệp Anh cũng như tại Âu-châu thường gọi tiền ở các ngân-hàng Anh. Trong thời chiến, các nhà tư-bản Anh cũng tiết-kiệm vốn, đến thời bình, họ tung những số vốn khổng-lồ vào đầu tư trong các xí-nghiệp. Do đó kỹ-nghệ Anh được hưởng những số vốn đầu tư thực lớn lao để có thể trang bị những máy móc tối tân và phát-triển thêm nhiều nhà máy tân-lập. — *Yếu-tố nhân công* : 85% dân Anh sống tại các thành thị. Con số này chứng tỏ dân Anh đổ xô từ thôn quê lên vì sự thu hút của kỹ-nghệ. Do vậy ta có thể nói rằng : ngành kỹ-nghệ Anh không thiếu thợ thuyền. *Yếu-tố kỹ-thuật* : Các kỹ-nghệ gia Anh có óc *bảo-thủ*, trung thành với phương-pháp cổ truyền, tin ở truyền thống tốt đẹp trong ngành kỹ-nghệ nên không chịu canh-tân phương-pháp làm việc, không chịu sử-dụng những máy mới dùng dầu hỏa và hơi điện. Vì đó ngay từ trước 1914, Hoa-kỳ và Đức đã tụt hần Anh, ngày nay Nhật lại cạnh tranh rất quyết-liệt với các sản-phẩm kỹ-nghệ của Anh.

## B— CÁC KHOÁNG SẢN VÀ NĂNG LƯỢNG CHÍNH (Năm 1967)

1) **Than đá** : sản-xuất gần 200 triệu tấn (đứng hàng thứ ba sau Hoa-kỳ và Nga). Các mỏ than ở rặng núi Penine sản-xuất nhiều than đá nhất. Đó là các mỏ : Cumberland, Northumberland, Lancashire, Yorkshire và Staffordshire.

2) **Dầu hỏa** : Tại nước Anh, số lượng sản-xuất dầu hỏa không đáng kể. Nhưng Anh có rất nhiều vốn tại các công-ty dầu hỏa ngoại-quốc và một đội thương thuyền chở dầu rất lớn, nên Anh đã chiếm một địa vị rất quan-trọng trong việc sản-xuất và mậu-dịch dầu hỏa. Hai công-ty dầu hỏa lớn của Anh là : *Royal Dutch Shell* và *British Petroleum*. Hàng năm Anh lọc tới 55 triệu tấn dầu.

3) **Điện-lực** : 175 tỷ kwh (hàng thứ ba thế-giới sau Hoa-kỳ và Nga).

4) **Năng-lượng nguyên-tử** : Anh đang nỗ lực phát triển và khảo-cứu ngành nguyên-tử lực. Ngoài trung-tâm nghiên-cứu nguyên-tử *Harwell* (gần Reading), Anh còn nhiều trung-tâm nghiên-cứu khác, đặc biệt là trung-tâm *Calder Hall*, trong vùng Cumberland ngày nay được coi là một trung-tâm vĩ-đại, và các trung-tâm *Anglesey*, *Berkeley*. Điện lực do nguyên-tử năng sản-xuất tại Anh nay chiếm hàng đầu thế-giới (6,5 tỷ kwh, nửa số sản-xuất của thế-giới).

NƯỚC ANH :

địa lý kinh tế (kỹ nghệ)

-  Kỹ nghệ dệt
-  Giới hạn xứ đen
-  Quảng sắt
-  Thép
-  Luyện đồng
-  Luyện nhôm
-  Kỹ nghệ cơ khí
-  Kỹ nghệ đóng tàu
-  Kỹ nghệ hoá học
-  Lạc dầu
-  Trung tâm nguyên tử
-  Thủy điện
-  Cao su
-  Đánh cá





5) **Sắt** : Năm 1955, Anh chỉ sản-xuất được chừng 15 triệu tấn quặng sắt. Các mỏ sắt thường ở gần những mỏ than, chạy từ Middlesborough tới Gloucester.

5) **Đồng, chì, thiếc** và các kim-khí khác sản-xuất không quau trọng mấy. Anh phải nhập-cảng các kim-loại này.

### C — NỀN KỸ-NGHỆ CỦA ANH (Năm 1967) :

1) **Kỹ-nghệ luyện kim** : Luyện thép — Tuy ít mỏ sắt, nhưng Anh cũng mua quặng sắt của các nước khác (Pháp chẳng hạn), rồi đưa về Anh tôi luyện. — Anh sản-xuất 27 triệu tấn thép (năm 1964) đứng hàng thứ 5 trên thế-giới. — Các lò luyện thép quan-trọng của Anh đặt dọc theo sông Clyde, dọc dãy Penine, tại Luân-đôn.

2) **Kỹ-nghệ cơ khí** : — Anh đứng đầu thế-giới về kỹ-nghệ đóng tàu : hàng năm Anh đóng được 1/2 số tàu trên thế-giới. Hàng năm Anh hạ thủy được 1 triệu tấn trọng tải. — Anh đứng hàng thứ nhì về kỹ-nghệ xe hơi (sau Hoa-kỳ) : năm 1967 Anh sản-xuất gần 2 triệu xe hơi. Các xưởng xe hơi tập trung tại miền Midlands. — Anh đứng hàng thứ ba về kỹ-nghệ chế-tạo đầu máy xe lửa : có các xưởng tại Glasgow, Manchester. — Kỹ-nghệ phi-cơ. — Kỹ-nghệ máy móc (nông-cụ), máy điện, máy điện-tử, máy dùng trong việc nội-trợ, máy dệt..

### 3) Kỹ-nghệ dệt :

— Vào thế-kỷ XIX, kỹ-ngệ dệt là kỹ-nghệ căn-bản ở Anh. Nay kỹ-nghệ này gặp nhiều khó khăn, chỉ sử dụng tới 80% số nhân công và dự phần rất nhỏ vào nền thương-mại Anh (9%) :

— Kỹ-nghệ dệt gồm có : Dệt bông tập trung tại miền Lancashire Dệt len tại Bradford, Leeds, Dệt đay và gai tại Dundee, Belfast, Dệt lụa tại Lancashire, Derby và Dệt tơ nhân tạo.

4) **Kỹ-nghệ hóa học** : Anh sản-xuất thuốc nhuộm, dược-phẩm, tơ nhân-tạo, sơn, sà-phòng... kỹ-nghệ hóa học đứng hàng thứ ba trên thế-giới sau Hoa-kỳ và Nga-sô.

## IV. — GIAO-THÔNG

A — **ĐƯỜNG THỦY** : — Hệ thống thủy-lộ khá đầy đủ, gồm nhiều kênh đào nối liền các sông, đáng kể có kênh đào ở Manchester — Đường ven biển (cận hải hành) rất hoạt-động.

**B— ĐƯỜNG SẮT** : dài 38.000 km, trung-bình cứ 100 km<sup>2</sup> có 13 km đường sắt. Hệ thống thiết lộ của Anh xen kẽ vào hàng thứ nhì thế-giới sau Bỉ (32 km trên 100 km<sup>2</sup>).

**C— ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG** : Anh đứng hàng thứ nhì thế-giới về đường bay hàng-không, sau Hoa-kỳ. Nhưng Anh không có nhiều đường bay bằng Pháp.

**D— ĐƯỜNG BỘ** : đường bộ Anh rất xen kẽ, dài chừng gần 300.000 km. Phần lớn đường của Anh đều ngoằn ngoèo, chạy theo ranh-giới các trại ấp, và lại hẹp. Ngày nay Anh đã cho làm nhiều xa lộ quan-trọng. Anh có chừng 7 triệu xe chạy trong nước, trung-bình cứ 7 người dân có 1 xe hơi.

## V.— THƯƠNG-MẠI

**A— NỘI THƯƠNG** : Nhờ hệ thống giao-thông đầy đủ, nội thương của Anh rất phát đạt và phồn thịnh.

**B— NGOẠI THƯƠNG** : Ngoại thương Anh đứng thứ nhì sau Hoa-kỳ.

1) **Nhập-cảng** : Vào năm 1967, Anh thường nhập-cảng những loại hàng sau : Thực-phẩm (thịt, bơ, lúa mì) 38%. Nguyên-liệu và nguồn năng-lượng 46%. Chế tạo phẩm (bột giấy, các đồ dùng bằng kim-loại ngoài đồ sắt) : 16%.

2) **Xuất-cảng** : Anh thường xuất-cảng : Chế-tạo phẩm (các loại máy, sản-phẩm hóa học, vải vóc...) 92%. Than : chừng 50%, Trị giá hàng xuất-cảng của Anh bằng 120% và hàng nhập cảng của Anh bằng 100% của cả thế-giới.

Anh giao dịch thương mại với các nước trong vùng bằng Anh : số hàng trao đổi trong các nước thuộc khối Liên-hiệp Anh lên tới 52% tổng số hàng hóa thuộc ngoại thương của Anh.



## Nước Pháp

- Diện-tích : 551.000 km<sup>2</sup>
- Dân số : gần 49 triệu (năm 1965).
- Thủ-đô : Paris

### TIẾT I : ĐỊA-LÝ THIÊN NHIÊN

#### I.— VỊ-TRÍ, DIỆN TÍCH

— Nước Pháp ở Tây-Âu, giữa Bắc vĩ-tuyến 42° và 51°, cách đầu Bắc-cực và đường xích-đạo, thuộc hẳn miền ôn-đới. — Diện-tích chính xác của Pháp là 551.208 km<sup>2</sup> (bảng 1/18 Âu-châu). Biên-giới của Pháp dài 5.200 km trong đó có 3.100 km bờ biển. — Hình dáng nước Pháp tựa như một hình bát giác đều.

#### II.— HÌNH THỂ

**A— ĐỊA DIỆN :** Ta có thể chia nước Pháp làm hai miền : Miền Đông Nam, cao và hiểm trở, có nhiều cao-nguyên và rặng núi lớn. Và miền Tây Bắc, thấp, có nhiều đồng bằng cao-nguyên thấp.

##### 1) Núi và cao-nguyên ở Pháp :

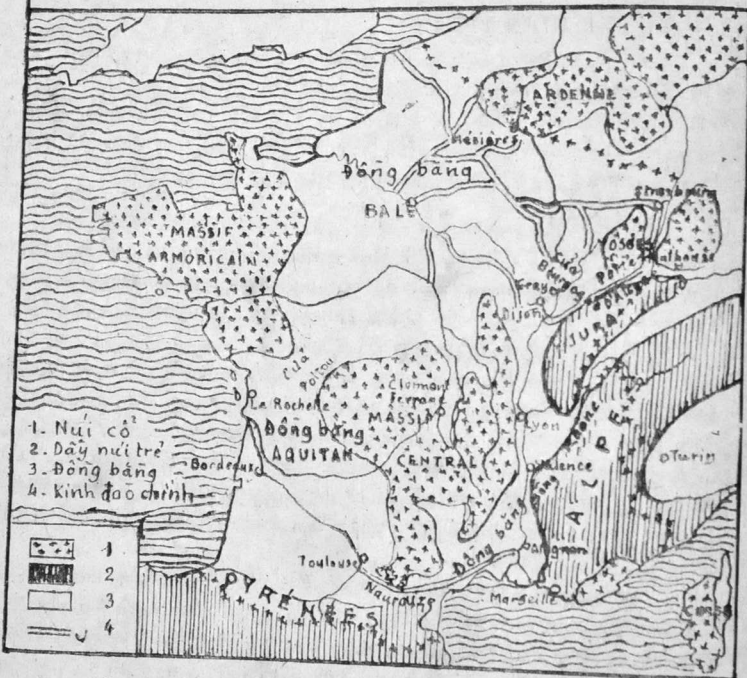
a) *Núi cổ* : Pháp có những dãy núi cổ mọc từ đệ nhất nguyên đại là : *Massif Central* : chiếm một diện tích 85.000 km<sup>2</sup>, bằng 1/7 diện tích nước Pháp, dài 300 km, ở ngay trung-tâm của Pháp. — *Dãy Armoricain* : ở phía Tây, thuộc bán đảo Bretagne. — *Dãy Ardenne* : ở phía Bắc, có thể coi là một cao-nguyên (460 đến 500 m). — *Dãy Vosges* : ở phía Đông, ngăn hai miền Alsace (phía Đông) và Lorraine (phía Tây).

b) *Núi trẻ* : *Dãy Alpes* : chạy dài từ Địa-trung-hải tới hồ Genève, là biên-giới ngăn cách Pháp và Ý. — *Dãy Jura* : ở phía Bắc dãy Alpes, dài 250 km giữa Pháp và Thụy-sĩ. — *Dãy Pyrénées* : chạy dài theo biên-giới Pháp — Tây-ban-nha.

2) **Đồng bằng** : *Đồng bằng Ba-lê* (Bassin Parisien) : rộng chừng 150.000 km<sup>2</sup>, hơn 1/4 nước Pháp. *Đồng bằng miền Bắc* (Plaine du Nord) : chạy từ dãy Ardenne tới Bắc-Hải, giáp với đồng bằng Ba-lê bằng đồi Artois. *Đồng bằng Aquitain* (Bassin Aquitain) : ở phía

Tây nhỏ bằng nửa đồng bằng Ba-lê. Đồng bằng dọc sông Rhône (Sillon Rhodanien) : chạy dài từ giữa dãy Massif Central và dãy Alpes. Đồng bằng Alsace : nằm giữa dãy Vosges và sông Rhin. Nhìn tổng quát, ta thấy các đồng bằng của Pháp hợp thành ba hệ thống lớn : Đồng bằng Ba-lê, đồng bằng A-qui-tanh và đồng bằng sông Rôn. Ba đồng bằng này bị dãy Massif Central ngăn cách. Chúng giao thông với nhau dễ dàng bởi các «cửa» (seuils) : Poitou, Naurouze và Bourgogne (xem bản đồ).




PHÁP : Địa lý thiên nhiên <Số 1>



**B— SÔNG NGÒI :** Các sông ngòi của Pháp đều dài và có lưu thông trung bình : Sông Seine : dài 776 km, chạy qua đồng bằng Ba-lê, qua thủ-đô Ba-lê, ra biển bằng hai hải cảng Rouen và Le Havre. Sông Loire : dài 1.012 km, Sông Garonne dài 722 km, Sông Rhône : dài 812 km, chỉ có 522 km chảy trên đất Pháp. Và các sông chỉ chảy một phần trên đất Pháp là : sông Rhin, Moselle, Meuse...

PHÁP : Địa lý thiên nhiên < số 2 >



-  Núi cô
-  Rặng núi để tam nguyên đại
-  Biên giới

0 100 200 km



**C— BỜ BIỂN** : Pháp có 3.100 km bờ biển, gồm : — 1.000 km hướng ra Bắc-Hải và bờ Manche, — hơn 1.400 km hướng ra Đại-tây-dương, — 600 km hướng Địa-trung-hải.

**2) Bờ biển hướng Bắc-Hải và bờ Manche** : có thể chia làm hai Đoạn từ biên-giới Bỉ đến bán đảo Cotentin khi thì thấp, khi thì là những vách đá. Trong đoạn này có những hải-cảng quan-trọng là : Dunkergue, Calais, Dieppe, Le Havre — Đoạn thuộc miền núi Armorica : rất khúc khuỷu.

**2) Bờ biển hướng ra Đại-tây-dương** : chia làm 3 đoạn : Từ cửa sông Loire đến cửa sông Gironde : bờ biển là một đường cong lồi, thấp và nhiều bùn lầy. Từ cửa sông Gironde tới dãy Pyrénées : bờ biển thẳng, thấp, có nhiều cồn cát trồng thông. Bờ biển thuộc dãy Pyrénées : cao, toàn đá, nhiều sóng gió.

**3) Bờ biển hướng ra Địa-trung-hải** : chia làm 4 đoạn : Đoạn thuộc dãy Pyrénées : bờ biển lồi lõm toàn đá. Đoạn thuộc miền Languedoc : thấp toàn cát. Đoạn thuộc miền Camargue : nhiều sinh lầy. Đoạn thuộc miền Provence : cao lồi lõm đẹp.

### III.— KHÍ HẬU

Pháp ở giữa miền ôn đới và lại có 3 mặt giáp biển, nên khí hậu ôn-hòa.

## TIẾT II : ĐỊA-LÝ NHÂN VĂN

### I.— DÂN-CƯ

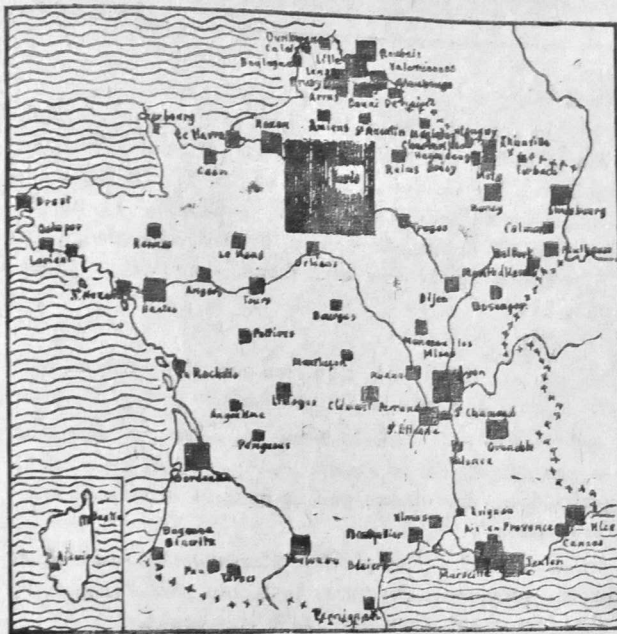
**A— DÂN SỐ** : — Năm 1965, dân-số của Pháp là gần 49 triệu. Mật độ trung-bình : 484/1m<sup>2</sup> — Sau đại chiến thứ nhì, sinh suất 21,50/o, tử-suất giảm xuống 120/o, nên dân Pháp mỗi năm tăng gia chừng 300.000 người.

**B— SỰ PHÂN-PHỐI DÂN Ở PHÁP KHÔNG ĐỀU** : — Trước kia 3/4 dân sống ở thôn-quê, nay chỉ còn 1/2 ; đa số dân quê đã ra sinh sống tại thành thị. — Những trung-tâm kỹ-nghệ lớn đã thu hút rất nhiều dân : 15 triệu dân sống tại những trung-tâm này, trong đó có thủ-đô Paris là đáng kể nhất.

**C— VỀ TUỔI TÁC, DÂN PHÁP LÀ DÂN TRUNG-NIÊN** : Dân từ 20 đến 64 tuổi chiếm quá nửa dân số :

Tuổi	năm 1901	năm 1936	1965
Dưới 20	34,60/o	30,20/o	33,90/o
Từ 20 đến 64	57,20/o	59,90/o	54,10/o
65 trở lên	8,20/o	9,90/o	12,0/o





**PHÁP :**  
 Di dân nhân văn  
 < dân số > thành thị  
 1 mm biểu hiệu cho 40.000 dân

**PHÁP :**  
 kỹ nghệ  
 cơ-khí

- ☉ Chế tạo xe hơi
- ⊗ Chế tạo vật dụng hoá học
- ⚓ Đóng tàu
- ✈ Đóng phi cơ
- Kỹ nghệ luyện sắt



## II.— CHỨNG-TỘC

— Đã từ lâu trên đất Pháp đã có nhiều giống người sinh sống : trước kia là những giống Ibères, Liguriers ở miền Tây-Nam, rồi tới giống Celtes hay Gaulois. Vào thế-kỷ thứ 1, sau tây-lịch, người La mã chiếm cứ và khai-hóa xứ Gaule. — Đến thời Trung-cổ, giống Nhật-nhĩ-mãn (Wisigoths, Surgondes, France) vào cư-ngụ tại đất Pháp. — Các giống người trên pha trộn lẫn nhau, tạo thành người Pháp ngày nay.

## III.— THÀNH-THỊ

— Pháp có 41 thành-phố trên 100.000 dân, chỉ có một thành-phố trên 1 triệu dân. Đó là Thủ-đô Paris.

**A— THỦ-ĐÔ PARIS :** — Thủ-đô Paris có 2.811.000 dân, nếu kể cả ngoại-ô thì dân số tới 7.439.110 (thống-kê 1962). — Ba-lê là một giang-cảng lớn, một thành-phố kỹ-nghệ và là «thủ-đô ánh-sáng» của cả thế-giới.

**B— CÁC THÀNH-PHỐ ĐÔNG DÂN :** Marseille (661.000). Lion (471.000), Toulouse (269.000), Bordeaux, (258.000), Nice (244.000), Nantes (222.000), Strasbourg (201.000), Lille (195.000)..

## IV.— TỔ-CHỨC CHÍNH-TRỊ

— Pháp là một nước Cộng-hòa, gồm 90 hạt, 281 Quận (Arrondissements), 3.000 tổng (Canton) và 38.000 xã (Communes). Mỗi Hạt có một Hạt-trưởng (Préfet), mỗi Quận có Phó Hạt-trưởng (Sous-Préfet), mỗi xã có một Xã-trưởng đứng đầu. Ngày nay (1969) với nền *Đệ Ngũ Cộng-Hòa*, Pháp theo *thê chế Tổng thống* : Tổng-thống do dân bầu, nhiệm-kỳ 7 năm. Tổng thống có quyền chỉ-định Nội-các và Nội-các này không cần phải được Quốc-hội tán-phong. Quốc-hội Pháp gồm 2 viện : Thượng-nghị-viện và Hạ-nghị-viện.

## TIẾT III : ĐỊA-LÝ KINH-TẾ

### I.— NÔNG - NGHIỆP

**A— ĐẶC TÍNH CỦA NỀN CANH-NÔNG PHÁP QUỐC :**

1) **Yếu-tố thiên nhiên :** — Diện-tích trồng trọt ở Pháp-quốc rất quan-trọng : 40% diện-tích Pháp ; 3% là vườn nho ; 27% đồng cỏ, 19% rừng, còn 11% đất hoang. — Ngày nay nhiều miền đất (Sologne, Dombes, Uran, Carmargue) đã được khai-thác

và trở thành đất trồng trọt được. — Pháp trồng được đủ mọi thứ nông-sản của vùng ôn-đới.

**2) Yếu-tố tư-bản :** *Chế-độ điền-sản* : (trại lớn trên 40 ha) còn ở đồng Flandre, Picardie, Valois, Brice, Baucé. Ngoài ra, trên toàn cõi nước Pháp, *Chế-độ tiểu điền-sản* được áp-dụng (nông trại không quá 10 ha, điền chủ khai thác lấy nông trại). — Ngày nay số đất do chính tư-nhân cày cấy là 56% do người thuê (lĩnh canh) làm là 33% và do người cấy rẽ là 11%.

**3) Yếu-tố nhân-công :** — Xét chung ta thấy Pháp có 8 triệu pân sống về nông-nghiệp trong số có 21 triệu dân hoạt-động. — Tuy nhiên nhân-công trong nghề nông của Pháp vẫn đắt và hiếm. Do vậy số đại-điền chủ giảm sút và số trung điền-chủ tăng gia.

**4) Yếu-tố kỹ-thuật :** — Hiện nay chính-phủ hết sức khuyến-kích các điền-chủ gia nhập các hợp-tác-xã nông-nghiệp để đất đai được tập trung ngõ hầu dễ cơ-khí-hóa nghề nông. Ngoài ra chính-phủ còn thiết-lập những phòng thí-nghiệm để lựa giống tốt cho không hoặc bán rẽ cho nông-dân, cùng mở những trại kiểu mẫu để hướng dẫn nông-dân theo phương-pháp canh tác mới. Pháp áp-dụng phương-pháp canh.tác đa-chủng.

#### B— CÁC NÔNG-SẢN CHÍNH (1964) :

**1) Lúa mì (blé) :** Pháp sản-xuất được gần 14 triệu tấn (140 triệu tạ), năng-suất trung bình là 20 tạ một ha — Lúa mì được trồng ở khắp nơi, nhưng nhiều nhất ở vùng bình-nguyên miền Bắc, bình nguyên Ba-lê.

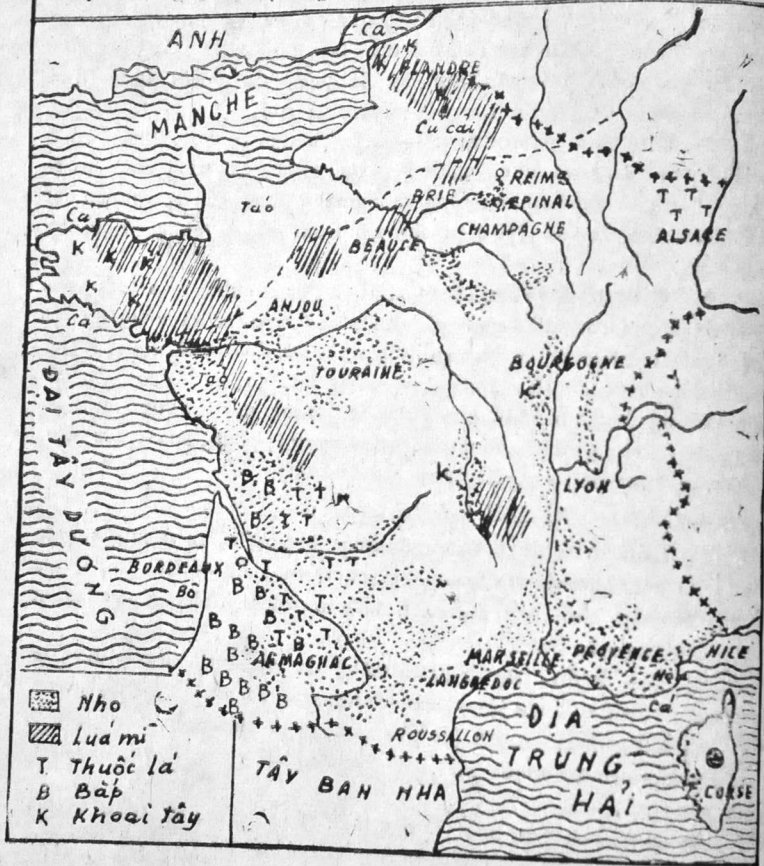
**2) Lúa kiều mạch (avoine) :** Pháp sản-xuất được hơn 2 triệu tấn (hơn 20 triệu tạ) — Luân-chủng với lúa mì để nuôi gia-súc.

**3) Lúa đại mạch (Orge) :** — Pháp sản-xuất được gần 7 triệu tấn (hơn 67 triệu tạ). — Đại mạch chế rượu la-ve và nuôi gia súc.

**4) Ngô :** — Sản-xuất hơn 2 triệu tấn (khoảng 21 triệu tạ) — Trồng nhiều ở vùng bình nguyên Aquitaine, Landes và Eure-et-Loir.

**5) Nho :** Pháp sản-xuất : nhiều rượu nho nhất thế-giới : Năm 1964 sản-xuất được 62 triệu hectolitres rượu nho. — Những miền sản xuất nhiều rượu nhất là : Hérault, Aude, Gard, Gironde, Charente, Maritime, Var... Rượu nho ngon sản-xuất ở Champagne, Bourgogne Bordelais, Aujon, Alsace.

**PHÁP** : Địa lý kinh tế < nông sản chính >



6) **Nông-sản trong kỹ-nghệ** — *Củ cải đường* : Sản-xuất hơn 16 triệu tấn, — Nơi trồng : đồng bằng : Ba-lê, đồng Flandre — *Hốt bia* : dùng để chế rượu bia (hơn 19 triệu hectolit rượu bia) Trồng tại Alsace, đồng Flandre, thung lũng sông Moselle. *Khoai tây* : sản-xuất hơn 11 triệu tấn : trồng khắp nơi. *Các cây có sợi* : gai ở Flanche ; gai thô ở Alsace ; *cây dâu* ở vùng Địa-trung-hải — *thuốc lá* : hơn 43 triệu tấn, trồng trên hơn 20.000 ha đất.

7) **Rau và các thứ trái cây** : Rau trồng ở gần các thành phố, trên 200.000 ha đất. — Pháp có nhiều cây ăn trái : táo ở Bretagne và Normandie ; mận ở Corraine ; anh đào ở Jura, đồng Balê, cam, miền Địa-trung-hải. Hoa được trồng nhiều Anjou, Provence.

C— **CHĂN NUÔI** (thống kê 1964) Bò : hơn 20 triệu con, chăn nuôi tại vùng đồng cỏ Normandie, Bretagne, Flanche, Charente, trên các sườn núi Ardenne, Vosges, Jura. Loại sữa, bơ, phó mát nổi tiếng thế-giới : năm 1964, Pháp sản-xuất hơn 200 triệu hectolit sữa bò, hơn 42 triệu tạ bơ, 54 triệu tạ phó-mát. — Cừu gần 9 triệu con, chăn nuôi tại Provence và Massif Central. — Ngựa hơn 1 triệu con, chăn nuôi tại Normandie, Bretagne, Artois, Pyrénées. — Lợn : hơn 9 triệu con — Gà, vịt : 80 triệu con.

D— **NGƯ NGHIỆP** : (thống-kê 1964) : — Cá đánh được : hơn 600.000 tấn — Ngư-nghiệp hoạt động mạnh ở Bắc-hải, biển Manche và Đại-tây-dương, Địa-trung-hải kém hoạt động hơn. — Các ngư-cảng lớn thường tập-trung tại bờ biển xứ Boulonnais và Normandie Ngư-cảng lớn nhất là Boulogne. — Ngoài ra, dọc bờ biển Địa-trung-hải có nhiều ruộng muối, dọc bờ biển Đại-tây-dương có nhiều nơi nuôi Con hà (huîtres) (còn gọi con sò).

## II. — KỸ-NGHỆ

A— **ĐẶC ĐIỂM CỦA NỀN KỸ-NGHỆ PHÁP-QUỐC** : *Yếu-tố thiên nhiên* : Pháp thiếu nhiên liệu : Không sản-xuất đủ than để dùng (hàng năm phải nhập-cảng hơn triệu tấn than) dầu hỏa cũng rất ít (hàng năm phải nhập cảng 24 triệu tấn). Tuy nhiên Pháp có nhiều thác có thể thiết lập những nhà máy thủy điện. Pháp có nhiều nguyên liệu cần thiết cho nền kỹ-nghệ : sắt, bauxite, muối và bột-tạt (Postasse)... *Yếu-tố tư-bản* : tuy không có nhiều nhà tư-bản lớn bằng Hoa.kỳ và Anh, nhưng số tư-bản bỏ ra đầu tư tại Pháp cũng đủ khai thác nhiều ngành đại-kỹ-nghệ. — *Yếu-tố nhân-công* : Dân số

Pháp tăng chậm nên số nhân-công bị thiếu hụt. Do đó ở các mỏ than miền Bắc, trong ngành kỹ-nghệ dệt, kỹ-nghệ luyện kim, Pháp phải mượn nhiều nhân công Ý, Bỉ và Ba-lan. *Yếu-tố kỹ-thuật*: Kỹ-nghệ Pháp áp-dụng *phương-pháp cổ-truyền*: máy móc cũ, *phương pháp kỹ-thuật* từ thế-kỷ XIX, không có nhiều đại xí-nghiệp để áp-dụng *phương-pháp hợp-lý-hóa* Taylor... Vì thế năng-suất hàng hóa của Pháp kém mà giá bán hàng lại cao.

## B— KHOÁNG SẢN VÀ NĂNG-LƯỢNG CHÍNH (thống kê 1964).

1) **Than đá**: Pháp sản-xuất 54,6 triệu tấn, không đủ than dùng. phải nhập-cảng thêm 19,5 triệu tấn — Các mỏ than chính ở Pháp: — Mỏ than miền Bắc, — Mỏ than Lorraine, — Các mỏ than ở Massif Central: Creusot, Saint Etienne, Alès, Commentry...

2) **Dầu hỏa**: Sản-xuất gần 3 triệu tấn (2.845.000 tấn). — Các mỏ dầu hỏa: Pechellronn, Cabian, Lacq, mỏ ở miền Sahara.

3) **Khí thiên nhiên**: Sản-xuất 7,9 tỷ m<sup>3</sup>, Trung-tâm sản-xuất: Saint Gandens.

4) **Điện-lực**: Sản-xuất tổng cộng: 96 tỷ kwh, trong đó có 59 tỷ kwh nhiệt điện và 35 tỷ kwh thủy điện. Các nhà máy nhiệt điện quan-trọng ở vùng Paris (Vichy, Saint Ouen), miền Bắc và miền Đông, chạy bằng than hay bằng khí đốt của các lò chưng than hay luyện kim. Những nhà máy thủy điện được đặt ở các dãy núi Massif Central, Alpes, Pyrénées, trên các sông Rhin và Rhone.

6) **Nguyên-tử lực**: Sản-xuất: 1.032 tấn uranium đã luyện. Mỏ uranium ở vùng Vendée, Limousin, Forez. Pháp vừa thiết lập một trung-tâm nguyên-tử Avoine gần Chinon để sản xuất nguyên-tử lực. Ngoài ra Pháp còn cho lập nhiều trung-tâm nghiên-cứu nguyên-tử năng như Saclay và Fontenayaux Roses gần Ba-lê; Grenoble...

5) **Quặng sắt**: Pháp có nhiều quặng sắt, hàng năm sản-xuất được 60 triệu tấn, đứng thứ ba sau Hoa-kỳ và Nga. Các mỏ sắt chính: mỏ Lorraine. ở Bassé Normandie, Bretagne-Anjou, Pyrénées.

7) **Các quặng khác**: Năm 1964, Pháp khai thác được Bauxite: 1.300.000 tấn, kẽm và chì: 1.050.000 tấn, thiếc và Tungstène: 95.000 tấn, Uranium: 1586.000 tấn.

C— **NỀN KỸ-NGHỆ PHÁP**: 1) **Kỹ-nghệ luyện kim**: Pháp dùng than đá hoặc dùng điện để luyện kim theo *phương-pháp cổ-truyền*: năm 1964, Pháp luyện được: nhôm: 316.000 tấn, đồng: 37.000 tấn, chì: 121.700 tấn, kẽm: 190.400 tấn, kền: 8.100 tấn.



2) **Kỹ-nghệ cơ-khí** : — *Kỹ-nghệ xe hơi* : sản-xuất 1.500.000 xe hơi đủ loại. Các xưởng xe hơi ở Paris, Montbéliard, Strasbourg, Lyon. — *Kỹ-nghệ phi-cơ* : sản-xuất hơn 800 phi-cơ — *Kỹ-nghệ đóng tàu* : năm 1964 đóng được một số tàu trọng tải 516.000 tấn. Xưởng đóng tàu ở Dunkergue, Le Havre, Bordeaux, Saint Nazaire. — *Kỹ-nghệ chế-tạo đầu máy xe lửa* : ở Lille, Alsace.

3) **Kỹ-nghệ hóa học** : đứng hàng thứ ba trên thế-giới sau Hoa-kỳ và Đức. Pháp sản-xuất : khí thấp, phân bón, nhựa đường, benzol, phenol, băng phiến, các dược phẩm... do việc chưng than đá. — Chlore, sút, acide chloridric do muối mỏ vùng Corraine — Phốt phát do quặng sắt có lẫn phốt-phát ở vùng Corraine. Phân bón và các hóa chất khác ở miền Alsace. *Xi-măng* : sản xuất hơn 20 triệu tấn.

4) **Kỹ-nghệ dệt** : Rất quan-trọng, có chừng 390.000 nhân công làm việc trong 11.000 xưởng. Ngành dệt gồm có : — *Kỹ-nghệ dệt len* : đứng hàng thứ tư sau Anh, Mỹ, Đức, tập trung tại miền Bắc, miền phụ-cần Lyon, *Kỹ-nghệ bông vải* : hàng thứ 6 sau Anh, Hoa-kỳ, Nhật, Đức, Nga ; tập trung tại miền Bắc, miền Đông, miền phụ cận Lyon và Rouen. *Kỹ-nghệ tơ lụa* : hàng thứ năm sau Hoa-kỳ, Nhật, Ý, Đức ; tập trung tại Lyon và vùng phụ cận. *Kỹ-nghệ tơ nhân tạo* : rayonne, nylon, Fibrane,...tập trung tại vùng phụ cận Lyon, Ba-lê. *Kỹ-nghệ vải gai và gai thô* : hàng thứ 3 sau Anh, Nga.

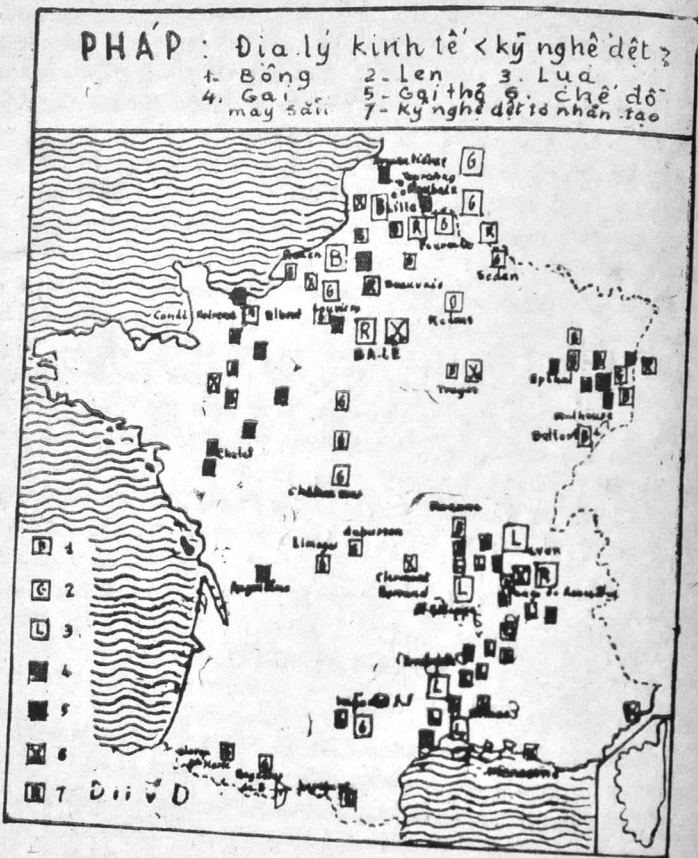
5) **Kỹ-nghệ khai thác** : — *Kỹ-nghệ thực-phẩm* : bột, đường, bia. *Kỹ-nghệ giấy* : tại Vosges, Jura, Alpes.

### III. — ĐƯỜNG GIAO THÔNG

*Đường thủy* : dài gần 8.000 km trong đó có hơn 4.000 km kinh đào và hơn 3.000 km sông ngòi. Những miền có hệ thống sông ngòi thuận lợi là : miền Đông, miền Bắc và đồng bằng Ba-lê. Sông vận chuyển được gần 60 triệu tấn hàng hóa mỗi năm. *Đường sắt* : dài hơn 38.000 km, mỗi năm chuyên chở chừng 603 triệu hành khách và 247,7 triệu tấn hàng. *Đường hàng không* : có 100.000 km, với những phi-cảng lớn như : Le Bourget, Orly (ở Paris), Marseille, Nice Lyon... *Đường bộ* : dài 783.000 km, xen kẽ nhất thế-giới, trong đó có gần 500 km xa-lộ, với 7.800.000 xe đủ loại chạy.

### IV. THƯƠNG-MẠI

Ngoại thương Pháp đứng hàng thứ ba trên thế-giới sau Hoa-kỳ và Anh. *Nhập-cảng* : Pháp nhập-cảng : *Những nguyên liệu cần*



thiết cho kỹ-nghệ : bông, len, đay, tơ sống, than đá, dầu lửa, gỗ, cao-su, phốt-phát, đồng. *Những thực-phẩm* : lúa mì, gạo, bắp, đường, mía, ca-cao, cà-phê, trà, chế tạo phẩm máy móc, dụng cụ. *Xuất cảng* : Pháp xuất.cảng : chế tạo phẩm : các loại vải, gai, tơ, lụa, xa-xi-phẩm. hàng len và bông vải. *Thực-phẩm* : rượu vang, trái cây, bơ, đường. *Nguyên liệu* : sắt, bauxite, potasse. — Năm 1950 ngoại thương Pháp quân-bình — Năm 1964 ngoại thương Pháp mất quân-bình : mua (49,7 tỷ phật lãng) nhiều hơn bán (34,4 tỷ phật lãng).

# Nước Nga

## (Liên-Bang Sô-Viêt)

- Diện-tích : 22.400.000km<sup>2</sup>
- Dân số : 235 triệu dân (1966)
- Thủ-đô : Mạc-tư-khoa (Moscou)

### TIẾT I : ĐỊA-LÝ THIÊN-NHIÊN

#### I.— VỊ-TRÍ, DIỆN-TÍCH

— Liên bang Sô-viêt là một quốc-gia chiếm tới 1/6 diện-tích đất nổi của cả hoàn cầu, chạy dài gần 10.000km từ rặng Karpates (hay còn viết Carpathes) và biển Baltique tới Thái-bình-dương (từ 20° Đông đến 170° Tây), một nửa ở Âu-châu, gọi là Nga-Âu, một nửa thuộc Á-châu, gọi là Nga-Á. Đường chạy dài từ điểm cực Bắc (mũi Tchéliousskine, 78° Bắc) tới điểm cực Nam (Kouchka, 35° Bắc) dài 4.740km — Diện-tích toàn thể nước Nga là 22.400.000km<sup>2</sup> (gấp 40 lần Pháp, gấp 2 lần Âu-châu).

#### II.— HÌNH-THỂ

**A— ĐỊA-DIỆN,** Liên-bang Sô-viêt có một địa-diện giản-dị : Làm nền móng cho toàn-thể Liên-sô là là một bán bình-nguyên (nguyên đại đệ nhất) Hai đồng bằng : ở phía Đông và phía Tây rặng Oural là : Đồng-bằng Nga-Âu (phía Tây) và đồng bằng Tây-bá-lợi-á, đồng bằng Turkestan (ở phía Đông). Núi và cao-nguyên : Núi cò rặng Oural (đệ nhất nguyên đại) mọc ở giữa là rặng núi không cao lắm Núi trẻ : mọc thời đệ tam nguyên-đại, chạy : Dọc về phía Nam có các rặng Yaila, Caucase, Hindou-Kouch, Pamir, Alai, Thiên-son (tianchan) và Altai. Theo ven biển Okhotsk về phía Đông có : rặng Iablonoï, rặng Stanovoi, rặng Kamtchaka. Cao-nguyên : Nga có cao-nguyên Đông và Trung Tây-bá-lợi-á, cao-độ trung-bình từ 500 đến 800m.

**B— SÔNG NGÔI :** Liên-sô có nhiều sông-dài, lưu vực lớn, độ dốc nhỏ, chảy chậm chỉ thuận lợi cho việc lưu-thông vào mùa hạ và mùa thu vì mùa đông thì đóng băng còn mùa xuân thì băng tuyết tan chảy làm cản trở sự lưu thông. Liên-sô có các sông chính sau : Chảy ra Bạch-hải và Bắc-băng-dương :



NGA Địa lý thiên nhiên

• *Dvina, Petchora, Ob, Iénisséi (4.750m), Léna (4.200m)*. *Chảy ra biển Baltique : Neva, Duma, Niemen, Pregel. Chảy ra Bắc-hải : Dniestr, Dniepr Don. Chảy vào biển Caspienne : Oural, Volga. Volga là sông dài nhất Âu-châu (3395km), và là thủy-lộ tốt nhất của Liên-sô. Chảy ra Thái-bình-dương : Amour hay Hắc-long-giang (4.700km) Chảy vào biển Aral ở Turkestan : Amou-Daria, Syr-Daria.*

C — **BIỂN VÀ BỜ BIỂN** : *Biển nội-địa Liên-sô có hai biển nội-địa là : biển Caspienne và biển Aral. Biển kín : Liên-sô có hai «biển kín» là biển Baltique và Hắc-hải. Bờ biển Bạch-hải và Bắc-băng-dương đóng băng nhiều tháng trong một năm không thuận tiện cho việc sinh-hoạt hàng hải. — Bờ biển Thái-bình-dương cũng thường bị đóng băng trong mùa đông và có sương mù bao phủ ngăn cản sự lưu thông.*

### III. — KHÍ-HẬU

Nói chung, khí-hậu Liên-sô gay gắt và khô ráo, mùa đông rất gắt, tính cách đại-lục rất rõ rệt. — Liên-sô có những miền khí-hậu sau. *Miền Bắc* : khí-hậu giá lạnh : mùa đông lạnh ghê gớm (— 70° và — 76°) ; mùa hè đất vẫn đóng băng dày tới 300m) *Từ Bắc cực-khuyên tới biên giới phía Nam* : khí-hậu ôn-đới, có tính cách đại-lục rõ rệt (ở Moscou : mùa đông — 11°, mùa hè — 1-19°) *Tại bờ biển Bắc-hải và Miền đồng bằng Caucase* : khí-hậu địa-trung-hải, nóng, quang-dãng, khô ráo, có mưa về mùa đông (ở Yalta — 1-30° và — 1-24°) *Tại đồng-bằng Turkestan* : khí-hậu sa-mạc, rất khô ráo và gay gắt. *Tại miền Viễn Đông* : mùa hè mát, gió thổi từ Thái-bình-dương vào đem theo nhiều mưa ; mùa đông lạnh và khô.

### IV. — THẢO MỘC

Kể từ Bắc xuống Nam, Liên-sô có 5 vùng thảo mộc là : *Miền đại-nguyên (Toundra)* : chạy dọc Bắc-băng-dương, chỉ có rêu, vài cây thấp thưa thớt. Vùng này chiếm tới 7 triệu km<sup>2</sup>. *Miền rừng (Taiga)* : chiếm gần nửa diện-tích của Liên-sô : ở phía Bắc rừng thông và tùng, bách — Ở phía Nam có các loại phong, bạch dương, sồi, dẻ gai. *Miền đất đen (Tchernoziom)* : chiếm tới 2 triệu km<sup>2</sup>, rất phì nhiêu, trồng được lúa mì và củ-cải-đường. *Miền hoang địa (Steppe)* : Càng đi về phía Nam đất càng màu mỡ, khí-hậu ráo, không có cây lớn, chỉ cỏ đồng cỏ ngắn : — phần về

phía Tây : hoang-địa xám — Phần về phía đông : hoang địa trắng ở Turkestan : sa-mạc. Tại bán-đảo Crimée và miền tây xứ Caucacie : khí-hậu địa-trung-hải, trồng được nho, Ô-liu và dâu.

## TIẾT II : ĐỊA-LÝ NHÂN-VĂN

### I. — DÂN-CƯ

A — DÂN SỐ : Năm 1966, liên số là 235 triệu, mật độ 10 ngàn trên 1km<sup>2</sup>. Sự tăng gia dân-số của Nga tương đối chậm : từ 1913 đến 1950 : dân số tăng 41 triệu. Năm 1959 : 208 triệu. Năm 1966 : 235 triệu.

Lý do của sự tăng gia chậm này là : nước Nga không có dân nhập cư và hơn nữa, từ 1913 trở đi, Nga-sô trải qua những thời kỳ loạn lạc liên miên (nào nội chiến, nào ngoại xâm) làm dân Nga giảm sút nhiều (riêng trong kỳ đại-chiến thứ nhì, Nga chết mất 18 triệu người). — Hiện nay sự gia tăng dân số thiên nhiên cũng khá quan trọng : sinh-suất 21‰, tử-suất 7‰, mỗi năm dân Nga tăng chừng 3 triệu.

B — SỰ PHÂN PHỐI DÂN CƯ KHÔNG ĐỀU : —  $\frac{2}{3}$  dân Nga sống tại Nga-Âu. — Miền đông dân nhất là xứ Ukraine, mật độ tới 100 — Những miền kỹ-nghệ và canh-nông trù phú, mật độ vào khoảng từ 40 đến 60. — Tại những miền đài nguyên, mật độ là 1 trên 100 km<sup>2</sup> !

C — THÀNH THỊ : — Thành-phố của Sô-viét tăng gia rất nhanh : từ khi khởi đầu kế-hoạch ngũ-niên, vào năm 1929, dân thị thành của Nga tăng lên gấp 4 : Năm 1914 : Nga chỉ có 15 thành phố trên 100.000 dân. Năm 1956 : Nga đã có tới 135 thành phố trên 100.000 dân. Số dân sống ở thôn quê là 45%, còn 55% sống tại thành thị, theo thống-kê năm 1966. — Nga có những thành phố chính sau :

Mạc-tư-khoa (Moscou) : 7 triệu dân, là Thủ-đô của Liên-bang Sô Viết, một trung-tâm văn-hóa (có nhiều viện Đại-học và viện Bảo-tàng), một trung-tâm kỹ-nghệ quan-trọng (các kỹ-nghệ cơ-khí, dệt, hóa-học, thực phẩm tập trung ở đây với 1 triệu thợ), một giang-cảng quan-trọng và sau hết, là tâm điểm của đường giao-thông khắp Nga-Âu. Mạc-tư-khoa được tạo dựng trên sông Moscova. Leningrad : có 3,3 triệu dân, là hải-cảng lớn nhất của Liên-bang Sô-viét, là thành phố kỹ-nghệ quan-trọng (cơ-khí, hóa-học, luyện nhôm). Kiev : có 1,3 triệu dân, là kinh-đô của xứ





Ukraine Ngoài ra Nga còn có những thành phố quan-trọng khác như : *Bakou* (968.000 dân), *Gorki* (941.000), *Kharkov* (930.000), *Tachkent* (911.000). . .

## II. CHUNG-TỘC

Chung-tộc Nga rất phức tạp, gồm có những người da vàng và da trắng, trong đó người Đại Nga chiếm đa số : *Người Nga* : thuộc giống Slave, gốc-tích thuộc miền giữa 2 sông Oder và Dniepr. Người Nga có 3 nhóm, ngôn ngữ khác nhau : *Nhóm Đại Nga* : đông nhất, 100 triệu. Tiếng Đại Nga được dùng làm ngôn ngữ chính ở Nga. *Nhóm Bạch-Nga* : chừng 10 triệu, ở miền rừng phía Tây, hợp thành nước Cộng-hòa Biélo-Russie. *Nhóm Tiều Nga* : chừng 40 triệu, hợp thành nước Cộng-hòa Ukraine. *Người Âu-Châu* : gồm có Đức, Ba-lan, Lô-mã-ni, Litluraniens, Lettons... *Dân du-mục* : ở hoang-địa thuộc Nga Á, nay cũng định cư tại Nga-Âu, gồm các giống người Zyrianes, Finnois, Tatars... *Người Á-Châu* : gồm những người theo Hồi-giáo như dân Thổ, Kazakhs, và các giống da vàng như Bouriates, Yakoutes... *Người Do-Thái* : chừng 4 triệu.

III. — **TỔ-CHỨC CHÍNH-TRỊ** — Kể từ năm 1917, Nga theo chế-độ Cộng-Sản, chỉ có một đảng chính-trị duy nhất là đảng Cộng-Sản được hoạt-động và cai-trị nước Nga : *Quyền Lập-pháp* : nằm trong tay Hội-đồng Tối-cao Xô-viết do dân cử Hội-đồng này gồm có 2 Viện là : *Viện Dân-tộc* hay Hội-đồng Xô-viết Dân-tộc (gồm chừng 631 nghị sĩ đại-diện các đoàn-thể chính-trị của các tiểu bang) ; và *Viện Dân-biêu* hay Hội-đồng Xô-Viết Liên-bang (gồm 700 dân biểu đại-diện cho toàn dân). *Quyền Hành-pháp* được trao cho Ủy-ban Thường-vụ của Hội-đồng Tối-cao Xô-viết do hai Viện Dân-tộc và Dân-biêu bầu ra. Ủy-ban này gồm có một Chủ-tịch, 15 Phó Chủ-tịch, một thư-ký và 15 hội-viên. Ủy-ban Thường-vụ có nhiệm-vụ như một Quốc-trưởng. Thi-hành các quyết-định của Ủy-ban Thường-vụ là *Hội-đồng Tổng-trưởng* do Ủy-ban Thường-vụ chỉ-định. — Liên-bang Xô-Viết gồm có 15 nước Cộng-hòa xã-hội, gồm 179 sắc dân khác nhau. Thủ-đô của Liên-bang Xô-Viết là *Mạc-tư-khoa*.

## TIẾT III : ĐỊA-LÝ KINH-TẾ

### I. — VÀI NÉT ĐẠI CƯƠNG VỀ NỀN KINH-TẾ NGA

A — **CHÍNH-SÁCH KINH-TẾ CỦA NGA** : Từ năm 1917, Nga-

số theo chính-sách kinh-tế hoạch định cứng dẫn theo đó, nhà nước chỉ-huy tất cả các hoạt động kinh-tế, dân chúng chỉ còn là những nhân-công làm việc cho nhà nước, — Từ năm 1928, nước Nga đã áp-dụng những kế-hoạch ngũ-niên kinh-tế. Chính-phủ Nga đã lập hẳn một Uy-ban kế-hoạch (Gosplan) (năm 1938) để phụ-trách việc soạn-thảo và kiểm-soát sự thi-hành những kế-hoạch ngũ niên này.

**B— ĐẶC ĐIỂM CỦA NỀN KINH-TẾ NGA :** Nước Nga vừa rộng về đất đai lại vừa giàu về nguyên-liệu, nên Nga có thể phát-triển mạnh cả về nông-nghiệp lẫn về kỹ-nghệ. — Hiện thời Nga là cường-quốc kinh-tế thứ nhì trên thế-giới sau Hoa-kỳ.

## II.— NÔNG-NGHIỆP

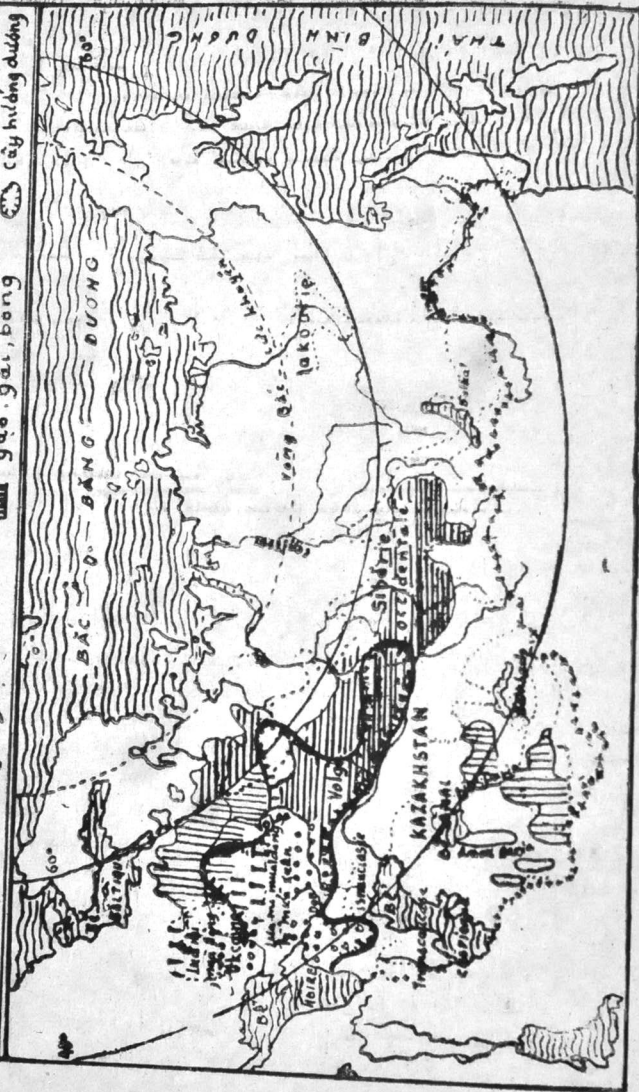
### A— ĐẠI CƯƠNG VỀ CANH-NÔNG CỦA NGA.SỐ

**1) Chính-sách canh-nông :** Chính-phủ Nga đã cho tập sản-hóa tất cả ruộng đất, lập ra những nông-trường tập thể (Kolkhozes) và những nông-trường quốc-gia (Sovkhozes), tập trung nông-dân vào đấy làm việc. — Ngoài ra chính-phủ còn cho thiết lập 7.000 địa điểm cung cấp nông-cụ cơ-giới cho các nông-trường kể cận đề cố-gắng cơ-giới-hóa nông-nghiệp và tăng năng-suất nông-phẩm.

**2) Đặc điểm của nền canh-nông Sô-Viêt :** Yếu-tố thiên-nhiên : Nước Nga rất rộng nên diện-tích trồng trọt hết sức lớn : 3 triệu km<sup>2</sup>. Bởi thế mức sản-xuất của Nga thường đứng hàng thứ nhất hoặc thứ nhì thế-giới. Tuy nhiên có nhiều đồng lầy ở phía Bắc và phía Nam, cùng những vùng khí-hậu quá lạnh làm cho cây cối không mọc được. Những vùng này cũng chiếm tới gần 6 triệu km<sup>2</sup> — Yếu-tố tư-bản : Nga bãi bỏ chế-độ tư-bản. Nhà nước đứng ra tổ-chức các nông-trường và sử-dụng các nhân công trong việc sản-xuất, nên không cần tới tư-bản của tư-nhân bỏ vốn đầu tư trong ngành nông-nghiệp. Từ năm 1956, chính-phủ đã bỏ nhiều vốn đầu tư trong ngành canh-nông. Yếu-tố nhân-công tất cả các nông-dân đều phải gia-nhập hợp-tác-xã làm việc trong các nông-trường. Họ không có tư-bản. Dù làm việc nhiều, họ cũng không thể dễ dành để làm vốn riêng. Bởi vậy khi đã gia nhập các nông-trường, họ đã không cố-gắng làm việc ; vì thế mức sản-xuất về nông-phẩm của Nga rất sút kém. Hiện-thời có 40% dân Nga làm việc trong nghề nông. Yếu-tố kỹ-thuật : Nga triệt để

**NGA: Địa lý kinh-tế**  
 c ngũ cốc và những cây  
 kỹ nghệ

- miền trồng trọt lớn
- ▨ miền trồng lúa mì
- ▤ gạo, gai, bông
- cây hướng dương
- củ cải đường
- ngô (bắp)



cơ-giới-hóa nông-nghiệp và áp-dụng phương-pháp canh-tác tối-tân : hiện nay Nga sử-dụng tới gần 2 triệu máy kéo cho nông-nghiệp, và dùng tới rất nhiều máy bay để gieo hạt giống. Ngoài ra Nga còn dùng tới rất nhiều phân bón, áp-dụng những tiến-bộ khoa-học và nghề trồng tía. Hơn nữa chính-phủ Nga còn cho thực hiện những công-tác dẫn thủy nhập-điền thật vĩ-đại để chuyển những vùng đất khô cằn thành những miền trồng trọt tốt tươi : xây các đập Dnieprostro, các đập trên sông Don, sông Volga... Dự-án Davidof còn dự-tính đào một hồ nhân tạo 250.000km<sup>2</sup> nối ba sông Iénisséi, Ob và Irtych để làm dịu khí-hậu, tạo thủy điện và dẫn nước miền Caspienne.

**B— CÁC NÔNG-PHẨM CHÍNH (năm 1967)** Nga đứng đầu thế-giới về mức sản-xuất : Lúa mì : 60 triệu tấn (210% mức sản-xuất của thế-giới và gấp đôi mức sản-xuất của Hoa-kỳ. Năng-suất là 11 tạ trên mỗi mẫu. — Khoai tây : 70 triệu tấn, trồng trên miền đất khô của khu Tây Bắc. — Gai : sản-xuất 4/5 tổng số của thế-giới, trồng ở Ukraine, Bielo Russie. Củ cải đường : 30 triệu tấn Số ngựa : 15 triệu con. Nga đứng hàng thứ nhì về mức sản-xuất : bắp ngô : 25 triệu tấn (sau Hoa-kỳ) Lúa mạch : 17 triệu tấn, Sữa : 280 triệu hectolit. — Số heo : 70 triệu con (sau Trung-hoa) — Cừu : 135 triệu con (sau Úc) Nga đứng hàng thứ ba về mức sản-xuất : Bông : 5 triệu tấn hạt bông (sau Hoa-kỳ và Trung-hoa) các trung-tâm sản-xuất bông là : ven biển Caspienne, Hắc-hải, Tân-cương. Bò : 85 triệu con (sau Ấn-độ và Hoa-kỳ) Ngoài ra, Nga còn sản-xuất các loại nông sản khác như len, gạo (tại vùng lầy ở Géorgie, Azerbeidjan, trà (ven biển Thái-bình-dương) Ngư-nghiệp : Hàng năm Nga đánh được tới 5 triệu tấn cá. Ngư-nghiệp hoạt-động nhiều tại bờ Okhotsk và Thái-bình-dương. Nga có những ngư-cảng lớn là : Mourmansk, Novorossick, Okhost, Petropavlovsk...

### III.— KỸ-NGHỆ

**A— VÀI NÉT ĐẠI CƯƠNG VỀ KỸ-NGHỆ CỦA NGA** : Chính-sách kỹ-nghệ — Nga đã áp-dụng chính-sách kinh-tế hoạch-định cứng dần để nâng cao nền kỹ-nghệ lên hàng cường quốc trên thế-giới. Dưới thời Staline, những kế-hoạch ngũ-niên kinh-tế được áp-dụng với mục-đích chính là cơ-giới-hóa hầu hết các ngành sản-xuất. — Trong các cơ-xưởng kỹ-nghệ, Nga cổ-động phong-trào thi đua để nâng năng-suất. Nhờ đó số lượng sản-xuất hàng hóa tăng gia rất



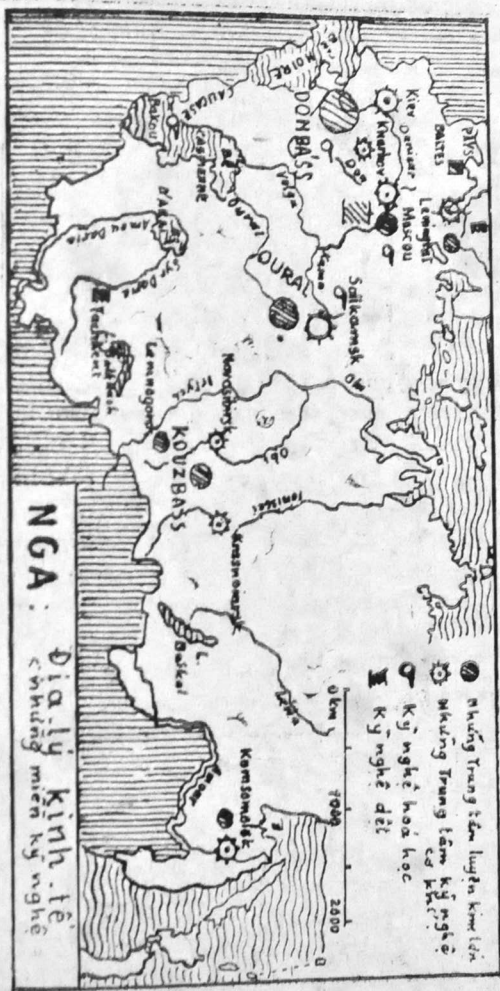
nhanh. Người thợ nào sản-xuất được nhiều sẽ được danh-hiệu «anh hùng lao-động». Đặc-điểm của kỹ-nghệ Nga-sô — Yếu-tố thiên nhiên : Nga-sô rất giàu nhiên liệu : Nga có rất nhiều mỏ than, nhiều giếng dầu hỏa. Nga lại có đủ loại kim khí : sắt đồng, chì, bauxite, vàng... Tuy nhiên vì nước Nga quá rộng, lại có khí-hậu khá gay gắt, nên vấn-đề giao thông gặp trở ngại không ít. Yếu-tố tư-bản : chính-phủ đứng ra tổ-chức tất cả các cơ-xưởng kỹ-nghệ. trong nước, nên Nga không cần trông nhờ vào tư-bản của tư-nhân — Yếu-tố nhân-công : Kể từ năm 1917, Nga đã huy-động một số lớn nhân-công vào làm việc trong các cơ-xưởng kỹ-nghệ. Nhân công Nga được huấn-luyện kỹ-càng và được khích-lệ bằng những phong-trào thi đua lao-động để đoạt chức «anh hùng lao động) nên năng-xuất rất đáng kể. — Yếu-tố kỹ-thuật : Nga cũng như Hoa-kỳ, Nga cho áp-dụng triệt để các phương-pháp nhân công, cơ-khí-hóa và hợp-lý-hóa trong các cơ-xưởng kỹ-nghệ.

**B— CÁC KHOÁNG-SẢN VÀ NĂNG LƯỢNG CHÍNH, than đá :** 550 triệu tấn, đứng hàng thứ nhì thế-giới sau Trung-hoa. Nga có đủ loại than non, than coke, than gầy. Các mỏ than : Donetz, Toula, Petchora, Oural... Dầu hỏa : 240 triệu tấn, hàng thứ nhì sau Hoa-kỳ và 130 tỷ m<sup>3</sup> khí thiên nhiên. Các giếng dầu ở Nga tập trung tại miền giáp giới giữa Nga Âu và Nga Á. Các mỏ dầu chính là : Bakou I, Bakou II, Maikop, Greosnyi, Petchora, Emba, đảo Sakhalin. Điện lực : 460 tỷ kwh một năm, đứng hàng nhì thế-giới sau Hoa-kỳ. Hơn 80% điện lực do nhiệt-điện. Khoáng-sản : Quặng sắt : 90 triệu tấn hàng thứ nhì thế-giới sau Hoa-kỳ. Các mỏ sắt : Krivoi-Rog Koursk-Belgorod, Oural, Kola. Quặng đồng : các mỏ ở ba hồ Balkach, Karaganda và Oural. — Quặng Mangan : ở Ukraine, Transcaucasie ; quặng bauxite ở Léningrad, Oural ; phốt-phát ở bán đảo Kora ; Potasse ở Oural, Turkestan... Vàng : ở Oural, Altai ; Kamtchatka — Ngoài ra Nga còn có mỏ bạch-kim, bạc và Uranium.

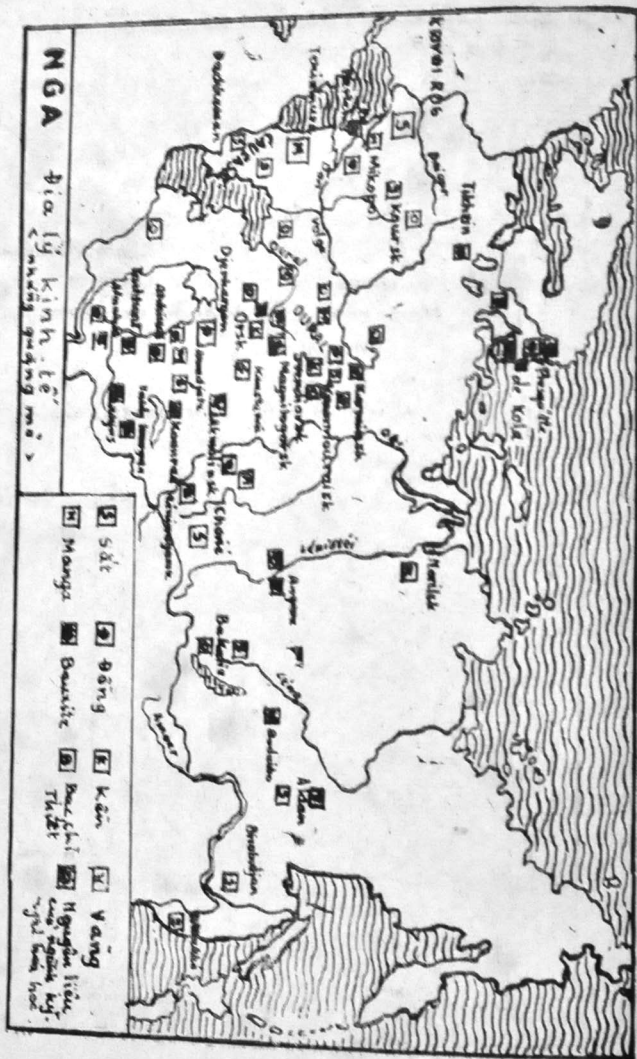
**C— NỀN KỸ-NGHỆ NGA-SÔ** : Kỹ-nghệ luyện kim : Hàng năm Nga sản-xuất : Thép : 90 triệu tấn, hàng thứ nhì sau Hoa-kỳ, — Nhôm : hơn 1 triệu tấn hàng thứ nhì sau Hoa-kỳ. Kỹ-nghệ cơ-khí Sau thế chiến thứ nhì Nga tiến rất nhanh về kỹ-nghệ cơ-khí. kỹ-nghệ phi-cơ : Hiện Nga có nhiều xưởng chế-tạo phi-cơ ở vùng Tây-bá-lợi-á và Tân-cương. — Kỹ-nghệ xe hơi : Nga chú trọng vào



loại xe thực dụng (camions : 400.000 chiếc), và rút bớt xe du lịch (chỉ sản-xuất 185.000 cái) *Kỹ-nghệ nông-cụ* : hàng năm sản-



xuất 300.000 máy máy kéo, 140 triệu máy cày. — Kỹ-nghệ hóa-học : Tập trung tại vùng Mạc-tư-khoa, dãy Ural : sản-xuất tơ sợi



nhân-tạo, cao-su nhân-tạo, plastic, ciment.. Kỹ-nghệ dệt : tập trung tại vùng chung quanh Mạc-tư-khoa miền Tân-cương. Mức-độ sản-xuất vải, len và nhất là bông của Liên-sô cũng khá quan trọng : đứng hàng thứ nhì thế-giới. Kỹ-nghệ thực-phẩm : Tại Moscou và Leningrad có nhiều xưởng làm đồ hộp vi đại. Về kỹ-nghệ đồ hộp, Nga đứng hàng thứ nhì sau Hoa-kỳ.

#### IV. — ĐƯỜNG GIAO THÔNG : VIỆC GIAO THÔNG LÀ VẤN-ĐỀ NAN-GIẢI ĐỐI VỚI NGA VÌ ĐẤT ĐAI QUÁ RỘNG VÀ THỜI TIẾT LẠI XẤU

**A — ĐƯỜNG THỦY** : — Nga chỉ có 110.000km sông ngòi và sông đào lưu thông được, nhưng chỉ ích lợi vào mùa hạ và mùa thu. — Nga đã cho đào kênh Staline (230km) để nối Bạch-hải với biển Baltique, kênh Volga Dvina làm cho tàu đi được từ Caspienne tới Bạch Hải ; kênh Marie khiến tàu đi được từ Caspienne đến Baltique, kênh Volga - Don Moscou - Volga.

**B — ĐƯỜNG SẮT** : Nga có 113.000km đường sắt đứng hàng nhì thế-giới, nhưng so với diện-tích lại rất ít (100km<sup>2</sup> chỉ có 0,5km đường sắt) đường sắt rất quan-trọng, vận chuyển tới 90% hàng hóa trong nước.

**C — ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG** : Đường hàng-không của Nga rất mở mang. Có nhiều đường hàng không nối Mạc-tư-khoa với các thành phố lớn.

**D — ĐƯỜNG BỘ** — Nga có 240.000km đường bộ, chỉ vận chuyển được từ 2% đến 4% hàng hóa và chừng 12% hành-khách vì mùa đông đường bị tuyết phủ mà mùa xuân lại lầy lội.

#### V. — THƯƠNG MẠI

**A — NỘI THƯƠNG** : Nền nội-thương Nga không quan trọng vì bị chính-phủ quốc-hữu-hóa : Các cơ-quan Mậu-dịch do chính-phủ tổ-chức mua sản-phẩm ở các tổ-hợp hợp-tác-xã, rồi bán lại cho dân chúng.

**B — NGOẠI THƯƠNG** : Ngoại thương Nga cũng khá phát-triển : Nga buôn bán với các nước thiếu mở mang vùng Cận-Đông, Đông Nam Á và Nam Mỹ... Nhập.cảng : — Nguyên-liệu : cao-su, kẽm, len, đay. — Tiêu thụ phẩm : gạo, vải trà, cà-phê — Dụng-cụ trang bị : máy chính xác, tàu thủy. Xuất.cảng : dầu hỏa, gỗ, ngũ cốc, quặng (mangan, chrome), bông, máy móc, da thuộc.

# Nước Đức

- *Diện-tích* : 356.000 km<sup>2</sup>
  - Tây Đức : 248.000km<sup>2</sup>
  - Đông Đức : 108.000km<sup>2</sup>
- *Dân số* : 75.500.000 dân
  - Tây Đức : 58 triệu
  - Đông Đức : 17,5 triệu
- *Thủ-đô* :
  - Tây Đức : *Bonn*
  - Đông Đức : *Bá-linh* (Berlin)

## TIẾT I : ĐỊA-LÝ THIÊN-NHIÊN

### I. — VỊ-TRÍ VÀ DIỆN-TÍCH

— Năm 1945, khi Đức bại trận, nước Đức bị chia sẻ làm 4 mảnh (Nga chiếm phía Đông ; Hoa-kỳ, Anh, Pháp chiếm những khu-vực ở phía Nam Tây-Bắc và Tây-Nam. — Tới năm 1949, nước Đức chỉ còn chia làm 2. *Cộng-hòa liên-bang Tây-Đức* : diện-tích 248.000km<sup>2</sup> ở phía Tây, bao gồm các khu-vực thuộc Hoa-kỳ, Anh và Pháp. *Cộng-hòa nhân dân Đông Đức*, diện-tích 108.000km<sup>2</sup> ở phía Đông, thuộc khu-vực Nga. Nước Đức hiện nay phía Bắc giáp Đan-mạch, biển Baltique và Bắc-hải, phía Đông giáp Ba-lan, Tiệp-khắc ; phía Nam giáp Áo, Thụy-sĩ ; phía Tây giáp Hà-lan Bỉ, Pháp và Lục-xâm-bảo. — Thủ-đô Bá-linh xưa hoàn toàn nằm trong vùng Nga chiếm đóng, cũng được chia làm 4 khu-vực : Nga ở phía Đông, Pháp ở phía Tây-Bắc, Anh ở phía Tây, Hoa-kỳ ở Tây-Nam.

### II. — HÌNH-THỂ

#### A. — ĐỊA DIỆN

1) *Núi* : — Ở phía Nam có rặng núi *Alpes de Bavière*. Vùng này phong cảnh đẹp. Ngoài ra còn có những rặng núi cổ : rặng *Forêt Noire* (Schwarzwald), *Massif Schisteux Rhénan*, *Harz*, *Monts Métalliques* (Erz Gebirge), *Forêt de Thuringe* (Thuringer Wald). Đây là những rặng núi nhỏ, có rừng và nhiều thác nước cung cấp than trắng.

2) **Bình-nguyên và cao-nguyên** : — Giữa các rặng núi trên là những bình-nguyên phi nhiều do thủy tra của biển tạo thành *Bade* (đối diện với đồng Alsace của Pháp), *Palatinat* (giữa Forêt Noire và Massif Schisteux Rhénan), *Westphalie* (phía Bắc dãy Massif Schilseux Rhénan), *Thuringe* và *Herse* (ở hai bên dãy Thuringer Wald) cao nguyên *Souabe-Franconiên* (giữa rặng Forêt noire và Forêt de Bohême). Ở phía bắc, rải từ Westphalie tới Ba-lan là một *đại-bình-nguyên* do phù sa của sông và biển tạo thành. Đại bình nguyên này đất đai cằn cỗi, gồm : *Groupes Baltiques* ở phía Bắc, đồng trũng trung ương, còn gọi «*hành lang trung ương*» (từ Bắc-hải chạy qua Bá-ling sang Ba-lan), cao-nguyên Bavaroi ở phía Nam.

**B — SÔNG NGÒI** : Ba hệ thống sông ngòi : *Sông Danube* : Phát nguyên từ Forêt Noire, chỉ lưu thông dễ dàng từ Ratisbonne tới biên-giới Áo. Các sông chảy trên đồng bằng phía Bắc : sông *Elbe*, *Weser*, *Oder*, *Ems*. *Sông Rhin* : phát nguyên, từ rặng Alpes chảy giữa đồng Alsau và Bade, khúc sông này không quan-trọng vì còn là 1 cuồng lưu. Tới đồng Palatinat, sông Rhin nhận thêm hai phụ-lưu *Nekar* và *Main*, rồi tới rặng Massif Schisteux Rhénan, lại nhận thêm phụ lưu *Moselle*, từ đó sông Rhin có điệu nước đều và trở thành quan-trọng cho sự lưu-thông. Các kênh đào : Đức có nhiều kênh đào ; *Kênh Kiel* nối biển Baltique với Bắc-hải không cần qua eo biển Đan mạch. Các kênh nối những sông *Elbe*, *Oder*, *Vistule* khiến cho *Hambourg* trở thành trung-tâm của việc thương-mại Bắc và Trung-Đức. Các kênh nối sông Rhin với *Ems*, *Weser*, *Kênh Mitetlandkanal* *Kênh Ludwig* nối Rhin và Danube.

**C — BIÊN VÀ BỜ BIÊN** : — Nước Đức chỉ giáp với Bắc-hải và Baltique, nên có ít bờ biển : *Bờ biển Bắc-hải* : rất quan-trọng. — Nhờ bờ biển này Đức giao thiệp với toàn thế-giới. — Bờ biển này phẳng, toàn cát, thấp, có nhiều hải-cảng lớn : *Hambourg*, *Brême*, *Emden*. *Bờ biển Baltique* : không mấy quan trọng : — Bờ biển nhiều cát mùa đông thường hay đóng băng, chỉ thông với Bắc-hải bằng eo biển Đan-mạch hay bằng kênh Kiel. — Bờ biển này có mấy hải-cảng không mấy quan trọng : *Lubeck*, *Kiel*, *Rostock*...

**III. — KHÍ-HẬU** : Khí-hậu Đức có tính cách bán lục-địa : nhiệt độ giữa tháng nóng nhất và lạnh nhất sai biệt vừa phải, vũ-độ trung-bình, mưa nhiều nhất vào mùa lạnh (do gió Tây đưa hơi nước vào) và vào mùa hè (do sự bay hơi của các sông ngòi).

## TIẾT II : ĐỊA-LÝ NHÂN VĂN

### I.— DÂN CƯ

**A — DÂN SỐ :** — Theo thống kê năm 1966, Đức có 75.500.000 dân, chia ra như sau : — Tây Đức : 58 triệu — Đông Đức : 17,5 triệu.

Mật độ trung-bình là 213 trên 1 km<sup>2</sup> — Sau đại chiến thứ nhì, Đức mất miền ở phía đông sông Oder và 12 triệu dân trên vùng đó, nhưng đồng thời 10 triệu dân Đức ở ngoại-quốc bị trục-xuất về nước. — Hiện thời sinh-xuất của Đức là 18‰ và tử-suất là 11‰.

**B — SỰ PHÂN PHỐI DÂN-CƯ :** —  $\frac{3}{4}$  dân Đức sống ở thành thị, chỉ có  $\frac{1}{4}$  sống tại thôn quê. — Sau thế-chiến II, nhiều đô-thị bị tàn phá nên số dân quê đã gia tăng và tỷ số dân thành thị đã giảm sút : 65% (năm 1950).

**C — THÀNH THỊ :** Đức có 3 thành phố trên một triệu dân. Sau đây là những thành phố quan trọng ở Đức :

1) **Bá-linh :** gồm có 3,3 triệu dân, chia làm hai khu-vực : Đông Bá-linh thuộc khối Cộng : 1,1 triệu dân. — Tây Bá-linh thuộc phe Tự-do : 2,2 triệu dân. — Bá-linh (Berlin) ngay từ xưa đã được các vua dòng Hohensollen chọn làm kinh-đô của nước Phổ (kể từ năm 1701). Tới khi Đức thống nhất, Bá-linh cũng được chọn làm kinh-đô của Đức-quốc. — Bá-linh có diện-tích là 890km<sup>2</sup> là trung-tâm kỹ-nghệ, thương mại quan-t trọng. — Bá-linh cũng là một giang-cảng lớn (4 kênh đào gặp nhau tại đây).

2) **Các thành phố khác :** Hambourg (1,8 triệu), Munich (1,1 triệu), Coolgne (750.000) Essen (720.000), Leipzig (600.000) .

### II.— CHỨNG TỘC

— Sau thế chiến thứ II, dân Đức rất thuần nhất : tại Đức chỉ còn giống Nhật-nhĩ-mãn nói tiếng Đức. — Về phương diện tín ngưỡng, đa số dân miền Bắc và Đông theo đạo Tin-lành, còn dân miền Nam và miền Tây theo đạo Thiên-chúa.

### III.— TỔ-CHỨC CHÍNH-TRỊ

— Năm 1871 nước Đức thống nhất. Tuy nhiên, do vị-trí thiên nhiên người ta vẫn thấy hai miền khác biệt : Miền ở phía Đông sông Elbe có những đại-điền-sản, kinh-tế thấp kém. Miền ở phía Tây sông Elbe, có nhiều nguyên liệu, kinh-tế phồn-thịnh.





Sau thế chiến, nước Đức bị chia cắt làm hai khu-vực chính-trị khác biệt. : Phía Đông là nước Cộng-hòa Nhân dân Đông Đức, diện-tích 108.000 km<sup>2</sup>, kinh-đô : Pankow (ngoại-ô Đông Bá-ling) theo chế-độ Cộng-sản. Phía Tây là nước Cộng-hòa Liên-bang Đức, diện-tích 248.000, kinh-đô : Bonn, theo chế-độ dân-chủ tự-do.

### TIẾT III : ĐỊA-LÝ KINH-TẾ

#### ĐOẠN I : NƯỚC CỘNG-HÒA NHÂN-DÂN

##### ĐÔNG - ĐỨC

#### I. — VÀI NÉT ĐẠI CƯƠNG VỀ NỀN KINH - TẾ CỦA NƯỚC CỘNG-HÒA NHÂN-DÂN ĐÔNG-ĐỨC

A — **CHÍNH-SÁCH KINH-TẾ** : — Đông Đức theo chủ-nghĩa xã-hội, nên áp-dụng chính-sách kinh-tế hoạch-định : Quốc hữu-hóa các ngành hoạt-động kinh-tế quan-trọng, soạn-thảo và áp-dụng những kế-hoạch kinh-tế, tập-thể hóa nông-nghiệp..

B — **ĐẶC ĐIỂM CỦA NỀN KINH-TẾ ĐÔNG-ĐỨC** : Đông Đức thiếu nhiều nguyên liệu dùng cho kỹ-nghệ, nhưng, có nhiều vùng đất tốt.

#### II. — NÔNG-NGHIỆP

##### A — VÀI NÉT ĐẠI CƯƠNG VỀ NỀN CANH-NÔNG ĐÔNG-ĐỨC

1) **Chính-sách canh-nông** : — Ngay từ năm 1945, chính-quyền Nga và Đức đã trưng-dụng 2,2 triệu hecta đất để chia cho 540.000 nông-dân cày cấy ngõ hầu định-cư dân ở thôn quê.

— Năm 1952, Đông Đức bắt đầu tập-thể hóa nông nghiệp : lập các nông trường tập-thể cạnh các nông trường quốc-doanh. — Tới đầu năm 1961, người ta đếm thấy có 19.300 nông trường tập thể bao gồm 5.400.000 hecta đất đã được cày cấy ; 670 nông-trường quốc-doanh gồm 400.000 hecta đất ; và chỉ có 480.000 hecta đất thuộc phạm-vi sở-hữu tư của 30.000 nông dân.

2) **Đặc-điểm của canh-nông Đông-Đức** — **Yếu-tố thiên-nhiên** : Đông Đức có tới 6,5 triệu hecta đất trồng trọt được coi là một trong số những đất tốt nhất Âu-Châu : những miền đất phì-nhiều này thuộc đồng bằng Saxe-Thuringe, đồng Borde ở Magesbourg. — **Yếu-tố tư-bản** : Đông-Đức theo chủ-nghĩa xã-hội, quốc-hữu hóa tất cả các đại-diện-sản của các địa-chủ, nên không có

những nhà tư bản tư nhân bỏ vốn kinh-doanh trong ngành nông-nghiệp. Tất cả vốn đầu tư trong ngành canh-nông đều do chính-phủ bỏ ra. — *Yếu-tố nhân-công* : nông-dân được tập trung làm việc trong các nông-trường tập thể hoặc trong các nông-trường quốc-doanh. Chỉ còn lại một số ít tư nhân còn được quyền khai thác những mảnh đất thuộc sở hữu tư. — *Yếu tố kỹ-thuật* : Đông Đức hết sức kỹ-nghệ-hóa nông-nghiệp. Hiện có tới 64.000 máy kéo được sử-dụng trong các nông-trường. Tuy nhiên con số này hẳn còn chưa đủ cung-ứng cho nhu-cầu nông-nghiệp của Đông-Đức.

**B CÁC NÔNG-PHẨM CHÍNH (năm 1966)** : Nông-phẩm sản-xuất đã gia-tăng nhưng vẫn còn ở mức thấp : — *Lúa mì* : 1,8 triệu tấn — *Khoai tây* : 12,8 triệu tấn — *Củ cải đường* : 5,4 triệu tấn — *Bò* : 4,6 triệu tấn — *Hec* : 9 triệu con. — *Cừu* gần triệu con — Ngày nay Đông Đức ngả về khuynh-hướng chuyên trồng củ-cải đường, khoai tây và các loại cây kỹ-nghệ.

### III.— KỸ-NGHỆ

#### A— VÀI NÉT ĐẠI CƯƠNG VỀ NỀN KỸ-NGHỆ ĐÔNG-ĐỨC :

— Đông Đức ít than đá, chỉ có nhiều than bùn. — Đông Đức thiếu nhiều nguyên-liệu như tơ sống, bông, len, cao-su, các kim-khí. Đông Đức chỉ có nhiều potasse.

**B— CÁC KHOÁNG-SẢN VÀ NĂNG-LƯỢNG CHÍNH (thống-kê 1966)** — *Than* : — *Than đá* : 2,2 triệu tấn, mỏ ở Zwickau (chân núi Erg Gebirge) — *Than bùn* : 251 triệu tấn — *Dầu hỏa* : có rất ít tại đồng Thuringe. — *Điện-lực* 50 tỷ kwh, phần lớn là nhiệt-điện. *Uranium* : quặng Uranium khá quan-trọng ở dãy núi Erzgebirge, có lẽ đứng đầu Âu-châu. Quặng này do Nga khai thác. *Potasse* : 1,9 triệu tấn, mỏ ở Stassfurt và Mulhausen.

**C— NỀN KỸ-NGHỆ ĐÔNG-ĐỨC** : Kỹ-nghệ luyện kim : Luyện sắt, mỗi năm được 4,5 triệu tấn thép. Các trung-tâm luyện sắt quan-trọng là : Stalinstadt (ở ngã ba sông Sprée với kênh Sprée-Oder), Trung-tâm luyện sắt miền Tây ở Calbe (chân núi Harz) Kỹ-nghệ cơ-khí : xe-hơi : trên 100.000 chiếc mỗi năm. — *Máy móc chính xác* : rất quan-trọng. *Kỹ-nghệ dệt* : Tăng tiến rất nhiều, hiện Đông-Đức thiên về kỹ-nghệ dệt tơ-sợi nhân-tạo. Trung-tâm kỹ-nghệ dệt quan-trọng là Kark-Marx-Stadt (xưa là Chemnitz) ở chân núi Erggebirge. *Kỹ-nghệ hóa-học* : quan-trọng, đặt ở đồng bằng Saxe,

② ĐỨC : Địa lý kinh tế < kỹ nghệ >



sản-xuất nhiều phân hó a-học, tơ nhân-tạo, cao-su tổng hợp...

#### IV.— GIAO-THÔNG

*Đường thủy* : không thuận tiện. *Đường sắt* : 15.000 km, khá xen kẽ. *Đường bộ* : Có nhiều xa-lộ, giữ địa-vị quan-trọng trong việc giao thông.

#### V.— THƯƠNG MẠI

Đông Đức hoàn toàn chỉ giao thương với các nước thuộc khối Cộng-sản. — Đông Đức *nhập-cảng* các nguyên liệu cần cho kỹ-nghệ như than đá, bông, len. — Đông-Đức *xuất-cảng* các máy móc và nguyên liệu thừa (than bùn, potasse.)

### ĐOẠN II NƯỚC CỘNG - HÒA LIÊN - BANG - ĐỨC

#### I.— VÀI NÉT ĐẠI CƯƠNG VỀ NỀN KINH-TẾ CỦA NƯỚC CỘNG-HÒA LIÊN-BANG TÂY ĐỨC

— Sau thế-chiến thứ nhì, Tây-Đức được các cường quốc Tây-phương nhất là Hoa-kỳ viện trợ, nên đã phục-hưng lại kinh-tế mau chóng. — Tây Đức có nhiều nguyên-liệu, thiên về kỹ-nghệ hơn nông nghiệp.

#### II.— NÔNG-NGHIỆP

**A — VÀI NÉT ĐẠI CƯƠNG VỀ NÔNG-NGHIỆP TÂY ĐỨC :**  
*Yếu-tố thiên nhiên* : Diện-tích trồng trọt ở Tây-Đức ít. — *Yếu-tố tư-bản* : tư-bản bỏ ra đầu tư trong nông-nghiệp không mấy quan-trọng. — *Yếu-tố nhân-công* : nông dân tương đối ít hơn thợ (6 triệu). *Yếu-tố kỹ-thuật* : Tây Đức triệt-đề áp-dụng phương-pháp cơ-giới-hóa nông-nghiệp dùng nhiều phân bón hóa-học. Vì thế năng-xuất rất cao : 28 tạ một hecta (Pháp chỉ có 17 tạ).

**B — CÁC NÔNG PHẨM CHÍNH (thống kê 1966) :** — Lúa mì : 5 triệu tấn. Lúa mạch : 3,5 triệu tấn Khoai tây : 25 triệu tấn. Đứng hàng thứ ba thế-giới. *Đường* : 2 triệu tấn. *Bò* 13 triệu con *Lợn* 17 triệu con. *Cá* : 600.000 tấn

#### III.— KỸ-NGHỆ

**A — VÀI NÉT ĐẠI CƯƠNG VỀ KỸ-NGHỆ TÂY ĐỨC :** *Yếu-tố thiên nhiên* : Tây-Đức có nhiều mỏ than đá và than non, đủ dùng cho kỹ-nghệ trong xứ. Tuy nhiên Tây Đức ít mỏ kim khí.

**Yếu-tố tư-bản :** Sau thế chiến II, Tây Đức được các cường quốc Tây-phương viện-trợ tài-chánh và các tư-bản ngoại-quốc đã bỏ vốn đầu tư nhiều vào kỹ-nghệ, nên nền kỹ-nghệ Tây Đức phục-hưng rất nhanh. **Yếu-tố nhân công :** Thợ Tây Đức khá nhiều (20 triệu), có đức tính cần cù, trọng kỷ-luật, làm việc với nhiệt-tâm, ít đình công. **Yếu-tố kỹ-thuyết :** Tây Đức áp dụng đủ các phương-pháp kỹ-thuyết tân-kỳ vào kỹ-nghệ.

**B— CÁC KHOÁNG-SẢN VÀ NĂNG-LƯỢNG CHÍNH (1966)**  
**Than :** Tây Đức có nhiều than đá (140 triệu tấn) và than non (bùn) (110 triệu tấn). Mỏ than quan-trọng ở Ruhr. **Dầu hỏa :** Tây Đức có ít dầu hỏa 7 triệu tấn. Mỏ dầu ở Emsland, Hanovre. **Điện-lực :** 165 tỷ kwh. **Potasse :** 2,7 triệu tấn.

**C— NỀN KỸ-NGHỆ TÂY ĐỨC : TÂY ĐỨC ĐỨNG HÀNG THỨ TƯ TRÊN THẾ-GIỚI VỀ KỸ-NGHỆ :**

1) **Kỹ-nghệ luyện-kim :** Thép : 35,3 triệu tấn. Gang : 28 triệu tấn. Nhôm, Đồng, Chì : cũng khá quan-trọng nhưng tương đối ít.

2) **Kỹ-nghệ cơ-khí :** — Xe hơi : gần 3 triệu chiếc — Tàu thủy : hơn 1 triệu tấn tàu — Ngoài ra còn kỹ-nghệ sản-xuất nông-cụ, đầu xe lúa, vũ-khí...

3) **Kỹ-nghệ dệt :** — Len : 115.000 tấn, dệt ở hạt Ruhr — Bông dệt ở Saxe và Lusace — Tơ lụa, tơ nhân tạo dệt ở Saxe, Ruhr. Các đô thị có nhiều nhà máy len họp lại thành tỉnh Wuppertal trên thung lũng sông Wpper.

4) **Kỹ-nghệ hóa-học :** hiện nay đứng hàng ba thế-giới sau Hoa-kỳ và Liên-sô. Kỹ-nghệ hóa học tập trung tại miền Ruhr.

**IV.— GIAO-THÔNG**

**Đường thủy :** Rất thuận tiện. Những sông thiên nhiên nối với nhau bằng nhiều sông đào và được nắn lại nên đã trở thành những đường giao thông rất thuận-lợi. **Đường sắt :** 35.000km, khá xen kẽ, đứng hàng thứ nhì sau Bỉ. **Đường bộ :** Có nhiều xa-lộ (4 000km) nối Bá-ling với các đô-thị miền Bắc và miền Nam. **Đường hàng không,** do Công-ty Lufthansa đảm trách, không mấy quan trọng.

**V.— THƯƠNG MẠI**

Đứng hàng thứ ba thế-giới : — Tây Đức nhập-cảng nguyên-liệu và thực-phẩm. — Tây Đức xuất-cảng máy móc và chế-tạo phẩm Tây Đức giao thương với các nước Au-châu không cộng-sản, Mỹ-châu, và vùng Cận-Đông.



## Nước Nhật

- Diện-tích : 369.000 km<sup>2</sup>
- Dân số : 100 triệu
- Thủ-đô : Đông-kinh (Tokyo).

### TIẾT I: ĐỊA-LÝ THIÊN NHIÊN

#### I.— VỊ-TRÍ, DIỆN-TÍCH

— Nước Nhật ở phía Đông Á-châu, gồm 4 đảo lớn hình vòng cung và hơn 1.000 đảo nhỏ, chạy dài gần 2.400 km<sup>2</sup> từ Bắc vĩ-độ 24° đến 46°, chiều ngang rộng nhất là 275km. — Diện-tích nước Nhật là 369.644 km<sup>2</sup>. — Nhật-bản bắc giáp đảo Sakhaline và Kouriles thuộc Nga, Nam giáp Trung-hải, Đông giáp Thái-bình-dương và Tây giáp biển Nhật-bản. — Bốn đảo chính và lớn ở Nhật là Hokkaido (còn gọi Yéso), Hondo (Honshu), Sikok (Shikok) và Kiou-Siou (Kyushu).

#### II.— HÌNH THỂ

**A— ĐỊA-DIỆN** : Nhật có nhiều núi và hẻm sơn, các đồng bằng thì ít và đều nhỏ hẹp :

**1) Núi** : — Núi chiếm 84% diện tích Nhật-bản — Có hai dãy núi chạy dài dọc theo hai bờ biển phía Đông và phía Tây. — Giữa hai dãy núi này là những miền trũng dài và hẹp. — Nhật có nhiều núi lửa : tất cả hơn 200 ngọn, trong số có 54 núi lửa đang hoạt động. Núi lửa Fuji yama (cao 3.800 m) ở giữa đồng Magna Fossa là ngọn đẹp nhất, — Nhật có nhiều trận động đất : ở Magna Fossa, mỗi năm trung-bình có tới 500 trận động đất.

**2) Đồng bằng** : Nhật có ít đồng bằng, nhưng các đồng bằng lại rất phì nhiêu.

**B— SÔNG NGÒI** : Sông ngòi ở Nhật tuy ngắn nhưng nhiều nước và độ dốc lại mạnh.

**C— BIÊN VÀ BỜ BIỂN** : — Nhật là một quần-đảo, chung quanh đều là biển. — Phía Tây có bờ biển Nhật-bản sâu gần 4.000 m — Phía Đông là Thái-bình-dương. — Tại miền biển Thái-bình-dương, có hai

luồng hải lưu là — Luồng nước nóng, *Kouro Shivo* chảy dọc theo bờ biển theo hướng Đông Nam, tới Bắc-vĩ-độ 38° (mùa đông) và 41° (mùa hè) — Luồng nước lạnh, *Oya-Shivo* chảy từ Bắc xuống, tới Bắc-vĩ-độ 37°. Tại miền hai dòng hải lưu trên gần nhau có rất nhiều cá — Giữa các đảo Kyushu, Shikok và Honshu có một « Hải-nội » (merintérieure), rất quan-trọng vì vị-trí đặc-biệt của nó. — Bờ biển Nhật dài và lồi lõm, có nhiều mũi đất và vịnh rộng, rất thuận tiện cho việc hàng hải.

### III. — KHÍ-HẬU

Nhật có khí-hậu đại-dương rất rõ : khí-hậu luôn ấm ướt. Hơn nữa Nhật chạy dài theo vĩ-độ, nên Bắc lạnh Nam nóng. Những yếu-tố ảnh-hưởng tới khí-hậu Nhật là :

**A — VĨ-ĐỘ VÀ CÁC DÒNG HẢI-LƯU :** Khí-hậu thay đổi theo các miền, — Đảo Hokkaido và miền Bắc Honshu : rất lạnh. Mùa Đông lại càng lạnh gát vì có dòng nước lạnh Oya Shivo ảnh hưởng vào (tháng giêng ở Hokkaido : — 5°). — Miền Trung đảo Honshu : khí hậu dịu hơn (tháng giêng ở Tokyo : -| 3°). — Miền Nam Honshu, đảo Shikok và đảo Kyushu : khí-hậu tiếp nhiệt đới, nên mùa rét dịu, và ấm áp vì nhờ dòng nước nóng Kouro Shivo.

**B — GIÓ MÙA :** gió mùa đem mưa đến mọi nơi nên khí hậu luôn ấm ướt. — Mùa hè : gió từ Thái-bình-dương thổi đến, đem theo nhiều mưa (vũ độ : 1 m đến 2 m 50). — Mùa Đông : gió thổi từ Tây-bá-lợi-á, qua biển Nhật-bản, cũng đem theo nhiều mưa, thường là mưa tuyết trên bờ biển và núi phía Tây.






**C — BÃO :** Nhật có nhiều bão : — Từ tháng 6 đến tháng 9 : bão thổi qua biển Nhật-bản tới phía Bắc Honshu và Hokkaido. Từ tháng 9 đến tháng 12 : bão thổi qua đồng bằng Tokyo và bờ biển Đông Bắc Honshu.

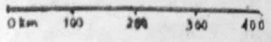
### IV. — THẢO-MỘC

Cây cối ở Nhật rất tốt tươi và có đủ loại : Những yếu-tố ảnh-hưởng tới thảo mộc ở Nhật là :

**A — VĨ-ĐỘ :** thảo mộc thay đổi tùy theo vĩ-độ : — Đảo Hokkaido và phía Bắc Honshu : những rừng cây ôn-đới gồm đủ loại phong, sồi dẻ gai, bạch dương, tùng, bách... — Phía Nam Honshu và các đảo Shikok, Kyushu : những loại cây miền nhiệt-đới : tre, sơn, trà...

**"NHẬT: Địa lý thiên nhiên**

-  Đồng bằng
-  Núi và đồi
-  Núi lửa
-  Luồng nước lạnh
-  Luồng nước nóng



**B— CAO-ĐỘ :** thảo mộc khác nhau tùy cao-độ : — *Dưới thấp :* có những cây lá rụng về mùa Đông. — *Độ cao trung-bình :* các loại tùng bách. — *Cao hơn cả :* đồng cỏ thiên-nhiên với những hoa đủ màu sắc. 54% đất Nhật bao phủ bởi rừng rậm.

## TIỆT II : ĐỊA-LÝ NHÂN VĂN

### I. — DÂN CƯ

**A — DÂN SỐ :** Theo thống-kê 1967, dân Nhật đông tới 100 triệu người. Dân Nhật tăng gia rất mau : 1872 : 23 triệu, 1920 : 55 triệu, 1940 : 72 triệu, 1957 : 92 triệu, 1967 : 100 triệu. Trung-bình mỗi năm dân Nhật tăng được 1.800.000 người. — Số dân tăng gia đó là do sinh-suất trội hơn tử-suất : — Tử-suất càng ngày càng giảm : năm 1900 : 20‰, năm 1956 : chỉ còn 8‰. — Trong khi sinh-suất vào năm 1920 là 35‰. Nay sinh-suất đã giảm xuống còn 18‰.

**B — SỰ PHÂN PHỐI DÂN NHẬT KHÔNG ĐỀU :** — Mật-độ trung-bình là 260 trên một cây số vuông. — Những miền núi dân cư rất thưa thớt. — Còn những miền đồng bằng dân tập trung rất đông, có nơi mật độ lên tới 1.700. — Xưa kia đa-số dân Nhật sống tại thôn quê. Nay dân Nhật tập trung về thành thị mỗi lúc một nhiều và chiếm tới 51‰ dân số.

**C — THÀNH THỊ :** Nhật có nhiều thành-phố đông dân. Sau đây là những thành-phố quan-trọng :

**1) Tokyo-Yokohama :** — Tokyo (Đông-kinh) là kinh-đô Nhật từ năm 1868. Thành-phố Đông-kinh hiện có tới 10 triệu dân. — Cách Đông-kinh 35 km về phía Nam là cảng Yokohama (1.500.000 dân), nhờ cảng này và một kênh được vét sâu mà tàu lớn có thể vào tận Đông-kinh. Đông-kinh là *thủ-đô chính-trị, thủ-đô kinh-tế* của nước Nhật, 30% kỹ-nghệ Nhật tập trung tại đây. — Ngoài ra, Đông-kinh còn là trung-tâm giao-dịch quốc-tế, tập trung những tờ-hợp lớn, những công-ty hàng hải vĩ-đại. — Ngày nay Tokyo-Yokohama hợp lại thành một thành-phố, có tới 18 triệu dân.

**2) Osaka-Kobé :** — Osaka là thành-phố lớn thứ nhì của Nhật sau Tokyo, có 7 triệu dân. — Cũng như Đông-kinh, Osaka được nối với cảng Kobé (1 triệu dân) thành một thành-phố. — Khu-vực Osaka-Kobé có tới 10 triệu dân, Osaka-Kobé là thành-phố chuyên về kỹ-nghệ bông vải, luyện kim, hóa học, và đồng thời cũng là một thị-trường gạo và đường.

3) **Nagoya** : — Nagoya (1.700.000 dân) là một thành-phố ở giữa đồng bằng nhỏ (đồng bằng này có 5 triệu dân). — Nagoya là nơi nổi tiếng về đồ gốm cổ truyền Nhật-bản, kỹ-nghệ len, đồng-hồ, đóng tàu.

4) **Kyoto** : — Kyoto (1.400.000 dân) cách Osaka 50km về phía Bắc, gần hồ Biwa, là kinh-đô cũ của nước Nhật. — Kyoto có nhiều chùa, tu-viện là trung-tâm của các đại-học và kỹ-thuật, và cũng là trung tâm kỹ-nghệ đồ gốm và dệt lụa.

Ngoài ra Nhật còn những thành-phố khá quan trọng như cảng *Hiroshima* (350.000 dân), *Nagasaki* (250.000 dân), *Kure* (275.000 dân), *Shimonseki* (200.000 dân).

## II.— CHUNG TỘC

— Dân cở-sơ của Nhật, gọi là giống người Ainou, nay còn lại ít (17.000) sống tại đảo Hokkaido (Yéso). — Dân Nhật hiện thời do sự pha trộn của các giống dân di-cư từ các nơi xa đến : — Người Mông-cổ từ Cao.ly sang — Người Mã-lai hay các dân Polynésie từ Nam-đương quần đảo tới.

## III.— TỔ-CHỨC CHÍNH-TRỊ

Nước Nhật theo chế-độ đại-nghị, do Hiến-pháp 1946 Qui-định : — Tạng-trung và đại-diện quốc-gia là Thiên-hoàng Nhật, được kế-truyền theo huyết thống. Thiên-hoàng không có thực quyền, chỉ giữ hư-vị. — *Nền Hành-pháp* được trao cho cơ-quan hành-pháp là Nội-các. Nội-các gồm có Thủ-tướng do Quốc-hội chỉ-định. — *Quyền Lập-pháp* trao cho Quốc-hội. Quốc-hội gồm có hai Viện là Thượng và Hạ Viện. Những nghị-sĩ của Quốc-hội đều do dân bầu : — Thượng nghị Viện gồm 250 nghị-sĩ, nhiệm-kỳ 6 năm. — Hạ nghị Viện gồm 467 nghị-sĩ nhiệm-kỳ 4 năm. — *Quyền Tư-pháp* trao cho các Tòa án Tối-cao và Tối cao Pháp-viện. — Toàn quốc Nhật có 46 Huyện, Huyện chia làm nhiều Đô-thị, tỉnh và thành làng. Những viên chức hành-chánh cai-trị Huyện, Tỉnh.thành và làng đều cho dân bầu.

## TIẾT III : ĐỊA-LÝ KINH-TẾ

### I.— ĐẶC ĐIỂM CỦA NỀN KINH-TẾ NHẬT-BẢN

— *Nền kinh-tế Nhật bị chi-phối mãnh-liệt bởi nạn nhân mãn* : dân Nhật mỗi ngày một tăng gia và đất đai trồng trọt lại quá ít.

— Để giải quyết nạn nhân mãn, Nhật đã cố-gắng tăng gia diện-tích trồng trọt, kỹ-nghệ hóa mọi ngành hoạt động kinh-tế, di-dân ra ngoại-quốc, gây chiến tranh để chiếm thị - trường. Nhưng Nhật đã thất bại trong việc gây chiến. Thành thử sau thế chiến, nạn nhân mãn ở Nhật càng trở nên trầm trọng.

## II. — NÔNG-NGHIỆP

### A — *VÀI NÉT ĐẠI CƯƠNG VỀ NỀN CANH-NÔNG NHẬT :*

1) Yếu-tố thiên nhiên : Nhật hiều núi, ít biền-nguyên, nên diện-tích trồng trọt rất ít, chỉ trồng trọt được có 16% diện-tích đất đai, vào quãng 6 triệu mẫu tây đất :

2) Yếu-tố tư-bản : không có những nhà đại-tư-bản bỏ tiền đầu tư vào nông-nghiệp. Chỉ có những tiểu-điền chủ đích thân coi sóc những mảnh ruộng. Số tiểu điền chủ chiếm tới 75% nông dân.

3) Yếu-tố nhân công : hiện nay có tới 49% dân Nhật sống về nghề nông. Nông dân Nhật cần-cù, chăm sóc thửa ruộng như chăm nom vườn hoa.

4) Yếu-tố kỹ-thuật : — Nông dân Nhật áp dụng lối cực-lực canh-tác, bón rất nhiều phân tro, nhất là phân hóa-học. — Năng-xuất lúa của Nhật rất cao 1 38 tạ trên một mẫu tây đất.

### B — *CÁC NÔNG-SẢN CHÍNH (1967) :*

1) Lúa (gạo) : 17 triệu tấn, diện-tích trồng trọt chiếm tới 63% đất trồng trọt được. Nhật xuất cảng gạo ngon và nhập-cảng gạo xấu.

2) Trồng dâu chần tằm : Nhật áp-dụng những phương-pháp khoa-học và ngành trồng dâu chần tằm và thu-hoạch được những kết quả thật đáng kể. Mỗi năm sản-xuất gần 17.000 tấn tơ sống.

3) Trà : 55.000 tấn, trồng ở những đồi phía Nam Honshu và Sikkok, Kyushu.

4) Các nông-sản khác : — Lúa mì : 1.330.000 tấn tại miền Trung và Nam Hokkaido, và Bắc Honshu. — Lúa mạch : hơn 2 triệu tấn, trồng ở miền Bắc. — Kê, khoai tây, Củ cải đường trồng ở miền Bắc — Mía bông trồng ở miền Nm...

5) Chăn nuôi : — Bò : 5 triệu con — Ngoài ra gà, heo không đáng kể.

6) Ngư nghiệp : — Hàng năm : 7 triệu tấn cá. — Nhật



đánh được nhiều cá nhất thế-giới. — Nhật còn cấy ngọc trai tại vùng Nagoya và sản xuất rong biển dùng làm thực-phẩm.

### III.— KỸ-NGHỆ

#### A— VÀI NÉT ĐẠI CƯƠNG VỀ NỀN KỸ-NGHỆ NHẬT :

1) Yếu-tố thiên nhiên : — Nhật thiếu nhiều nhiên-liệu : Nhật có ít than đá, vài giếng dầu hỏa. — Nhật cũng thiếu nhiều nhiên liệu cần thiết cho kỹ-nghệ : Nhật chỉ có nhiều đồng và diêm-sinh, còn thiếu hầu hết các loại kim-khí khác.

2) Yếu-tố tư-bản : — Chính-phủ bỏ vốn đầu tư khá nhiều vào các ngành kỹ-nghệ quốc-phòng và những tổ-hợp khác. — Nền kỹ-nghệ Nhật do chừng 10 công-ty lớn chi- phối, quan-trọng nhất là Công-ty Mitsui và Mitsubishi. — Sau thế chiến II, Nhật thiếu vốn, phải nhờ viện-trợ Hoa-kỳ mới phục-hưng được kỹ-nghệ.

3) Yếu-tố nhân-công : — Vì nạn nhân mãn, nên nhân công Nhật rất rẻ và nhiều. — Nhân công Nhật lại rất chăm chỉ, tận tụy với nghề nghiệp bất chước rất giỏi.

4) Yếu-tố kỹ-thuật : Nền kỹ-nghệ Nhật mới có gần một thế-kỳ, nên kỹ-thuật chưa có truyền thống. — Tuy nhiên sau thế chiến II, Nhật đã sản xuất rất nhiều máy móc tinh vi và kỹ-thuật sản xuất của Nhật tiến rất nhanh, không thua gì Anh, Hoa-kỳ. — Hiện thời kỹ-nghệ cổ-truyền của Nhật (dệt lụa, đồ gốm, thêu) cũng rất thịnh hành.

#### B— CÁC KHOẢN-SẢN VÀ NĂNG LƯỢNG CHÍNH :

1) Than đá : 51 triệu tấn. Các mỏ than ở Bắc-đảo Kyushu và Nam Hokkaido. Than Nhật xấu (vụn dễ vỡ). Nhật phải nhập-cảng than Coke của Hoa-kỳ để luyện sắt.

2) Dầu hỏa : rất ít, 300.000 tấn. Mỏ dầu ở miền Trung, và Nam Hokkaido và Tây Honshu.

3) Điện lực : 195 tỷ kwh, đa số là thủy điện lực.

4) Kim khí : — Nhật có nhiều diêm sinh, còn đồng, kẽm chỉ có gần đủ dùng trong kỹ-nghệ. Nhật có ít sắt. Mỏ sắt ở Bắc Honshu, Hokkaido.

#### C— NỀN KỸ NGHỆ NHẬT :

1) Kỹ nghệ luyện kim : — Thép 40 triệu tấn — Hai Công-ty luyện thép quan-trọng là Yawata và Iron và Fuji Iron.



2) **Kỹ nghệ cơ-khí** : — **Đóng tàu** : 6.700.000 tấn hạ thủy năm 1967. Kỹ nghệ này tập trung tại Nagasaki, Kobe, Yokohama và Kuré. — **Ô-tô** : 3.200.000 chiếc (1967). tập trung tại Nagasaki, Kuré. — Ngoài ra các kỹ-nghệ làm máy điện, đầu máy, dụng-cụ hỏa-xa, đồng hồ, xe đạp, xe gắn máy, các loại đồ chơi... Cũng phát-triển rất mạnh.

3) **Kỹ nghệ hóa học** : rất quan trọng : **Xi-măng** : gần 9 triệu tấn. — **Acid Sulfuric 3,2** triệu tấn — **Phân bón** : 6 triệu tấn — **Làm giấy** : 1.3000.000 tấn, rất thịnh-vượng vì Nhật có nhiều rừng.

4) **Kỹ nghệ dệt** : thu hút nhiều nhân công ! — **Dệt bông vải** 600.000 tấn, tập trung tại Osaka và Nagoya. — **Dệt lụa** : nổi tiếng nhất về phẩm chất và kỹ-thuật tinh-xảo, tập trung tại Tokyo và Kyoto. — **Dệt len** : 149.000 tấn. Nhật nhập-cảng len sống rồi đem dệt tại Tokyo. — **Tơ nhân-tạo** : rất phát-triển, đứng hàng nhì thế-giới sau Hoa-kỳ.

#### IV.— ĐƯỜNG GIAO THÔNG

**A— ĐƯỜNG THỦY** : quan trọng nhất : — Các đô thị lớn của Nhật đều được giao-thông với nhau bằng đường thủy (ven biển) — Vào năm 1958, đội thương thuyền Nhật đã có tới 5.400.000 tấn trọng tải.

**B— ĐƯỜNG SẮT** : — Ngành hỏa-xa Nhật bị quốc-hữu-hóa vào năm 1949. — Vào Năm 1938, đường sắt của Nhật dài 21.167km.

**C— ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG** : do Công-ty Hàng-không Nhật (Japan Air Lines) khai thác, thành lập năm 1953, có những đường nối các đô-thị lớn với nhau.

**D— ĐƯỜNG BỘ** : 8.500km với 200.000 xe hơi.

#### V.— THƯƠNG-MẠI

Trước thế chiến II, Nhật theo chính-sách phá giá hàng (Dumping) để cạnh tranh với hàng hóa Hoa-kỳ, Anh. Nay Nhật không được làm vậy. Hiện thời vấn-đề tìm thị-trường bán hàng cũng là vấn-đề hết sức gay go đối với Nhật. — Nhật nhập-cảng nhiều nguyên-liệu : than, dầu hỏa, sắt, bông, len ; và thực-phẩm gạo, lúa, mì. — Nhật xuất-cảng những chế-tạo phẩm : vải bông, vải hóa học, đồ kim-khí... — Nhật thường buôn bán với Hoa-kỳ, Trung-hoa, Việt-Nam, Ấn-độ, Nam-dương, Úc.

# Trung-Hoa

- Diện tích : gần 10 triệu km<sup>2</sup>
- Dân số : 700 triệu dân
- Thủ-đô : — Lục-địa : Bắc-kinh  
— Đài-loan : Đài-bắc.

## TIẾT I : ĐỊA-LÝ THIÊN-NHIÊN

### I. — VỊ-TRÍ, DIỆN-TÍCH

— Nếu kể cả những khu biên-cảnh, Trung-hoa rộng 9.636.000 km<sup>2</sup>. — Nếu chỉ kể Trung-hoa chính danh-nghĩa là 18 tỉnh, Mãn-châu và Đài-loan — thì Trung-hoa rộng 4.500.000 km<sup>2</sup> với 700 triệu dân. — Nếu chỉ kể Trung-hoa chính-địa ở lục-địa (nghĩa là 18 tỉnh ở Trung-nguyên thối) thì Trung-hoa chỉ rộng có gần 4 triệu km<sup>2</sup>. — Đài-loan rộng 36.000 km<sup>2</sup> có 12 triệu dân. Trung-hoa lục-địa *phía Đông* giáp biển Trung-hoa, *phía tây* giáp Tân-cương Nga và Afghanistan, *phía Bắc* giáp Tây-bá-lợi-á và *phía Nam* giáp Việt-nam, Ai-lao, Miến-điện, Ấn-độ.

### II. — HÌNH THỂ

**A — ĐỊA-DIỆN :** Trung-hoa chia làm 3 khu-vực rõ rệt : — Trung-hoa chính-địa gồm 18 tỉnh. — Những miền biên-cảnh phụ thuộc. — Hai đảo Đài-loan và Hải-nam.

**1) Trung-hoa chính-địa :** *Phía Bắc* giới hạn bởi Vạn-lý-trường-thành, *phía Tây* bởi dãy núi Tứ-xuyên, *phía Nam* bởi núi Vân-nam, *phía Đông* bởi biển Trung-hoa, Trung-hoa chính-địa gồm có 3 miền : *Hoa-Bắc* : gồm những cao nguyên và bình nguyên rộng lớn : *Những núi và cao nguyên* : Cao nguyên Jehol (Nhiệt-hà) ở phía Bắc Bắc-kinh, giữa dãy Đại Khingan và vịnh Trục-lệ (cao 1.000 m). Cao-nguyên Cam-túc, Thiềm-tây cao 1.500 m, ở phía Bắc dãy núi Tân-linh. Ở miền này có núi Thái-hàng-sơn, Ngũ-đại-sơn tại tỉnh Sơn-tây. — *Bình nguyên* : Do phù-sa Bạch-hà và Hoàng-hà tạo thành. Cả Hoa-bắc được bao phủ bởi lớp hoàng thổ rất màu mỡ, sộp, thấm nước. — *Bán đảo Sơn-đông* : Bán đảo này ở phía Đông bình

nguyên. Sơn-đông có bờ biển lồi lõm, nhiều hải-cảng tốt. Hoa-Trung: Hoa-trung ở hai bên bờ sông Dương-từ. Từ Tây sang Đông, Hoa-trung gồm có : — Núi Tứ-xuyên là núi trẻ, có rừng bao phủ, hướng Bắc-Nam, cao từ 5.500 m đến 6.000m. — Lưu vực đỏ (Bassin rouge) là một đồng bằng rất phì nhiêu có tới 60 triệu dân sinh sống. Trong thế chiến thứ II, miền này là nơi Tường giới Thạch dùng làm căn cứ kháng Nhật. Ở đây có nhiều mỏ than, sắt, khí thiên



TRUNG-HOA: Địa lý thiên nhiên

nhiên. — *Một cao nguyên cũ* — Tiếp đến một đồng bằng phi nhiều, dân cư đông đúc. Đồng bằng này là ngã tư của đường sông Dương-tử và đường lớn từ Bắc-kinh xuống Quảng-đông. Dọc đáy tại miền này thương-mại và kỹ-nghệ rất hoạt-động (Hán-khâu, Nam-kinh). — Sau cùng là cửa sông Dương-tử với hải-cảng Thượng-hải, Hoa-Nam: — Hoa-nam là một miền dôi trải rộng từ sông Dương-tử tới bờ biển. — Hoa-nam có những dãy núi cao ở phía Tây (núi Vân-nam), và một miền trũng do phù-sa Tây-giang bồi đắp. — Hoa-nam có nhiều hải-cảng thuận tiện cho việc sinh-hoạt hàng-hải, nhưng thường bị bão tàn phá: Phúc-châu, Hạ-môn, Quảng-đông, Hương-cảng. — Hoa-nam có nhiều mỏ than đá, đồng, kẽm, mangan, antimoine, wolfram. — Ngoài khơi Hoa-nam có các đảo Đài-loan và Hải-nam.

**2) Những miền biên-cảnh phụ thuộc:** Những miền biên-cảnh phụ thuộc Trung-hoa gồm: *Tây-tạng*: là một cao-nguyên, diện-tích gần 2 triệu km<sup>2</sup>, cao-độ trung-bình 4.000 đến 5.000 m, bao bọc bởi các dãy núi Hy-mã-lạp-sơn, Kara Korum, Tân-cương: là một cao-nguyên, rộng gần 1 triệu rưỡi km<sup>2</sup>, có bao bọc bởi các dãy núi Kouen Lou, Altyn — Tagh, Thiãn-sơn, Pamir. *Mông-cổ*: rộng hơn 2 triệu km<sup>2</sup>, gồm: — Một sa-mạc ở giữa sa-mạc Gobi. — Một miền đồng cỏ nghèo nàn ở chân các núi. Phía Bắc là *Ngoại-Mông* được lập thành 1 quốc-gia kể từ 1945 (1.600.000 km<sup>2</sup>, 2 triệu dân). Phía Nam là *Nội-Mông* thuộc Trung-hoa. *Mãn-châu*: rộng: 1.300.000 km<sup>2</sup> gồm: — *Ở giữa*: một đồng bằng đất đen, mở rộng về Đông-Bắc tới Hắc-long-giang. — *Phía Bắc và phía Tây*: những cao nguyên chạy dọc theo núi Đại Khingan, dài tới Hắc-long-giang. — *Phía Nam và phía Đông*: gồm có bán đảo Liêu-đông, cao-nguyên huyền-vũ của Bạch-sơn và núi Tiểu Khingan.

**3) Hai đảo Đài-loan và Hải-nam:** *Đảo Đài-loan*: rộng 36.000 km<sup>2</sup>, ở phía Đông tỉnh Phúc-kiến, vốn là thuộc-địa của Nhật cho tới năm 1945. — Địa-diện Đài-loan rất giản dị: — Phía Bắc đảo có vài ngọn núi lửa. — Phía Tây có đồng bằng phi-nhiều nằm giữa dãy núi trung-ương và biển. — Trung-ương có một rặng núi cao-độ 4.000 m. *Đảo Hải-nam*: — rộng 37.000 km<sup>2</sup>, dân cư thưa thớt. — Đảo Hải-nam không mấy quan-trọng: — Ven biển là bình nguyên có người Trung-hoa sinh sống bằng nông-nghiệp và ngư-nghiệp. — Giữa đảo và miền phía Nam có những rặng núi cao trên 2.000m. Nơi đây có những dân Thái và Mãn sinh sống.



**B— SÔNG NGÔI** : Trung-hoa có những sông chính sau :

**1) Hoàng-hà** : ở Hoa-bắc : — Hoàng-hà dài gần 5.000 km, lưu-vực rộng 700.000 km<sup>2</sup>. — Hoàng-hà phát nguyên từ Tây-tạng, chảy qua các hẻm sâu trong dãy Nam-sơn, Tần-linh, vòng quanh cao nguyên Ordos, rồi chảy vào bình-nguyên sau khi tiếp nhận phụ-lưu *Vị-hà*, và cuối cùng đổ ra vịnh Trục-lệ. — Hoàng-hà tải *nhieu phù-sa nhất thế-giới* : 1.380 triệu tấn phù-sa mỗi năm. — Hoàng-hà di chuyển lòng sông từ Nam lên Bắc tới 5 lần quanh bán đảo Sơn-đông. Khoảng cách của hai nơi di-chuyển khởi đầu và cuối cùng là 500km. Mỗi lần Hoàng-hà di chuyển lòng sông là một lần dân chúng sống quanh đó làm mồi cho sóng nước (cuộc di chuyển năm 1853 đã làm thiệt mạng 5 triệu người). — Hoàng-hà không mấy ích lợi cho sự giao thông.

**2) Dương-tử-giang** : thuộc Hoa-trung và Hoa-nam. — Dài gần 6.000km, lưu-vực 2 triệu km<sup>2</sup>. — Phát nguyên từ Tây-tạng, Dương-tử chảy qua những hẻm rất sâu (tới 3.000 m); vào lưu-vực đó, rồi vượt các ghềnh thác ở Nghi-xương, chảy qua bình nguyên, trở thành một sông rất rộng lớn (từ 800 m đến 3.000 m). — Châu thổ Dương-tử mỗi năm tiến ra bề chừng 30 m. — Dương-tử có *phụ lưu tá ngạn* là *Hán-giang* (phát nguyên từ Tần-linh) và *phụ lưu hữu ngạn* là sông *Tương* (chảy qua hồ Động-đỉnh) và sông *Cấm* (chảy qua hồ Phiên-dương). Hai hồ này làm điều hòa điệu nước của Dương-tử-giang.

**3) Tây-giang** : thuộc Hoa-nam : — Dài 2.000 km, nhỏ, không mấy quan-trọng. — Tây-giang có hai phụ-lưu là *Bằng-giang* và *Kỳ-cùng* phát nguyên từ Bắc Việt-Nam. — Tây-giang chảy qua các tỉnh Quý-châu, Quảng-tây và Quảng-đông.

**4) Sông đào** : quan trọng nhất là sông đào nổi Bắc-kinh với Hàng-châu (Canal Impérial) dài 1.200km.

### III.— KHÍ-HẬU

**A— NHỮNG NÉT ĐẠI CƯƠNG VỀ KHÍ-HẬU TRUNG-HOA** :  
*Nhiệt-độ* : Mùa hè khá nóng : nhiệt-độ trung-bình tháng bảy và 18° ở cực Bắc và 29° ở đảo Hải-nam. *Mưa* : — Mùa hè có mưa nhiều : đây là mùa ẩm ướt duy nhất ở Hoa-Bắc và Mãn-châu và là mùa mưa nhiều nhất ở Hoa-trung và Hoa-nam. — *Mưa rất thất thường tùy năm* : ở Liêu-châu (Quảng-tây) năm 1902 vũ-độ chỉ có 197mm trong khi vũ-độ trung-bình mọi năm là 1.300mm.

— **B KHÍ-HẬU TỪNG MIỀN** : *Hoa-Bắc* : Khí-hậu khô khan và lạnh lẽo. — *Mùa đông* : rất lạnh, nhiệt-độ trung-bình ở Bắc-kinh vào khoảng — 5°. Gió lạnh từ Tây-bá-lợi-á thổi sang đem theo bão tuyết. — *Mùa hạ* : rất nóng. Gió mùa đem theo mưa, nhưng mưa không nhiều. *Hoa-trung* : khí hậu nhiệt-đới dịu : *Mùa đông* : còn khá lạnh. Khi gió từ Tây-bá-lợi-á thổi qua thì có những « làn sóng lạnh » bất thần. — *Mùa hạ* : nóng. Gió mùa đem theo nhiều mưa. Khí-hậu Hoa-trung không những thích hợp cho các cây vùng ôn-đới (lúa mì, đậu, cam, bắp), mà đồng thời có những loại cây miền nhiệt đới nữa (lúa gạo, trà, bông, mía). Theo vĩ-độ (30°), Hoa Trung đáng lẽ phải có khí-hậu Địa-trung-hải (mùa hè khô), nhưng mùa hè ở Hoa-trung lại nóng và mưa nhiều giống khí-hậu nhiệt đới. Sở dĩ vậy vì khí hậu Hoa-trung còn chịu ảnh-hưởng của giòng nước nóng Kouro Chivo chảy gần bờ biển. *Hoa-nam* : Khí hậu nhiệt-đới, nóng và ẩm : — Hạ-chí-tuyến đi ngang qua Hoa-nam, đáng lẽ miền này phải có khí-hậu sa-mạc, nhưng nhờ gió mùa, nên Hoa-nam đã có khí-hậu nhiệt-đới thực sự.

## TIẾT II : ĐỊA-LÝ NHÂN VĂN

### I.— DÂN CƯ

**A — DÂN SỐ** : Dân số Trung-hoa trước chừng 700 triệu, kể cả dân số của Đài-loan (12 triệu) và Hoa-kiều hải ngoại (12 triệu) — Dân Trung-hoa tăng nhanh *nhờ sinh suất rất cao và tử suất giảm sút (1967)* — Sinh-suất : 30‰. — Tử-suất 10‰ Như vậy hàng năm dân Trung-hoa tăng thêm tới 2%, nghĩa là khoảng 15 đến 17 triệu người ! Cứ đà này thì tới năm 1980, dân số Trung-hoa sẽ lên tới 1 tỷ người và chiếm 1 phần 3 dân số của toàn thế-giới ! — Đề đối phó với nạn gia tăng quá mau này, vào năm 1957, chính-quyền Trung-hoa lục-địa đã cho ban hành một đạo luật cho phép phá thai và ngừa sinh-sản.

**B — SỰ PHÂN PHỐI DÂN CƯ** : Dân Trung-hoa phân phối không đều : — Trước kia, 90% dân số Trung-hoa sống chen chúc nhau tại miền quê và trong những đồng bằng (mật độ tới 400 trong vùng delta Đông-Nam). — Ngày nay, sự tập trung đất đai lại càng làm cho các làng-mạc qui tụ dân nhiều hơn. Hơn nữa, chính-quyền Cộng-sản còn cưỡng ép dân chúng di-cư tới khai phá những vùng hoang-vu, làm cho dân cư những vùng này trở nên

đồng đúc hơn xưa nhiều. — Thành thị ngày nay chỉ qui-tụ chừng 15% dân số mà thôi.

**C— THÀNH THỊ :** Trung-hoa lục-địa có những thành phố lớn và quan trọng sau : *Bắc-kinh* : 4 triệu dân. — Bắc-kinh là kinh-đô của Trung-hoa cộng-sản ngày nay và là thủ-đô của Hoa-bắc. — Bắc.kinh là nơi tập trung kỹ-nghệ dệt len và luyện kim ở miền Hoa-bắc. — Hải-cảng của Bắc.kinh là Tiên-sinh (3 triệu dân). *Thượng-hải* — *Thượng-hải* có 6.900.000 dân. Vào thế kỷ XIX *Thượng-hải* đã từng là đất nhượng địa của các cường quốc Tây-phương. — *Thượng-hải* là hải-cảng hạng nhất của Trung-hoa, là trung-tâm của thương-mại và của kỹ-nghệ Trung-quốc. *Vũ-Hán* : 2 triệu dân, ở thuồng-lũng trung-lưu sông Dương-tử, Inôn bị lụt lội đe dọa. *Vũ-hán* do ba tỉnh *Vũ-xương*, *Hán-khâu* và *Hán-dương* hợp lại tạo thành. *Vũ-hán* ở khúc vòng của sông Dương-tử, nơi đây kỹ-nghệ tân tiến nhất : kỹ-nghệ dệt giấy, xi-măng, máy móc... *Nam-kinh* : — 1.500.000 dân, ở hạ lưu sông Dương-tử. — *Nam-kinh* thủ-đô của miền Nam, là nơi qui-tụ của nhiều đường giao-thông. *Đài Bắc* : 900.000 dân, thủ-đô của Trung-hoa Dân-quốc, thuộc đảo *Đài-loan*. Ngoài ra ở miền Hoa-nam Trung-hoa còn có những hải-cảng lớn rất thuận tiện cho việc sinh-hoạt hàng hải là : — *Hàng-châu* (800.000 dân) — *Phúc-châu* (600.000) dân — *Hạ-môn* (300.000 dân) — *Quảng-đông* (1.800.000 dân) — *Áo-môn* (200.000 dân : thuộc địa của Bồ-đào-nha. — *Hương-cảng* (2 triệu dân) thuộc địa của Anh.

**D— ĐẶC TÍNH CỦA DÂN TRUNG-HOA :** — *Dân Trung-hoa* thuộc giống da vàng, người phương Bắc màu da vàng ngà, người phương Nam thấp, nhỏ, da vàng sẫm. — *Văn-minh Trung-hoa* : là nền văn-minh rất cổ. Ngay từ 3.000 năm trước Tây-lịch, Trung-hoa đã có nền một văn minh rực-rỡ: có văn-tự chung cho toàn quốc, lưu truyền nhiều sách vở về đủ mọi ngành văn-học, nghệ-thuật, tư-tưởng..., nghệ-thuật hội-họa, nghệ-thuật kiến trúc, nghệ-thuật đồ gốm... cũng tiến-triển vượt bậc.

## II.— CHUNG TỘC

— Dân Trung-hoa thuộc giống Hán-tộc, tương đối khá thuần nhất : da vàng, mắt đen, râu thưa. — Tại Trung-hoa có nhiều dân-tộc thiểu số : người *Mông-cổ* tại Nội-mông và *Cam-túc* ; người

Ouigours tại Tân-cương ; người *Tây-tạng, Thát, Mèo, Lô.lô...* Dân tộc thiểu số chỉ bằng 6% tổng số dân Trung-hoa nhưng họ sống rải rác trên khắp lãnh-thò Trung-quốc. Dân Trung-hoa sùng bái sự thờ cúng tổ-tiên. Ba đạo ảnh hưởng sâu xa tới tâm hồn người Trung-hoa là Nho, Lão và Phật. Một số dân Trung-hoa cũng theo đạo Hồi (20 triệu) và đạo Thiên-chúa (3 triệu).

### III.— TỒ-CHỨC CHÍNH-TRỊ

— Năm 1949 Mao Trạch Đông chiếm xong lục-địa Trung-hoa, Tưởng Giới Thạch phải chạy sang Đài-loan. — Từ đó Trung-hoa lục-địa theo chế-độ Cộng-sản và Đài-loan theo-chế-độ quốc-gia.

## TIẾT III : ĐỊA-LÝ KINH-TẾ

### ĐOẠN I : TRUNG - HOA LỤC - ĐỊA

#### I — ĐẶC ĐIỂM VÀ CHÍNH SÁCH CỦA NỀN KINH-TẾ TRUNG - HOA

A — ĐẶC ĐIỂM CỦA NỀN KINH-TẾ TRUNG-HOA : Trung-hoa là một nước thiếu mở mang, nhưng có nhiều nguyên-liệu. Vì thế khả-năng về kỹ-nghệ rất đáng khích-lệ. — Trung-hoa còn áp-dụng những kỹ-nghệ cổ xưa, nên nông-nghiệp và công-nghệ không tiến bộ mấy.

B — CHÍNH SÁCH KINH-TẾ : — Ngay khi chiếm xong lục-địa Trung-hoa Mao Trạch Đông đã cho áp dụng *Chính-sách kinh-tế hoạch-định cứng dân* để cải-tiến nền kinh-tế lạc hậu xưa. Với chính-sách kinh-tế mới này, chính quyền Trung-cộng bãi bỏ hết quyền tự-do kinh-tế của tư-nhân, quốc-hữu hóa và trưng dụng tất cả đất đai, xưởng máy, đặt dưới quyền điều khiển của quốc-gia. Ngoài ra, chính-quyền còn đưa ra những kế-hoạch ngũ niên kinh-tế để cải tiến hoàn toàn kinh-tế quốc-gia (1953 - 1957, 1958 - 62...)

#### II. — NÔNG-NGHIỆP

A — VÀI NÉT ĐẠI CƯƠNG VỀ NỀN CANH-NÔNG TRUNG-CỘNG :

1) Yếu-tố thiên nhiên : — Diện-tích đất đai trồng trọt được ở Trung-hoa rất lớn : hơn 4 triệu km<sup>2</sup>. — Hơn nữa khí-hậu Trung-hoa rất thích hợp với nông-nghiệp : khí-hậu luôn luôn ẩm ướt, nên thảo mộc mọc dễ dàng. — Tuy nhiên Trung-hoa thường xuyên bị nạn lụt và bão tàn phá làm thiệt hại mùa màng nhân mạng không thể lường trước được.

# TRUNG-HOA : Địa lý kinh tế < nông nghiệp >



2) **Yếu-tố nhân công** : — Số nông-dân của Trung-hoa rất vĩ-đại, chiếm tới 90% dân số, nên nông-nghiệp không bao giờ thiếu nhân công. — Nông dân Trung hoa lại thạo nghề canh-tác và cần-mẫn.

3) **Yếu-tố tư-bản** : Với chính-sách kinh-tế hoạch-định cứng rắn, Chính quyền Trung-cộng đã tổ-chức những công-xã, trưng dụng nhiều đất đai của tư-nhân và đứng ra điều-khiển việc canh-tác. Do đấy tư-bản của tư-nhân bỏ vào đầu tư ngành canh-nông hiện thời không đáng kể.

4) **Yếu-tố kỹ-thuật** : — Kỹ-thuật canh-tác hiện thời được cơ-khí-hóa và sử-dụng phân hóa-học. — Ngoài ra, chính quyền Trung-cộng còn hướng dẫn nông dân đến sự sản-xuất hợp-tác và tập thể bằng cách thiết lập những hợp-tác-xã nông-nghiệp, nông-trường tập thể, nông-trường quốc.doanh và, tới năm 1958, còn tổ-chức những công-xã (tập hợp nông dân trong một đơn vị lớn hơn hợp-tác-xã) ngõ hầu có thể dễ dàng áp-dụng cơ-khí vào nông-nghiệp và sự phân công được hoàn mỹ hơn.

**B-- CÁC NÔNG-SẢN CHÍNH** : (thống kê 1966).

1) **Nông-sản dùng làm thực-phẩm** : — *Lúa gạo* : 90 triệu tấn trồng ở Hoa-nam và vài bình nguyên Hoa-trung. — *Lúa mì* : 35 triệu tấn, trồng ở Hoa-bắc, Hoa-trung. — Các loại ngũ-cốc khác như *cao-lương* (sorgho) và *kê* (millet) trồng ở Hoa-bắc (30 triệu tấn). — Ngoài ra còn *đậu nành* (15 triệu tấn) trồng nhiều ở Hoa-bắc, Mãn-châu, lạc (2 triệu tấn), thầu dầu, hạt đay, vừng...

2) **Nông-sản dùng trong kỹ-nghệ** : — *Mía* : gần 400.000 tấn đường mía. — *Củ cải đường* : gần 1 triệu tấn. — *Bông* : 3 triệu tấn. — *Lụa* 21.000 tấn.

3) **Chăn nuôi** : — *Bò* : 45 triệu con. — *Heo* : 118 triệu con. — *Cừu* : 60 triệu con.

4) **Ngư-nghiệp** : — Người Trung-hoa rất thích ăn cá. Số lượng cá đánh được ở sông, lạch rất đáng kể. — Tại miền bờ biển Hoa-nam, ngư-nghiệp rất hoạt-động.

### III. — KỸ-NGHỆ

**A— VÀI NÉT ĐẠI-CƯƠNG VỀ NỀN KỸ-NGHỆ TRUNG-CỘNG** :

1) **Yếu tố thiên-nhiên** : Trung-hoa có nhiều *nhiên liệu* : than đá rất nhiều và ở rải rác khắp nơi trong nước. — Trung-hoa lại có



*kim.khí* cần thiết cho kỹ-nghệ : bauxite, tungstène, sắt, thiếc, antimoine...

**2) Yếu-tố tư-bản :** — Khi chiếm xong lục-địa, Trung-cộng phải nhờ Nga viện-trợ vốn để đầu tư vào các ngành kỹ-nghệ trong nước. — Nay, vì áp dụng chính sách kinh-tế hoạch-định cứng đán, Trung-cộng đã quốc-hữu.hóa tất cả những ngành kỹ-nghệ quan-trọng. Tư-bản của tư-nhân đầu tư vào kỹ-nghệ của Trung-hoa lục-địa hầu như không có.

**3) Yếu-tố nhân-công :** — Nhân-công Trung-hoa rất nhiều, lại linh lương rất hạ. Nhưng họ thiếu truyền-thống kỹ-nghệ, thiếu chuyên môn. — Vì thế, lúc khởi đầu kế hoạch ngũ-niên thứ nhất, Trung-cộng đã phải nhờ tới các chuyên-viên Nga-sô sang trợ giúp.

**4) Yếu-tố kỹ-thuật :** — Kỹ-thuật của Trung-hoa hiện còn kém so với những cường-quốc Anh, Nga, Hoa-kỳ. — Tuy nhiên, hiện thời, Trung-cộng đã cố gắng phát-triển cơ-khí-hóa trong mọi ngành hoạt-động kinh-tế ngõ hầu tăng gia năng-suất và tiết kiệm nhân-lực.

#### B— NHỮNG KHOÁNG SẢN VÀ NĂNG-LƯỢNG CHÍNH (1967) :

— *Than đá* : Tổng số than đá và than non sản-xuất năm 1967 lên tới 500 triệu tấn, đứng hàng đầu thế-giới. Ngoài ra, Trung-hoa còn có tới 1.500 tỷ tấn than dự trữ trên khắp lãnh thổ. *Dầu hỏa* : 7,5 triệu tấn. Giếng dầu được khai khẩn ở Thiểm-tây, Tân-cương, Cam-túc. Dầu sản xuất không đủ dùng cho nhu-cầu trong nước. *Điện-lực* : Trung-cộng cố gắng tăng-gia sản-xuất điện-lực ; — Năm 1957 : 27, 5 tỷ kwh. — Năm 1962 : 44 tỷ kwh. Đa số là nhiệt-điện, Hiện Trung-cộng đã phát-triển thủy-điện ; nhất là ở miền Đông Tây-tạng và lưu-vực sông Dương-tử. Trong kế-hoạch ngũ-niên lần thứ hai, Trung-cộng đã chú-trọng tới việc thiết-lập những nhà máy thủy-điện trên các sông lớn : 3 nhà máy dự trữ thiết-lập trên sông Dương-tử và 2 trên Hoàng-hà. *Kim khí* : Trung-hoa có rất nhiều mỏ kim khí : — *Mỏ sắt* : ở rải rác khắp nước và có một số lượng dự-trữ quan-trọng nhất thế-giới. Hiện thời mỏ sắt được khai-thác tại cao-nguyên Nam Mãn-châu, Sơn-đông. — Ngoài ra, ở rải rác nhiều nơi có các mỏ đồng, chì, thiếc, antimoine ; bauxite, wolfram, kêm, thủy-ngân.

#### C— NỀN KỸ-NGHỆ CỦA TRUNG CỘNG : Kỹ-nghệ luyện kim :

— *Thép* : 12 triệu tấn. — *Gang* : 20 triệu tấn, Hiện nay Trung-cộng



- |                     |                        |
|---------------------|------------------------|
| ● Than              | ▲ Trung tâm nghiên cứu |
| □ đồng              | ■ Sắt                  |
| ○ Dầu               | ○ Kỹ nghệ hóa học      |
| ⬆ lọc dầu           | ⊙ Kỹ nghệ cơ khí       |
| ⊞ Khom              | ■ Kỹ nghệ dệt          |
| ● Trung tâm kỹ nghệ | ⊞ Kỹ nghệ thép         |
| ⚡ Thủy điện         | — đường sắt            |

0km 500 1000

TRUNG-HOA: Địa lý kinh tế < kỹ nghệ >

có 2 trung-tâm luyện kim quan-trọng nhất ở Mãn-châu và ở Hán-khâu. *Kỹ-nghệ cơ khí* : Nay những nhà máy lớn đã được thiết-lập ở Vũ-xương, Mãn-châu, Phụng-thiên, Tân-cương, Nội-mông. Trung-cộng đã sản-xuất dụng-cụ tàu hỏa, xe hơi, dụng-cụ điện-khí, khí-giới, bom nguyên-tử. *Kỹ-nghệ hóa-học* : Kỹ-nghệ hóa-học phát-triển rất mạnh : kỹ-nghệ này cung cấp rất nhiều chất *a-xit* và *phốt-phát* cho nông-nghiệp. Ngoài ra kỹ-nghệ này còn sản-xuất xi-măng, giấy... *Kỹ-nghệ dệt* : rất quan-trọng : — Nhiều nhà máy dệt lớn đã được thiết lập ở Thượng-hải, Bắc-kinh, Tây-an, Lan-châu, Thiên-tân, — Năm 1966, Trung-cộng sản-xuất được 3 triệu tấn vải bông, 21.000 tấn lụa.

## VI.— ĐƯỜNG GIAO THÔNG

**A— ĐƯỜNG THỦY** : — Hoàng-hà : không thuận tiện cho việc giao-thông, chỉ ở hạ-lưu, Hoàng-hà mới giúp cho sự di-chuyển tàu bè được dễ dàng. — *Dương-tử-giang* : là thủy-lộ rất thuận tiện nối bình nguyên Tứ-xuyên với các hải-cảng ven biển Trung-hoa. *Tây-giang* cũng là một thủy-lộ khá tốt, giúp cho sự giao-thông giữa các tỉnh Quý-châu, Quảng-tây và các hải-cảng Quảng-châu, Hương-cảng dễ dàng. — Ngoài ra ta còn phải kể tới sông đào dài 1.300km nối Bắc-kinh với sông Dương-tử để thuyền bè có thể đi từ Hoa-bắc xuống Hoa-trung.

**B— ĐƯỜNG SẮT** : 33.000km. Trước thế chiến II, Trung-hoa chỉ có 22.000km đường sắt.

**C— ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG** : Không đáng kể.

**D— ĐƯỜNG BỘ** : Ngày nay Trung-hoa đã cố gắng rất nhiều trong việc cải tiến hệ thống đường bộ, và đắp thêm những con đường mới ở Tân-cương, những con đường từ các bình-nguyên của Hoàng-hà hoặc lưu vực đó tới Lhasa (thủ-đô của Tây-tạng). Đáng kể có những con đường chiến-thuật ở cao-độ 4.000m giữa Tân-cương và biên giới Ấn-độ qua Quế-lâm và miền Tây Tây-Tạng.

## V.— THƯƠNG-MẠI

**A— NỘI-THƯƠNG** : Nền thương-mại trong nước hoàn toàn do chính-phủ nắm. Giới thương-gia tư-nhân không còn nữa.

**B— NGOẠI-THƯƠNG** : — Nói chung, nền ngoại thương của Trung-cộng rất yếu : Trung-cộng chỉ giao thương với các nước Cộng-sản. Ngày nay Trung-cộng đang cố gắng lập những liên-lạc thương-mại với các nước Tây-phương, với các quốc-gia Á-Phi

không Cộng-sản. — Trung-cộng cần mua rất nhiều và bán ra lại ít. *Nhập-cảng* : những dụng-cụ trang bị máy móc, những sản-phẩm hóa-học, dầu-hỏa. *Xuất-cảng* : nông-phẩm (trà, thuốc-phiện), quặng mỏ (thiếc, manganèse), vải loại hàng kỹ-nghệ (vải bông chẳng hạn)

## ĐOẠN II: TRUNG-HOÀ QUỐC-GIA (ĐÀI-LOAN)

### I.— NÔNG-NGHIỆP

— Diện-tích trồng trọt ở Đài-loan là 900.000 hecta. Nông-nghiệp thu hút 60% trong số hơn 3 triệu người dân hoạt-động. — 85% diện-tích ruộng ở Đài-loan thuộc quyền sở-hữu của nông-dân tự cấy cấy. *Nông-sản chính* : Lúa gạo : 2 triệu tấn. Năng-xuất rất cao : 30 tạ lúa mỗi mẫu tây. — *Đờng mía* : là nguồn lợi tức rất lớn thu nhiều ngoại-tệ cho Đài-loan. Ngoài ra còn có khoai, đậu phộng, đậu nành, thuốc lá, trà, dừa, chuối..

### II.— KỸ-NGHỆ

**A — KH NG-SẢN VÀ NĂNG-LƯỢNG** : — Đài-loan có khá nhiều than đá. — *Điện-lực* : gần 4 tỷ kwh, Đài-loan đã cố gắng rất nhiều tăng-gia số điện-lực trong xứ. — *Dầu hỏa* : Đài-loan nhập-cảng dầu hỏa về lọc lại. — Ngoài ra Đài-loan còn có mỏ vàng, bạc, đồng, sắt.

**B — NỀN KỸ-NGHỆ ĐÀI-LOAN** : *Kỹ-nghệ luyện kim* : Đài-loan sản-xuất thép, gang, nhôm. Nhà máy nhôm ở Đài-loan lớn nhất Á-đông, sản-xuất mỗi năm 4.000 tấn nhôm lá và 7.500 tấn nhôm khối. *Kỹ-nghệ cơ khí* : Đài-loan chế tạo được nhiều loại máy : máy diesel, xe đạp, xe hơi, máy may, đóng tàu đánh cá. *Kỹ-nghệ hóa-học* : Đài-loan sản-xuất phân bón hóa học, sứt giấy, tơ nhân tạo, tơ hợp chất, plastic (mới thiết lập từ 1957). *Kỹ-nghệ dệt* : Đài-loan phát-triển rất mạnh ngành dệt. Hiện Đài-loan có hơn 1.500 xưởng dệt tơ sợi, với 55.000 nhân công. Đề phát triển kinh-tế, Đài-loan đã đưa ra những kế hoạch tứ-niên (1953-1956, 1957-1960...).

# Ấn-Độ

- Diện-tích : 4.100.000 km<sup>2</sup>
- Dân số : 642.000.000 dân
- Thủ-đô : — Ấn-quốc : Tân-đê-ly  
— Hồi-quốc : Islamabad  
— Tích-lan : Colombo

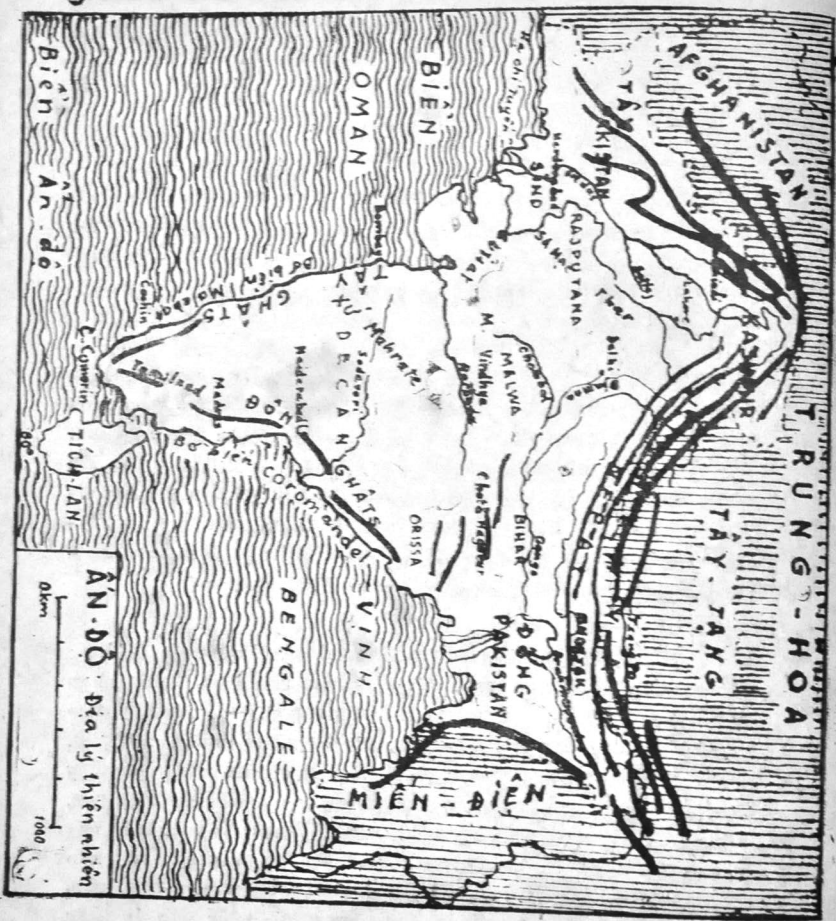
## TIẾT I : ĐỊA-LÝ THIÊN-NHIÊN

### I. — VỊ-TRÍ, DIỆN-TÍCH

— Đế-quốc Ấn trước đây thuộc Anh, gồm ba quốc-gia hiện thời là Ấn-quốc, Hồi-quốc và đảo Tích-lan, rộng 4.100.000 km<sup>2</sup>, chia ra như sau : — Ấn-quốc : 3.260.000 km<sup>2</sup>. — Hồi-quốc : 944.000 km<sup>2</sup>. — Tích-lan : 65.000 km<sup>2</sup>. — Bán đảo Ấn trải rộng trên 3.500 km từ Đông sang Tây và 2.200 km từ Nam lên Bắc (7° đến 37° Bắc vĩ-độ). — Bán đảo Ấn, nằm hẳn miền Nam Á-châu, phía Bắc giáp Tây-tạng, Tân-cương ; Tây giáp Afghanistan, Iran và biển Oman ; Nam giáp Ấn-độ-đương ; Đông giáp Miến-điện, vịnh Bengale.

### II. — HÌNH THỂ

**A — ĐỊA DIỆN :** Bán đảo Ấn : gồm 3 miền : Cao-nguyên Dekkan : — Cao-nguyên Dekkan là miền đất cò, hình tam giác, mũi nhọn quay về phía Nam, cao chừng 500 đến 1 000 m. — Phía Tây cao-nguyên này có dãy *Ghâtes occidentales*, cao từ 1.600 m đến 2.695 m, có nhiều đèo tiện cho sự giao-thông, nhất là ở phía Đông Bombay và Goa. — Phía Đông Cao-nguyên này là dãy núi *Ghâtes orientales*, thấp hơn dãy trên. Dãy núi *Hy-mã-lạp-sơn* (Hymalaya). — Dãy này ở phía Bắc Ấn-độ, rộng hàng trăm cây số, có tới 40 đỉnh núi cao hơn 7.500 m. — Từ Nam lên Bắc, miền núi *Hy-mã-lạp-sơn* gồm nhiều miền : — Sát đồng bằng là dãy *Siwaliks*, — Kế đến là dãy *Đại Hi-mã* có những đỉnh cao nhất thế-giới, tuyết phủ hàng vạn năm (núi Everest 8.882 m). — Rồi tới những thung-lũng sâu của các sông Indus, Brahmapoutre, — Tiếp đến là dãy *Transhimalaya* và *Karakorum*. — Ở hai đầu dãy *Hy-mã-lạp-sơn* có hai dãy núi nhỏ.



**ẤN ĐỘ** : Địa lý thiên nhiên

0km 1000



— Đầu phía Tây là dãy *Beloutches* có nhiều đèo quan-trọng (*Quetta*).  
 — Đầu phía Đông là dãy *Miền-diện*. *Bình-nguyên Ấn-hằng* : — *Bình nguyên* này do phù-sa hai sông *Ấn* (*Indus*) và *Hằng* (*Gange*) tạo thành, chạy từ biển *Oman* sang tới vịnh *Bengale*, dài 2.700 km từ Tây sang Đông, và chiều ngang lớn nhất từ Nam lên Bắc là 500 km.  
 — Do sự khác biệt khí hậu, các nhà địa-chất đã chia bình nguyên này làm hai miền : *Miền bình-nguyên Ấn-hà* : khí hậu khô, gồm có xứ *Penjab* (*Ngũ-hà*), hạ-lưu sông *Ấn* (miền *Sind*) và sa-mạc *Thar*. *Miền bình-nguyên Hằng-hà và sông Brahmapoutre* : ẩm ướt hơn, chạy dài tới đồng bằng *Assam*. — *Đảo Tích-lan* (*Ceylan*) địa hình giống cao nguyên *Dekkan*, ở phía Đông Nam bán đảo *Ấn*.

**B— SÔNG NƯỚC** : Sông ở cao-nguyên *Dekka* : — Chảy ra bờ *Oman* : *Narbada*, *Tapti*. — Chảy ra vịnh *Bengale* : *Mahanadi*, *Godavari*, *Kistna*, *Kaveri*. Sông ở miền Bắc : Sông *Ấn* (*Indus*) ; dài 3.180 km, phát nguyên ở Tây-tạng, chảy từ Đông sang Tây : — Tới *Attok* có thêm phụ-lưu hữu ngạn sông *Kaboul*. — Tới đồng bằng nhận 5 phụ lưu : *Jhelam*, *Chenab*, *Ravi*, *Bias*, *Satledj*. Sông *Hằng* : — Dài 2.700 km, phát nguyên từ *Hy-mã-lạp-sơn*, lưu-lượng trung-bình 14.000 m<sup>3</sup>, có khi lên tới 73.000 m<sup>3</sup>, nên thường tàn phá miền đồng bằng. — Phụ lưu tả ngạn : *Gogra*, *Gandab*. Sông *Brahmapoutre* : — Dài 2.900 km phát nguyên ở dãy *Hy-mã-lạp-sơn*, chảy qua một thung-lũng ở Tây-tạng rồi mới chảy vào xứ *Bengale*.

### III. — KHÍ-HẬU

Yếu tố quan-trọng nhất của khí-hậu *Ấn-độ* là gió mùa. Nói chung toàn thể *Ấn-độ* nằm trong miền nhiệt-đới.

**A — NHIỆT-ĐỘ** : — Từ Nam lên Bắc nhiệt-độ giảm dần : — Ở *Tích-lan* và *Nam Dekkan*, nóng quanh năm. — Ở miền Bắc, *Ấn-độ* có mùa lạnh. Nhiệt-độ trung-bình vào tháng giêng ở : *Bombay* là 23°6. — *Calcutta* là 18°4. — *Multan* là 13°1.

**B — GIÓ VÀ MƯA** : — Từ cuối tháng 12 đến tháng 2 : trời đẹp, mát và khô. Gió từ đại-lục thổi tới *Ấn* theo hướng Đông-Bắc Tây-Nam. Vào mùa này chỉ có 2 miền có mưa là bờ biển Đông-Nam và cực Tây-Bắc. — Từ tháng 3 đến tháng 5 : nhiệt-độ tăng mau, trời vẫn khô. Ở nội-địa có nơi nhiệt-độ lên tới 35°5 (*Nagpur*), miền bờ biển tương đối mát hơn (*Bombay* : 29°2). Gió Đông-Bắc Tây-Nam vẫn thổi — Từ tháng 6 đến tháng 11 : gió từ biển thổi vào theo hướng Tây-Nam Đông-Bắc mang theo nhiều mưa.

#### IV. — CÁC LOẠI ĐẤT ĐAI VÀ THẢO-MỘC

Ấn có 4 loại đất là : — đất *phù-sa* bao phủ bình-nguyên Ấn-Hằng và các đồng bằng duyên hải, rộng gần 800.000 kma. Tại các đồng bằng đất *phù-sa* này ẩm ướt thích hợp cho *lúa gạo* ; tại miền cao hơn, đất này thích hợp với *lúa mì* và *bông*. — Đất *régur*, màu xám hay đen, sộp, dễ vỡ, nhiều chất vôi, miền Tây-Bắc Dekkan, phía sau Bombay và Nam Ấn-độ (Haiderabad, Madras). Loại đất này là đất lý-tưởng để trồng *bông*. — Đất *đỏ* bao phủ miền Nam và miền Đông cao-nguyên Dekka, không màu-mỡ. — Đất *latérite* có acit, thiếu chất hữu cơ, không màu mỡ bao phủ miền biên-cảnh phía Bắc và phần lớn bán đảo Ấn-độ.

### TIẾT II : ĐỊA-LÝ NHÂN VĂN

#### I. — DÂN-CU

A — DÂN SỐ : Ấn có 642 triệu dân chia ra như sau (1967) : Ấn-Quốc : 520 triệu dân. Hồi-Quốc : 110 triệu dân. Tích-lan : (Ceylon) 12 triệu dân. — Mỗi năm dân Ấn tăng chừng 9 triệu người.

— B SỰ PHÂN PHỐI DÂN ẤN KHÔNG ĐỀU : 85% dân chúng sống tại thôn quê. Mật độ dân Ấn khá cao : 300 người 1km<sup>2</sup> ở vùng bình-nguyên Hằng-hà, 400 ở vùng Kerala. Chỉ có 14% dân ở thành-thị vào năm 1930. Tới năm 1962 tỷ số này tăng lên tới 18% do sự thu hút của kỹ-nghệ và do nạn đói kém của miền thôn dã.

C — THÀNH THỊ : Ấn có nhiều thành-phố quan trọng, đông dân : Tân Delhi (1 triệu dân) trên sông Djama, thuộc miền bình nguyên Hằng-hà, là thủ-đô của Ấn-Quốc, quan-trọng về phương-diện chính-trị. Calcutta — 3 triệu dân, nếu kể cả ngoại-ô thì tới 6 triệu người. — Calcutta là thủ-phủ của miền châu-thô xứ Bengale, trên sông Houghi — Calcutta là thành-phố kỹ-nghệ quan trọng nhất của Ấn-Quốc (dệt gai, bông vải, kỹ-nghệ cơ-khí, xưởng chế tạo hỏa-xa, đóng tàu kỹ-nghệ hóa học). — Calcutta còn là một hải-cảng quan trọng. Bombay (gần 3 triệu dân) : — Bombay là một trung-tâm kỹ-nghệ lớn thứ nhì sau Calcutta (dệt, thực-phẩm, hóa học, luyện kim điện khí, điện ảnh, ấn-loát). Bombay là một hải-cảng lớn. Karachi : — 1.200.000 dân, thủ-đô của Hồi-Quốc, thuộc xứ Sind. — Karachi là một hải-cảng lớn xuất-cảng bông và có phi-cảng tối tân nhất Á-châu. Ngoài ra Ấn-độ còn nhiều thành phố quan-trọng như : Vùng

*bình-nguyên Hằng hà* : Amritsar tại xứ Punjab ; Luknow (500.000 dân) có kỹ-nghệ dệt bông, làm giấy, cơ xường hỏa xa ; Kanpur : (700.000 dân) thành phố kỹ-nghệ lớn (dệt len, bông, kỹ-nghệ da bột, dầu, đường). Allahabad ở ngã ba Hằng-hà và sông Djama, thủ-phủ tiểu bang Bihar ; Bénarès (355.000 dân) thánh-đô của Ấn-độ-giáo. — Thuộc cao nguyên Dekkan : Haiderabad (1.100.000 dân) thủ-đô của tiểu quốc Hồi-giáo Haiderabad ; Bangalore (780.000 dân) thành phố cơ-khi và kỹ-nghệ điện) — Miền duyên hải : Ahmedabad (800.000 dân), Boroda thành phố kỹ-nghệ hóa-học, Madras (1.500.000 dân).

#### D— ĐẶC TÍNH CỦA DÂN ẤN : PHÂN CHIA GIAI CẤP, NHIỀU NGÔN NGỮ VÀ TÔN-GIAO :

1) Phân chia giai cấp : — Ấn-độ có chừng 2.000 giai cấp khác nhau. Giai cấp được tôn-kính nhất là giai cấp pháp-sư ; còn giai cấp bị miệt thị nhất là giai cấp cùng-đinh. — Mỗi giai-cấp đều có tập quán, sắc phục riêng cho giai-cấp mình. Giai cấp này không được kết hôn với giai-cấp khác.

2) Ngôn ngữ : — Có gần 250 ngôn ngữ khác nhau ở Ấn-độ. — Trừ những tiếng của thổ dân miền Trung Ấn và miền Hi-mã-lạp-sơn, tiếng nói của Ấn được chia làm 2 loại chính là : Những ngôn-ngữ của giống Dravidien như tiếng Telugu, Tamil... Những tiếng nói Ấn-Aryen như tiếng Hindi (70 triệu người nói), Bengali (53 triệu). — Tiếng Anh được giới trí-thức dùng làm ngôn-ngữ chung.

3) Tôn-giáo : — Ấn-độ có rất nhiều tôn-giáo : Ấn-độ-giáo : quan trọng nhất có hơn 300 triệu tín-đồ, thánh-đô là Bénarès. — Hồi-giáo : có 100 triệu tín-đồ. Giáo phái Sikhs : 6 triệu tín-đồ, không thừa nhận chế-độ giai cấp, thánh-đô là Amritsar. — Thiên-chúa-giáo : 10 triệu tín-đồ. — Phật-giáo : chừng 10 triệu tín-đồ.

#### II.— CHUNG TỘC

Chung-tộc Ấn-độ nhiều và phức tạp. Những nhóm người chính tại Ấn-độ là : — Nhóm Hắc-Ấn : (Dravidien), gồm giống dân da đen, chiếm đa số ở miền Nam. Nhóm này chia làm 3 chủng-tộc : Negritos Veddis và Melanids — Nhóm Bạch-Ấn, thường gọi là Indids hay Aryens, da trắng sống ở miền Tây Bắc. — Nhóm Hoàng-Ấn, thuộc chủng-tộc Mongoloids, da vàng sống ở miền Bắc và Đông Bắc. — Ngoài ra còn giống cở sơ sống ở Trung-Ấn.

### III.— TỜ-CHỨC CHÍNH-TRỊ

Sau thế chiến II bán đảo Ấn-độ chia làm 3 quốc-gia :

**A— ẤN-QUỐC**, còn gọi **CỘNG-HÒA LIÊN-BANG ẤN-ĐỘ** : — Lãnh-thò của Ấn-Quốc bao gồm cao nguyên Dekkan, bình-nguyên Hằng-hà, phần lớn rừng Hi-mã-lạp-sơn. — Ấn-Quốc là một liên-bang bao gồm những tỉnh cũ do Anh cai-trị, gần 600 tiểu vương quốc và những miền do chính-phủ Trung-ương trực-tiếp cai-trị. Sau nhiều cải cách, Liên-bang Ấn gồm 15 tiểu vương, mỗi tiểu bang đều có Chính-phủ và Quốc-hội riêng. Thủ-đô của Liên-bang Ấn là Tân-đê-li.

**B— HỒI-QUỐC** — Lãnh-thò Hồi-Quốc bao gồm hai mảnh đất cách xa nhau tới 1.500km : Tây-hồi : (806.000km<sup>2</sup>) gồm miền Pendjab, Sind và Beloutchistan — Đông-hồi : (141.000km<sup>2</sup>) gồm miền Đông xứ Bengale và 1 phần Assam. — Hồi-Quốc chưa được thống nhất ngôn-ngữ. Ngôn-ngữ chung chính thức dùng là Anh-ngữ. Tuy nhiên dân Hồi kết hợp với nhau rất chặt chẽ vì cùng triết-đề tuân theo qui-luật của đạo Hồi. — Thủ-đô của Hồi-Quốc là Karachi.

**C— TÍCH-LAN** : — Tích-lan là một đảo ở phía Đông-Nam mũi Ấn-Quốc. — Tích-lan là một quốc-gia độc-lập trong khối liên-hiệp Anh. — Dân Tích.lan gồm : — Giống Tamil (chừng 1.500.000) theo Ấn-độ-giáo — Giống Cingalais (gần 5 triệu) theo Phật-giáo — Giống Maure : (400.000) theo Hồi-giáo — Giống Veddah, dân cò sơ — Và những người lai theo Thiên-chúa-giáo. — Thủ-đô của Tích-lan là Colombo.

## TIẾT III : ĐỊA-LÝ KINH-TẾ

### ĐOẠN I KINH-TẾ ẤN-QUỐC

#### I.— ĐẠI CƯƠNG VỀ NỀN KINH-TẾ ẤN-QUỐC

Nói chung, nền kinh-tế Ấn-độ có triển-vọng rất nhiều về cả kỹ-nghệ lẫn canh-nông. Nhưng hiện nay Ấn hầy còn là một quốc-gia kém mở mang : canh-nông giữ địa-vị chính-yếu, còn kỹ-nghệ mới chỉ bắt đầu.

#### II.— NÔNG-NGHIỆP

**A— ĐẶC ĐIỂM CỦA NỀN CANH-NÔNG ẤN-QUỐC** : Yếu-tố thiên nhiên : Diện tích trồng trọt được của Ấn rất rộng lớn : 930.000km<sup>2</sup> tuy nhiên chỉ có 55 triệu hecta đủ nước tưới, Yếu-tố tư-bản :

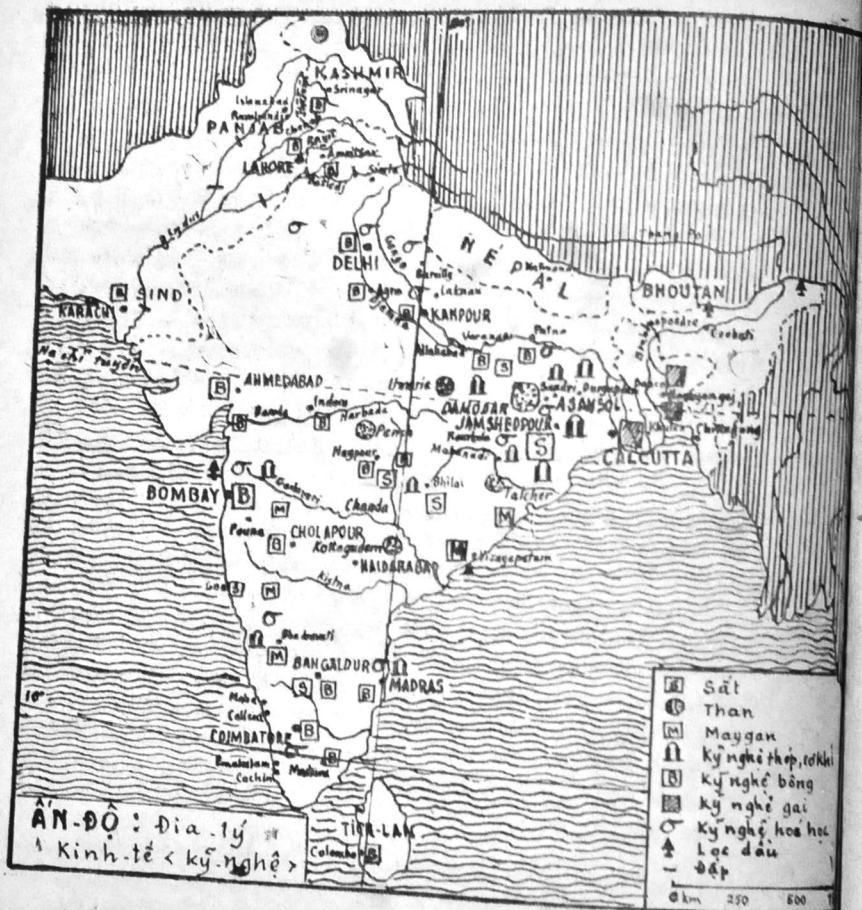
ruộng đất ở Ấn hết sức *tế-phân* : Trong xứ Bengale, các nông-trại trung bình thường chưa có tới 1 hecta — Trong xứ Bihar, nông-trại trung bình chỉ có lối 1/2 hecta. — Tại xứ Pendjad, trong một vùng 5.100 hecta, người ta đếm được tới 63.000 thửa ruộng. Như vậy trong ngành canh-nông, không có những nhà đại tư-bản bỏ tiền đầu tư, mà chỉ có những tiểu-nông tự lực canh-tác. *Yếu-tố nhân công* : — Đa số dân Ấn là nông-dân, nên công nhân trong nông-nghiệp rất nhiều cần cù lại có truyền thống nông-nghiệp nên thạo về canh-nông. *Yếu-tố kỹ-thuật* : — Các phương-diện canh-tác và kỹ-thuật sản-xuất của Ấn hiện thời vẫn còn cở sơ và ấu-trì. Tuy nhiên, nông-cụ cở của Ấn tương đối tốt hơn nông-cụ của các nước khác ở Á-châu : lưỡi cây bừa nên đào đất được sâu, bừa nhiều răng nên nghiền đất được nhỏ. — Hiện thời Ấn có chừng 30.000 máy cày. Tuy Ấn có nhiều bò, nhưng vì tín-ngưỡng, dân Ấn không dùng bò trong nông-nghiệp. — Năng-suất ruộng của Ấn rất kém : mỗi hecta chỉ thu-hoạch chừng 9 tạ lúa.

**B — CÁC NÔNG SẢN CHÍNH** : (1967) *Lúa gạo* : 58 triệu tấn, trồng tại miền Đông-Bắc và miền đồng bằng duyên-hải Dekkan. Đứng hàng nhì sau Trung-hoa. *Lúa mì* : 9,7 triệu tấn, trồng tại miền Tây bình-nguyên Hằng-hà. *Kê* : 8 triệu tấn, trồng tại miền đất khô cằn ở cao-nguyên Dekkan và thung lũng sông Hằng. *Rau và trái cây* : trồng rất ít tại các địa điểm nghỉ mát trên cao và xung quanh các thành phố lớn. *Đậu phụng* : 57 triệu tạ. *Dầu thảo mộc* : (vừng, thầu dầu, colza) mức sản-xuất đứng đầu thế-giới. *Hương liệu* (nhất là hồ tiêu) : bán khắp thế-giới. *Gai* : 1 triệu tấn, trồng tại Tây Bengale, Bihar. *Bông* : 1 triệu tấn. *Chăn nuôi* : Bò : 150.000.000 con, nhiều nhất thế-giới. *Trâu* : 50 triệu con. *Cừu* : 41 triệu. *Dê* : 45 triệu. *Ngư nghiệp* : 500.000 tấn cá mỗi năm với 500.000 ngư-phù.

### III. — KỸ-NGHỆ

**A — ĐẶC-ĐIỂM CỦA KỸ-NGHỆ ẤN-QUỐC** : *Yếu-tố thiên nhiên* : — Ấn có nhiều nhiên liệu : nhiều mỏ than, thủy điện lực. — Ấn có nhiều sắt : *Yếu-tố tư-bản* : Nền kỹ-nghệ Ấn hiện còn thiếu rất nhiều tư-bản đầu tư vào đây. *Yếu-tố nhân công* : — Tuy thợ Ấn nhiều, chịu làm việc với lương hạ, nhưng họ chỉ làm tạm thời ở tỉnh, rồi sau khi kiếm chút ít vốn, lại bỏ về thôn quê. Vì đó kỹ-nghệ







Ấn thường xuyên thiếu nhân công, nhất là những thợ chuyên môn. — Hơn nữa, Ấn thiếu rất nhiều các cấp chỉ-huy trong ngành kỹ-nghệ. Hiện này đa số các kỹ-sư tại các xi-nghiệp là người ngoại-quốc. *Yếu-tố kỹ-thuật* : Ấn-độ thiếu *truyền thống kỹ-nghệ*, kỹ-thuật áp-dụng chưa được tân tiến.

**B— CÁC KHOÁNG-SẢN VÀ NĂNG LƯỢNG CHÍNH** : (1967)  
*Than đá* : 64 triệu tấn. Ấn còn nhiều than dự trữ. Mỏ than phân phát không đều trong toàn quốc : mỏ Damodar sản-xuất 90% số than của Ấn, còn các mỏ khác ở Dekkan sản-xuất ít. Tại Cachemire và Madras có than bùn. *Dầu hỏa* : rất ít, chừng 430.000 tấn tại Assam. *Điện-lực* : 40 tỷ kwh, đa số là nhiệt-điện. Thủy-điện dồi dào nhưng chưa khai thác hết. Hiện Ấn có những nhà máy thủy điện ở Bombay, trên sông Cauvery, tại Cachemire, miền Đông Pendjad... *Kim loại* : — *Sắt* giàu rất nhiều ở Drissa — *Sắt* nghèo ở Damodar, Assam, Bombay. Số sắt sản xuất năm 1967 là 27 triệu tấn — *Các kim loại khác* : rất ít. Tại Hi-mã-lạp-son có đồng và chì, nhưng khó khai thác. Ấn có nhiều *mi-ca* và *muối mỏ*.

**C— NỀN KỸ-NGHỆ ẤN-QUỐC** : *Kỹ-nghệ luyện kim* : — Mới thiết lập lò luyện kim đầu tiên của xi-nghệp Tata xây từ 1911. — *Mức sản-xuất* (1967). — *Thép* : 6 triệu tấn — *Nhôm* : 7.000 tấn  
*Kỹ-nghệ cơ khí* : — Kỹ-nghệ này mới phát-triển sau thế chiến thứ II, nhất là trong khu-vực Calcutta-Damodar. — Ấn hiện có nhiều cơ xưởng : dụng cụ chính xác điện khí, điện thoại, vô tuyến điện tại *Bangalore* — Những xưởng làm *ve đạp* ở *Madras, Bombay* ; xưởng làm đầu máy xe lửa ở *Calcutta*. — Ngoài ra, Ấn còn những xưởng ráp các bộ-phận máy nhập-cảng ở *Bangalore* (máy may), ở *Bombay, Faroda* (xe hơi)... *Kỹ-nghệ hóa-học* : Ấn có những nhà máy sản-xuất phân bón, ciment, vỏ ruột bằng cao-su, diêm, dược phẩm (đủ cung cấp cho thị trường quốc nội) *Kỹ-nghệ dệt* : *Dệt bông vải* : trước kia tập trung tại *Bombay* và các tỉnh kế cận (*Ahmedabad, Sholapur, Baroda*). Nay đã lan tràn khắp nơi : *Dekkan* (*Madras, Nagpur*), *miền Bắc* (*Kanpur, Delhi*). — Ngành dệt bông vải của Ấn đứng hàng ba sau Hoa-kỳ và Nga. Nhưng từ ngày chia cắt Ấn-Hồi ngành này thiếu nguyên-liệu. *Dệt gai* : Xưởng tập trung tại *Calcutta*. Hoạt động đứng đầu thế-giới. *Dệt len* : ngành này còn giữ tinh cách tiêu-công-nghệ. Có một số xưởng dệt len tại *Amritsar, Kanpur, Bangalore*. — *Dệt tơ nhân-tạo* : phát-triển ở những miền

nhiều điện lực như Bombay, Haiderabad. *Kỹ-nghệ thực-phẩm* : — Biến chế trà ở Calcutta — Tinh luyện đường ở bình nguyên Hằng-hà — Ép dầu và làm da không được phồn-thịnh. *Kỹ-nghệ điện ảnh* : rất phát-triển. — *Kỹ-nghệ Ấn-quốc* tập trung trong 4 khu vực chia làm 2 miền chính : — Khu vực Calcutta và Bombay nhiều nhân công, sẵn vốn liếng, lại có thị trường tiêu-thụ và gần hải-cảng. — Khu-vực Damodar và Nam Dekkan nhiều nguồn năng-lực (than đá, thủy-diện).

#### IV. — GIAO-THÔNG

**A — ĐƯỜNG THỦY** : — Các sông của Ấn tuy dài nhưng không thuận tiện cho việc giao-thông : — Với Ấn-hà tàu nhỏ chỉ đi được hơn 1.000 km cách cửa sông. — Với Hằng-hà. tàu chỉ lên tới Bénarès. — Ấn-quốc có hơn 6.000 km bờ biển, nhưng hải-cảng tốt thì ít.

**B — ĐƯỜNG SẮT** : gần 56.000 km. Hệ thống đường sắt chỉ xen kẽ ở bình-nguyên Hằng-hà và xứ Pendjab.

**C — ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG** : đang phát-triển mạnh. Hệ thống quốc-nội gồm 32.000 km với 81 phi-trường.

**D — ĐƯỜNG BỘ** : 170.000 km đường nhựa và 250.000 km đường trải đá, với chừng 350.000 xe hơi lưu-thông.

#### V. THƯƠNG-MẠI

Ấn phải nhập-cảng nhiều thực-phẩm, và nguyên-liệu (bông, gai) và nhiều dụng-cụ trang-bị, nên cán cân ngoại-thương thiếu hụt : — *Ấn xuất-cảng* : trà, vải gai, vải bông, quặng sắt, quặng mangan, nông phẩm (hồ tiêu, da, thuốc lá, hạt có dầu). — *Ấn nhập-cảng* : máy móc và dụng-cụ trang-bị, gang, thép, sản phẩm dầu lửa, các hóa chất và giấy. — Ấn thường giao-thiệp với các nước : Anh, Hoa-kỳ, Tây-đức, Nhật, Úc, Pháp.

### ĐOẠN II : KINH-TẾ HỎI-QUỐC

#### I. — CANH-NÔNG

**A — CÁC NÔNG-PHẨM CHÍNH (1967)** : Lúa gạo : 196 triệu tạ. Diện tích canh-tác chiếm tới 50% đất đai trồng trọt được. 90% đồng ruộng lúa gạo ở miền Đông Bengale. Lúa mì : 42 triệu tạ, diện tích trồng trọt : 25%. Gai : 1 triệu tấn, trồng trọt Đông-Hồi. Gai dê xuất-cảng. Bông : 374.000 tấn, trồng ở Pendjab và Sind.

**B— CHĂN NUÔI** : Hời thiếu đồng cỏ, nên chăn nuôi không phát-triển. — *Bò* : 31 triệu con. — *Trâu* : 5 triệu con. — *Cừu* : 6 triệu. — *Dê* : 10 triệu. — Tây Hời còn có *lạc đà*,

## II.— KỸ-NGHỆ

**A— KHOÁNG-SẢN VÀ NĂNG-LƯỢNG CHÍNH (1967)** : Than đá : 1.200.000 tấn. Dầu hỏa : 300.000 tấn. Khí thiên-nhiên 1,7 tỷ m<sup>3</sup>. Điện-lực : 4 tỷ kwh toàn nhiệt-điện. Thủy-điện chưa được khai-thác.

**B— NỀN KỸ-NGHỆ HỜI-QUỐC** : Kỹ-nghệ cơ-khí : Hời-quốc có những xưởng chế-tạo nông cụ. Kỹ-nghệ hóa-học : Hời-quốc chuyên sản-xuất phân bón, ciment và giấy. Kỹ-nghệ dệt : rất phát-triển : — Ngay từ 1955 Hời-quốc đã tự cung-cấp đủ nhu-cầu vải bông và vải gai dùng trong xứ. — Năm 1955, Hời đã có 12.000 máy dệt bông và 6.000 máy dệt gai. — Năm 1967, Hời sản-xuất : *vải bông* 230.000 tấn. *Vải gai* : 265.000 tấn.

## III.— THƯƠNG-MẠI

— Hời-quốc xuất-cảng : gai, bông, các loại da, trà. — *Nhập-cảng* : nguyên-liệu và dụng-cụ trang bị. Hời-quốc thường giao-thương với các nước Cận Đông, Trung-Đông, Anh, Tây-Âu.

## ĐOẠN III : TÍCH-LAN

### I.— CANH-NÔNG

— Hoạt-động kinh-tế căn bản của Tích-lan là *nông-nghiệp*. Hai nông-sản quan-trọng nhất của đảo này là *lúa gạo* và *khoai*. — Ngoài ra; phía Nam Tích.lan có những đồn-điền lớn trồng *trà* và *cao-su* : Trà chiếm tới 60% số hàng xuất-cảng. Cao-su chiếm tới 15% hàng xuất-cảng. — Các *nông-sản khác* : *quế*, *cacao*, *dầu dừa*. — Hiện nay Tích-lan đang cố gắng khai phá miền Trung-tâm đảo để tăng gia diện-tích trồng trọt tại đây.

### II.— KỸ-NGHỆ

— Tích-lan có ít khoáng-sản : *muối mỏ*, *mica*, *graphite*. — Tích-lan cũng ít kỹ-nghệ và chỉ có một trung-tâm thủy-điện.

### III.— THƯƠNG MẠI

— Tích-lan thường : *Xuất-cảng* : trà, cao-su, quế, cacao, dầu dừa... *Nhập-cảng* lúa gạo, đường, vải và các sản-phẩm kỹ-nghệ. — Tích-lan có một thương-cảng lớn là *Colombo*.

# Nước Úc

- Diện-tích : 7.700.000 km<sup>2</sup>
- Dân số : 10 triệu dân
- Thủ-đô : Canberra.

## TIẾT I: ĐỊA-LÝ THIÊN NHIÊN

### I.— VỊ-TRÍ, DIỆN-TÍCH

— Úc nằm ở Nam-bán-cầu, từ 10° đến 40° Nam-vĩ-độ, giữa Ấn-độ-dương và Thái-bình-dương. — Diện-tích Úc là 7.700.000 km<sup>2</sup>, bằng 4/5 Âu-châu ; từ Đông sang Tây dài 3.850 km, từ Nam lên Bắc dài 3.200 km. *Phía Bắc* là biển *Arafoura*, *phía Đông* là *Thái-bình-dương*, *phía Nam* là *Nam-hải*, *phía Tây* là *Ấn-độ-dương*.

### II.— HÌNH THỂ

**A ĐỊA-DIỆN** : Địa thế Úc-châu rất giản-dị. Ta có thể chia đảo này làm 3 miền, từ Đông sang Tây như sau : — *Miền núi phía Đông* là dãy *Cordillère*. Dãy núi này hoặc chạy sát bề hoặc chỉ cách bề bằng một bình-nguyên nhỏ, dài 3.000 km chạy từ mũi *York* tới eo biển *Bass*. Ngọn núi cao nhất dãy này là *Townsend* cao 2.233 m. — *Đồng-bằng trung trung-ương* : Miền này thấp nhất ở Úc, do thủy-tra biển bồi đắp : — *Phía Bắc* là vịnh *Carpentarie*. — Ở giữa có hồ *Eyre* — Ở *Đông-Nam* là lưu-vực của sông *Murray*. — *Miền cao-nguyên phía Tây* : rộng mênh-mông, cao khoảng 400 m đến 600 m. *Phía Đông* cao-nguyên này có 2 rặng núi là *Mac Donnell* và *Musgrave*. *Phía Nam* có đồng bằng bao quanh.

**B— SÔNG NGÒI** : Úc có mấy sông chính sau : *Sông Murray* : dài 2.700 km phát-nguyên từ rặng núi phía Đông. *Sông Murray* có 2 phụ-lưu là sông *Darling* (dài 3.100 km) và sông *Murrumbidgee* (dài 2.200 km) cùng phát nguyên ở miền núi *Cordillère*, chảy qua *Phía Nam* miền đồng bằng trung-ương, rồi ra biển *Nam-hải*. *Miền tây* có những sông ngắn : *Gascoyne*, *Ashburton*, *Fitzroy*.

**C— BỜ BIỂN** : Bờ biển ở Úc ít nơi ăn sâu vào nội-địa. — *Phía Bắc* là vịnh *Carpentarie* nằm ở giữa bán-đảo *York* và giải đất

Arnhem. — Phía Tây là bờ biển phẳng, ít lồi lõm. — Phía Nam là vịnh Úc mở ra rất rộng, có hai vịnh ăn sâu vào đất liền là vịnh Spencer và vịnh Saint Vincent. Phía Đông Nam có eo biển Bass ngăn cách Úc-châu với đảo Tasmanie. — Phía Đông Bắc, ở ngoài khơi, cách biển từ 10 km đến 200 km là dãy đảo san-hô chạy dài trên 1.600 km.

### III. — KHÍ-HẬU

**A — TỔNG QUÁT** : Vì diện-tích Úc rộng lớn, ảnh-hưởng biển cả khó xâm-nhập nên ta biết đại-cương khí-hậu Úc như sau : — Khí hậu Úc là khí hậu đại-lục, gay gắt và thất thường. — Miền Bắc có một hệ thống gió mùa bao phủ : mùa Đông gió từ đất thổi ra biển, khô và lạnh, mùa Hạ gió từ biển thổi vào, có mưa. — Càng đi sâu vào nội địa, mưa càng ít. Bởi vậy có nhiều miền tại nội-địa bị hạn-hán.

**B — KHÍ HẬU TỪNG MIỀN** : Do theo vĩ-độ, ta có thể phân biệt ba miền khí-hậu ở Úc là : Miền Bắc : khí-hậu nhiệt đới : mùa hạ mưa nhiều, có gió Đông-Nam (tháng 9 đến tháng 3). Mùa Đông lạnh và khô khan, có gió Tây Bắc. Miền Trung (có Nam-chí-tuyến đi ngang) : khí hậu sa-mạc : cả năm khô khan và nóng. Miền Nam : khí hậu Địa-trung-hải : mùa hè khô ; mùa Đông có mưa do gió mang lại.

### IV. — THẢO-MỘC

— Miền duyên hải vì ẩm ướt thường xuyên nên cây cỏ xanh tươi. Phía Bắc và Đông-Bắc : rừng miền nhiệt đới. — Phía Đông Nam và Tây Nam : ở nơi thấp có đồng cỏ, ở miền cao có rừng thưa.

## TIỆT II : ĐỊA-LÝ NHÂN VĂN

### I. — DÂN CƯ

**A — DÂN SỐ** : Dân Úc có 10 triệu người. — Sinh-suất là 24‰ và tử-suất 9,5‰. Mỗi năm dân Úc tăng chừng 100.000 người.

**B — SỰ PHÂN PHỐI DÂN** : KHÔNG ĐỀU : — Trong nội-địa, miền sa-mạc hầu như không có người ở. — Dân Úc tập trung tại miền bờ biển Tây Nam, Đông Nam và Đông Bắc là những nơi có nhiều mưa. Mật độ ở vùng khoảng này từ 3 đến 6 người trên 1 km<sup>2</sup>. — Dân nông thôn rất ít 70% dân Úc sống tại đô-thị.

**C — THÀNH-THỊ** : Úc có 6 thành-phố lớn tập trung tới quá nửa dân Úc là : Sydney — 2 triệu dân, ở miền duyên hải phía Đông-Nam Úc-châu, thủ-phủ của Tiểu-bang New South Wales (Nouvelles

Galles). — Sydney là một hải-cảng, một thành-phố kỹ-nghệ lớn với những kỹ-nghệ nặng, kỹ-nghệ hóa-học, thực-phẩm. *Melbourne* : Melbourne có 1.600.000 dân, ở miền duyên hải phía Nam, thủ-phủ của *Tiêu-bang Victoria*. — Melbourne có nhiều kỹ-nghệ chế-hóa như kỹ-nghệ thực-phẩm kỹ-nghệ cơ-khí. — *Brisbane* : — Brisbane có 500.000 dân, ở miền duyên hải phía Đông, thủ-phủ của *Tiêu-bang Queensland*. — Brisbane là thành-phố tập trung nông-phẩm và là hải-cảng xuất-cảng những nông-phẩm của Úc như len, thịt, sữa, pho mát... *Adelaide* : — Adelaide có 500.000 dân, thủ-phủ của *Tiêu-bang South Australia*. — Adelaide là một hải-cảng một thành-phố kỹ-nghệ. *Perth* : có 350.000, ở miền Tây, thủ-phủ của *Tiêu-bang Western Australia*. *Hobart* : có 100.000 dân, thủ-phủ của *Tiêu-bang Tasmania*.

## II.— CHUNG TỘC

— Đa số dân Úc hiện thời thuộc giống da-trắng người Anh (95%). — Còn *thờ dân Úc*, giống Papous, hiện có chừng 40.000, bị dồn vào sống tại vùng rừng núi hoặc sa-mạc. — Ngôn ngữ chính thức ở Úc là Anh-ngữ.

## III.— TỒ-CHỨC CHÍNH-TRỊ

— Năm 1788, Anh dựng một nhà tù ở Úc-châu trong vịnh Sydney để đày những tội nhân bị kết án khổ sai. — Đến giữa thế-kỷ XIX mỏ vàng được tìm thấy ở Úc. Từ đó nhiều người Anh đã sang đây lập nghiệp. — Năm 1901, Anh cho Úc hưởng qui-chế tự-trị (dominion), Nay Úc được hoàn toàn độc-lập trong khối Liên-hiệp Anh. Úc theo chính-thê *Cộng-hòa liên-bang* : — *Chính-phủ trung-ương* do một vị Tổng-thống đứng đầu. Đại diện toàn dân Úc là một Quốc-hội dân cử. — Liên-bang Úc gồm 6 *Tiêu-bang* là các nước *Cộng-hòa Tây-Úc (Western Australia)*, *Nam-Úc (South Australia)*, *Queensland*, *Tân Nam Wales (New South Wales)*, *Victoria* và *Tasmanie*, trong đó. đất miền Bắc (*North Territory*) thuộc vào *Tiêu-bang Nam-Úc*. — Thủ-đô của Liên-bang Úc là *Canberra* (25.000 dân).

## TIẾT III : ĐỊA-LÝ KINH-TẾ

### I.— ĐẠI CƯƠNG VỀ KINH-TẾ ÚC

— Từ trước cho tới năm 1939, Úc vẫn chỉ là một xứ mới. xuất-cảng nông-sản và khoáng-sản và phải nhập-cảng các chế-tạo phẩm. — Trong Đại-chiến thứ nhì, Úc đã được trang bị những



kỹ-nghệ tối-tân với mục-đích cung cấp khí-giới và phi-cơ cho Anh. — Từ sau Đại chiến thứ II trở đi Úc đã phát-triển rất mạnh về kỹ-nghệ và ngày nay trở thành một cường-quốc kỹ-nghệ trên thế-giới.

## II.— NÔNG-NGHIỆP

**A— ĐẶC ĐIỂM CỦA CANH-NÔNG ÚC :** *Yếu-tố thiên nhiên :* — Đảo Úc rất rộng, nhưng vì khí-hậu khô khan nên diện-tích canh-tác (chỉm chiế vào khoảng 40% diện-tích). Tùy theo khí-hậu từng miền mà hoạt-động nông-nghiệp đổi khác : — Ở những miền ít mưa, người ta nuôi Cừu — Ở những miền đồng cỏ, người ta nuôi bò. — Miền đất màu mỡ được trồng lúa mì và cây ăn trái... *Yếu-tố tư-bản :* Nông-nghiệp Úc do những nhà đại tư-bản khai thác ; ở Úc có những nông trại rộng lớn, được trang bị máy móc tối tân, canh tác theo lối đại-nông. *Yếu-tố nhân công :* Nhân công ở Úc rất ít, phần nhiều là người da-trắng, nhưng vì các nông-trại được cơ-giới-hóa nên vấn-đề nhân công không mấy quan-trọng. *Yếu-tố kỹ-thuật :* Nông-nghiệp ở Úc được cơ-giới-hóa và áp-dụng những phương-pháp khoa học, nên năng-suất rất cao.

**B— CÁC NÔNG SẢN CHÍNH :** *Lúa mì :* 72 triệu tạ, trồng nhiều ở các tiểu bang Tân Nam Wales, Nam Úc, Tây Úc, Queensland và Victoria. *Lúa mạch :* hơn 10 triệu tạ, trồng nhiều ở miền duyên-hải Tây-Nam, ở Tiểu-bang Victoria và Tân Nam Wales. *Lúa gạo :* trồng trên miền lưu-vực sông Murrumbidgee. *Mía :* trồng nhiều ở bình nguyên Đông-Bắc. Số lượng đường sản-xuất lên tới gần 1.500.000 tấn. Ngoài ra Úc còn trồng nhiều hoa quả (nhỏ, cam...) bắp, bông, thuốc lá. *Chăn nuôi :* rất quan trọng : — Bò : 16 triệu con. — Cừu : hơn 155 triệu con. — Lợn, gà, ngựa. — Bơ và sữa đặc là hai sản-phẩm quan trọng của Úc (58 triệu hectolit sữa, 162.000 tấn bơ). — Len cũng là nguồn lợi tức lớn của Úc : Mỗi năm Anh mua tới 37% ; Bỉ và Pháp mỗi nước mua tới 18% số len xuất-cảng của Úc (mỗi con cừu cho 25 ký len một năm).

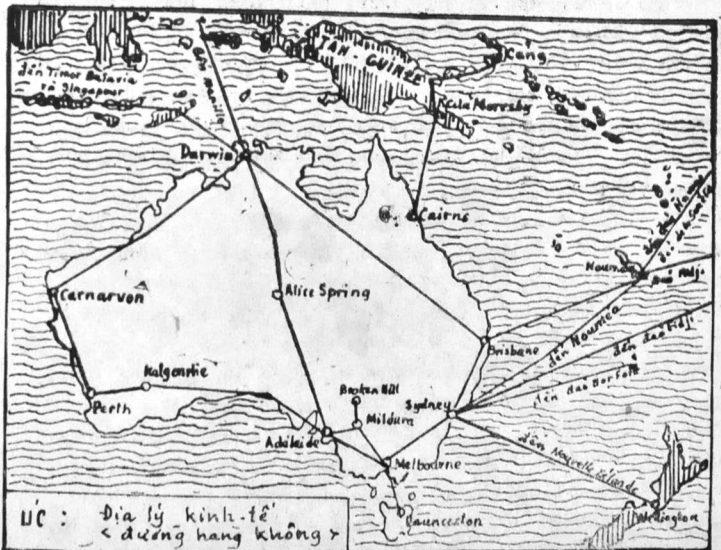
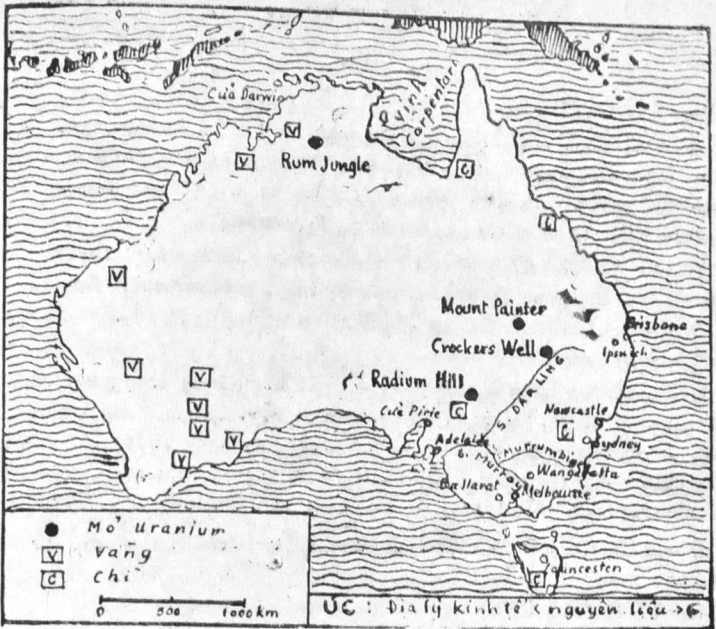
## III.— KỸ-NGHỆ

**A— ĐẶC ĐIỂM CỦA KỸ-NGHỆ ÚC :** *Yếu-tố thiên nhiên :* — Úc có nhiều mỏ than, các mỏ kim khí quý (vàng, Uranium), chì, kẽm... — Nhưng Úc ở hẻo lánh, khó liên lạc với các quốc-gia ở Bắc bán cầu. *Yếu-tố tư-bản :* Hiện thời nhiều nhà tư-bản Anh và Hoa-kỳ bỏ vốn kinh-doanh cho ngành kỹ-nghệ tại Úc. *Yếu-tố*

*nhân-công* : — Nhân-công Úc lại đòi lương cao. Bởi thế nên hàng của Úc đắt hơn hàng của các nước khác. — Chính-phủ đã tìm cách khuyến khích người Anh và Ý nhập cư Úc để tăng gia nhân-số về nhân công, nhưng lại bị liên-đoàn Công-nhân phản đối nên không đi tới đâu. *Yếu-tố kỹ-thuật* : Hiện nay Úc áp-dụng tất cả những phương-pháp kỹ-thuật tối tân vào kỹ-nghệ, nhất là Úc lại thừa hưởng truyền thống kỹ-nghệ Anh, nên nền kỹ-nghệ mau tiến bộ.

**B— CÁC KHOÁNG SẢN VÀ NĂNG-LƯỢNG CHÍNH** : — *Than đá* : — Năm 1960 Úc sản-xuất 23 triệu tấn than đá và 15 triệu tấn than bùn. — Các mỏ quan trọng là Newcastle (ở New South Wales), và ở Tây Úc, Nam Úc. Mỏ than bùn ở Victoria. *Dầu hỏa* : không có nhiều. Người ta mới tìm được vài mỏ ở miền duyên-hải Tây Úc. *Điện lực* : 26 tỷ kwh, trong đó có 24 tỷ do nhiệt-điện 2 tỷ do thủy-điện. *Kim khí* : — Vàng mức sản-xuất trước kia đứng đầu thế-giới, Nay nhiều mỏ đã cạn (các mỏ tại Victoria) Còn các mỏ ở Tây Úc lại rất tốn kém vì phải chở nước từ 600km tới — Uranium : khai khẩn gần Darwin và Adélaide. Sắt : có ít Úc phải nhập-cảng sắt. Úc có nhiều mỏ chì và kẽm ở Queensland, ở Tân Nam Wales ; mỏ bauxite ở Tasmanie ; và mỏ đồng, mỏ mangan.

**C— NỀN KỸ-NGHỆ ÚC** : *Kỹ-nghệ luyện kim* : — Kỹ-nghệ này đã có từ thế-chiến thứ II, kỹ-nghệ này mới phát-triển mạnh. Mỗi năm Úc sản-xuất : *Thép* : gần 4 triệu tấn. *Gang* : 3 triệu tấn. *Kỹ-nghệ cơ-khí* : — Tiến rất mau kể từ lúc khởi đầu thế chiến II (1939). Kỹ-nghệ cơ-khí gồm : kỹ-nghệ đóng tàu, chế-tạo phi-cơ, nông-cụ, xe-hơi, vũ khí, máy điện... *Kỹ-nghệ hóa-học* : Úc có xưởng chế tạo đồ bằng plastic, acit Sulfuric, chlorhydric, phân hóa-học. *Kỹ-nghệ dệt* — Kỹ-nghệ dệt len của Úc quan trọng hơn cả vì Úc nuôi nhiều cừu. Hàng năm Úc sản-xuất tới gần 23.000 tấn sợi len. — Mới đây Úc bắt đầu thiết lập xưởng máy dệt vải bông. Mức sản-xuất không đáng kể. *Các kỹ-nghệ khác* : — *Kỹ-nghệ thực phẩm* : Úc có nhà máy làm đường, làm rượu vang, la-ve và đóng hộp thịt, cá hoa quả. — *Kỹ-nghệ thuộc da* : rất quan trọng — *Kỹ-nghệ nguyên-tử* : Úc có nhiều trung-tâm sưu tầm và nghiên-cứu nguyên-tử-năng, kỹ-nghệ này có thể phát-triển mạnh trong tương-lai.



#### IV— GIAO THÔNG

**A— ĐƯỜNG THỦY :** — Sông ngòi ở Úc ít không thuận-lợi cho việc giao-thông.. — Việc giao-thông hàng hải phần lớn do thương thuyền Anh đảm nhiệm. — Các hải-cảng lớn : *Melbourne, Sydney Adélaïhe, New Castle, Brisbane, Freemantle.*

**B— ĐƯỜNG SẮT :** 50.000 km. Úc có 2 đường sắt xuyên lục địa là : — Brisbane đi Perth, qua Sydney, Melbourne, Adélaïde. — Melbourne đi Port Darwin, đến Alice Springs. Tuy vậy đường sắt ở Úc vẫn còn thiếu nhiều.

**C— ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG :** — Rất hoạt-động trong nội địa, nối liền các đô-thị lớn bằng nhiều chuyến bay. Các máy loại avion taxi được dùng tới nhiều. — Úc có 2 công-ty hàng-không lớn : một của chính-phủ (*Australian National Air Lines*) và một của tư-nhân (*Trans-Australia Air Lines*). — Phi-cảng lớn : Sydney, Port Darwin.

**D— ĐƯỜNG BỘ :** dài 800.000 km, xe hơi chỉ sử dụng được 200.000 km.

#### V.— THƯƠNG MẠI

— Úc là một nước mới, đang phát triển mạnh về nông-nghiệp và kỹ-nghệ, nên thương-mại rất phồn thịnh : *Úc xuất-cảng* : len, thịt, sữa và phó sản, trái cây (khô hay đóng hộp), lúa mì, rượu vang, đường, mía, chì, kẽm. — *Úc nhập-cảng* : các dụng-cụ trang-bị dầu hỏa, các chế-tạo-phẩm. Úc buôn bán nhiều với Anh, Hoa-kỳ, Ấn-độ, Tích-lan, Mã-lai, Trung-hoa. Cán cân ngoại thương của Úc thường thặng dư.



# MỤC - LỤC

## PHẦN I : VIỆT-SỬ

<i>Chương I : Việt Nam dưới ách nô lệ của Pháp</i>	7
Tiết 1 : Cách thi hành Hòa ước 1884	9
Tiết 2 : Chính sách của Pháp ở Việt Nam	13
<i>Chương II : Các cuộc tranh đấu chống Pháp</i>	33
Tiết 1 : Phong trào Cần Vương và Văn Thân	35
Tiết 2 : Phong trào Duy Tân và Đông Du	53
Tiết 3 : Những cuộc bạo động và khởi nghĩa sau khi Đông kinh Nghĩa thực tan rã	69
Tiết 4 : Nguyễn Thái Học với Việt Nam Quốc Dân Đảng	79
<i>Chương III : Xã hội Việt Nam dưới thời l hấp thuộc</i>	87
<i>Chương IV : Việt Nam trong kỳ đại chiến thứ II</i>	97
Tiết 1 : Tình hình chung ở VN trong cuộc đại chiến thứ II (1939-1945)	99
Tiết 2 Nhật lập căn cứ ở Đông Dương	103
Tiết 3 : Cuộc đảo chánh 9-3-1945 và nền độc lập của VN dưới thời Nhật thuộc	107
<i>Chương V : Cao trào tranh thủ độc lập và thống nhất</i>	112
Tiết 1 : Tình hình Việt Nam thời độc lập	113
Tiết 2 : Chiến tranh Việt-Pháp	119

## PHẦN II : THẾ-GIỚI-SỬ

<i>Chương I : Trung Hoa từ cuộc cách mạng Tân Hợi (1911)</i>	133
Tiết 1 : Cuộc cách mạng Tân Hợi (1911)	135
Tiết 2 : Trung Hoa Dân Quốc	145
<i>Chương II : Nhật Bản sau thời Minh Trị</i>	
<i>Sự bành trướng đế quốc Nhật</i>	153
Tiết 1 : Nước Nhật sau thời Minh Trị tới năm 1945	155
Tiết 2 : Sự bành trướng đế quốc Nhật	159
Tiết 3 : Nước Nhật từ 1945 tới nay	163
<i>Chương III : Ấn Độ : phong trào tranh đấu giành độc lập</i>	167
Tiết 1 : Ấn Độ dưới thời Anh thuộc	169
Tiết 2 : Phong trào tranh đấu giành độc lập của Ấn Độ từ 1914-1947	171
Tiết 3 : Ấn Độ độc lập	175
<i>Chương IV : Thế giới đại chiến thứ nhất (1914-1918)</i>	177
Tiết 1 : Nguyên nhân thế chiến thứ I	179
Tiết 2 : Sơ lược thế chiến thứ I	182
Tiết 3 : Hậu quả thế chiến thứ I	187

<i>Chương V : Sơ lược các cường quốc giữa 2 cuộc thế chiến</i>	193
Tiết 1 : Những khó khăn của Anh, Pháp và Hoa Kỳ	195
Tiết 2 : Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1939)	206
Tiết 3 : Các chế độ độc tài	209
<i>Chương VI : Thế chiến thứ II (1939-1945)</i>	223
Tiết 1 : Nguyên nhân thế chiến thứ II	224
Tiết 2 : Sơ lược thế chiến thứ II	228
Tiết 3 : Hậu quả thế chiến thứ II	233
<i>Chương VII : Sự giải phóng các dân tộc bị trị</i>	237
<i>Chương VIII : Nền văn minh hiện tại :</i> <i>tính chất chung, khoa học, triết học, văn nghệ</i>	243

### **PHẦN III : ĐỊA-LÝ**

(các cường quốc kinh tế)

<i>Chương I : Hoà Kỳ</i>	3
<i>Chương II : Nước Anh</i>	19
<i>Chương III : Nước Pháp</i>	31
<i>Chương VI : Nước Nga</i>	43
<i>Chương V : Nước Đức</i>	56
<i>Chương VI : Nước Nhật</i>	65
<i>Chương VII : Trung Hoa</i>	74
<i>Chương VIII : Ấn Độ</i>	87
<i>Chương IX : Nước Úc</i>	98